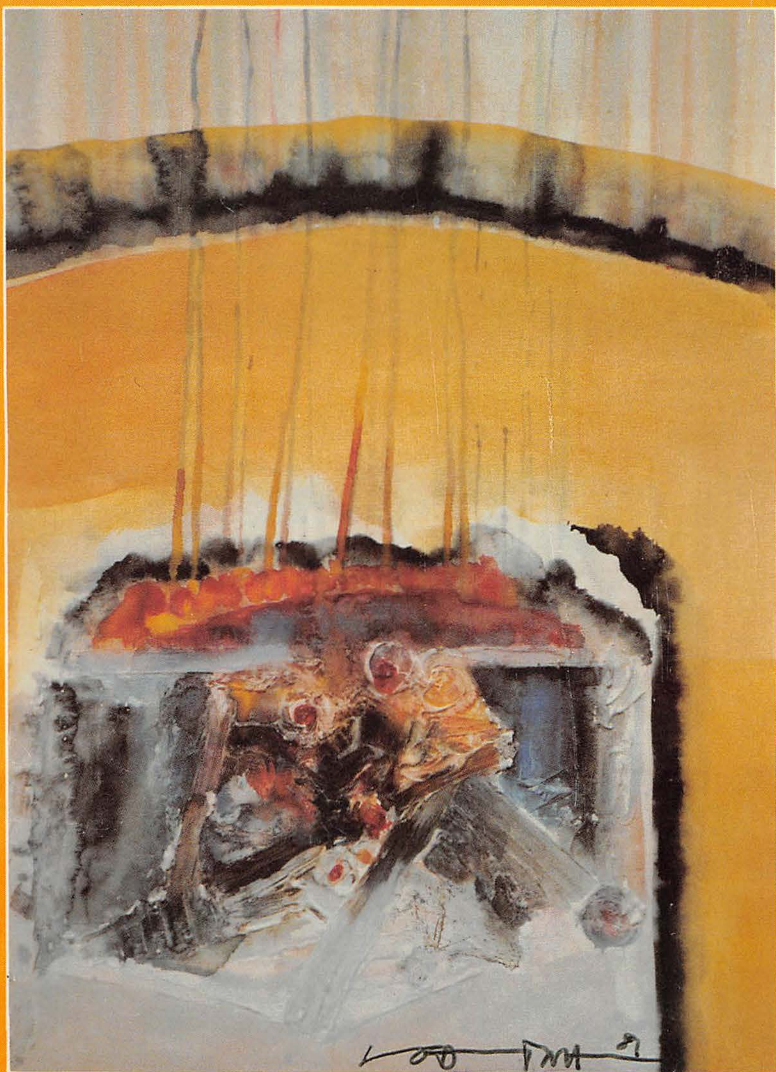
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

XUÂN NHÂM THÂN



số 3 tháng 2/1992



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA. (714) 537-2468

Đại diện tại Âu Châu:
Mrs. Lê Tất Luyện. 15 Place Souham, 75013 Paris, France.
Phone: 45.83.19.12

Phát hành hai tháng một kỳ • Số 3 tháng 2 năm 1992



TRONG SỐ NÀY:

Nhận định, biên khảo, lý luận, phỏng vấn, đọc sách:

Đặng Tiến, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Bùi Vĩnh Phúc, Trương Vũ, Chân Phương, Huỳnh Hữu Ủy, Lê Uyên Phương, Khánh Trường...

Sáng tác, dịch thuật:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phạm Việt Cường, Nam Dao, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Tôn Nhan, Thường Quán, Phan Thị Trọng Tuyến, Bùi Giáng, Federico Garcia Lorca, Nguyễn Đăng Thường, Vũ Quỳnh N.H., Phạm Thiên Thư, Phạm Thị Ngọc Liên, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyên Thi, Nguyễn Bắc Sơn, Bùi Bích Hà, Vũ Thùy Hạnh, Trịnh Y Thư, Lê Giang Trần, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh., Khế Iêm, Triều Hoa Đại, Hoàng Cầm, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Lý...

Các mục thường xuyên:

Giới thiệu sách mới, thư tín



Tranh bìa: Than Hồng Trên Tuyết, Võ Đình (Màu nước, 18" X 24", 1981).
Tranh đen trắng: Nguyễn Trọng Khôi, La Toàn Vinh, Đinh Cường.



La Toàn Vinh
Sans nom,Séigraphie, 60X50cm

HỢP LƯU

KÍNH CHÚC QUÝ VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ, THÂN CHỦ
MỘT NĂM MỚI AN KHANG, THỊNH VƯỢNG





thư toà soạn

Vượt qua dư luận xôn xao buổi đầu, vượt qua nhiều trở ngại đến từ mọi phía, Hợp Lưu đã đều đặn góp mặt đúng hạn kỳ, với nội dung cũng như hình thức mỗi ngày một hoàn chỉnh. Thành tựu đó hoàn toàn do sự quan tâm, ưu ái, hỗ trợ của văn hữu, bạn đọc dành cho tờ báo.

Hợp Lưu số 3 phát hành đúng vào thời điểm chuyển tiếp giữa cái cũ và cái mới. Cũ - mới của tuần hoàn vũ trụ, đã đành, còn là chuyển tiếp giữa cũ và mới trong tâm tư mỗi người Việt Nam chúng ta. Sau mười bảy năm kể từ tháng tư 1975; sau bao nhiêu biến động bất ngờ và ngoạn mục của tình hình thế giới, hơn lúc nào hết, những người làm văn học, nghệ thuật, vốn nhạy cảm hơn người bình thường, phải nhận lãnh trách nhiệm tiền phong - trong giới hạn khả hữu của mình - hầu cùng với mọi người góp phần hàn gắn những đổ vỡ, những thương tích, những hận thù còn dai dẳng mãi đến hôm nay, do sai lầm của một chế độ, do tầm nhìn hạn hẹp và thiếu bao dung của chúng ta, tạo nên. Trách nhiệm đó, anh em chủ trương tập san Hợp Lưu đang làm. Hẳn, qua ba số báo, bạn đọc đã cảm nhận được. Có thể còn nhiều khó khăn, nhưng dựa vào hồi âm của hầu hết văn hữu và bạn đọc tiến bộ - nhất là lớp trẻ trên dưới ba mươi, những người không bị ràng buộc bởi quá khứ, lớn lên tại các xứ sở tự do, nên tầm nhìn có bao dung và khách quan hơn - chúng tôi lạc quan tin

rằng, trong một tương lai không xa, Hợp Lưu sẽ là diễn đàn tốt để những trái tim Việt Nam cùng hòa chung nhịp đập.

Hợp Lưu số này đặc biệt giới thiệu với bạn đọc những sáng tác của các cây bút nữ trong nước: Phạm Thị Hoài, Phạm Thị Ngọc Liên, Phạm Thanh Hà, Phạm Thị Quý, Giáng Vân... Và ngoài nước: Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Vũ Thùy Hạnh, Phan Thị Trọng Tuyến, Vũ Quỳnh N.H., Nguyên Thi, Bùi Bích Hà, Trân Sa... Trong vài thập niêm qua, cùng với phong trào giải phóng phụ nữ xảy ra trên mọi lục địa, sự bung nở của văn chương nữ giới là một hiện tượng mạnh mẽ không thể phủ nhận. Riêng Việt nam, hiện tượng này càng rõ nét. Tuy xuất hiện muộn màng (so với nam giới) nhưng các cây bút nữ của chúng ta đã nhanh chóng chứng tỏ một bản lĩnh vượt trội, sâu sắc, mới lạ, và trải rộng khắp mọi lãnh vực. Từ phê bình, biên khảo, lý luận đến sáng tác thơ truyện. Những bài viết độc giả sẽ đọc ở các trang trong là một bằng chứng hùng hồn. Chúng tôi hy vọng sẽ có đủ điều kiện để thực hiện một số đặc biệt, đầy đủ và đa dạng hơn, về dòng văn chương nữ giới Việt Nam đương đại, trong tương lai.

Ngoài ra, cũng trong số này, Hợp Lưu hân hạnh giới thiệu đến độc giả những sáng tác, biên khảo, dịch thuật, phỏng vấn... của các cây bút phái nam quen thuộc trong nước: Nguyễn Tôn Nhan, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Bắc Sơn, Hoàng Cầm, Chu Hoạch, ... Và ngoài nước: Đặng Tiến, Phạm Việt Cường, Thường Quán, Nguyễn Đăng Thường, Khế Iêm, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Giang Trần, Chân Phương, Trịnh Y Thư, Triều Hoa Đại, Nguyễn Hoàng Nam, Huỳnh Hữu Ủy, Đỗ Kh., Khánh Trường, Lê Uyên Phương, Hoàng Xuân Sơn, Bùi Vĩnh Phúc, Trương Vũ, Nguyễn Lý, Nam Dao...

Cuối cùng, ban chủ trương trân trọng gởi đến mỗi quý vị, nói riêng, và Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam của chúng ta, nói chung, những lời chúc thâm tình, tốt đẹp nhất, nhân dịp một năm mới sắp đến.

HỢP LƯU



BÙI VĨNH PHÚC

nghĩ về huyền thoại "ghetto" và vài vấn đề liên hệ trong nền văn học việt ngoài nước.

LTS: *Sau ba bài viết: "Góp Ý Về Một Cách Nhìn" của Nguyễn mộng Giác (Văn Học xuân Tân Mùi, 1991); "Đập Vỡ Cái Ghetto" của Thụy Khuê (Thế Kỷ 21, tháng 9, 1991) và Những Vòng Tường Ghetto" của Trần Vũ (Hợp Lưu số 2, tháng 12, 1991), đến nay, vấn đề vẫn còn được giới cầm bút quan tâm thảo luận. Trong tinh thần tôn trọng những tiếng nói nghiêm chỉnh và xây dựng, Hợp Lưu số này trân trọng giới thiệu với bạn đọc hai bài viết của nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc và Trương Vũ, liên quan đến vấn đề đã được ba nhà văn Nguyễn mộng Giác, Thụy Khuê và Trần Vũ từng nêu ra.*

Tuy hai người đã nhìn vấn đề dưới hai góc độ khác nhau, nhưng tựu chung, cũng cùng hướng về một mục đích như nhau: thiết tha mong muốn cho nền văn học ngoài nước nói riêng, và Việt Nam, nói chung, có được một tương lai tươi sáng và tốt đẹp hơn.

Đó là thiện ý của người viết, và cũng là ước mong của Hợp Lưu cũng như của những độc giả tiến bộ khác.

1.

Trước hết, có lẽ ta nên xác định ý nghĩa của từ "huyền thoại", và cách nó được sử dụng trong bài này, để những bàn luận của ta đi được

vào những điểm mà ta muốn nhắm tới. Ngoài ra, có xác định và giới hạn ý nghĩa của từ này, có làm sáng rõ cách sử dụng nó trong bài, ta mới tránh khỏi phải sa lầy vào những bàn luận vô ích đi ra ngoài mục tiêu của bài viết này, những điều có thể xảy ra về sau, nếu ta không xác định một vài điểm cần thiết ở đây.

Huyền thoại, trước hết, nếu là một câu chuyện được một đầu óc thông minh nào đó dựng nên, và, sau đó, có thể được sự đóng góp và làm cho dầy, làm cho có nhiều vòng hơn, làm cho phong phú hơn bởi một tập thể người (thường có liên hệ đến huyền thoại ấy), có mục đích chính là để giải thích, tháo gỡ những bí ẩn, những bí nhiệm về nguồn gốc của tập thể người đó. Cũng có thể *huyền thoại* được dùng để giải thích, soi chiếu ánh sáng vào những chỗ tối, chỗ mờ, chỗ đục của những khía cạnh văn hóa của một tập thể người hay của một dân tộc. Con người tiền sử, và cả con người đời nay nữa, thích kể truyện. Và trong những câu truyện mà họ kể, nếu tinh mắt hay nếu lắng tai nghe kỹ, ta có thể nhìn ra hay tháo ra được những khúc, những mắt, những đơn vị làm thành cái cơ cấu nổi, dựng nên những câu chuyện kể. Từ cái cơ cấu nổi của những mắt, những khúc, những đơn vị ấy, người ta có thể đi vào mạch ngầm để phá vỡ cái mật mã bao phủ cái cơ cấu này, từ đó, tìm ra được cái phần chìm, cái phần bị che đi, bị mờ, bị tối do sự bao phủ của thời gian trên dòng phát triển của đời sống, hoặc do sự bao phủ của vô minh trên cái hiểu, cái sống, cái biết của con người.

Ấy là ý nghĩa của những *huyền thoại* thời cổ.

Nhưng không phải con người chỉ có những huyền thoại để lại từ thời tiền sử. Con người là một sinh vật luôn tìm cách giải thích đời sống quanh nó. Đặc tính này của con người và khả năng lý giải đời sống của nó đã giúp cho con người đạt được những bước tiến vĩ đại. Pascal bảo đại khái rằng con người là một cây sậy, mỏng manh, yếu đuối so với tất cả các sinh vật khác, nhưng nó là cây sậy có tư tưởng. Chính vì có tư tưởng, có suy nghĩ, luôn tìm cách lý giải và khám phá mọi vật quanh mình, con người vẫn luôn tiếp tục tạo ra những huyền thoại mới như một số nhà xã hội và nhân chủng học đã giải thích. Sự khám phá và lý giải độc đáo nhất về mặt văn hóa qua những huyền thoại đời mới có lẽ được tìm thấy trong các cuốn *Huyền Thoại Học* (Mythologies) của Roland Barthes, *Cái Sống*

Và Cái Chín (Le Cru Et Le Cuit) và *Nhiệt Đới Buồn* (Tristes Tropiques) của Claude Levi-Strauss.

Một hiện tượng văn hóa đặc thù, nếu nó được sự chú ý của nhiều người, hay nếu nó là một vấn đề cốt lõi của một giai đoạn sống của một tập thể người, có thể được phân tích, lý giải từ những góc độ khác nhau tùy theo cái nhận thức, cái cảm, cái biết, cái chỗ đứng để nhìn hiện tượng đó của người làm công việc lý giải. Một người thiện chí, hay một người có tinh thần lý luận, hay một người, vì một cảm thức, một khuynh hướng hay một ý hệ nào đó của riêng mình, có thể đưa ra những phân tích, những lập luận, những lý giải để biện minh cho cái nhãn quan của mình, để trình bày cái nhận thức của mình có về một đặc sự hay một hiện tượng nào đó của xã hội, khi những hiện tượng hay những đặc sự này không thuộc lãnh vực khoa học (đặc biệt là khoa học thực nghiệm), hoặc không thể kiểm chứng với những thí nghiệm khoa học một cách rõ ràng.

Một người thiện chí, có óc suy nghĩ và phân tích, có thể đưa ra một giả thiết nào đó để giải thích một hiện tượng xã hội hay văn học trong đó anh ta đang sống. Anh ta cũng có tự do để lý giải những hiện tượng văn hóa của quá khứ trong đó anh ta không từng có mặt. Nhưng anh ta, như một phần tử của nhân loại, một chủng tử của con người nói chung, qua dòng thời gian trôi chảy không đứt đoạn từ thời tạo thiên lập địa cho đến bây giờ và mãi mãi sau này khi quả đất còn hơi ấm mặt trời để những hạt giống người và những hậu duệ, những thành quả của nó còn tiếp tục sinh sống và triển nở, anh ta có quyền lý giải về những hiện tượng xã hội, những hiện tượng con người trong quá khứ. Anh ta cũng còn có thể bước vào cõi thời gian vô cùng trước mặt để nói về, để tiên đoán và giải thích những hiện tượng con người, về cách sống - chết - làm - việc - yêu - thương - giải - trí - chơi - bời - giao - tiếp của nó. Chuyện này Alvin Toffler đã làm với những cuốn *Sự Kinh Động Khi Chạm Mặt Tương Lai* (Future Shock) và *Làn Sóng Thứ Ba* (The Third Wave).

Thử lấy một thí dụ về huyền thoại thời mới trong lịch sử. Hãy nói về cuộc cách mạng Pháp. Claude Levi-Strauss, ông tổ của phái nhân học cơ cấu, đã hỏi J.P. Sartre, ông tổ của chủ thuyết duy hiện sinh thời mới, tác giả của *Phê Bình Lý Trí Biện Chứng*: "Nếu không có một huyền thoại cách mạng Pháp, thì có cách mạng Pháp hay không?" Câu hỏi gây nên

một cuộc tranh luận gay go và sôi nổi về vấn đề lịch sử và sử quan giữa hai nhà tư tưởng lớn của thế kỷ hai mươi.

Chúng ta đều biết là chẳng phải chỉ có một huyền thoại về cuộc cách mạng Pháp. Có nhiều. Nhiều lắm. Mỗi một huyền thoại là một cách giải thích của một người hay một nhóm người, với thiện chí, với lòng tin, và nhiều khi, với một hệ ý thức mà con người hoặc nhóm người ấy yêu mê hay bị chi phối. Danton, Robespierre, Marat, Saint Just, nhìn từ nhãn quan của những người cộng hòa, xã hội chủ nghĩa, tôn giáo cố chấp, hay cộng sản, có những khuôn mặt khác nhau. Tâm hồn và nhân cách của những nhân vật lịch sử này cũng khác khi được soi chiếu từ những ánh đèn đến những vị trí và những góc độ khác nhau ấy. Nhân loại chỉ có một cuộc cách mạng Pháp 1789. Nhưng con người, đặc biệt là con người Pháp, từ cách mạng đến nay, đã có cho mình những cuộc cách mạng 1789 khác nhau. Những cuộc cách mạng đó bùng nổ ra không từ trong cuộc đời trần trụi với những khổ đau chan đẫm máu và nước mắt của con người, nhưng từ trong những huyền thoại dày đặc những vòng, những lớp lịch sử đan chòng chéo vào nhau.

Nếu có một nhà tư tưởng nào đó nói rằng *lịch sử, văn hóa* làm nên con người, thì ta cũng có thể nói rằng chính *huyền thoại* làm nên cái lịch sử và cái văn hóa đó.

Roland Barthes đã giải thích đời sống hiện đại của con người trong thế kỷ này với những lề thói "văn minh" của nó bằng những huyền thoại. Chúng ta thấy là những huyền thoại thời mới này cũng chẳng khác gì các huyền thoại thời cổ. Chúng giải thích những hiện tượng văn hóa, xã hội của con người bằng cách tháo gỡ những hiện tượng đó như một toàn khối, để cho lộ ra những đơn vị nhỏ, rồi nhỏ hơn, nhỏ hơn nữa..., cho người ta thấy những lớp, những vòng, những khoen, những mắt xích chằng chịt gắn bó vào nhau trong cái cơ cấu nổi của những hiện tượng kia. Sau khi tháo gỡ, tìm ra được những mật mã, người ta lại lắp ráp chúng lại. Bấy giờ, nhìn xuyên qua mặt nổi, người ta bắt đầu thấy một cách hết sức rõ cái mặt chìm của những hiện tượng con người.

Huyền thoại giúp ta hiểu rõ đời sống hơn nếu chúng ta biết tách một khối hiện tượng ra thành những đơn vị nhỏ và, nhất là, nếu ta biết cách tách sao cho đúng, hay chỉnh hơn, cho hợp lý và khả tín. Huyền thoại sẽ làm con người có một nhận thức sai chệch về hiện tượng cùng nguồn gốc

và bản chất thực của nó nếu người khai giải không đạt được hai điều kiện vừa nói. Đó là chúng ta nói về những người khai giải thiện chí. Nếu người khai giải này, vì những điều kiện tâm-sinh-lý riêng của người ấy, hoặc vì những điều kiện vật lý bao bọc quanh người ấy trong suốt thời gian người ấy được sinh ra, lớn lên, làm việc, yêu thương, sống - chết trong những cuộc lữ của đời, có một cảm thức sai chệch về sự kiện ngay khi bắt tay vào việc tháo gỡ lá "bùa thiêng yểm cổ mộ", người ấy sẽ chỉ làm cho hiện tượng càng lúc càng trở nên *dầy, đặc, kín* và *chặt* hơn.

Mà cố gắng của sự khai giải là làm sao cho khối hiện tượng mà ta khảo sát trở nên *mỏng, xốp, mở* và *lơi ra*.

Một huyền thoại thời mới cũng có thể được tạo thành từ sự cố gắng giải thích một hiện tượng xã hội, văn hóa hay lịch sử của một người thiện chí, muốn tháo gỡ những lớp sương mù che mất đi sự như thực, sự trong sáng của hiện tượng ấy. Nỗ lực này có thể bao gồm những yếu tố tích cực, và cũng có thể còn chứa đựng những phần tối, mờ, hay chưa đúng, chưa xác, chưa chính. Khi những phần tồn tại này đang cần được làm cho chính lại để cho hiện tượng đạt được *tính trong thấu* hơn thì lại có những nỗ lực khác dự vào. Những nỗ lực này cũng có những phần tích cực và tiêu cực như nỗ lực khởi đầu. Nhưng nếu phần tiêu cực, phần tồn tại của những nỗ lực này dầy hơn phần tích cực của chúng, thì sự tháo gỡ khối hiện tượng bắt đầu có sự *nhiễu lệch*. Qua dòng thời gian, sự *nhiễu lệch* này, do những nỗ lực tiếp nối nhau, qua một số chu kỳ nào đó, sẽ trở thành lớn đủ để làm cho khối hiện tượng nguyên thủy biến dạng hoàn toàn. Một huyền thoại đã thành hình. Huyền thoại được xây dựng trong hoàn cảnh này sẽ không giúp con người đi vào thực tại như nó vốn là. Nó bóp thực tại ra thành những dạng kỳ dị khiến chúng ta khó, hoặc không thể, nhận diện được nữa. Nó là một sự nhiễu loạn về hình tướng của hiện tượng, của thực tại. Muốn tháo gỡ và trả lại cho hiện tượng cái chân diện mục của nó, người ta sẽ phải tốn nhiều công sức, vì bây giờ, hiện tượng đã phơi bày trước mắt nhìn con người như là *như thực*, như là *chân như*, trong khi thật sự, nó đã biến dạng. Nó đã mang một hình thức khác.

Có những huyền thoại thời mới về gánh nặng kinh tế của người tị nạn Việt Nam trên đôi vai gầy yếu của xã hội Mỹ. Có những huyền thoại về sự ngược đãi của người Việt Nam đối với con cái khi người Mỹ thấy những vết bầm do việc cạo gió, đánh gió trên cổ hoặc trên lưng học sinh

Việt. Có những huyền thoại cho rằng tất cả học sinh, sinh viên Việt Nam đều là những học sinh, sinh viên xuất sắc và không cần sự trợ giúp của chính phủ hay nền giáo dục Mỹ. Có những huyền thoại... Và chúng ta, có lẽ mỗi người, trong những hoàn cảnh và những vị thế riêng của mình, đều có thể nhớ là chúng ta đã phải cố gắng ra sao để tháo gỡ những huyền thoại sai lầm đó và cho người bản xứ nhìn lại được sự *như thực* của những hiện tượng, mà những cố gắng giải thích của họ, chồng chất lên nhau, qua nhiều người hay nhiều nhóm người, với sự thiếu hiểu biết do khác biệt về văn hóa hay do những định kiến, những mắt nhìn hẹp hòi, đã tạo thành.

Dù sao, huyền thoại làm nên con người. Huyền thoại là phương cách để con người giải thích nó cho chính nó. Xây dựng huyền thoại là một trong những sinh hoạt tinh thần của con người. Từ những huyền thoại trong dạng sơ giản nhất của chúng như suy đoán của chúng ta về những hành động, thái độ hay lời nói mà ta chưa hiểu rõ của một người nào đó cho đến những dạng phức tạp nhất như tìm cách giải thích, khai mật cái nguồn gốc, cái bản chất của một trào lưu lịch sử, một trào lưu xã hội, hay một trào lưu văn nghệ, những vận động và những đặc điểm của nó, huyền thoại làm cho con người nhìn thấy nhau. Nó cũng làm cho con người nhìn ra nhau. Và việc xây dựng hay khai giải huyền thoại là nhu cầu tinh thần tự nhiên của con người. Nó làm cho con người là nó và xứng đáng với chính nó.

Bây giờ, ta hãy nói về *huyền thoại "ghetto"* trong nền văn học Việt ngoài nước.

2.

Hình ảnh "ghetto" được sử dụng để nói về tình trạng của nền văn học Việt và lề lối sinh hoạt của nhà văn, nhà thơ Việt ngoài nước xuất hiện đầu tiên trong một bài tiểu luận ngắn gọn, có tính nhận định, dưới tựa đề *Góp Ý Về Một Cách Nhìn* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đăng trên nguyệt san *Văn Học* (số xuân Tân Mùi, 1991). Hình ảnh và ý niệm "ghetto" được chú mục và nghiên cứu, lý giải kỹ hơn nữa trong bài góp ý của Thụy Khuê với Nguyễn Mộng Giác đăng trên nguyệt san *Thế Kỷ 21* (số 29 tháng chín, 1991) mà toà soạn báo này cho đi dưới tựa đề *Đập Vỡ Cái Ghetto*. Gần đây nhất, hình ảnh và ý niệm *ghetto*, từ một mệnh đề có

tính nhận định ngắn gọn của Nguyễn Mộng Giác, được phóng lớn thành một chủ đề đầy tính tiêu cực để phân tích trong một bài viết của Trần Vũ trên tập san *Hợp Lưu* (số 2 tháng 12, 1991). Cả ba bài viết này (ngay cả bài của Trần Vũ với nhiều nhận xét tiêu cực và không chính đáng, hoặc thiếu bằng cứ, hoặc vô bằng về nền văn học Việt ngoài nước), ít hay nhiều, đều có được những đóng góp tích cực và cần thiết cho sinh hoạt văn học nghệ thuật của tập thể người Việt ngoài nước nói chung và cho sinh hoạt văn học, hiểu theo nghĩa hẹp của nó trong phạm vi sách báo, những sáng tác phẩm, cung cách, lề thói sinh hoạt cũng như thưởng ngoạn của cả người viết lẫn người đọc, nói riêng.

Dù sao, có một số điểm trong cả ba bài viết của Nguyễn Mộng Giác, Thụy Khuê, và Trần Vũ vẫn nên và cần được thảo luận và góp ý thêm để cho một số vấn đề được đặt ra trong những bài ấy được sáng tỏ hơn. Chỉ khi nào một nền văn học xác định được tính cách của mình và tự định hình qua những sáng tác phẩm của những người sống trong nền văn học đó, tự ý thức về hướng đi, hướng tới và những vận động của chính mình, nền văn học đó mới làm được tròn cái trách nhiệm cần thiết của nó. Chỉ khi đó, nó mới tự xứng đáng với chính nó và xứng đáng với vị trí của nó trong mắt nhìn bằng hữu và chia sẻ của những người sống trong một dòng văn học khác.

Tôi nhìn ba bài viết của Nguyễn Mộng Giác, Thụy Khuê, và Trần Vũ trong hướng vận động và tự ý thức của dòng văn học Việt ngoài nước. Và bài viết này của tôi cũng được suy nghĩ và viết ra trong tinh thần và ý hướng ấy.

Tôi gọi ý niệm và hình ảnh *ghetto* trong nền văn học Việt ngoài nước là một "huyền thoại" theo nghĩa mà tôi đã thử phân tích trong đoạn cuối của phần xác định ý nghĩa và giới hạn trong cách sử dụng từ này ở phần đầu bài.

Nguyễn Mộng Giác, trong bài viết của mình, đã đóng góp được rất nhiều điểm tích cực trong việc báo động cho tất cả chúng ta, những người đã và đang tham dự vào cái dòng sống, dòng sinh mệnh của nền văn học Việt ngoài nước, về một số mặt tiêu cực của sinh hoạt này. Những điều anh nhận xét về cung cách sinh hoạt văn nghệ thiếu dân chủ, những hành động chụp mũ thô bạo, những cuộc tranh luận hẹp hòi, khẩu độ thu hẹp của sự tiếp thu các trào lưu và những tinh hoa văn học

thế giới của nhiều người làm văn nghệ Việt Nam tại đây, mặc dù không hẳn là một hiện tượng phổ quát có tính cách toàn bộ, cũng đáng để cho chúng ta quan tâm. Trong tinh thần dân chủ và cầu tiến, chúng ta phải thực sự nhận rằng tất cả những mặt hết sức tiêu cực ấy, trong suốt quá trình phát triển của dòng văn học Việt ngoài nước, là những hiện tượng có thực. Chúng làm suy yếu và, có những khi, làm thui chột cái sức sống vươn tới của sinh hoạt văn học Việt ngoài nước. Không cần phải là một người ăn nằm và sống chết với cái nền văn học này, chỉ cần là một người sống trong một cộng đồng Việt, đặc biệt là những cộng đồng có một mật độ và sức hội tụ lớn, có dịp thỉnh thoảng cầm đọc một tờ báo, một tạp chí Việt - đặc biệt là tạp chí văn học hay văn chương - người đó cũng có thể nhận thấy điều này. Chúng ta đã chưa sinh hoạt một cách dân chủ trong phạm vi văn học. Nhiều người trong chúng ta vẫn còn bó người lại trong cái khung chật hẹp và mục nát của những phe, những cánh, những nhóm làm văn chương. Nhiều người trong chúng ta vẫn chưa thực sự hít thở và để cho người khác hít thở cái không khí trong lành và quí giá của tự do, của dân chủ. Trong khi người ở trong nước sống trong một bầu khí quyển tinh thần đầy chất độc của thán khí, nhiều người trong số ấy vẫn cố gắng tự tạo cho họ và tạo cho bạn bè, cho những người chung quanh, cho cả dân tộc mình những bầu dưỡng khí cần thiết cho cuộc sinh tồn, sinh tồn một cách xứng đáng, thì, ở ngoài nước, nhiều người trong chúng ta vẫn tiếp tục thổi mù lên bầu trời trong xanh của tự do, che khuất đi những cánh chim và những bóng cây dáng lá của đời sống mình.

Chính vì cái thực tại đáng buồn ấy mà chúng ta nên công nhận cái thiện chí của Nguyễn Mộng Giác và cám ơn anh đã lên tiếng báo động cho chúng ta về những nguy cơ vừa kể. Điều mà tôi muốn góp ý ở đây, là hai kết luận tương đối gọn ghẽ của Nguyễn mộng Giác (và càng lúc càng được làm cho gọn ghẽ hơn, đặc biệt qua bài viết của Trần Vũ) ở phần cuối bài của anh. Thuỵ Khuê, trong bài *Đập Vỡ Cái Ghetto*, đồng ý với các ý kiến của Nguyễn Mộng Giác, đã thử tóm lược bài viết của nhà văn này như sau:

... Nguyễn Mộng Giác nhận thấy tình hình văn học sau một thời gian phát triển mạnh những năm 85, 86, 87, bị chùn lại vì hai yếu tố chính:

1. Gặp sự thử thách của các tác phẩm trong nước gửi ra, những nhà văn

ngoài nước cảm thấy sự yếu kém của mình trước những tác phẩm hiện thực, phản ảnh xã hội một cách trung thành của những nhà văn trong nước.

2. Người viết ngoài nước thay vì mở rộng tầm nhìn, tận hưởng quyền tự do: được nghe những bài bình luận từ nhiều quan điểm khác nhau, được sống trong một môi trường có nhiều ưu thế hơn người viết trong nước, lại tự tạo cho mình một thứ ghetto, *đến nỗi quanh những cuộc tranh luận hẹp hòi, những hành động chụp mũ thô bạo... người ta thấy bộc lộ những quan điểm hẹp hòi thô thiển hơn cả thời Việt Nam Cộng Hòa trước 75. Từ đó đưa ra những tự ti hoặc tự tôn quá đáng... thu hẹp tầm nhìn của mình.* (Đập Vở Cái Ghetto, TK 21, tháng 9, 1991)

Phần tóm ý của Thụy Khuê có thể coi là một tóm lược khá đúng và đủ về bài của Nguyễn Mộng Giác. Thật sự, nếu có thể, ta vẫn nên xem trọn bài của Nguyễn Mộng Giác để hiểu thật đúng những suy nghĩ và phát biểu của anh. Ở đây, để tiện cho việc góp ý và trình bày, ta chấp nhận phần tóm lược của Thụy Khuê. Và trên căn bản chấp nhận sự tóm lược đó, tôi có vài suy nghĩ sau đây.

Thứ nhất, văn hóa, nói chung, và văn chương, văn học, nói riêng, không xuất phát hay tự thể hiện trong một khoảng chân không. Nó đâm chồi, nẩy mầm, mọc rễ và lớn lên trong một không gian văn hóa nào đó. Nó phát triển, hình thành và tự định hình trong một bầu khí quyển văn hóa, văn học riêng. Một cái cây có sống được hay không; nếu sống, có lớn mạnh hay không; nếu lớn mạnh, có cho trái ngọt hay không, cũng còn phải tùy vào phong thổ, vào khí hậu đất đai của từng vùng. Nói chi đến con người. Và nói chi đến cái văn học hay văn hóa của con người. Những nhà văn trong nước, lớn lên trong một bầu khí quyển tinh thần ở trong nước, phải tự chiến đấu để sống còn trong cái bầu khí rất nhiều hơi độc nhân tạo và áp đặt ấy, phải đối mặt với những thực tại xót xa, đau đớn hàng ngày, phải chảy máu rất nhiều lần trong đời, những người ấy dĩ nhiên cảm, có những nhu cầu đặc biệt để nói lên cái cảm hết sức cụ thể của mình trong hoàn cảnh sống ấy, chắc chắn, họ sẽ nói và viết ra những gì nhồi thúc và bóp nén cảm xúc họ.

Bây giờ, hãy thu gọn suy nghĩ và trình bày vào cảm thức và hành động riêng của mỗi một chúng ta. Trong những hoàn cảnh khác nhau của đời sống mỗi ngày, chắc chắn ở mỗi trường hợp khác biệt, ta cũng sẽ bật lên những tiếng nói hay phát lộ ra những cung cách cư xử khác biệt.

Ta không thể đòi hỏi những nhà văn, nhà thơ ngoài nước viết về những thực trạng quê hương *thật hay, thật sắc nét* và *thật bén nhọn* như những nhà văn giỏi trong nước. Bởi vì, ngược lại, ta cũng không thể đòi hỏi những nhà văn, cho dù là những nhà văn đang được coi là hàng đầu trong nước, viết cho *thật*, cho *hay*, cho *sắc*, cho *bén* về những kinh nghiệm sống ở ngoài quê hương mà họ không có. Đòi hỏi nào cũng không hợp lý và có vẻ bất công đối với đối tượng bị đòi hỏi. Đòi hỏi một con cá nước mặn phải bơi lội tung tăng khoan khoái và để lộ ra hết vẻ đẹp đẽ, dịu dàng, uyển chuyển của mình, trong khi nó bị bắt ra khỏi môi trường cần thiết và quen thuộc của nó để bị thả vào một vùng nước ngọt chẳng hạn, là một đòi hỏi quá đáng. Nếu không dè dặt và cẩn trọng trong đòi hỏi ấy của mình, ta có thể trở nên vô tình và vô tâm với hoàn cảnh sống và cảm xúc của người khác nữa.

Những nhà văn Việt Nam ngoài nước, ta có thể nói, may mắn được sống trong một bầu khí quyển tinh thần tương đối trong lành hơn nhiều so với những người viết văn trong nước. Dù sao, cái nhịp sống của những xã hội kỹ nghệ và thông tin này rất khác cái nhịp sống ở quê nhà. Những xã hội ở đây có cái cuốn, cái hút, cái xoáy, cái đẩy, cái kéo, cái quay... khác với những lực xoay chuyển của đời sống trong nước. Ở đây, một nhà văn cũng phải lo trăm chuyện trong cái lo kiếm sống hàng ngày. Cái lo ấy không thua cái lo cho cuộc sinh tồn của những người trong nước. Ngoài ra, anh ta còn bị giằng xé bởi bao nhiêu lực hấp dẫn, bao nhiêu lực hút và đẩy khác. Cái nhu cầu của anh ta về đời sống không chỉ xoay vào việc thiết tha tìm kiếm một cách để nói lên cái tiếng nói bị bóp nghẹn của mình. Cái cảm thức của anh ta về đời sống cũng thế, nó tản mạn và bị trăm thứ trăm việc chi phối. Dĩ nhiên, những điều này tạo nên một sức quán tính khiến anh ta không thể hăng say dùi mài những cảm xúc và suy nghĩ của mình vào một vấn đề thiết thân hoặc cháy nóng mãi trong lòng anh. Anh ta có nhiều cơ hội hơn những người ở nhà trong việc tìm biết và học hỏi thêm những điều mới, có lợi cho cái vốn viết của mình. Và nếu anh ta chịu đọc, chịu học, chịu tìm tòi và mở rộng cái khẩu độ tiếp cận của mình với đời sống, anh ta thường là sẽ thu thập được nhiều vốn sống hơn một người ở trong nước.

Mỗi một môi trường văn hoá sẽ gieo vào lòng ta những hạt mầm suy nghĩ, làm việc, sáng tạo khác nhau. Ta yêu và quí những nhà văn, nhà thơ

ở trong nước có thực tài và thực tâm như thế nào thì ta cũng nên có một tấm lòng trân trọng và quí yêu hơn hoặc như thế đối với những nhà văn có thực tài và thực tâm ở ngoài nước. Tôi vẫn hết sức hạnh phúc khi đọc Võ Phiến, Đỗ Quí Toàn, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Hưng Quốc, Võ Đình và một số nhà văn nhà thơ Việt Nam hiện đang sống rải rác đây đó ở bên ngoài đất nước. Ở trong nước, không ai viết được như họ đã đành; vì những kinh nghiệm sống - làm - người của những người trong nước và chúng ta khác nhau. Mà ngay ở ngoài nước này, cũng chẳng ai viết được như một số người mà tôi không thử kể tên dù rằng tôi cũng rất yêu thích. Và mỗi người tôi đã thử kể tên và không thử kể tên trên kia cũng không thể viết giống như một người nào khác trong cái tập hợp của hai nhóm người đó. Một điều giản dị là chúng ta không thể so sánh những cái khác nhau. Bởi lẽ, ta không có một mẫu số chung để giúp ta làm chuyện đó. Ta yêu và quí tất cả những nhà văn, nhà thơ viết hay, có thực tài và thực tâm. Ta không thể nói những nhà văn ngoài nước chùn tay, e ngại vì thấy rõ sự yếu kém (trong văn tài) của mình trước những nhà văn trong nước. Điều này tôi không nghĩ là đúng và cũng chẳng có gì là rõ rệt. Những nhà văn ở đây có thể yêu thích tác phẩm của một vài tác giả trong nước, một phần vì văn tài của các tác giả này, phần khác, là vì cái mới mà họ được tiếp xúc trong các tác phẩm ấy. Cái mới ở đây phần lớn hệ tại ở chỗ đề tài và chất giọng. Mà cái đề tài và chất giọng này phần lớn lại phát sinh từ cái bầu khí quyển văn hóa mà tôi đã có dịp nói đến. Tôi cũng sẽ không ngạc nhiên nếu có những nhà văn trong nước yêu quí và thấy được cái mới trong đề tài và chất giọng của một số nhà văn Việt ở đây. Còn việc nếu có một sự khựng lại trong sáng tác của những nhà văn ngoài nước, sự khựng lại đó có thể có những nguyên nhân khác rõ rệt hơn từ cái bầu khí quyển văn hóa mà những nhà văn của ta đang thả mình vào và từ những cảm thức của họ về đời sống và về cái không khí tinh thần mà họ hít thở mỗi ngày. Nếu cho những điều này là nguyên nhân của sự khựng lại, nếu có, thì tôi nghĩ là có thể có nhiều phần hợp lý hơn.

Thứ hai, suy nghĩ về cái *ghetto*. Tôi nghĩ, như đã viết ở một phần trên, tất cả những dấu hiệu tiêu cực mà nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã đề cập trong bài của ông liên hệ đến thái độ và cung cách sinh hoạt văn nghệ của (một số) chúng ta, đều là những báo động đúng và cần thiết. Tôi nghĩ mỗi chúng ta có lẽ cũng đã nhìn ra điều đó và, trong tinh thần cầu tiến, ta phải tìm cách sửa đổi. Một nền văn học cũng giống như một cái cây.

Nó cần được chăm bón, tu bổ, cắt xén những chỗ cần thiết để có sức vươn mạnh và thẳng và cao lên. Ta không thể tiếp tục thổi mù vào khoảng trời trước mặt trong khi vẫn lớn tiếng đòi hỏi hoặc rêu rao về một nền văn học tự do, nhân bản và khai phóng.

Điều tôi không đồng ý là hình ảnh *ghetto* được sử dụng trong phần kết bài của anh. Nguyễn Mộng Giác cho rằng chúng ta đã tự bịt tai bịt mắt và tự đóng kín trước những trào lưu tiến bộ của con người. Anh cho rằng chúng ta đã không chịu tìm tòi, cầu tiến trong vấn đề học hỏi để bắt kịp những biến đổi của một thế giới mới, trong đó có những biến đổi, những tiến bộ trong những trào lưu và tinh hoa văn học hiện đại, mà chỉ bó mình lại với nhau trong một khung trời nhỏ hẹp và tù túng.

Tôi hiểu thiện chí của Nguyễn Mộng Giác. Nhưng những lý do để anh dùng hình ảnh *ghetto* khi đề cập đến tình trạng trì trệ và còn nhiều chỗ tiêu cực trong sinh hoạt văn học của người Việt ngoài nước có những điều không ổn. Hơn nữa, cũng trong thiện chí đóng góp những suy nghĩ và trăn trở của mình để xây dựng một cộng đồng văn học Việt ngoài nước cho vững mạnh thêm, Thụy Khuê cũng dựa trên cái tiền đề có tính cách biểu tượng kia và tô đậm thêm một số những suy nghĩ trong việc đánh giá sự học hỏi, tài năng và nghệ thuật của những nhà văn, nhà thơ Việt ngoài nước. Song song với sự đánh giá này là sự so sánh văn tài, sức cảm thụ, óc suy nghĩ của những nhà văn Việt bên này và bên kia một bờ biển. Kết quả của sự đánh giá và so sánh này không làm tôi đồng ý. Cái tiền đề *ghetto*, sau đó, lại được tái sử dụng trong bài viết của Trần Vũ. Ngoài việc đào sâu vào một số khía cạnh của việc đánh giá và so sánh giữa những đối tượng vừa kể như Thụy Khuê đã làm, Trần Vũ còn xây dựng thêm những vòng tường *ghetto* với những nhận xét khác của anh về tính tiêu cực của nền văn học Việt ngoài nước. Tôi sẽ xin phép góp ý về một số những nhận xét của Trần Vũ ở phần cuối bài này. Ở đây, tôi chỉ muốn đưa ra một vài điểm vắn gọn để nói lên suy nghĩ của tôi về cách dùng hình ảnh *ghetto* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

1. *Ghetto*, gốc ở một số từ trong tiếng Ý mà một trong những từ đó, *borghetto*, có nghĩa là *một khu nhỏ*, là chữ dùng để chỉ các cộng đồng người Do Thái bị bắt phải sống bó vào nhau trong những khu riêng biệt suốt trong khoảng thời gian có thể nói là trên 400 năm (từ đầu thế kỷ thứ XVI - 1516 - đến giữa thế kỷ thứ XX) và chỉ thật sự chấm dứt cùng với

ngày tàn của chế độ Quốc Xã Đức. Vì tính chất tàn bạo của Nazi Đức trong chính sách đối với người Do Thái, từ *ghetto* thường được dùng nhiều để chỉ khung cảnh sống khốn khổ và bị tước mất tính người của các cộng đồng Do Thái dưới thời Đức Quốc Xã. Những người Do Thái này, phải đeo ngôi sao sáu cánh, là biểu hiệu của Do Thái, trên ngực áo như một biểu tượng ô nhục, dưới mắt nhìn Đức Quốc Xã, để tách họ ra khỏi những người thường (Hãy nhớ lại cuộc tàn sát đẫm máu của Đức Quốc Xã tại một *ghetto* ở Warsaw, Ba Lan, 1943, nơi chúng giam người Do Thái để chở đến các phòng hơi ngạt). Tuy nhiên, dù có bị đối xử tàn bạo đến mấy đi chăng nữa, tôi không nghĩ là trong cái phạm vi bé nhỏ, tù túng, tối tăm và u ám của những *ghetto* đó, người Do Thái chụp mũ nhau thô bạo vì bất đồng chính kiến, hay tranh luận một cách hẹp hòi để giành cho được phần thắng về mình... Tôi nghĩ là những người Do Thái ấy họ sống ôm lấy nhau, chia sẻ tình yêu thương và che chở, giúp đỡ lẫn nhau trong lúc luôn luôn mơ đến một tương lai xứng đáng hơn. Họ mơ được làm người hơn. *Ghetto* có thể là một vết thương trong lịch sử Do Thái, nhưng vết thương ấy không phải là một điều ô nhục làm cho họ phải xấu hổ. Dùng *ghetto* như một biểu tượng xấu và kém để mô tả những diện, những nét còn tiêu cực hay kém văn minh trong dòng phát triển của nền văn học và sinh hoạt văn học Việt ngoài nước, tôi e là cách sử dụng này khá khiên cưỡng nếu ta suy nghĩ kỹ.

2. Nếu dùng biểu tượng *ghetto* theo nghĩa rộng hơn (và dĩ nhiên không nên hỏi ý kiến của những người Do Thái trong vấn đề này), *ghetto*, theo cách dùng trong cả ba bài viết của Nguyễn Mộng Giác, Thụy Khuê, và Trần Vũ, có thể tạm coi, về mặt vật lý, là một môi trường sống thu hẹp lại trong một phạm vi địa lý nhỏ bé nào đó mà những phần tử trong một cộng đồng thiểu số, do nhu cầu sinh tồn, phải sống bám vào nhau; về mặt sinh hoạt, có thể xem *ghetto* là một cung cách sống bó, mang nhiều tính tiêu cực, của một cộng đồng thiểu số mà tiêu chuẩn sống cũng như hướng sống thường được coi là thấp hơn cộng đồng bản xứ. Nếu ta chọn cách dùng này cho biểu tượng *ghetto* để nói về những mặt tiêu cực của dòng văn học Việt ngoài nước, tôi e cũng có những khiên cưỡng. Về mặt xã hội, về mặt nhân chủng. Và cả về mặt đạo đức nữa.

Bất cứ một cộng đồng lưu vong hoặc sống ngoài nước nào, muốn giữ gìn văn hóa của mình, muốn tạo điều kiện sống, bảo vệ sự sinh tồn cho

những phần tử của nhóm, đều phải sống bám vào nhau, nâng đỡ nhau. Điều này, về mặt nhân chủng và xã hội, là điều hết sức tự nhiên. Về mặt đạo đức, nếu ta chê cười sự nâng đỡ, chia sẻ, đùm bọc ấy của những phần tử trong cái cộng đồng thiểu số mà ta đang bàn đến, ta hoặc là vô tình hoặc là khó khăn quá đáng. Ta không thể đòi hỏi sự hội nhập của tất cả mọi phần tử của cộng đồng ấy vào dòng chính được. Những qui luật xã hội giải thích rõ sự quan trọng của lối sống ấy trong sự sinh tồn của các cộng đồng người. Các cộng đồng Nhật, Đại Hàn, Nga Sô, Trung Hoa, Do Thái... trên đất Mỹ này đều, không ít thì nhiều, duy trì cung cách sống ấy. Dĩ nhiên, có những phần tử của nhóm bung ra, nhưng họ vẫn luôn luôn cần đến một chỗ dựa để tựa vào, về mặt tinh thần cũng như về những khía cạnh có tính cách vật chất khác.

Trong ít nhất là hai mặt vừa phân tích, tôi thấy hình ảnh *ghetto*, dùng như một biểu tượng, hay dùng như một thực tại được xác định trong cách sống, đều có những điều không ổn để bàn về những mặt tiêu cực và cần được góp ý của nền văn học Việt ngoài nước. Tuy nhiên, bài viết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã lên tiếng báo động để tất cả chúng ta bắt tay vào việc sửa chữa những nét tiêu cực trong sinh hoạt văn học ngoài nước. Có luôn tự ý thức về hướng đi và về những vận động của dòng văn học mà chúng ta đang sống ở trong, ta mới có thể làm cho nó lớn mạnh và góp phần vào việc định hình dòng văn học và cho nó một tính cách đặc thù trong hướng đi lên của con người nói chung.

Bài viết của Thụy Khuê, *Đập Vỡ Cái Ghetto*, trước hết, công nhận cái tiền đề trong kết luận của Nguyễn Mộng Giác, là có một cái *ghetto* trong nền văn học Việt ngoài nước. Để xác định sự hiện hữu của cái *ghetto* này, ngoài việc chấp nhận những nhận định của Nguyễn Mộng Giác, Thụy Khuê còn đưa ra thêm bốn yếu tố khác, theo chị, đã góp phần tạo nên cái *ghetto* ấy. Bốn yếu tố đó là:

1. Chúng ta đã quá chủ quan khi nói đến văn học hải ngoại.
2. Phê bình tâng bốc, tự mãn.
3. Sự phát hành bừa bãi sách báo.
4. Môi trường cực đoan, không thuận lợi cho sáng tác.

Tất cả bốn yếu tố này, nhìn một cách chung, có những điểm đúng. Và cũng với thiện chí của một người muốn đóng góp vào sự lớn mạnh của

dòng văn học Việt ngoài nước, Thụy Khuê đã phân tích khá cặn kẽ những mặt tiêu cực kể trên mà chị nhận thấy khá rõ trong sinh hoạt văn học Việt hải ngoại.

Bỏ qua phần sử dụng và khai triển biểu tượng *ghetto* của Thụy Khuê mà tôi đã có ý kiến khi bàn về vấn đề *ghetto* ở trên, nhiều nhận xét của Thụy Khuê đáng để ta suy nghĩ. Chị đã nhiệt tâm phát biểu lên những thao thức và trăn trở của chị về hướng đi, hướng tiến của dòng văn học Việt ngoài nước. Có những nhận xét, có những trình bày có thể nên được thảo luận thêm, nhưng, nhìn chung, Thụy Khuê đã cố gắng đóng góp tiếng nói của chị vào sự xây dựng một cung cách sinh hoạt văn học lành mạnh. Những đóng góp ấy chúng ta nên tiếp nhận và suy nghĩ rồi tìm cách sửa chữa. Có thế, sự đóng góp của những người nhiệt tâm mới không bị phung phí.

Dù sao, có một vài điểm tôi cũng xin góp ý với Thụy Khuê ở đây như một đóng góp của riêng mình vào cái thiện chí của chị. Để so sánh hoàn cảnh sống và viết của những nhà văn trong và ngoài nước, Thụy Khuê cho rằng chúng ta không có được cái may mắn như những người ở nhà là luôn có cơ hội bám vào thực tại, vào xã hội họ đang sống. Cuộc sống hàng ngày, dù xuất hiện trong tác phẩm bất cứ ở một dạng thể nào, vẫn là đối tượng, là nhựa sống của tác phẩm họ. Thụy Khuê cho rằng chúng ta không có cái may mắn ấy như người ở trong nước. Điều nhận xét ấy đúng. Nhưng chị nói thêm: *Cuộc sống ở nước ngoài phong phú, đa dạng, nhưng chúng ta viết là để quên nó đi. Viết, ở hải ngoại, là để phủ nhận đời sống hàng ngày. Là để sống giấc mơ ngôn ngữ - làm bằng ước mơ và kỷ niệm. Nhà văn hải ngoại là* Người Đi Trên Mây, *là* Ngọn Cỏ Bồng, *là gì gì đó nữa, kể ra không hết.* (Đập Vỡ Cái Ghetto).

Tôi không rõ Thụy Khuê có sử dụng tu-từ-pháp trong những nhận định vừa rồi không, nhưng hiểu một cách bình thường, đoạn văn này với những từ dùng và với cái giọng của nó, là một câu trách có hàm ý giận. Nếu những ai đã thực sự chỉ viết để quên đời sống hàng ngày đi, chỉ viết để sống giấc mơ ngôn ngữ, chúng ta nên tùy tâm hiểu và tôn trọng sự buồn và giận của một người bạn. Chúng ta hiểu, tôn trọng và quí người bạn của mình trong thái độ buồn giận của họ. Nhưng nếu có những người không thực sự viết vì những lý do vừa nói, Thụy Khuê sẽ nghĩ sao? Thái độ viết và lý do thâm sâu trong lòng những nhà văn, nhà thơ ở đây

khi đối mặt với trang giấy trắng, một mình, để lại những huyên náo và những hấp lực của đời sống ở ngoài xa, bên kia khung cửa sổ, có chắc hẳn là thái độ và lý do mà chị đã nghĩ ở trên? Nếu không phải, điều đó xót xa biết mấy. Và những nhà văn chân thật, đã viết với lòng tin, lòng yêu của mình, bây giờ, cần sự thông cảm biết bao.

Những Vòng Tường Ghetto của Trần Vũ là bài cuối cùng mà tôi muốn góp ý ở đây.

Trong bài của mình, cũng chấp nhận tiền đề *ghetto* của Nguyễn Mộng Giác như Thụy Khuê, Trần Vũ tìm thêm được một yếu tố khác để xây những vòng tường *ghetto* của mình: Cái sáo trong văn chương. Dùng những nhận định của Nguyễn Hưng Quốc trong một bài nói về cái sáo trong thơ, Trần Vũ tổng quát hóa những nhận định này và, đi thêm một bước, anh nói về cái sáo trong đề tài, trong chủ đề văn chương. Theo anh, những cái sáo ấy là một khía cạnh của *ghetto*. Và cũng theo cách anh trình bày, cái sáo có vẻ như là một đặc sự, một sự bất ngờ vồ chụp lấy nền văn học Việt ngoài nước mà những người Việt có lòng, có tâm huyết, phải tìm cách tận diệt ngay.

Tôi nghĩ, cái sáo không hề là một khía cạnh của *ghetto* theo như nguyên nghĩa của từ này mà tôi đã thử trình bày. Cái sáo cũng không có liên hệ đặc biệt đến *hình ảnh ghetto biểu tượng* để chỉ một nhóm người sống quần tụ, gắn bó vào nhau. Cái sáo là một quy luật của đời sống, của văn hóa. Có con người là có sáo. Sáo hiện diện trong bất cứ mọi sinh hoạt, mọi lãnh vực nào có sự tham dự của con người.

Xét về mặt xã hội học, đi sâu hơn nữa vào một nhánh nhỏ như *thời trang quần áo*, sáo là một hiện tượng chủ yếu. Nếu chúng ta không giàu có, hoặc giàu có mà không có gout ăn mặc, hoặc giàu có mà không cần để ý chạy theo thời trang, chỉ ăn mặc cho thích hợp với khung cảnh và thời tiết quanh mình, ta sẽ ăn mặc sáo hoặc rất sáo. Ở đây, sáo giúp ta tiết kiệm và tránh sự đua đòi làm dáng vô ích trong lãnh vực này. Trong tất cả những lãnh vực, những phạm vi khác của đời sống, không phải chỉ xét trên mặt thi ca hay văn chương, sáo luôn là một hiện tượng chủ yếu, một qui luật văn hóa. Sáo giúp cho sự bền vững của xã hội, sự sinh tồn của tập đoàn. Sáo, một cách tổng quát, là một sự bắt chước dựa trên những tiêu chuẩn đã được xác lập và chỉnh lập. Mặc dù nó là hình ảnh

của sự bình thường hay, thậm chí, tầm thường, nó làm cho đời sống tiếp nối và tồn tại. Chúng ta không nên coi sáo là một cái gì bất ngờ, xuất hiện đột ngột trong những hoàn cảnh không thể tiên liệu trước; từ đó, đưa đến một phản ứng choáng váng, hoảng hốt, và đòi có thái độ quyết liệt.

Bài *Cái Sáo Trong Thơ* của Nguyễn Hưng Quốc là một tiểu luận về thơ tốt, có giá trị. Nó nhìn thấy rằng sáo là một qui luật, là "một căn bệnh của mỗi thời đại văn học". Về nghệ thuật, và đặc biệt về thi ca, điều đó đúng. Nỗ lực làm mới ngôn ngữ, mới ý nghĩ, mới hình tượng, mới nhạc điệu, là một nỗ lực sáng tạo cần thiết trong thơ. Để có sự khởi sắc và để có thể ghi được dấu ấn trong tâm trí người đọc, một bài thơ hay một câu thơ cần phải có những điểm gì mới. Cái mới đi cùng với cái lạ. Nó làm cho câu thơ hay bài thơ đứng riêng ra, thoát khỏi sự lẫn lộn vào những cái chung bình thường hay tầm thường.

Cái sáo trong thơ, nổi bật nhất là trong mặt ngôn ngữ, cũng có thể áp dụng qua phạm vi văn. Những chữ dùng, hay những câu văn, đã được dùng đi dùng lại trong văn chương đến độ tất cả mọi góc cạnh của chúng đều bị mòn nhẵn và trơn láng, dễ đi vào những ngõ tối của trí nhớ người đọc. Bởi thế, nỗ lực làm mới, làm sắc lại cái ngôn ngữ được sử dụng vẫn là nỗ lực cần thiết hàng đầu của nhà văn, nhà thơ. Tuy nhiên, có làm mới được nó không lại là một chuyện khác. Tỷ lệ những người làm mới được văn chương, tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây, cho đến nay, vẫn là một tỷ lệ hết sức nhỏ. Tuy thế, chúng ta vẫn phải cố gắng thoát sáo mỗi khi cầm bút.

Dù vậy, số đông người góp mặt vào mỗi thời đại văn học bất cứ nơi đâu vẫn tạo nên được những sức đẩy cần thiết để dòng văn học vươn tới. Số đông ấy dĩ nhiên không nổi bật lên, nhưng nó là một cái đà sống. Trên cái đà sống ấy, những người đặc biệt, làm mới được một khía cạnh nào đó của văn chương, sẽ có một vị trí xứng đáng. Họ có thể xoay chuyển được hướng đi và tạo nên sức vận động cho dòng văn học. Không ai chối cãi điều đó.

Nhưng khi Trần Vũ đi thêm một bước nữa, cho đề tài hoặc chủ đề của tác phẩm văn chương, nếu không khác với những đề tài đã được viết rồi, cũng sẽ đưa đến sáo và hốt hoảng đòi hỏi chúng ta phải làm mới đề tài / chủ đề của tác phẩm, nếu không, chúng ta sẽ loay hoay mò mẫm mãi trong cái *ghetto* mà không ngửng đầu lên được, theo tôi, anh đã lo lắng

một cách quá đáng và, có thể, hơi thiếu lòng tin vào tài năng, vào sức cảm thụ và vào nghệ thuật của những người đang sống trong cùng một dòng văn học với anh. Khi Trần Vũ nhận xét: *Mai Kim Ngọc và Vũ Quỳnh Hương mỗi người chỉ viết được một và chỉ một truyện hội nhập thành công, xong cũng vội vã quay về với các đề tài của cộng đồng*, ý anh cho rằng nhà văn Việt Nam ở ngoài nước nếu chỉ viết những chuyện về cộng đồng, về quê hương thôi là chưa đạt, là còn loay hoay trong cái *ghetto*, là không thể được xem là một nhà văn có tài. Tôi nghĩ là cái nhận xét ấy có nhiều điểm không chính.

Ta biết là có những đề tài, những chủ đề có giá trị muôn thuở và muôn nơi. Vấn đề là người viết làm sao diễn đạt cho đến nơi đến chốn, cho có chiều sâu. Họ phải làm sao cho cái đề tài ấy có một dấu ấn của mình. *Tình Yêu, Chiến Tranh* và *Sự Chết*: ba đề tài này có giá trị muôn thuở và muôn nơi. Ta đọc biết bao nhiêu cuốn sách nói về những điều này rồi? Và chừng nào còn có những con người cứ suy nghĩ và trằn trọc về những đề tài này thì, ngày đó, còn có những con người cứ yêu mê mãi những quyển sách hay, viết về cùng những đề tài ấy. Ngoài tình yêu, chiến tranh và sự chết ra, cũng còn có nhiều đề tài khác sống mãi với thời gian. Isaac Bashevis Singer cứ viết đi viết lại mãi về quê hương, mà lại viết bằng chữ Yiddish, một thứ ngôn ngữ Do Thái dân gian, kiểu như một thứ chữ Nôm Việt Nam, kết hợp bằng ngôn ngữ Đức và mẫu tự Hebrew, mà tác phẩm của ông vẫn cứ hay, cứ mới, cứ được tìm đọc và tán thưởng. Và ông được giải Nobel. Bởi thế, chúng ta thấy vấn đề ở đây là bản sắc, là cách thế diễn tả, là một giọng nói... Nó không quan hệ ở đề tài.

Tôi nghĩ, các nhà văn của chúng ta ở đây, nếu có những kinh nghiệm hội nhập, hay nếu có những đề tài không phải là cộng đồng, quê hương, chúng ta có thể viết về những điều đó. Có thể nó làm mới văn chương và những cảm xúc của ta. Nhưng nếu lòng ta cứ cháy nóng vì một ngọn lửa ở quê nhà giữa ngày bão lửa hay nếu lòng ta cứ hắt hiu, bồi hồi mãi vì một ngọn đèn chong giữa đêm dài tịch mịch của quê hương, ta cứ việc viết về cái ngọn lửa cháy nóng hay ánh đèn hắt hiu kia. Ta viết với tấm lòng thiết tha và chân thật của mình. Cái tài sẽ đến theo cái tâm của ta.

Khi viết như thế, để ý đến giọng nói của mình, để ý đến cách diễn tả của mình, tạo cho mình một bản sắc riêng, ta không sợ sẽ bị rơi vào cái

sáo. Cái sáo nó sẽ không mai phục anh trong chủ đề, nhưng nó có thể tập kích anh ở giữa những hàng chữ, ở giữa những câu văn mà anh viết ra trên giấy.

Khi khen ngợi những nhà văn Việt trong nước như Nguyễn Huy THiệp, Phạm Thị Hoài, Trần Vũ đã quá hứng khởi để đi đến chỗ gần như tự xóa. Không những thế, nhiệt tâm trong lòng Trần Vũ đã làm anh không được cẩn trọng với tình cảm hay cảm xúc của những người khác trước những cái đẹp, cái hay, cái quí. Trần Vũ phát biểu: "*Sợ*, phục, mê Nguyễn Huy Thiệp là mê trình độ, giá trị nghệ thuật của tác phẩm...", "... Cả một làn sóng văn thơ ồ ạt của Việt Nam *liên tiếp nhận chìm những những sáng tác tẻ nguội ở hải ngoại*", "Chính trình độ và tư duy cao đó *làm người viết ở hải ngoại chùn tay*... và "*... sức tàn phá của văn chương quốc nội lên ngòi bút của những người ngoài nước...*"... (Tôi cho in nghiêng một số từ hay cụm từ để nhấn mạnh. Ở đây, cùng với phát biểu riêng của anh, Trần Vũ nhắc lại ý của Nguyễn Mộng Giác nhưng tăng cường độ một cách quá đáng).

Chúng ta yêu và quí những nhà văn có chân tâm và chân tài ở trong nước. Đọc được các tác phẩm của họ, ta thấy như được kéo gần lại với quê hương khổ đau hơn. Những người ấy ta yêu, quí, và có thể, phục họ trong một vài khía cạnh nào đó. Nhưng, tại sao Trần Vũ lại có thể tự có cho anh và có vẻ thoải mái tự đại diện cho tất cả những nhà văn nhà thơ Việt Nam ngoài nước trong việc đưa ra một cái tình cảm có tính cách thiếu tự tín kia: sợ. Tôi nghĩ cái tình cảm cao đẹp và quí báu giữa những người cầm bút chấp nhận và nể trọng nhau phải là một tình cảm nào đó gần gũi với sự tương kính, mặc dù có đầy quí mến và ưu ái ở trong.

Tôi không nghĩ những nhà văn Việt ngoài nước chia sẻ cái tình cảm mà Trần Vũ có.

Trần Vũ đặc biệt nhắc đến Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài trong những nhà văn trong nước mà anh thấy nổi bật lên là có văn tài. Điều này, tôi nghĩ là có nhiều người trong chúng ta ở đây chia sẻ với anh. Đặc biệt là về tác giả đầu. Cả hai tác giả kể trên, ngoài sự suy nghĩ cần thiết trong việc xây dựng tác phẩm của mình, đều sử dụng những kỹ thuật đặc biệt của văn chương thế giới. Điểm nổi bật của Nguyễn Huy Thiệp là cách sử dụng biểu tượng. Gần như đối với bất cứ một truyện nào của Nguyễn Huy Thiệp, người đọc cũng phải tìm cách tháo gỡ những

đơn vị biểu tượng ra và xếp chúng lại bên nhau để có thể nắm bắt thật chính xác cái dụ ngôn mà anh muốn nói. Truyện của Nguyễn Huy Thiệp có nhiều mật mã. Văn lạnh lùng, vắn gọn, tuốt bỏ tất cả những lớp vỏ bọc bên ngoài để chỉ còn trơ lại cái lõi cứng và sắc. Đây có thể đã là kỹ thuật của Camus và Hemingway. Hai nhà văn này, trong phong cách riêng của mỗi người, đã rất thành công và đã định hình những tác phẩm của mình, phần lớn, bằng kỹ thuật "tuốt vỏ" vừa nói. Phạm Thị Hoài áp dụng kỹ thuật huyền hóa và tạo không khí truyện của mình theo phong cách của các nhà văn Châu Mỹ La Tinh, đặc biệt là Gabriel Garcia Marquez. Cả hai đều cho thấy cái tài, cái khả năng, và sức cảm thụ mạnh mẽ của họ. Điều này càng làm cho chúng ta thấy không phải cứ viết về cùng một đề tài, chọn cùng một kỹ thuật, dựng cùng một không khí truyện, là đi vào cái sáo. Điểm căn bản vẫn là bản sắc, giọng nói và cách thể hiện của mỗi một người chúng ta.

Một nhận xét khác của Trần Vũ cũng nên được thảo luận. Anh viết: *Viết gì thì viết, văn chương Việt Nam trải qua mấy ngàn năm, ngoại trừ đời Trần - Lý phảng phất Thích Ca hoặc Lão Trang, càng về sau chỉ bám riết vào một* dòng, *một khuynh hướng: phản ánh hiện thực xã hội. Có thể xác quyết: nhà văn Việt Nam 100 người hết 99 bị ám ảnh, chỉ "muốn lột trần xã hội". Quan niệm suy nghĩ như vậy nên ngay từ đầu những người cầm bút ở hải ngoại đã lúng túng...*

Điều xác quyết của Trần Vũ thật ra không có bằng cứ. Trong bài Về *Vấn Đề Văn Học Và Phản Ánh Hiện Thực* (viết vào tháng 3 năm 1988, in lại trong tập *Lý Luận Và Phê Bình, 1990)* để phê phán về hiện tượng "suy tư tưởng" của giới nhà văn trong nước, làm cho văn học nghèo nàn về nội dung và đơn điệu, nhợt nhạt về hình thức, nhà lý luận văn học miền Bắc Lê Ngọc Trà đã qui trách hiện tượng tiêu cực này cho việc các nhà văn trong nước - từ giới sáng tác cho đến giới nghiên cứu phê bình - đã quá bị ám ảnh trong việc sáng tác chủ yếu sao cho phản ánh thật hết sức chân thực đời sống chung quanh một cách phù hợp với quan điểm của Đảng. Ông cho rằng vì quá lo sợ trong việc phản ánh hiện thực sao cho đúng với yêu cầu, với quan điểm của Đảng, nói lên được đời sống chiến đấu và sản xuất của nhân dân theo một công thức tiền chế có sẵn, các nhà văn trong nước đã làm cho văn học nghèo đi. Sự "suy tư tưởng" ở đây, theo ông, "không phải là sai lầm về quan điểm, lập trường, mà là về chất triết học,

chiều sâu của sự khái quát, khả năng vươn tới những tư tưởng có tầm nhân loại cũng như cách lý giải hiện thực độc đáo, bộc lộ bản lĩnh và cách nhìn riêng của nhà văn về thế giới".

Vì nhận thức được nỗi ám ảnh của nhà văn trong nước trong việc sáng tác theo khuôn mẫu và yêu cầu, ý muốn của Đảng, và vì cũng nhận ra rằng từ mấy chục năm qua, mệnh đề "văn học là sự phản ánh hiện thực, nhiệm vụ chủ yếu của văn học là phản ánh hiện thực, vinh dự lớn lao nhất của nhà văn là phản ánh cho được đời sống chiến đấu và sản xuất của nhân dân" đã luôn hiện ra trước mắt nhà văn miền Bắc khi họ cầm bút viết, Lê Ngọc Trà đã đưa ra những phê phán đứng đắn, giúp cho các nhà văn điều chỉnh và ý thức lại thái độ sáng tác của mình. Đối với các nhà văn nhà thơ Việt ngoài nước, nỗi ám ảnh này không hề có. Các tác phẩm trong nhiều năm qua cũng đã chứng tỏ các nhà văn Việt ngoài nước diễn tả hết sức tự nhiên và phong phú cái đời sống nội tâm cũng như cái nhìn, cái cảm, cái nhận thức về cái thế giới bao quanh mình. Võ Phiến, Võ Đình, Phạm Công Thiện, Nguyễn Bá Trạc, Ngu Yên, Kiệt Tấn, Trần Diệu Hằng, Vũ Quỳnh Hương, Trân Sa v.v..., không là những chứng cớ hùng hồn cho thái độ này sao? Tôi thấy có sự khiên cưỡng trong việc nối kết sự lúng túng (có không?!) của các nhà văn Việt ngoài nước với lòng ám ảnh "muốn lột trần xã hội" của họ. Lời xác quyết về 99 *nhà văn Việt Nam* có ám ảnh "trần tục" kia của Trần Vũ còn quá mơ hồ, thiếu bằng chứng cụ thể, Hơn nữa, khi nối kết 99 *nhà văn Việt Nam* kia (không rõ xuất xứ, môi trường sinh sống, lớn lên, sáng tác...) vào tập thể các nhà văn Việt ngoài nước để rồi đẩy sự "lúng túng" cho những người ngoài nước, Trần Vũ đã không nhất trí và chặt chẽ trong lập luận. Nếu tất cả 99 trong 100 *nhà văn Việt Nam* kia, hiện tại, đang sống trong nước (điều này có xác xuất đúng rất cao theo sự trình bày của Lê Ngọc Trà), lập luận của Trần Vũ sẽ không đứng vững.

Nói về các *"hiện tượng nữ"* ồn ào, các *"quả bom văn chương" tắt tịt* (chữ nghiêng của Trần Vũ), Trần Vũ có lẽ cũng đã không thông cảm cho hoàn cảnh sinh sống và viết lách của các nhà văn nữ ngoài nước. Tôi biết được một số trường hợp lẻ tẻ, một số hoàn cảnh của một số nhà văn vừa phải làm việc, vừa phải lo lắng cho gia đình, chăm sóc con cái, cùng lúc, phải chịu sự thôi thúc, giằng xé của những nhu cầu tinh thần, những thiết tha muốn nói được lên thành lời của những nhà văn này... Dù thế,

tôi nghĩ mình không đủ thẩm quyền để lên tiếng trình bày về những hoàn cảnh sống ấy. Bùi Bích Hà đã viết về điều này. Và còn có thể có những nhà văn khác nữa, một lúc nào đó, sẽ chia sẻ với chúng ta cái cuộc lữ của họ. Còn "những quả bom văn chương"? Chắc chắn không có ai tự nghĩ mình là những "quả bom văn chương" đâu. Chúng ta, mỗi người, trong hoàn cảnh sống riêng của mình, đều có những mối lo bận riêng, những công việc riêng, những thế sống riêng. Có lẽ ta nên hiểu rằng hoàn cảnh có những cách sắp đặt riêng của nó. Mà hoàn cảnh trên cuộc sống ngoài nước này thì, nhiều khi, còn ma mãnh hơn biết bao nhiêu lần hoàn cảnh trên một vùng đất với những phong tục, lề thói mà ta đã quen thuộc. Hoàn cảnh riêng của những nhà văn ngoài nước đã dự phần rất lớn (khi thì tích cực, khi thì tiêu cực) vào việc sáng tác của họ. Ngoài ra, nếu thực sự có sự khựng lại, sự khựng lại đó có thể đến từ một *bế tắc thẩm mỹ*. Sự bế tắc này có thể xảy ra cho bất cứ một nhà văn, một nghệ sĩ nào, không phân biệt giới tuyến, màu da hay sắc cờ, sắc áo. Nó cũng có thể bủa vây cả một lớp nhà văn, một lớp nghệ sĩ, trong một giai đoạn nào đó. Sự tìm tòi cho ra một cái *mới*, một cái *đẹp*, một cái *thật*, có khi đòi hỏi cả nhiều năm trời. Báo động để ta theo dõi, chú ý hầu kịp điều chỉnh, điều hướng là tốt. Ta không nên, chỉ vì thấy sự ngưng đọng, hay có vẻ ngưng đọng, trong một, hai, ba năm của một nền văn học, lo lắng quá đáng để đi đến việc gán ghép những yếu tố không thực có thật hoặc không thực hợp lý vào bản chất của một hiện tượng vốn đòi hỏi nhiều suy nghĩ và tìm tòi cẩn trọng, cũng như đòi hỏi một thời gian dài hơn để kiểm chứng những suy nghĩ và tìm tòi của mình.

Bài viết của Trần Vũ, ngoài những điểm tôi vừa xin phép góp ý, và còn nhiều điểm có thể được bàn luận thêm, dù sao, vẫn chứng tỏ được sự quan tâm của một người viết văn có lòng tha thiết đến hướng đi và những vận động của dòng văn học trong đó mình đang sống. Trong ý hướng ấy, chúng ta vẫn nên ghi nhận thiện chí của anh.

3.

Để đóng bài này, tôi muốn nói lại một lần nữa, rằng, một nền văn học chỉ xứng đáng với vị trí của nó và làm được những chuyện cần thiết mà nó phải làm khi, cùng với những sáng tác phẩm có chất lượng được thai nghén và thành hình, cùng với sự tham dự và chia sẻ của người đọc và

người viết vào cái tâm cảm chung của một thời, một giai đoạn, nó còn phải có được trong nó sự tự ý thức về các vận động của mình, về cái hướng đi, hướng tới của mình. Những thảo luận nghiêm chỉnh, xây dựng và tích cực về những diện, những điểm, những hiện tượng, những khuynh hướng, những phong trào..., nói chung là những vận động của dòng văn học, của những người đang sống trong dòng văn học ấy và quan tâm đến cái sinh mệnh của nó là những điều cần thiết.

Dòng văn học Việt ngoài nước cùng với những sinh hoạt của nó trong vòng 16 năm qua, ngoài những điểm tích cực mà ta nhìn rõ và hãnh diện về chúng, còn có những mặt tiêu cực mà tất cả chúng ta, những người quan tâm đến đời sống của nó, phải tìm cách sửa đổi để làm cho đúng, cho đẹp hơn. Dù sao, chúng ta không nên chỉ vì một số những mặt còn kém, còn xấu, mà bỏ quên hoặc bôi xóa đi hết những mặt tốt, những cố gắng của biết bao nhiêu người đã góp tim, góp lửa để tô bồi, vun đắp. Ta nhìn rõ và hãnh diện, đồng thời tự tin, về những gì ta đã làm được và những gì ta đang cố gắng thực hiện. Cùng lúc, đừng quên rằng bao giờ ta cũng phải để ý đến những nọa tính, quán tính, do lòng tự mãn hoặc do sự thờ ơ, mệt mỏi, buồn chán mà đời sống này gây ra. Chúng ta đã có quá nhiều tuyên ngôn, tuyên cáo vô ích và vô bổ. Chúng ta cũng có những tranh cãi không thẳng thắn, vì lòng bất phục thiện, những tranh giành, chụp mũ thô bạo do tấm lòng và mắt nhìn hạn hẹp của mình. Tất cả những điều ấy, nghĩ kỹ lại, đã làm buồn lòng những người tin tưởng và yêu quí chúng ta biết bao.

Tôi nghĩ thái độ chúng ta nên có bây giờ để xây dựng một nền văn học Việt đích thực, ngoài những đóng góp trong khả năng và lãnh vực riêng của mình, là tiếp tục nuôi dưỡng hay tạo cho mình một tấm lòng ngay thẳng, tự tin, và nếu cần, tự trách. *Tự trách*, hiểu theo nghĩa là biết nhận lấy trách nhiệm của mình, trong một phạm vi nào đó, để xây dựng một điều gì nhỏ bé, tốt đẹp, đóng góp vào những xây dựng chung lớn hơn, của cả một cộng đồng. *Tự trách*, cũng còn có nghĩa là biết tự ý thức, tự phản tỉnh, tự trách mình để có thể sửa đổi, làm lại cho đẹp, cho đúng, cho chính hơn.

Tâm thế của chúng ta ở đây, có thể, đối với một số người, vẫn là một tâm thế hoài vọng. Điều đó đẹp, và đáng yêu, và cảm động, và rất con người. Ta hoài vọng những cái đẹp mong manh và tha thiết đã qua trong

đời, ở bên kia một bờ biển. Ta hoài vọng một quê hương hết khổ đau, trong đó, con người Việt được trả lại khuôn mặt khôi ngô và tấm lòng nhân hậu cũ, những thứ đã bị một chế độ cướp đi hay vấy bẩn. Ta hoài vọng một ngọn mặt trời mới sẽ phựt cháy trên quê hương yêu quí, hãy khóc đi ôi quê hương yêu quí, để làm ấm lại những mùa đông và những giông bão trong những lòng ta khốn khổ. Ta *nhớ lại* và ta *hướng về*.

Tâm thế có thể là hoài vọng, nhưng *tư thế* phải là lên đường. Ta không thể cứ mong, cứ chờ, cứ trông đợi, ao ước một cái gì đó đã qua rồi, đã tàn, đã úa, mà không tạo những nỗ lực để xây dựng hoặc làm sống lại những điều phải có và nên có. Nếu văn học là con đường chúng ta chọn để bước vào, để dấn thân, để sống cái sống của mình, con đường đó không phải là nơi để chúng ta nằm ngủ. Nó là con đường mời gọi ta dẫm bước lên. Nếu chúng ta có một tập hợp lớn cùng lên đường, chắc chắn, sự lên đường ấy chứa sẵn trong nó mầm kích thích, sự phấn khởi. Nếu, một lúc nào đó, ta nhìn quanh, chỉ thấy lẻ loi một đôi người, ta có thể có tâm trạng chán nản và cũng muốn bỏ cuộc. Nhưng, con đường là để đi. Không phải để ngủ hoặc để núp. Nếu không, nó sẽ không là đường; nó là quán xá, là pháo đài, trong đó, người ta nằm lơ mơ hoặc người ta tìm cách bảo vệ một vị thế của mình, cùng lúc, tìm cơ hội tấn công người khác.

Con đường văn học Việt ngoài nước vẫn đang chờ đón sự lên đường của mỗi người. Có bao giờ, trong huyên náo hoặc giữa những hấp dẫn quanh ta, hay trong những đêm tối đối mặt với lòng, chúng ta nhìn lại cái *tâm thế* và *tư thế* của mình?

BÙI VĨNH PHÚC

Irvine, California (01/1992)





TRƯƠNG VŨ

nọa tính trong văn nọa tính ngoài đời

Hiện tượng trì trệ của văn học ngoài nước được bàn đến khá nhiều trong năm vừa qua. Nhiều nguyên nhân được viện dẫn: nhà văn sống và sáng tác trong một thứ "ghetto", nhà văn khép mình trong những khuôn sáo cũ, nhà văn lười học hỏi, tự mãn, chỉ thích thù tạc lẫn nhau, nhà văn suy nghĩ cực đoan, không chịu mở rộng tầm nhìn, đã khen thì đến chết cũng khen, đã chê thì đến chết cũng chê, v.v...(1)

Hiện tượng trì trệ của văn học trong nước cũng được nói tới. Văn học dưới chế độ Cộng sản, vốn mang một nét "phải đạo" trong suốt bốn mươi năm, bộc phát mạnh mẽ trong thời gian cởi trói, lại đang có khuynh hướng trở về với nét "buồn thảm" cố hữu.

Mức độ sách vở được xuất bản trong hay ngoài nước, ngày càng tăng nên tình trạng trì trệ được nói đến ở đây chỉ nhắm về *phẩm* mà không thể nhắm về *lượng*. Trong nghĩa đó, hiện tượng trì trệ không phải chỉ có trong sinh hoạt văn học mà còn có trong mọi bộ môn nghệ thuật, hay trong bất cứ lãnh vực sinh hoạt nào khác của đời sống Việt Nam.

Chữ "trì trệ" có lẽ chỉ nên được hiểu với một nghĩa tương đối khi so với mức độ tiến bộ và thay đổi hiện thời của thế giới vào lúc nhân loại chuẩn bị bước vào thiên niên thứ ba. Nếu không, cứ so với ba, bốn mươi năm trước đây ở Việt Nam, những nỗ lực hiện thời của người Việt, trong hay ngoài nước, đều không thể được nhìn như một tình trạng trì trệ.

Trái đất đang quay thật nhanh. Khoa học, kỹ thuật, nhất là kỹ thuật truyền thông, tiến bộ vùn vụt. Những tiến bộ đó làm cho thế giới trở nên nhỏ bé hơn và khiến cho sự chậm tiến ở bất cứ một vùng đất nào hay của một tập thể con người nào được nhìn thấy rõ nét hơn. Nó làm thay đổi rất nhiều cái nhìn của con người trong những vấn đề thuộc mọi phạm vi quyền lực, chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, v.v... Trong cuốn phim *Back To The Future*, chàng thanh niên Marty McFly đi ngược dòng thời gian về lại thế hệ của cha mẹ anh, cách đây ba mươi năm. Trong một buổi dạ vũ, anh cầm đờn đánh một bản nhạc twist rất được ưa chuộng vào thời đó nhưng lại trình bày theo một phong cách rất thời thượng. Mọi người ngớ ra, trố mắt nhìn như nhìn một quái vật, vô cùng bất mãn với lối chơi đờn điện thật lạ lùng của anh (2).

Trong trường hợp Việt Nam, cho dù đem một bài hát mới sáng tác trong thập niên này và đang được ưa chuộng trong các cộng đồng Việt Nam cho hát ở Sàigòn cách đây ba mươi năm, chắc không đến nỗi gây nên bất mãn như vậy. Đem một ông chính khách ở hải ngoại cùng với bài diễn văn mới đọc trong vòng vài tháng về các phương thức đấu tranh chống Cộng, đi ngược lại ba mươi năm, cho đọc ở nhà hát lớn Sàigòn, chắc cũng không đến nỗi nào. Và, ngày nay, Liên Bang Sô Viết không còn nữa, nhưng rất nhiều bài viết mới đây về Xã Hội Chủ Nghĩa, về vai trò của đảng Cộng sản, về giá trị nhân văn của chủ nghĩa Mác Lênin trên các tạp chí ở trong nước như Tạp Chí Cộng Sản chẳng hạn, có cho đăng ở thời điểm cách đây ba mươi năm, chắc cũng thế thôi.

Bài phân tích này chỉ giới hạn vào tình trạng trì trệ ở ngoài nước mặc dù nhiều điều bàn đến ở đây có thể không xa lạ với người đọc trong nước. Có một cái gì rất không bình thường trong những sinh hoạt Việt Nam. Có ba nguyên nhân chính đưa đến cái "không bình thường" này:

- Thiếu thành thật trong sáng tác và thưởng ngoạn.
- Sợ phê phán và thiếu sáng tạo.
- Người thưởng ngoạn khá tàn nhẫn khi phê phán những công trình mà mình không yêu thích, rất tiêu cực khi cần hỗ trợ những công trình mà mình biết là có giá trị, và sợ hãi hoặc tránh né trước những phá hoại có ác ý.

Bạo chúa Neron của La Mã là một người sính làm thơ. Khi ông đốt thành La Mã, nhìn lửa cháy, nhìn dân chúng bồng bế nhau chạy, ông ta

làm thơ. Trong tác phẩm Quo Vadis, nhà văn Henryk Sienkiewicz đã mô tả sự bất mãn tột độ của triết gia Petronius, một người rất thân cận với Neron. Trong bức thư tuyệt mạng viết cho Neron trước khi tự sát, Petronius cho biết, ông có thể tha thứ cho Neron tội giết mẹ, giết vợ, kể cả tội đốt thành La Mã, nhưng ông *không thể tha thứ Neron tội làm thơ*. Ai cũng hiểu, Petronius không có ý kết tội "làm thi sĩ" mà chỉ kết tội Neron *đã làm thơ dựa trên những xúc động giả tạo*. Petronius là một triết gia nổi tiếng châm biếm, có thể ông đã nói quá khi cho tội làm thơ bằng những xúc động giả tạo nặng hơn tội giết mẹ, giết vợ, đốt kinh thành. Nhưng, ý nghĩa của lời kết tội đó đáng được ghi nhận (3).

Bao nhiêu năm chúng ta sống ở nước ngoài, đọc biết bao nhiêu văn thơ, nghe bao nhiêu bài nhạc nói về tình yêu quê hương, yêu những con người đang sống trong ngục tù, hay yêu những đồng bào ở lại quê hương đang chịu đọa đày. Nhưng, có bao nhiêu bài đã thực sự làm mình xúc động? Có nhiều bài, khi đọc lên, hay khi nghe, nó ngượng nghịu làm sao. Có ai ép một nhà thơ, một người viết nhạc phải tỏ ra thương nhớ quê hương, khi hồn phách của tác giả đang dành cho một người tình sống đâu đó trên nước Mỹ? Thông thường, khi xây dựng tác phẩm, người làm văn nghệ lưu vong chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi tình yêu với vùng đất mình đã sinh trưởng và đã rời xa. Nhưng, vào một lúc nào đó, một nhà thơ Việt Nam vẫn có thể cảm thấy rất thương yêu một góc phố San Francisco, chẳng hạn, và chẳng nhớ nhung gì đến Sàigòn, Huế, hay Hà Nội. Nếu cảm hứng, làm một bài thơ, bài thơ đó vẫn có thể rất hay của văn học Việt Nam, hay xa hơn, của văn học thế giới. Nhà thơ sẽ tạo nên một tai họa, nếu đang khi sáng tác, nhà thơ nghĩ đến bổn phận đối với quê hương, dân tộc, nên phải đưa đường Duy Tân, dòng sông Hương hay Hồ Gươm vào thơ. Tai họa cho thơ của ông và tai họa cho người đọc nữa.

Sống tha hương có thể là một trở ngại cho sáng tác đối với một số người. Tâm trạng của một người yêu nước sống xa quê khác với tâm trạng của một người yêu nước đang sống trên quê hương. Tuy nhiên suy tưởng và tình cảm của một người sống tha hương có khác, nhưng *không bắt buộc phải nghèo nàn hơn*. Khi xây dựng tác phẩm, đề tài có thể là những sự việc có liên hệ đến quê hương và cũng có thể chẳng liên hệ gì đến quê hương. Nhưng cái nhìn, cái thấy, cái xúc động phải là cái nhìn,

cái thấy, cái xúc động của một người tha hương. Không nên ép mình cho giống với những suy nghĩ, xúc động của đồng bào trong nước. Phần lớn những nhạc phẩm vĩ đại, tuyệt vời của Chopin được sáng tác vào thời gian ông sống lưu vong. Văn hào Czeslaw Milosz của Ba Lan đoạt giải Văn Chương Nobel 1980 về những tác phẩm ông sáng tác trên nước Mỹ trong hai mươi năm sống tị nạn chính trị ở Mỹ. Chopin và Milosz chỉ có quê hương trong hồi tưởng, không có những "chất liệu sống" như đồng bào của các ông ở trong nước. Về phương diện "chất liệu sống", những người làm văn nghệ Việt Nam lưu vong đã chứng kiến một cuộc di cư vĩ đại, thảm khốc. Họ có được những "chất liệu sống" mà đồng bào trong nước không có. Ấy vậy mà những "chất liệu sống" này, thật ra đã được người làm văn nghệ ngoài nước sử dụng đúng mức đâu. Tuy nhiên, nếu nhìn vấn đề một cách khác hơn: "*Chất liệu sống*" không đủ để làm nên nghệ thuật, và nghệ thuật vẫn có thể đạt được không nhất thiết phải xây dựng trên "chất liệu sống".

Điều quan trọng nhất cho một công trình trí thức, dù đó là một sáng tác văn học hay một tác phẩm biên khảo, là *sự thành thật của tác giả*. Chính tác giả phải tin vào điều mình viết, và chỉ viết những điều mình muốn viết và biết rằng mình có khả năng viết.

Không phải chỉ người viết mới cần thành thật. Người đọc, hay người thưởng ngoạn, nói chung, cũng cần phải thành thật với chính mình khi thưởng ngoạn một tác phẩm.

Nếu thích nhạc tranh đấu thì cứ nghe nhạc tranh đấu, hát nhạc tranh đấu. Nếu thích nhạc tình ca thì cứ nghe nhạc tình ca, hát nhạc tình ca. Nếu đọc một tác phẩm văn chương, xem một bức tranh hay nghe một bản nhạc, mà thấy hay thì cứ bảo là hay, thấy dở cứ bảo là dở, *cho dù tác giả là ai*. Một tác giả có nhiều tác phẩm, có thể tác phẩm này hay trong khi tác phẩm kia dở. Trong cùng một tác phẩm, cũng có thể có chỗ hay nhiều, chỗ hay ít, chỗ rất tệ. Cái câu "*không đọc sách cũng biết sách hay, dở*" mà không nhiều thì ít mỗi người trong chúng ta đều đã được nghe, là một câu nói *phản trí thức*. Tinh thần của câu nói đó, mỉa mai thay, đang chế ngự khá nhiều những phát biểu của người đọc sách Việt Nam, vào một giai đoạn mà những trắng đen trong suy nghĩ của con người không còn dễ phân biệt như trước.

Cuộc chiến tranh Việt Nam kéo dài hơn ba mươi năm. Hơn hai triệu người Việt Nam đã gục ngã trên chiến trường. Khoảng ba triệu người Việt Nam rời bỏ quê hương. Người nước ngoài đã viết hàng ngàn tác phẩm về cuộc chiến này. Ở ngoài nước, hàng ngàn tác phẩm bằng chữ Việt đã được xuất bản, hoặc tái bản. Nhưng, trong số những tác phẩm Việt ngữ đó, vẫn chưa có một tác phẩm biên khảo nào viết đầy đủ về cuộc chiến tranh Việt Nam. Trong khi đó, ảnh hưởng của cuộc chiến bao trùm mọi sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng. Những tác phẩm chi phối cái nhìn của người nước ngoài hiện nay cũng như của thế hệ Việt Nam trong tương lai, ít khi làm vừa lòng người Việt lưu vong. Nhiều khi còn tạo ra những cuộc biểu tình phản đối, như trường hợp của bộ phim truyền hình dựa trên cuốn *Vietnam A History* của Stanley Karnow. Nhưng vẫn chưa người Việt nào viết một bộ sử về cuộc chiến đó. Thậm chí, không có cả một cuốn sử lược cho giai đoạn từ 1930 đến 1975 hay 1990, để nối tiếp với bộ sử lược do cụ Trần Trọng Kim viết cách đây năm mươi năm. Có phải chúng ta không có những nhà biên khảo đủ khả năng làm công việc đó? Lý do có lẽ khác hơn. Một nhà biên khảo đứng đắn không muốn xây dựng một công trình quan trọng như vậy *chỉ đơn thuần trên những khẩu hiệu*, hay *chỉ để thanh toán những ân oán của quá khứ*. Công trình đó, trong hoàn cảnh này, đòi hỏi rất nhiều khuyến khích, thông cảm, và quan trọng nhứt, sự tôn trọng quan điểm của người viết. Tôn trọng không có nghĩa là phải đồng ý mà chỉ có nghĩa đòi hỏi những phê bình nghiêm chỉnh. Viết sử, viết biên khảo, bao giờ cũng bao hàm những khen chê, trực tiếp hay gián tiếp. "Khen" không có nghĩa là "thích" và "chê" không có nghĩa là "ghét". Tuy nhiên, "khen" những người mà người đọc không muốn "khen" hay "chê" những người mà người đọc không muốn "chê" thường gây ra những phê phán hay chụp mũ khá tàn bạo. Chính điều này có thể đã làm chùn tay những người Việt muốn viết sử hay viết biên khảo về chính trị, xã hội Việt Nam hiện đại. Nhưng, cũng chính sự chùn tay này đã làm cho trí thức Việt Nam khó hãnh diện nổi với trí thức phương Tây, và cũng chẳng hãnh diện nổi với lớp sĩ phu tiền bối. Cụ Trần Trọng Kim chưa được hưởng giáo dục ở một trường đại học đúng nghĩa, nhưng công trình của cụ, chỉ riêng bộ *Việt Nam Sử Lược*, cho đến nay, trí thức thuộc bộ môn sử của ba trường Đại Học Văn Khoa miền Nam gọp lại, chưa theo kịp về phương diện thực

hiện công trình. Đáng quí nhứt là tinh thần dấn thân và khách quan của cụ khi viết sử.

E dè với những phê phán tàn bạo cũng đã khiến những người làm văn học, nghệ thuật không dám đi quá xa trong lãnh vực sáng tạo. Hậu quả của những rụt rè đó đã tạo cho những sinh hoạt Việt Nam ở ngoài nước mang nhiều hình ảnh có tính cách lặp lại xã hội miền Nam trước 1975 hay cùng lắm là một 1975 nối dài, với cả tốt lẫn xấu.

Thật ra, không phải tất cả những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam hiện nay đều chùn tay. Ở trong nước, những tác phẩm xuất hiện trong thời gian cởi trói đã chứng tỏ nhà văn Việt Nam, dù sau nhiều năm chịu kìm kẹp, vẫn chứng tỏ được khả năng sáng tạo của họ. Nỗ lực như vậy luôn luôn có ở ngoài nước, không phải chỉ mới đây. Nó phát sinh từ lòng yêu thương văn học, nghệ thuật, hay sự đam mê hoàn thành và cống hiến những công trình trí thức cho quê hương, cho con người. Đa số tác giả là những người tỵ nạn có một đời sống vật chất không vượt mức trung bình của người Việt Nam lưu vong. Những nỗ lực như vậy, trong hay ngoài nước, đều cần được đón nhận với nhiệt tình. Vì hoàn cảnh trong nước, các tác phẩm được viết ra trong thời kỳ cởi trói ít nhiều chịu hạn chế do tâm lý phản kháng một thực tại tối tăm, nghiệt ngã. Các tác giả trong nước, do đó, sẽ chịu phần nào thiệt thòi một khi tác phẩm của họ trở thành đối tượng cho những đánh giá biệt lập với các yếu tố thời sự. Không biết sẽ có bao nhiêu trong số này sẽ được tồn tại với thời gian, như những tác phẩm của Võ Phiến viết cách đây trên ba mươi năm? Hay như những tác phẩm có giá trị ở ngoài nước của các nhà văn Việt Nam lưu vong, Nguyễn Mộng Giác chẳng hạn, mặc dầu công trình của các tác giả lưu vong ít nhiều đều hàm chứa những nghiệt ngã của lịch sử Việt Nam? Tuy nhiên, sẽ rất bất công, nếu chỉ dựa vào một vài yếu tố có tính thời sự nào đó, để phủ nhận tài năng, tấm lòng yêu thương nghệ thuật và con người của những tác giả trong nước, cũng như để đánh giá thấp tác phẩm của họ. Đồng thời, cũng sẽ là một hành động rất vội vã và thiếu suy nghĩ nếu, *chỉ vì sự chuyển mình đáng ngạc nhiên của nền văn chương trong nước từ tình trạng "phải đạo"*, để làm một sự *so sánh cao thấp* giữa hai nỗ lực song song. So sánh cao thấp giữa hai nền văn học không phải là điều dễ làm. Hơn nữa, nhu cầu trước mắt cũng không phải là một sự so sánh

như vậy, mà là *nhu cầu hỗ trợ để các nỗ lực đó mạnh hơn, lớn hơn, và tốt hơn*. Hiện nay, các nỗ lực đó, dù hiện hữu rõ rệt, vẫn *chưa đủ sức thắng nổi khả năng tạo ù lỳ của những thế lực bảo thủ*. Vì thế mà cảm giác trì trệ vẫn bàng bạc khắp nơi.

Ở trong nước, thế lực bảo thủ là một tập thể có súng đạn, có quyền lực, có khả năng thắt chặt bao tử người khác. Ở ngoài nước, thế lực này là một tập hợp không đồng nhất, có báo chí, có ưa thích ra tuyên ngôn, và tệ hại nhứt, có *khả năng làm ô nhiễm để mọi người xa lánh những sinh hoạt đứng đắn*. Nhìn kỹ, thế lực này vẫn chỉ là thiểu số. Sở dĩ họ tung hoành được, phần lớn cũng nhờ những thói quen không mấy tốt đẹp của người thưởng ngoạn, hay người tiêu thụ, nói chung. Tôi muốn nói những người tiêu thụ công trình hay việc làm của người khác. Khi không thích một cá nhân nào, chỉ cần một vài khuyết điểm nhỏ nhặt hay chỉ do những yếu tố hoàn toàn biệt lập với những tiêu chuẩn cần thiết để đánh giá một công trình, người ta vẫn có thể phê phán rất tàn bạo, hay đi xa hơn, hủy hoại tất cả công trình của những cá nhân đó. Điều nguy hiểm, và là một thực tế khá phũ phàng, là *nhiều người thuộc giới sinh hoạt văn học, nghệ thuật cũng bị lôi cuốn vào các trò chơi quái ác đó*. Khi người cống hiến trở nên người tiêu thụ sự cống hiến của kẻ khác, lắm lúc họ cũng có phần tâm lý giống như của bất cứ kẻ tiêu thụ nào. Trong thực tế, sự phá hoại của những kẻ mà ai nấy đều biết chẳng có khả năng nào cả về văn học, nghệ thuật thường không có sức thuyết phục quần chúng xông vào trận chiến. *Chính những phê phán phát sinh từ sự ganh tị, ích kỷ, thiếu trách nhiệm của những nhân vật có ít nhiều uy tín trong các lãnh vực sinh hoạt này mới là những phát súng có tính cách quyết định.* Hậu quả là môi trường sinh hoạt văn học, nghệ thuật, chính trị, xã hội... đã bị ô nhiễm đến mức độ khiến cho số người tham dự vào các sinh hoạt này chẳng là gì cả nếu đem so với số người tham dự các sinh hoạt có tính cách vui chơi, cho dù chỉ hạn chế vào số người mà tóc đã đổi màu. Người Việt nổi tiếng chống ngoại xâm trong suốt mấy ngàn năm lịch sử. Khi chống ngoại xâm, người ta có thể tàn phá bất cứ cây cầu nào đã xây dựng trên sông, để ngăn chặn đường tiến quân của quân thù. Có phải vì vậy, mà khi chiến tranh chấm dứt, thói quen vẫn còn đó, người ta vẫn tiếp tục phá đi những công trình của những người mà họ cho là kẻ thù của họ. Những người nghiên cứu lịch sử và văn hóa Việt Nam gặp biết bao nhiêu khó khăn khi cần thu thập tài liệu về lịch sử, văn minh, nghệ thuật... Việt

Nam. Qua mấy ngàn năm lịch sử, kiến trúc Việt Nam gần như chỉ còn lại có cái chùa Một Cột để hãnh diện. Vậy mà, vào năm 1954, trước khi di cư vào Nam, một ông đảng phái nào đó đã đặt bom phá vỡ chùa, vì không muốn để lọt vào tay địch. Không biết kết quả sự phá hoại đó đến mức độ nào, nhưng quả thật, đó là một nhục nhã chung. Điều ngạc nhiên, không thấy kẻ phá hoại bị xử tội.

Khi không yêu thích thì xử với nhau như vậy, nhưng khi yêu thích thì sao? Cùng lắm là một lời khen, một tiếng vỗ tay. Ở đâu đó vẫn có những cảnh mặc áo thụng vái nhau. Nhưng chỉ có vái nhau giữa những người có liên hệ cá nhân hay quyền lợi. Ít ai coi đó là những sinh hoạt nghiêm chỉnh. Cũng có những bài phê bình có thể phát xuất từ tâm thành nhưng lại mang nặng phần tâng bốc quá đáng. Trong trường hợp này, sự thành thật và khả năng phán đoán của người phê bình rồi cũng sẽ được đánh giá bởi người được phê bình hay bởi bất cứ người đọc nào. Và do đó, sẽ được hưởng ứng hay sẽ phải trả một giá nào đó tương xứng. Chung chung, trong quần chúng Việt Nam hiện nay, và nhất là giữa những người có liên hệ đến những sinh hoạt trí thức, những lời khen thành thật, những tiếng vỗ tay với nhiệt tình, ít khi được "ban phát" một cách rộng rãi. *Rất hà tiện là đằng khác.*

Những người làm văn học, nghệ thuật, hay làm việc xã hội, cũng là những người rất bình thường. Họ cũng thích nghe lời khen, thích nghe tiếng vỗ tay. Ở phương Tây, với những nghệ sĩ ưa chuộng, người ta vỗ tay ít nhất ba lần sau mỗi khi trình diễn. Ở các cộng đồng Việt Nam, trong hay ngoài nước, có rất nhiều người đứng dậy ra về trước khi vỗ tay. Trường hợp những gánh hát bội được cộng đồng nuôi dưỡng như ở những làng quê Việt Nam cách đây hơn năm mươi năm, ngày nay không còn nữa. Có lẽ chiến tranh đã tàn phá lòng yêu thương của người Việt Nam dành cho những kẻ đã cống hiến tài năng của họ cho nghệ thuật, cho đời sống, cũng như chiến tranh đã tạo cho con người thói quen tàn phá công trình của người khác, như đã nói ở trên? Thế nhưng, ở Nhật Bổn, trước khi Minh Trị Thiên Hoàng cầm quyền, nghèo đói và nội chiến liên miên, mà sao văn học, nghệ thuật ở nước họ vẫn luôn luôn được yêu thương, được ấp ủ như vậy? Thậm chí, bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* của Việt Nam cũng được hiệu đính và cho in ở Nhật Bổn cách đây hơn một trăm năm, vào lúc mà chẳng có bao nhiêu người Việt biết rằng

ở một nơi nào đó trên thế gian có một nước mang tên Nhật Bổn (4). Có một cái gì không ổn ở đây. Có một cái gì rất vị kỷ trong con người Việt Nam chăng?

Mấy năm qua, ở Việt nam, cũng như ở hải ngoại, người ta nói nhiều đến thiên tài Đặng Thái Sơn. Không biết có phải vì tiếng đàn của Đặng Thái Sơn đã chiếm ngự con tim của rất nhiều người Việt Nam hay vì cái giải *Chopin* dành cho người Việt Nam Đặng Thái Sơn đã mang đến cho những người Việt Nam khác một viên kim cương nhỏ bé vào lòng kiêu hãnh cá nhân của họ? Cần nhìn lại một thực tế. Tài năng của Đặng Thái Sơn được một giáo sư người Nga khám phá, hướng dẫn. Trước khi nổi tiếng, ông bị chính quyền Cộng sản Việt Nam làm khó dễ, nhưng ông được người Nga tận tình giúp đỡ, và tiếng đàn tuyệt vời của ông được người Ba Lan chính thức công nhận. Ngày nay, mặc dầu chưa được xếp vào hàng những nghệ sĩ dương cầm thượng đẳng, như Rubinstein chẳng hạn, đã có rất nhiều người trên thế giới hâm mộ tiếng đàn của Đặng Thái Sơn, đã đứng lên vỗ tay nồng nhiệt để tỏ lòng ngưỡng mộ và cũng để cảm ơn sự cống hiến tài năng của ông. Trong số những người vỗ tay này, có rất ít, rất ít, người Việt Nam. Ngày nay, Đặng Thái Sơn định cư ở Canada. Ông sống xa quê hương Việt Nam và cũng chẳng gần các cộng đồng Việt Nam hải ngoại.

Người ta thường phàn nàn là hiện nay, sách vở thì nhiều mà sách giá trị thì ít. Nhưng, những đáp ứng của cộng đồng dành cho số ít những sách giá trị đó không hề là một đáp ứng nồng nhiệt. Sách giá trị bán không lỗ là may lắm.

Phê bình nghiêm chỉnh và xây dựng về bất kỳ một công trình nào cũng là điều cần thiết. Hơn thế nữa, rất cần sự can đảm nói lên những nhận định đúng đắn, những khen chê thành thật phát xuất từ khả năng đánh giá của mỗi người. Thường thường, người đọc sách, hay người tiêu thụ nói chung, có những khen chê rất nghiêm chỉnh và thẳng thắn khi vấn đề được thảo luận trong những bàn ăn hay trong một sinh hoạt nhỏ. Đứng trước số đông, ít khi họ dám phát biểu trái với những phê phán cực đoan và bất công, nhứt là những phê phán mang đầy dẫy khẩu hiệu. Nếu không nói hùa theo người khác, họ giữ im lặng. Trong vài trường hợp, "im lặng" cũng là cách biểu lộ bất mãn rất lịch sự. Tuy nhiên, làm sao có

thể tạo được những sinh hoạt tiến bộ, có tự do, có phẩm chất, trong khi những người có ý kiến khác chỉ giữ thái độ im lặng?

Nguyên nhân, có lẽ còn nhiều lắm. Có thể sẽ không có nhiều người đồng ý với nhau nguyên nhân nào là chính, nguyên nhân nào là phụ. Tuy nhiên, vẫn có nhiều người đồng ý với nhau là quả thật, đang có tình trạng trì trệ trong những sinh hoạt Việt Nam. Văn học, nghệ thuật, xã hội, chính trị, v.v... Nói khác đi, *đang có nọa tính trong những sinh hoạt này.*

Luật Nọa Tính, hay Quán Tính, trong Vật Lý, phát biểu rằng *khi một vật không chịu tác dụng bởi một lực nào cả thì nếu nó đang đứng yên nó sẽ tiếp tục đứng yên, nếu nó đang chuyển động nó sẽ tiếp tục chuyển động với cùng một vận tốc*. Việt Nam đang có nọa tính ở ngoài đời, cũng như đang có nọa tính trong văn. Ở tình trạng nọa tính, các phe nhóm Việt Nam đang công kích, đánh phá nhau sẽ tiếp tục công kích, đánh phá nhau với cùng cường độ. Những ai chủ trương im lặng là vàng sẽ tiếp tục chủ trương im lặng là vàng. Những ai thấy chỉ có mình mới là người yêu nước sẽ tiếp tục thấy chỉ có mình mới là người yêu nước. Những ai chống đối kịch liệt những kẻ làm khác mình sẽ tiếp tục chống đối kịch liệt những kẻ làm khác mình. Những ai đã làm lãnh tụ chính trị từ trước khi di tản sẽ tiếp tục quyết tâm làm lãnh tụ chính trị cho đến ngày về, v.v... và v.v...

Để phá vỡ nọa tính, cần một lực tác dụng nào đó, một sức mạnh nào đó.

Sức mạnh của những cơn bão thời đại đã làm trốc ngã những cấu trúc chính trị ở Đông Âu, đã đánh bạt những suy nghĩ gần như bất khả lay chuyển của những con người bị đóng khung trong một xã hội chuyên chế suốt hơn bảy mươi năm, cũng như, đã thay đổi hẳn cái nhìn về thế giới của những con người quen nhìn một thế giới lưỡng cực của bốn mươi lăm năm chiến tranh lạnh.

Sức mạnh đó vẫn chưa lay chuyển nổi nọa tính của người Việt Nam.

Chỉ còn một cách: *dùng sức mạnh cộng hưởng của đam mê từ những con người có đam mê cống hiến tài năng cho cuộc đời.*

Nói đến *cống hiến* ở đây, tôi muốn nói những *cống hiến mới*. Bất cứ công trình nào, dù thuộc lãnh vực văn học, nghệ thuật, biên khảo, khoa học, v.v... cũng bao gồm phần lặp lại một cách nào đó những công trình hay sáng tạo của người khác hay của chính mình từ trước. Nhưng nếu chỉ có thế, nếu không có phần nào mới, phần nào đặc thù cho chính công

trình đó, nó không thể được xem là một cống hiến cho cuộc đời. Bởi vì, cuộc đời đã có cái đó rồi. *Lặp lại chỉ là một hình thức của nọa tính.*

Chúng ta vẫn có rất nhiều người đam mê cống hiến tài năng cho cuộc đời, cho dân tộc, cho quê hương. Nhưng những sức mạnh của đam mê đó, nhiều khi không cộng hưởng với nhau, *nhiều khi còn hủy hoại lẫn nhau*. Có người đưa ra hình ảnh về họ, những tài năng muốn xông xáo trong cả bão táp để cống hiến cho cuộc đời, như những chiến sĩ xông pha ngoài trận mạc. Thay vì cứ xông thẳng tới trước, nhìn cho ra địch quân, nhắm thật kỹ rồi bắn, dưới những góc độ khác nhau, tùy theo vị trí của mỗi người, những chiến sĩ này *lúc nào cũng dáo dác nhìn chung quanh*, lo âu không biết những đứa bạn mình có bắn không, có biết bắn không, có bắn cùng góc độ với mình không, có bị địch quân gạt gẫm không, có phản bội không. Rốt cuộc, chẳng có địch quân nào chết. Rốt cuộc, có bắn lẫn nhau. Rốt cuộc, sự đóng góp của Việt Nam vào kho tàng văn hóa của nhân loại chẳng được bao nhiêu. Hình ảnh này, cũng như lời kết tội trên kia của Petronius, có đôi chút châm biếm quá đáng, nhưng không phải không có phần đúng.

Cái đam mê và quyết tâm đi đến cùng, cộng với tài năng của một người để tạo nên một công trình cống hiến cho đời, thường vẫn có khả năng thay đổi cái nhìn của muôn người về giá trị của đời sống. *Hãy cống hiến trước đã*. Đừng thắc mắc nhiều về khả năng cống hiến của người khác.

Người viết sử phải viết cho được một công trình về lịch sử trung thực với cái nhìn của ông ta về lịch sử. Bất chấp người khác nghĩ sao. Ông ta có quyền bỏ nghề viết sử để đi kiếm bất cứ nghề nào khác. Nhưng nếu tiếp tục, ông phải có đủ can đảm, kiên trì, và lòng yêu sự thật của một nhà viết sử, như bậc tiền bối của ông, sử gia Tư Mã Thiên, đã có. Để rồi, một ngày nào đó, cũng như Tư Mã Thiên, ông sẽ thay đổi được cái nhìn sai lầm của con người về lịch sử hay về một giai đoạn của lịch sử. Người viết văn, làm thơ, vẽ, viết phê bình, biên khảo, làm chính trị, xã hội... cũng vậy. Phải thành thật với mình trước hết, tin vào điều tốt mà mình sẽ đem lại cho cuộc đời, tin vào khả năng của mình, học hỏi để cải thiện không ngừng khả năng của mình. Và, *đi tới cùng để hoàn tất công trình. Công trình càng dài hơi càng tốt*. Bất chấp đe dọa. Bất chấp trở ngại. Cứ làm thật với lòng mình trước đã.

Để kết thúc bài này, xin liều lĩnh mượn tạm mấy chữ cuối cùng của câu linh chú trong *Bát Nhã Tâm Kinh*, "Yết đế, yết đế..."

Cứ làm đi

Cứ làm đi

Cứ làm thật tốt đi.

TRƯƠNG VŨ

1-1992

---

(1) Về tình trạng trì trệ của Văn Học Việt Nam hải ngoại, xin đọc:
- Nguyễn Mộng Giác, *Góp Ý Về Một Cách Nhìn*, Văn Học xuân Tân Mùi, 1991.
- Thụy Khuê, *Đập Vỡ Cái Ghetto*, Thế Kỷ 21, tháng chín 1991.
- Bùi Bích Hà, *Khi Người Ta Không Thở Được Nữa Nên Phải Ôm Lấy Ngực Giải Thích...*, Thế Kỷ 21, tháng mười 1991.
- Trần Vũ, *Những Vòng Tường Ghetto*, Hợp Lưu số 2, tháng mười hai, 1991.

Về các vấn đề sáng tác ở hải ngoại, xin đọc các bài sau đây của Võ Đình, trong tuyển tập *Sao Có Tiếng Sóng* do nhà Văn Nghệ xuất bản, 1991:
- Sáng Tác Tự Do.
- Trường Hợp Ông Kim.

(2) Phim *Back To The Future* (Về Lại Tương Lai), phần I, do tài tử Michael J. Fox thủ vai Marty McFly, hãng MCA Universal thực hiện.

(3) Tác phẩm *Quo Vadis* của Henryk Sienkiewiecz (cuối thế kỷ 19) do Jeremiah Curtin dịch ra Anh văn từ tiếng Ba Lan, nhà xuất bản Little, Brown & Company.

(4) *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* do Lê Văn Hưu khởi viết từ thế kỷ 13, được nhiều sử gia tiếp tục biên soạn, trong đó có Ngô Sĩ Liên, Lê Hy, trong suốt 425 năm (hoàn thành năm 1667). Bản in ở Nhật năm 1884, do Hikida Toshiaki hiệu đính, dựa theo bản in của Quốc Tử Giám Thuận Hóa được khắc vào thời Tự Đức (1848-1883).



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

chiều sương

Tiến ra về nhưng dư âm buổi tiệc tàn vẫn bàng hoàng rờn rợn như có như không? Trời lạnh buốt, trên bảng số đèn hiệu nhấp nháy con số 30 độ F trong buổi xế chiều, hứa hẹn con số sẽ còn tụt xuống thêm nữa, 20, 15 cũng không chừng, đêm nay.

Quần jean dày, sù sụ áo choàng dài màu nỉ vàng xỉn, đôi găng tay màu xám chẳng ăn nhập gì tới cái mũ len đen, Tiến sùm sụp và nhớ hình như mình đã kêu lên "thoát" khi xô cánh cửa lớn của apartment để vào phòng. Giống y như lúc vượt biển, khi nghe tài công báo đã ra tới hải phận quốc tế, một tiếng "thoát" cũng kêu rền trong lồng ngực Tiến như thế.

Sau đó mỗi khi rỗi rảnh lẩm cẩm nghĩ lại Tiến tự hỏi mình bảo *thoát* là *thoát* cái gì thế? Thoát khỏi mạng lưới công an biên phòng, thoát những ngày hồi hộp suy tính so đo chạy theo mối này mánh kia dụ dỗ, nom ông Y. dễ tin cậy, phúc đức hơn bà A., chồng tiền cho lần này chắc là chắc ăn không bị gạt lừa như những lần trước. Dần dà nghĩ thêm, lại thấy *thoát* nhiều thứ khác: thoát những ngày lêu bêu lềnh bềnh như rác rến, không biết cách làm gì ăn, vì dù cho muốn bán sức lao động của mình rẻ mạt cũng không ai mua, không biết ở đâu cho cố định vì sau chuyến vượt biên lần đầu bất thành, hộ khẩu bị tịch thu cứ bạ đại vào, quanh quẩn mấy nhà chị em bà con, riết rồi như một thứ ôn dịch, mặc

cho chủ nhà mở cửa hay không mở, cứ lừ lừ xông đến, ập vào. Và dĩ nhiên những bộ mặt tống ôn sẽ còn dài dài tiếp đón nếu không có chút tiền Mỹ của ông anh yêu quý lâu lâu gởi về tiếp tế. Suốt trong thời gian dài ấy, quả ông anh yêu quý thực là một tấm bùa hộ mạng! Cái nhà anh chủ ghe lần cuối vượt biển thành công đó cũng vì tin là Tiến có ông anh giàu sụ ở Mỹ nên đã cho Tiến leo lên ghe của hắn với lời hứa sẽ chung ba ngàn đô khi tới Mỹ. Bù lại, trong lúc chờ đợi Tiến cũng lai rai lui tới nhà hắn, cạn vét chút vốn liếng Anh văn còm cõi còn sót lại của thời học trung học để dạy ba đứa con hắn những câu hỏi đáp tào lao vô thưởng vô phạt như hi, how are you, where do you go. (Qua tới Mỹ rồi chắc ba đứa nhỏ sẽ hết sức cười thầm vì đã có một thời nó được học Anh ngữ đàm thoại với một vị thầy kỳ lạ hiếm có trong lịch sử.)

Vậy mà câu chuyện lúc nãy ở bàn tiệc đưa đẩy thế nào lại dính tới cái đề tài vượt biển!

Mỗi người phát biểu một cách và như muôn vạn lần họp mặt khác, ở nhiều nơi với nhiều loại người khác nhau, mọi người đều thích nói hơn là nghe người khác nói. Không chắc gì mọi người nói thật hết điều mình đang suy nghĩ, cũng không chắc là họ hết sức tin tưởng điều mình đang phát biểu, nhưng mọi người ai cũng cố gắng làm nổi bật *vị trí, quan điểm, cách biện luận* vân vân... và nhất là cái cá nhân xuất sắc độc đáo của mình bằng những *lý luận, dữ kiện* thao thao bất tuyệt làm như một cách cần thiết để tiêu đi số năng lượng quá đáng do bữa ăn ê hề thừa thãi mà chủ nhân vừa thết đãi. Và hầu hết, *mình nói mình nghe* vẫn là châm ngôn chính trong mọi đề tài. Sôi nổi là thời sự quốc tế, sự sụp đổ của chủ thuyết Cộng sản, vấn đề xây dựng dân chủ ở Việt Nam hiện nay và sau này là những đề tài lớn của những bậc trí thức khoa bảng, văn nghệ cởi trói và văn học hải ngoại, đề tài tranh luận của những ai có cầm bút (ai mà chả cầm bút! cầm bút ký giấy nợ, cầm bút ký giấy ly dị, cầm bút viết lời đăng báo tìm bạn tri âm, cầm bút rao cái quảng cáo bán nhà... Nhưng mấy chuyện đó lại không được kể vào giới cầm bút!) Tham gia hoài vào mấy cuộc nói chuyện đó, Tiến thấy nên học tập và gia nhập vào một nhóm thứ ba, sau hai nhóm *tranh* và *luận*, là chỉ nên ngồi im nghe chơi hoặc nghe chăm chú, rảnh rỗi thì quan sát vẻ mặt, cách nói năng, cái miệng cái mũi của người này người kia. Trí óc dường như tê liệt cứ như hết nóng thì tới lạnh, hết khôn thì tới dại, hết phải thì sang trái. Vậy thôi,

tan buổi tiệc ra về, *rũ áo phong sương trên gác trọ*, đâu còn nhớ gì những luận cứ, luận điểm cho tới những chuyện tiếu lâm hết sức tục tĩu vẫn cứ kể khơi khơi trước mặt các bà các cô. Ý kiến phe chánh phe tà, mọi người như có nhu cầu phải tụ họp và phải nói, nói cho vui rồi thì *cơm ai nấy ăn nhà ai nấy ngủ việc ai nấy cày*. Người nào có việc thong dong nhàn nhã thì cứ tiếp tục thong dong nhàn nhã, người khác đầu tắt mặt tối thì cứ tối mặt tắt đầu, người nào đắc đào thì lại hả hê hớn hở với cái số *đào hoa chi lạ* của mình, ông khác có vợ vừa mập vừa xấu vừa dữ thì lại trở về với cái thực tại không thể chối cãi được! Mọi người, Tiến nghĩ, chắc cũng như mình thôi, những cuộc họp mặt có khi nghiêm trang, có khi hát hò ầm ĩ, có khi vui nhộn tục tĩu, có khi thơ nhạc giao duyên thơ mộng, có khi lạt lẽo cứng đờ, rồi tan cuộc mọi người lại trở về với những u ẩn niềm riêng. Nhưng lần sau lại tới, lại cười đùa, lại chuyện trò với một bộ mặt nhất định nào đấy như một quyết tâm che dấu bộ mặt chân thật trung thực nhất của mình.

Người ta gọi cái đó là bộ mặt xã hội, là đời sống xã giao, là những quan hệ cần thiết trong mối dây liên lạc giữa cộng đồng văn minh.

Khó có thể tưởng tượng, một buổi mai chủ nhật đẹp trời nào đó có một tên bạn đi cà lơ phất phơ ngoài đường chán, bỗng nổi hứng tạt vào nhà mình, uống tách cà phê nói dăm ba câu chuyện trời mưa trời nắng, có khi kéo dài luôn cả buổi rồi khơi khơi bỏ về. Vậy mà tỉ tê tâm sự ra phết, vậy mà gỡ rối tơ lòng đến điều, vậy mà ấm áp tình người quá sức. Tiến vẫn có và vẫn nhớ mình đã có những tình bạn ăm ắp như vậy, như những ngày còn ở Việt Nam.

Ở đây thì giờ hạn hẹp, thời khóa biểu của ai cũng dày đặc, hết job một đến job hai, việc nhà việc sở chồng chất lên nhau, thứ bảy chủ nhật người tíu tít với vợ con, bồ bịch, người thì tham gia sinh hoạt cộng đồng, phải làm một cái gì cho tên tuổi của mình và quê hương dân tộc chớ (sau khi đã chạy tóe khói theo tiền), thì giờ đâu mà phí phạm cả một buổi sáng cho chỉ độc nhất một tên bạn thôi? Nếu đã tính phải mất nguyên một buổi, thường là buổi chiều hay buổi tối, thì một công hai việc làm luôn một cái party gặp luôn cả... hai ba chục thằng bạn một thể, có thêm vợ con hắn nữa càng tốt, phần thì trả nợ miệng mấy lần trước hắn khoản đãi mình, phần thì nối lại giao tình có hơi lỏng lẻo lơ là với một tên khác, có khi lại là đưa bàn tay ra bắt lại tay để giải hòa với một kẻ mà ta không

ưa gì mấy, nhưng nếu không quen với hắn thì cũng không xong. Vấn đề chính phải quan tâm là thức ăn đầy đủ, thực khách đông đảo, tiếp tân nhã nhặn, xong việc, chủ nhân đắc ý xoa tay hài lòng. Cái quan hệ chừng mực, phải đạo, không xâm lấn vào đời sống riêng tư cá nhân của ai mà cũng không chờ đợi một sự suồng sã bộc bạch tâm tình để thân hơn của bất cứ ai trong quý vị quan khách, cho nên chẳng bao giờ nó níu kéo được ai lại gần hơn với nhau trong cái lối sống gọi là văn minh lịch lãm của thị dân đô thị lớn làm Tiến gần ngộp thở. Không thể kiếm đâu ra một người bạn để nói chuyện tâm tình theo cái nghĩa đúng đắn nhất của nó là có nhiều khi chẳng nói quái gì hết mà vẫn im lặng chia xẻ được như thường. Đạt được điều đó, bởi vì người bạn và mình đều không đeo bất cứ một thứ mặt nạ xã hội nào hết, cứ nói phăng bộc tuệch những gì mình đau đớn và hạnh phúc, bởi vì mình nói thẳng và hắn nghe thẳng, chẳng truyền âm nhập mật gì nhưng mình vừa há miệng như cá đớp mồi thì hắn đã biết mình ưa loại mồi gì rồi.

Tiến không biết rồi những kịch sĩ đóng kịch quen trên sân khấu khi về lại cuộc đời, họ có bị méo mó nghề nghiệp gì không. Mỗi lần xem kịch trên Tivi, thấy một nữ diễn viên xinh đẹp đang mở miệng hoa nũng nịu thổ lộ những lời tình tứ nhất với người chồng mình, lát sau ở một xen kế tiếp cũng cái miệng hoa ấy phát ra những lời độc địa nguyền rủa tên chồng độc ác hung dữ rồi rớt nước mắt xin anh tình nhân hãy ra tay trừ gian diệt bạo, trừ khử cái lão chồng già mắc dịch kia mà giải phóng cho một đời hoa, Tiến thường bàng hoàng sửng sốt! Ánh mắt long lanh tình tứ, những cái dụi đầu nũng nịu vào ngực chồng rồi sau đó cái nhìn ngây thơ, vòng tay khờ khạo si mê vòng qua cổ anh tình nhân trắng trẻo, những điều đó, trước và sau, cái nào là cái thực? Cũng y hệt như thế, vai nam thủ diễn Casanova, ánh mắt âu yếm não nùng, bàn tay vuốt tóc, tay nâng cằm, những lời ấm áp thì thào bên tai như ru người tình vào giấc mơ tình ái. Lại một cảnh kế tiếp, chàng lại thề trăng hẹn biển, chỉ đất vạch trời, đòi móc cả trái tim tươi rói ra để lên bàn để riêng tặng cho một cô nhân tình bé nhỏ khác. Rồi nàng ba, cảnh ba, nàng bốn, cảnh bốn... Tiến thường ngẩn ngơ, ngớ ngẩn và không ngớt tự hỏi trong đầu:

- Làm sao thế nhỉ, làm sao người ta có thể thực sự tài tình như thế nhỉ?

Kịch là gì, nếu không phải là những bản sao chép lại cuộc đời? Tiến

rùng mình, và kịch càng hay càng xúc động vì nó càng chép y boong đúng cuộc đời. Vậy thì, sống ở đời mà vụng về chất phác, không biết đóng kịch, không dám nói dối, diễn đạt chân thành nhất mà suy nghĩ thì cứ ấm a ấm ớ vì cứ cố cân nhắc đắn đo tìm ra cách nào thật nhất, ngắn nhất chứ không kể đến tính cách hiệu quả nhất, thuyết phục nhất, dù là phóng đại nhất và dối trá nhất, như những nhà biện thuyết vẫn thường so tài cao thấp uốn ba tấc lưỡi, những người như Tiến có lẽ càng ngày càng thấy mình lêu bêu đi bên lề cuộc sống của mọi người. Tiến cũng đi chơi chỗ này chỗ nọ, cũng có bạn bè kéo đi đình đám hội hè nhưng thường thường, Tiến như một người khách lạ cứ trố mắt kinh ngạc nhìn mọi người trổ tài ăn nói, biện luận, ca hát, giễu cợt... Thỉnh thoảng nhấp một chút bia vào, Tiến bỗng thấy mình can đảm lên một chút, như đã có lần mặt chàng nóng bừng, Tiến đã định đứng ra giữa bàn tiệc, dõng dạc nói lên rằng:

- Này mọi người, hãy mở rộng các cánh cửa chân thật của tâm hồn mình ra, mở toang ra và cho chúng tôi biết các bạn đang chờ đợi ở mọi người chung quanh điều gì? Các bạn cô đơn hả? Các bạn ân hận nuối tiếc vì có điều lầm lỡ không thể chuộc lại được? Các bạn bất hiếu với cha mẹ hay vừa phản bội vợ con lén lút ngoại tình? Có bạn nào vừa bị bồ đá muốn khóc lên một hồi cho vợi cơn đau khổ? Có bạn đồng nghiệp nào trong nhóm người hiện có mặt ở đây đã chơi xấu lẫn nhau? Hay ai đó vừa lén lút chụp mũ sau lưng bạn bè? Hãy nói lên, nói to những lời thú tội, nói nhỏ những điều ăn năn, rồi tất cả mọi người chúng ta hiện có mặt ở đây sẽ ngồi lại thân ái ôm lấy nhau như những người cuối cùng vừa sống sót qua một cơn hồng thủy đã quét sạch những lâu đài thành quách, dấu tích văn minh, nhà thương, nhà tù, rạp hát, tất cả, chúng ta đang đứng ôm nhau trên một trái đất hoang tàn và bắt đầu bắt tay xây dựng lại từ đầu... Nhưng cũng may, những ý tưởng điên rồ ấy lâu lâu lại trở lại trong ý thức của Tiến chứ chưa một lần nào Tiến đủ can đảm phát biểu thành lời, nhất là những khi uống bia, đầu óc nóng bừng. Từ đó, Tiến tự nhủ: chỉ còn một sợi dây liên lạc cuối cùng giữa mình với mọi người, mong manh, lỏng lẻo mà Tiến cũng thấy thiết tha đau xót. Tiến tự cấm mình chừa hẳn thói uống bia những khi đi party.

- Thế nào, cái chuyện vừa kể có đúng là sự thực không?

- Trăm phần trăm! Hai vợ chồng nó bỏ nhau vì thực sự ông X. không

phải là đàn ông. Cô vợ nói với moa rằng cái lỗ tiểu của ông X. không nằm ở cuối..., xin lỗi quý vị, ở cuối dương vật mà lại nằm ở dưới.

Có tiếng cười đùa lao xao rồi Tiến nghe có người lên tiếng chất vấn:

- Nhưng... nhưng tại sao tụi nó lại có con với nhau?

- Dễ ợt, chuyện đó ai cũng có thể đoán ra...

- Cha gà con vịt, cái thứ con thêm chân thêm tay đâu phải đời nay không có...

- Đi bác sĩ mua tinh trùng cấy thai thì có khó gì!

Toàn là những bộ óc thông minh nhanh nhẹn mỗi người một câu, họ bổ sung cho nhau và câu chuyện từ chỗ bàng hoàng sửng sốt, người đàn ông xưng "moa", một người khách mới Tiến chưa gặp lần nào, đã khéo léo xoay chuyển thành một câu chuyện vui đáng phấn khởi, khích lệ, để tất cả những người đàn ông có mặt đêm hôm nay cảm thấy kích thích nóng mặt vì hãnh diện vì mình đúng là một tên đàn ông thứ thiệt, đương nhiên hơn hẳn người đàn ông thiếu sót vắng mặt và đáng thương hại kia.

Lối nói chuyện phúng thích bất chấp của người khách mới nhập bọn bỗng dưng như làm thay đổi hẳn không khí giữ gìn, khách quan một cách cần thiết của những lần họp mặt trước.

Một người khác bỗng đột ngột nói:

- Tôi có chuyện này, bấy lâu vẫn giữ kín, nay đã đến lúc nói ra thì cũng không sao. Cái người đàn bà vừa mới chết một cách bí mật, chết cháy trong xe không hiểu vì xe lật hay bị ám sát, cái vụ báo chí vừa đăng tuần trước đó. Bà T., ừ, bà ta vượt biên đến đảo gặp lúc tôi đang nằm nhà thương vì bệnh dịch cúm. Hồi đó, người ta đưa vào nhà thương một thằng bé khoảng mười tuổi, người nó xanh xao kiệt sức vì đói lả. Nghe nói khi tàu đánh cá đụng phải xác thuyền vượt biển của thằng bé ngoài khơi Hải Nam thì cả ghe đã chết hết, la liệt những xác chết, cột buồm gãy, bánh lái đứt, chỉ còn sót lại có hai người là bà T. và thằng bé. Thằng bé bất tỉnh nhưng còn nóng nên thuyền đánh cá đã kịp cứu bà T. và thằng bé đem giao cho tàu cảnh sát Hồng Kông. Khi tôi đã bớt bệnh thì cả nhà thương trống trơn không có ai ngoài tôi và thằng bé. Nó kể cho tôi nghe là suýt tí nữa nó bị bà T. ăn thịt. Vâng, nó bảo thuyền gặp bão lênh đênh trên mặt biển mất hướng không biết đã bao nhiêu ngày, mọi người lần lượt chết hết, cả người anh dẫn nó đi vượt biên cũng chết, người sống lần lượt vực những thây nào chết lâu vứt xuống biển. Thằng bé nằm chết gục

trên thuyền, bỗng một hôm mở mắt ra nó thấy bà T. dùng cái tay quay ma-ni-ven vẫn quay để mở máy tàu, ra sức đánh vào đầu một người đàn ông khá mập mạp, nó khiếp hãi quá ngất đi, một hồi sau tỉnh dậy thì thấy miệng và mặt bà T. dính đầy máu. Ngực người đàn ông vừa bị đánh chết kia bị mổ rạch tan hoang, máu trào cả vũng đen đặc trên lòng ghe. Ngày sau đó, trước khi gặp tàu đánh cá, thằng bé thấy bà T. ngồi thu lu ở trước mũi tàu tay cầm cái ma-ni-ven mắt ngó đâu đâu. Bỗng nhiên tia mắt của bà đụng phải tia mắt nó đang chăm chú nhìn, bà liền đứng dựng lên và lao đến phía nó như một mũi tên. Nó phần vì kinh hãi quá phần thì đã đuối sức nên nằm liệt luôn. Nó nghe tiếng bà T. rít thì thào qua hai hàm răng:

- À, cả ghe này bây giờ chỉ còn mày là còn máu nóng thôi. Ngày mai, ngày mốt, tao hãy cứ để dành mày qua ngày mai ngày mốt...

Sau đó thằng bé lại ngất đi, tỉnh dậy đã thấy mình nằm trên thuyền đánh cá.

Tôi nghĩ rằng nó hoảng loạn quá nên có thể ảo giác lẫn lộn với ác mộng, điều nó kể có thể thực, có thể không, nhưng cũng tò mò muốn biết bà T. là ai. Khi hết bệnh, trở về khu trại cấm thì tôi nghe mọi người trong trại đồn ầm lên về cái thuyền vừa được tàu đánh cá vớt, mọi người trên thuyền ăn thịt lẫn nhau để sống, cuối cùng chỉ còn sót lại có hai người là thằng bé mà tôi đã gặp và bà T. Lúc bấy giờ bà ta đã nhập trại, bà là một người đàn bà đẹp, dù lúc đó đã cạo đầu xuống tóc và vẻ mặt xanh xao tiều tụy thất thần...

Người kể chuyện im bặt và mọi người sau mấy giây lặng lẽ bỗng lại ồn ào lên vì chuyện hồn ma báo oán, chuyện những người đàn bà con gái bị hải tặc đôi ba lần hãm hiếp, chuyện vượt biển hết sạch nước phải đái ra uống... rồi bỗng nhiên như một trực giác bất ngờ, Tiến nhận thấy ánh mắt nghi ngờ nghi ngại ẩn hiện từ đôi mắt của những người trong đám thực khách không thuộc vào nhóm vượt biên. Họ là những du học sinh đã sang Mỹ từ trước bảy lăm, họ là những viên chức quân nhân cao cấp hay không cao cấp đã tháo chạy bằng mọi cách xuống được tàu Mỹ khi ngày ba mươi tháng tư Sài Gòn mở ngõ cho quân đội Bắc Việt tràn vào. Hình như nhóm người đó đang đứng về một phía và chiếu những tia mắt nghi ngờ lo ngại về những người tên gọi là thuyền nhân vượt biển hay đi bộ vượt biên. Hình như một loạt phải xét lại lý lịch đáng ngờ của những

người này, biết đâu trong bọn ngợm đó lại không lẫn lộn những tên sát nhân cướp của giết người trong cái quá khứ lu mờ chập choạng nửa tháng hay hai ba tháng trên biển. Lấy gì làm bằng chứng là họ đã vượt biển yên lành tử tế tới bờ tới bến bình an mà không ít nhất uống máu ăn gan một đồng loại, hoặc khác ra thì cũng bị hãm hiếp đôi ba lần. Tiến nghe có một giọng đàn ông, lại một giọng đàn ông, cất lên chắc nịch:

- Thế mới biết, chuyện bất ngờ ghê gớm đến đâu cũng có thể xảy ra cho bất cứ người nào.

Ông này thuộc nhóm những người du học.

Có tiếng trả đũa mát mẻ:

- Cũng như bất cứ người đàn ông nào cũng có thể âm thầm... "lại cái" cho đến khi bị phát hiện.

Rõ ràng họ nói mà ẩn ý thì tỏ lộ. Người nói sau thuộc nhóm vượt biên.

Tiến cầm lon Coca bỗng nhiên bóp mạnh một cái, cái lon nhôm lép xẹp, cũng may là cái lon không nên không có chuyện gì quá đáng xảy ra.

Mặt nóng bừng, mắt như hoa đi, hàng loạt câu chất vấn hiện ra lộn xộn trong cái đầu đang kêu ù ù của Tiến:

- Này mọi người, sao lại nói với nhau những câu lạc đề như thế? Đáng lẽ phải hỏi tên khách lạ kia vì sao vợ ông X. không khai với ai về cái dương vật của chồng mình, mà chỉ khai rõ với hắn ta thôi. Tại sao không chất vấn có phải bà T. là người đã báo cho tàu đánh cá biết thằng bé ngất xỉu kia còn sống phải cứu lấy nó. Nếu quả thế, bà ta được hưởng tội giảm khinh. Nếu quả thế, một người đàn ông đầy đủ bêu riếu một người đàn ông thiếu sót đã mang tội gian dâm quyến rũ vợ người.

Mọi người sao không chịu thấy cái chính mà chỉ thấy cái phụ, sao tha bổng cho kẻ có tội mà kết án người đáng tha vì đã biết ăn năn hối hận...?

Nói tóm lại, mấy câu chất vấn "dỏm" đó có xẹt qua xẹt lại trong cái đầu nẩy lửa của Tiến nhưng cuối cùng vì chỉ uống Coca chứ không uống bia, vì thuộc nhóm thứ ba như xưa nay vẫn im lặng nghe chớ không mấy khi được nói, Tiến đã dợm bước lên hắng giọng mấy lần rồi lại nuốt lời nói vào trong cổ.

Tới chừng Tiến bình tĩnh trở lại thì thấy mọi người đã lục tục bắt tay

rộn rã từ giã nhau, chúc tụng một giáng sinh vui vẻ một năm mới an lành. *We wish you a Merry Christmas and Happy New Year*, tiếng nhạc văng vẳng đuổi theo ra cửa.

Ngày mai, một năm mới lạnh như cắt ruột lại bắt đầu. Tiến cúi đầu bước mau ra bãi đậu. Thình lình khi len lách qua đám xe cộ ngang dọc để đến xe mình, Tiến ngửng lên và thấy một người đàn bà mặc áo choàng xám, bàn tay đeo đôi găng cũng xám đang để vòng trước ngực đứng tựa vào hông xe như đang chờ đợi. Một người đàn bà lạ mặt, tóc đen châu Á, nét mặt nhợt nhạt dưới ánh đèn đêm nhưng môi son thì đỏ rực. Tiến lúng túng ấp úng định chào thì người đàn bà đã lên tiếng trước:

- Tôi chờ ông ở đây để cảm ơn ông. Ban nãy tôi biết ông không a dua với họ để kết tội bà T., vâng, tôi là em của bà T. Người đã chết đáng được tha tội cũng như những người trên con thuyền kia, dù họ có thành ra những hồn ma thì cũng chẳng có lý gì để báo oán.

Thằng bé gặp ông nọ trong nhà thương, nó không hề biết một điều là bà T. cầm cái tay quay kia không phải để giết người như nó tưởng, mà chỉ để chống trả với lũ cá mập lúc bấy giờ đang đeo theo mấy cái xác chết trên ghe đã có mùi. Vả lại, như ông *nghĩ*, bà T. cũng đã ăn năn hối hận biết bao khi lên bờ, đã cạo đầu xuống tóc để xin chuộc lỗi...

Hình như giọng nói cũng sắc lạnh như tiếng gió rít lúc bấy giờ, Tiến cứ đứng ngây người ra nghe và người đàn bà kia cứ tiếp tục nói. Và cứ như mỗi lần bàng hoàng luống cuống thì Tiến lại càng ngậm miệng như cóc, chỉ biết há hốc đứng trơ ra.

Một lát sau, có lẽ trước khi bỏ đi, người đàn bà đã thở dài thì thào điều gì đó về sự phải trái, rủi may, sống chết mà Tiến nghe không rõ. Chung quanh bốn bề vắng ngắt, cho tới khi Tiến hoàn hồn mở được cửa xe chui vào, đề máy rồi từ từ rời bãi đậu vẫn không có lấy một bóng người.

Dưới ánh đèn mờ mờ rợn rợn của một buổi chiều cuối năm lạnh lẽo đầy sương, Tiến thấy mơ hồ có những chuỗi đèn xe nhấp nháy ngược chiều với xe mình, có những ánh đèn xe đi sau lấp loáng bỗng vượt lên, nhịp nhàng đưa đẩy với những trụ đèn xanh đỏ báo hiệu ở mỗi bên góc phố ma trơi.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Tháng 12/1991



PHẠM VIỆT CƯỜNG

chuyện cũ

nói chung
không còn ai than khóc nữa
chuyện chết chóc biệt ly
chuyện tù đày nghèo đói
đã qua rồi
anh không thể tự dày vò mãi

cho nên chuyện rất thường tình
khi lối vào freeway không còn làm anh chóng mặt
và bước chân tự tin
bắt đầu vang trên những lối đi sáng bóng nơi shopping center
dần dần anh cũng biết là ngơ
mỗi lần gặp đồng hương ngoài phố

anh sẽ không kịp làm một kẻ lỗi thời
rồi cũng giống như mọi người
anh lên cân và bắt đầu rụng tóc
chuyện nhà cửa việc làm xe cộ
như ngọn sóng thần cao ngất
cuốn anh đi không kịp ngoái nhìn

không ai chỉ dẫn anh
phải sống như thế nào
sau lần sống sót ấy

anh sẽ không kịp u sầu
những cơn gió lạnh kỳ lạ mỗi chiều
đập vào bờ vách trống không của trí nhớ
anh sẽ chui ra chui vào như con kiến thợ
chiếc xe hãng xưởng ngôi nhà
những huyệt mộ văn minh
vùi lấp
mỗi ngày anh hững hờ khép lại mở ra
cánh cửa đời không màu sắc

hoàng hôn nơi đây không còn làm anh thảng thốt
và lọc qua nỗi dửng dưng
đêm thu mình lại như con thú mệt nhoài
anh không còn cảm thấy lạc loài
trong căn phòng apartment chật hẹp
đêm âm thầm những pháo đài câm
đêm nhấp nháy màn ảnh truyền hình
đêm thất thần những đôi mắt giả
những giấc mơ trước lúc ra đi được thay thế
bởi những bóng hình khác lạ

sau những trận football
sau những phim bắn giết
bao lâu rồi anh không ngắm một vầng trăng
bao lâu rồi anh không thấy lại trong mơ
một khuôn mặt thân yêu những ngày khốn khổ?

không ai chỉ dẫn anh
phải sống như thế nào
sau ngần ấy mất mát

sẽ không có gì làm anh sợ hãi nữa
anh đã vượt qua biết bao thách đố
những phòng tra tấn
những ánh mắt hận thù
những năm dài bị chà đạp và sỉ nhục
anh đã vượt qua biển đêm giận dữ
vượt qua đường tơ kẽ tóc của sự bạo tàn và cái chết
anh đã đi qua những cảnh đời
mà sự bình yên nơi đây dường như không có thực

không ai chỉ dẫn anh
phải sống như thế nào
sau ngần ấy tuyệt vọng

anh sẽ không kịp nhớ nhà
không kịp nghiền ngẫm nỗi đau xưa
không kịp mỉm cười trên những bức ảnh gởi về cho mẹ
anh lướt mắt thờ ơ
trên những tờ báo biếu không lăn lóc
không hình ảnh nào gợi ra với chiếc răng đau
không xúc động nào đi kèm bên tô phở
chuyện dài quê hương vẫn thế
vẫn thất nghiệp vĩnh viễn
vẫn mãi mãi đói nghèo
vẫn đợi chờ mòn mỏi
vẫn những bản án tử hình hay chung thân gì đó
- đã có những người khác thay thế anh
trong phòng biệt giam ẩm tối
*
trước kia đã nhiều lần
anh cắn răng ứa lệ
nhủ lòng
biết bao điều không thể nguôi quên.

PHẠM VIỆT CƯỜNG



PHẠM THỊ HOÀI

một chuyện cổ điển

Nhiều người phàn nàn rằng truyện của tôi thường cụt lủn, hấp tấp, mong manh, không ra đầu đũa gì, chẳng thấy các nhân vật — than ôi, quá nghèo nhân vật — có tên tuổi đàng hoàng, diện mạo chu đáo, tính cách điển hình và đặc biệt chẳng thấy hành động được thai nghén, ra đời, phát triển và kết thúc ra sao, tóm lại là quá mơ hồ; đấy cũng là lý do để rất nhiều nhà xuất bản và chủ bút báo chí rơi vào tình thế khó ăn nói, vì không thể từ chối những bản thảo hấp tấp, cụt lủn của tôi một cách cũng hấp tấp, cụt lủn như thế. Trong các trường hợp đó, thường là tôi được lĩnh hội ở họ trọn vẹn lý thuyết văn chương với luật bố cục, luật xây dựng nhân vật, luật cài, thắt và mở nút, thậm chí cả các quy tắc ngữ pháp và chính tả cần thiết. Tiếc rằng văn chương và đời sống là hai phạm trù hoàn toàn khác nhau, càng ở những nền văn minh mà đời sống thật khắc nghiệt và không biết khoan nhượng, phải, không biết đùa, giống như một cô gái già xấu xí chưa từng được ai vuốt ve và cũng chẳng có lý do gì để vuốt ve ai, khoảng cách giữa văn chương và đời sống càng xa vời, và rút cuộc có hẳn một đám đông không thèm biết đến trò chữ nghĩa vô bổ, vô duyên, chỉ cặm cụi đánh vật với đời sống, đồng thời lại có một nhúm kẻ sĩ chẳng biết đời sống là gì, cứ khư khư đắm mình trong ngôn từ, và cuối cùng có một nhóm thứ ba, đông hơn nhóm vừa rồi, theo đòi một chủ nghĩa chiết trung, mối lái khôn ngoan giữa văn chương và đời sống, như việc kinh doanh một hỗn hợp không thể đặt tên vậy.

Về phần tôi, tôi e rằng chúng ta, những người viết văn và đọc văn tội

nghiệp, sẽ mãi mãi chao đảo giữa cặp phạm trù quái ác này, và chỉ còn cách thu xếp cho mình một tư thế ổn thỏa tương đối nào đó, tùy điều kiện tâm sinh lý của mỗi người.

Điều kiện tâm sinh lý của tôi, đại loại như độ dài ngắn của hơi thở, khả năng đồng dị hóa, bố cục của tổ hợp các giác quan, gen di truyền v.v..., khiến tôi dị ứng trước các tác phẩm văn chương trong đó đời sống pha hoặc không xuất hiện, hoặc chỉ xuất hiện dưới dạng bị loãng trong một dung dịch nhạt nhẽo, nồng độ không đáng kể, hay dưới dạng bị đóng gói theo phương thức thủ công, méo mó và cẩu thả. Điều đó chưa lạ. Đáng sợ hơn là gần đây đọc lại các áng văn chương nổi tiếng của nhân loại, rõ ràng là tuyệt tác, trong đó đời sống hiện ra chồng chất, đậm đặc, và ở một vài ngòi bút thiên tài, được chưng cất một cách phi thường nhất, tôi bỗng hoang mang vô cùng. Liệu một độc giả chân thành, được đào luyện kỹ càng bởi những áng văn chương đó, khi đối mặt với đời sống thực có chịu nổi những cú sốc tinh thần tất yếu không, vì cuộc sống hoàn toàn không diễn ra theo kiểu đậm đặc, các sự kiện của một đời người hiếm khi chồng chất, và nói chung, cuộc đời trôi đi vu vơ, bình thản, tẻ nhạt hơn nhiều. Làm gì có số phận nào được mở đầu, phát triển và kết thúc chu đáo như trong văn chương, làm gì có những tình thế điển hình, đẩy người ta đến các quyết định vượt tầm thế nhân, làm gì có những trạng thái tâm lý mấp mé bờ vực hay chót vót đỉnh cao, và nhất là làm gì có sự hội tụ đầy run rủi của các nhân vật, nhân vật nào cũng đại diện cho một cái gì như vậy. Độc giả chân thành của chúng ta cứ như thế mà chờ đợi.

Vậy lần này, lần đầu tiên và cuối cùng tôi gạt bỏ sự dị ứng của mình, làm một ngoại lệ, kể một câu chuyện cổ điển nguyên chất, thực tập bài học lĩnh hội từ các giám đốc nhà xuất bản và chủ bút báo chí về luật văn chương.

Để nghiêm khắc với mình và tự động viên, tôi xin hứa sẽ mở đầu và kết thúc chu đáo, còn phần giữa chắc chắn sẽ tuột khỏi tầm kiểm soát của tôi, như mọi việc thường diễn ra trong cuộc đời.

Một buổi tối, tại căn phòng tập thể hộ độc thân chín mét vuông trường cấp III thị trấn T, Hoàng, giáo viên môn văn, tổ chức bữa tiệc nhỏ kỷ niệm sinh nhật lần thứ ba mươi lăm. Khách mời chỉ gồm hai người bạn thân. Một là Thu, giáo viên cùng bộ môn, xinh đẹp, thùy mị,

đầy lòng tin vào cuộc đời. Người kia là bác sĩ bệnh viện đa khoa thị trấn, lãng mạn và ham hiểu biết. Họ làm bạn với nhau đã nhiều năm, thường luận bàn về văn chương, chính trị, sự phát triển của khoa học, dân trí, và những đổi thay của nhân tình thế thái.

Hoàng thông minh, ưa hài hước, luôn tỏ thái độ cực đoan và là thần tượng của rất nhiều nữ sinh. Những giờ giảng dạy của anh dù về *Bước đường cùng*, *Con cá chột mưa* hay *Vùng mỏ* đều để lại cảm giác duy nhất là hoang mang cho các cậu bé và đê mê cho các cô bé lớn lên từ đồng ruộng. Anh dạy học ở thị trấn T. đã bảy năm, trải qua đủ trạng thái tinh thần của một trí thức tỉnh lẻ và không còn ảo tưởng gì về môi trường bao bọc mình. Bảy năm, anh ăn dè những khát khao mà toàn bộ năm nghìn con người thị trấn này không bao giờ hiểu, bằng cách âm thầm gửi lên thủ đô những bài thơ thai nghén công phu và dữ dội, để vài ba năm một lần, thấy chúng xuất hiện trở lại dưới dạng chữ in, được anh lưu trữ chung với giấy khai sinh và bằng tốt nghiệp đại học. Bảy năm, anh thuộc lòng những gương mặt đáng kể nhất của cái địa phương cách ga xe lửa gần nhất hai mươi tư cây số này. Nào có gì chung giữa anh và ông hiệu trưởng lùn tịt, nhắc đi nhắc lại từ năm này qua năm khác bài học về ba dòng thác cách mạng, không bao giờ đặt nổi một câu nghi vấn về bản thân và chắc chắn sẽ nhắm mắt xuôi tay như một người anh hùng đã chiến đấu và chiến thắng. Nào có gì chung giữa anh và những đồng nghiệp không tốt, cũng chẳng xấu, vì số phận chẳng phú cho họ những tình thế khiến cái tốt cái xấu mặc nhiên phát lộ. Họ tồn tại như những luống rau trong vườn tăng gia, như những đống lá rụng sân trường được các gia đình chia phiên quét về thay củi, như những buổi chào cờ sáng thứ hai hàng tuần, thủ tục nhạt nhẽo còn hơn không thủ tục, bởi không thủ tục biết lấy gì định hướng. Phải, anh biết ở đâu đó trong tất cả những con người khiêm nhường và giản dị tới mức đủ sức bóp chết bất kỳ một ý tưởng tiến hóa nào dù còn đang manh nha ấy cũng ẩn náu một lòng yêu cuộc sống thật nguyên thủy và lành mạnh, chỉ cần khơi đúng mạch là tự nó có khả năng lập những kỳ tích đáng thán phục nhất — và hình như chuyện đó đã xảy ra một, hai lần trong lịch sử vào những thời điểm sự sống bị đẩy ra đối diện cái chết — nhưng biết làm sao được, khung cảnh địa lý và tâm lý cho trước một cách không phóng khoáng gì cho lắm này đã đóng cứng họ vào một vài trạng thái tồn tại duy nhất, và họ hoàn toàn đánh mất khả năng mơ mộng về những trạng thái tồn tại khác. Họ là

những người bản xứ dù xuất thân từ bất kỳ đâu. Bảy năm, Hoàng run sợ sờ nắn từng ngày, xem cái u bản xứ trong mình cựa quậy và lớn dần, căn bệnh không thể phòng ngừa, vô phương cứu chữa.

Thời gian đầu, anh chơi cờ với ông chủ tịch huyện, chia sẻ nỗi uất ức của ông ta về vị trí chưa bao giờ là trọng điểm của huyện T. trong tỉnh, bàn luận về tất cả các phương án nhân sự quyết định bước thăng trầm của cả một địa phương gần mười vạn dân và để lại trong cặp mắt con gái ông ta nỗi đam mê tai họa, điều mà người đàn bà Việt Nam thực ra không nên trải qua nếu không muốn chuốc lấy những bi kịch lố bịch, vì ít nhất, phải đến thế kỷ sau họ mới có được quyền chọn lựa hoàn cảnh theo một nghĩa tương đối nào đó, và nỗi đam mê, một phần rất lớn, là sản phẩm của hoàn cảnh. Hoàng không biết làm gì với cô gái mười bảy tuổi sống chủ yếu bằng nguồn dinh dưỡng tinh thần hết sức đáng ngờ chắt từ cái thư viện thị trấn vá víu ấy. Đôi ba lần anh trốn trách nhiệm bằng cách tự xỉ vả mình trước mặt cô, nhưng hành động đó càng khiến anh cao xa và quyến rũ hơn, cuối cùng anh chỉ còn cách chơi cờ ở nơi khác.

Bạn cờ mới là ông Thái, chủ tịch hội phụ huynh và bảo trợ học đường, tổ trưởng tổ cán bộ hưu trí, cố vấn danh dự ban thanh tra nhân dân của tất cả các cơ quan xí nghiệp huyện T. nguyên cán bộ chính trị cấp tỉnh, thất sủng do một vụ bê bối nào đó liên quan tới chính sách đối với con em cán bộ miền Nam, nổi tiếng là người bộc trực và có tầm nhìn xa. Nhà ông Thái thờ ảnh Hồ Chủ tịch và đại tướng Võ Nguyên Giáp, hai bên treo câu đối vừa tiếng Hán vừa tiếng Việt, dưới lại để thơ tiếng Pháp. Con cái ông đều tốt nghiệp đại học; có người làm việc ở Hà Nội, thỉnh thoảng về chơi nói toàn chuyện tiêu tiền ở thành phố. Hoàng kiên nhẫn được nửa năm, rồi một hôm phản ứng: "Thưa bác, quân sĩ của bác cùng lắm đi được trong bốn ô vuông. Xoay chuyển bàn cờ phải là quân khác." Ông Thái nheo mắt: "Cậu định dùng quân gì?" Hoàng buồn rầu: "Những quân có nước nhảy. Nhưng còn quá nhiều vật cản". Từ đó, Hoàng nổi tiếng là một trí thức nhiều tham vọng. Và càng nhiều tham vọng, càng cô đơn. Anh không còn bạn cờ nào nữa.

Thay vào đó là những bạn lòng, bất đắc dĩ. Hoàng từng đi xem phim bãi và dạo chơi bờ đê với một cô mậu dịch viên, một cô giữ thư viện, và một cô nhân viên phòng thuế. Tất cả đều xinh đẹp, đầy phẩm hạnh — cô nhân viên phòng thuế thậm chí quá nhiều phẩm hạnh — và tất cả đều

nhăm nhăm trói chặt anh vào một gia đình tương lai nào đó, đều quyết tâm xây thành trì hạnh phúc bằng đá tảng của lòng chung thủy, ý thức bổn phận và khả năng chèo chống trước cuộc đời. Ôi, những người đàn bà ngàn năm chỉ khát khao được làm nô lệ và ra sức khoanh vùng vương quốc bé nhỏ của mình. Anh rùng mình trước viễn cảnh làm ông hoàng tí hon, ngự trong một triều đại được bảo hiểm bằng lương tháng, tem phiếu, hai giọt máu nối dõi theo đúng tiêu chuẩn và một chiếc quan tài, con chim gỗ bay vào lòng đất hệt như hàng triệu con chim gỗ khác. Ở vị trí ấy, đừng hòng mơ giấc mơ sáng mai ngủ dậy thành Tề Thiên Đại Thánh, thành Michael Jackson hay Maradona nữa nhé! Và vĩnh biệt luôn cả niềm hy vọng phấp phỏng, rằng những điều thực sự lớn lao còn nằm ở phía trước. Sẽ chẳng có gì mà chờ đợi, vì đến cả những nếp nhăn trên gương mặt rồi cũng là những nếp nhăn phổ cập, không đáng chép vào sách tướng.

Thu là người đàn bà duy nhất ở cái thị trấn bị thời gian bỏ quên này ít nhiều an ủi nổi Hoàng. Cô thuộc lòng tất cả các bài thơ của anh, sẵn sàng xù lông như con gà mẹ bảo vệ những đứa con tinh thần không phải của mình, chân thành khóc cho nỗi cô đơn cũng không phải của mình, và chẳng vì thế mà kém phần tươi mát, giản dị. Bên cạnh cô, con gái ông chủ tịch huyện chỉ là một thân cây cớm nắng, còn các cô mậu dịch viên, giữ thư viện và nhân viên phòng thuế bất giác tầm thường, nông cạn biết bao.

Họ chạm cốc, rượu ở cái thị trấn này cũng không bao giờ đủ độ, chúc mừng vòng đại hạn sắp tới — Hoàng thuộc hỏa cục — với đầy những bộ sao buộc người ta phải chủ động chọn cho mình một trạng thái tinh thần nào đó, vừa là phương tiện hoạt động, vừa là phương thức tự vệ.

Khi cặp mắt long lanh của Thu bắt đầu mất khả năng định hướng và anh bác sĩ thị trấn bỗng hồi hộp như đứng trước một ca mổ cấp huyện, Hoàng bình thản tuyên bố, ngày mai anh sẽ rời khỏi nơi này. Phải, vấn đề là cảm giác được vỗ cánh, được sống hiểm nguy, một trong những khoái lạc cám dỗ bậc nhất. Bên cạnh nó, một người đàn bà tươi mát và giàu thông cảm cũng phải lu mờ.

Hai năm sau, thị trấn T. vẫn không làm gì khác hơn ngoài bị thời gian bỏ quên. Ga xe lửa gần nhất vẫn cách đó hai mươi tư cây số. Ông hiệu trưởng trường cấp III vẫn tiếp tục giảng về ba dòng thác cách

mạng. Một hôm, Hoàng trở về. Không phải cuộc trở về của đứa con hoang đàng theo sách Chúa. Anh gầy đi nhiều, quần áo cũng sơ sài, nhưng dáng điệu khác hẳn người bản xứ, khiến đám nữ sinh tụ tập trên sân trường nhất loạt ngây người như thủ tục chào cờ sáng thứ hai, còn con gái ông chủ tịch huyện đang ngồi khâu bên cửa sổ đâm ngập mũi kim vào giữa lòng bàn tay, đi cấp cứu. Thu đã lấy chồng. Anh bác sĩ đa khoa không bắt cô nhỏ nước mắt cho những nỗi cô đơn xa lạ. Cuộc sống của họ nhiều tiếng cười. Họ trồng rau, nuôi lợn, quét lá về đun thay củi. Thu dạy thêm ngoài giờ, thù lao tính bằng gạo nếp, gạo tẻ, hay mớ tôm, mớ ốc, mùa nào thức ấy. Chồng cô có phụ cấp mổ, mỗi ca gần một trăm đồng. Con trai đầu của họ tên Hoàng, kỷ niệm chung về người bạn.

Hoàng mang theo nửa tập thơ, in chung với một tác giả được anh giới thiệu như con sói già trong làng văn chương, suy tư *chân, giả* đến từng dấu phẩy. Phần anh cũng là một đóng góp, được đánh giá là nhiều cố gắng, có tìm tòi, giàu cảm xúc. Giá phải trả là hai năm lang thang, nhiều hôm bụng đói, tay chai sạn vì đẩy xe bò, đầu tóc nhớp nhúa nghề móc cống. Vợ chồng Thu nghe anh nhắc đến những cái tên họ chỉ biết qua sách giáo khoa và đài phát thanh, những vì sao ở cách họ quá nhiều thiên niên kỷ ánh sáng. *Salon* nghệ thuật, hội thảo, họp báo, những tiệc rượu tẩy rửa thứ thi ca nhàm chán, gây men cho một nền thi ca mới, những cơn sốt quanh một hiện tượng văn chương, những cuộc bút chiến và thiện chiến nảy lửa, những đợt chạy ma-ra-tông đến các nhà xuất bản..., tất cả đột nhiên ào vào căn nhà tập thể của cặp vợ chồng trẻ, cuộc viếng thăm của những chiếc đĩa bay huyền thoại. Họ chỉ biết ngồi im, gắp thật nhiều thịt gà nhà nuôi vào bát nhà thơ tiều tụy, bù cho buổi chia tay đạm bạc năm nào.

Hoàng ở chơi một tuần, béo lên trông thấy. Hôm Hoàng đi, anh bác sĩ tế nhị để Thu tiễn khách đến tận ga xe lửa. Suốt hai mươi tư cây số, Hoàng nói về thi ca hiện đại, tâm linh của người nghệ sĩ và những giá trị bất tử. Thu đếm một ngàn lẻ một ổ gà trên đường và bỗng thấy yêu chồng tha thiết.

Hai năm sau nữa. Hoàng lại về thị trấn T. Lần này con gái ông chủ tịch huyện không ngồi khâu bên cửa sổ, cô đã hưởng trọn số phận non

yểu từ đợt cấp cứu lòng bàn tay năm nào, đám ma chưa từng có trong lịch sử huyện T. cũng góp phần đưa huyện nhích gần vị trí trọng điểm của tỉnh. Trường cấp III thị trấn vừa ra một quyết định táo bạo, nghiêm cấm học sinh và giáo viên sáng thứ hai hàng tuần đi chân đất. Thu có thêm đứa con thứ hai. Chồng cô vừa trở thành bệnh viện trưởng.

Hoàng về với một chiếc xe máy và rất nhiều quà thành phố, nhác trông như một thanh tra giáo dục trung ương cấp tiến, thích công du đột ngột, khiến ông hiệu trưởng mất oan một hồi trống triệu tập toàn trường. Vợ chồng Thu ngỡ ngàng. Khách quý gạt phắt những lời thăm hỏi của họ về thi ca. Những chiếc đĩa bay năm nào bây giờ theo Hoàng rõ là trò tự lường gạt. Con sói già trong làng văn chương hóa ra một chú dã tràng tội nghiệp, đánh vật với từng hạt cát giữa sa mạc mênh mông. Các *Salon* quanh đi quẩn lại toàn những gương mặt nhạt thếch tán dương nhau cũng dở, chê bai càng dở hơn, rút cuột thành ra trò đưa đẩy giết thời giờ. Hội nghị, hội thảo cốt ở tiền ăn trưa. Phê bình tiểu luận cốt ở giữ hòa hiếu. Sáng tác cốt ở tràn ngập lãnh thổ. Tồn tại cốt ở ý thức bầy đàn. Còn tình yêu, phải, tình yêu cốt ở con số thống kê những người đàn bà đủ mọi lứa tuổi. Tất cả đều có nhiều cố gắng, tất cả đều tìm tòi, tất cả đều giàu cảm xúc, và tuyệt vời hơn nữa, tất cả đều hiểu rõ luật chơi trò bộ quần áo của hoàng đế. Vấn đề không còn là xoay chuyển bàn cờ, mà là chối bỏ toàn bộ trò chơi ấy, trò chơi bản xứ, cứ ra ngoài ba mươi ba vạn ki-lô-mét vuông là mất giá.

Vợ chồng Thu chỉ biết ngồi im, không dám gắp cả thịt gà nhà nuôi vào bát nhà thanh tra lịch duyệt. Hoàng ở chơi một tuần, ký hợp đồng viết một bản trường ca về lịch sử văn minh huyện T. với ông chủ tịch và bán hai ngàn phụ san về tình yêu và tuổi trẻ cho học sinh cấp III thị trấn.

Hôm Hoàng đi, Thu không cần đưa tiễn, nhưng anh bác sĩ bệnh viện trưởng vẫn tế nhị đi họp cả ngày. Suốt hai mươi tư tiếng đồng hồ, Hoàng nói về sự mệt mỏi, cảm giác bất lực và sự vô nghĩa của cuộc đời. Kết thúc câu chuyện, anh thở dài: "Em chẳng hiểu gì đâu", và nhận được lời đáp khiến anh thở dài thêm nữa: "Vâng. Chúng em ở đây lạc hậu lắm. Thỉnh thoảng anh nhớ về thăm vợ chồng em và các cháu".

Vẫn là cô Thu ấy, xinh đẹp, thùy mị, đầy lòng tin vào cuộc đời.

Để câu chuyện có một kết thúc thật sự cổ điển, tôi chỉ còn cách cho nhân vật chính của chúng ta phiêu bạt thêm vài năm nữa ở thủ đô và cả

ở Huế, Sàigòn nếu cần, đo đếm hết cái không gian dành cho kẻ khát khao vỗ cánh, để rồi cuối cùng chán ngấy tất cả, trở về chốn cũ và bàng hoàng nhận ra hạnh phúc giản dị ở chính nơi này. Truyện có thể lãng mạn hơn, bằng cách triển khai tinh tế một tình yêu tay ba; có thể đông phương hơn, bằng cách để Hoàng vứt bỏ tất cả, lên núi bói cỏ thi; có thể siêu thực hơn, bằng cách để Hoàng mắc bệnh rối loạn thần kinh phân liệt; có thể hiện thực huyền ảo hơn, bằng cách cho con gái ông chủ tịch huyện hoán cốt thành tiên cảm hóa Hoàng; và cuối cùng, có thể *nouveau roman* hơn, bằng cách viết hai mươi trang nữa về hai cung cách thở dài nêu trên.

Và thực tế, thực tế bất chấp mọi trào lưu nghệ thuật, diễn ra như sau: Hoàng không bỏ thành phố đi đâu hết, tiếp tục làm thơ, bán các loại sách phụ san, cai thầu các loại bản thảo của đồng nghiệp, tiếp tục cằn nhằn và thở dài, và thỉnh thoảng về thị trấn T. ăn thịt gà với vợ chồng bạn cũ.

Cứ như thế, cho đến khi không còn gì để kể thêm về anh nữa.

1988



CHU HOẠCH

tĩnh vật

Trên cái mặt sàn của tấm các-tông đen
Tôi nhận vẽ những bông hoa kèn trắng
Và những bông hoa kèn đã vươn cổ thổi lên điệu kèn im lặng
Bằng độ trắng đầu tiên bằng độ trắng cuối cùng
Chúng sẽ phải ở mãi đấy mà thổi lên điệu kèn bí mật
Mặc những lời bàn luận của người nghe,
mặc những lời bàn luận của người xem
Chúng sẽ phải ở đấy mà thổi lên điệu kèn bất tận
Trong khi giống nòi của chúng ở ngoài đời
đã tàn, đã úa héo, hom hem...
Trên cái mặt sàn của tấm các-tông đen!

CHU HOẠCH



THƯỜNG QUÁN

requiem - hà nội

Dội âm hoang trên phố phế
Trôi trong bóng tối thẳm chiều sâu
Tôi chạy tìm các anh
Những kẻ chạy đằng trước
Thấp thoáng
Mắt cười sắc
Giọng nói sắc
Tiếng cười sắc
Gạch ngói lề đường hàng phố từng rung lên
Hà Nội mòn vì các anh
Những kẻ kiêu hãnh
Đã phóng vào Đêm
Những mảnh kim
Những dấu trầy sướt, buông buốt
Trên những trang
Tôi nhìn thấy hất ra sau
Ngọn gió xanh tinh
Có kẻ gục xuống vương vãi huyết
Kẻ đóng đinh tay trên hàng song sắt
Đêm chẳng ngón thoa từ tâm
Kẻ vò nát mặt nói vĩnh quyết
Các anh những thân sắc mảnh
Vỡ choang
Như thế ấy gạch đá

Khắc khảm vào mặt bóng tối bít bụi
Những âm sắc lãnh đá huyệt
Những dấu sắc kéo dọc như thủy chỉ
Những dấu huyền bằn bặt
Vầng ă của trăng
Âm ô nón sụp
Ngã: sóng soãi
Hỏi: bi kịch
Các anh những mảnh kim
Cắt Hà Nội ra muôn mảnh
Những mảnh u hoài
Hình tim
Để làm thế phải phá vỡ mình
Như phiến kim mảnh chai
Trên những đường phố lạnh không lửa
Phải vỡ sao băng
Trên những bậc thềm sập cửa
Ai đi rải sương
Thêm một lần huyết lệ
Tôi chạy ngó đăm lên bầu trời
Không còn một bóng sao
Một bông sao nào nữa
Dấu nặng sau cùng
Trong đáy hồ
Tuyệt tích.

THƯỜNG QUÁN



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

không đề

"... Nó là một cái gì vô hình không bao giờ có thể bắt gặp, trông thấy, nó là một tiếng kêu tiếng gáy, một bí mật vọng lên từ khắp nơi, từ cánh đồng xanh, từ lùm cây bụi rậm..., nó vang vọng lên như thế để biến trần gian thành một cõi thần tiên..."*

Nó ở đây chính là chim cu: cu cườm, cu đất...

Nó đưa tôi trở về vùng đất cũ, mấy mươi năm, hàng vạn dặm bỗng chốc tiêu tan. Quả tình là thế, trong tôi, tiếng chim cu đã vang vọng từ khắp nơi, từ vườn cây xanh um mít ổi mận xoài, từ bờ mương đất lõ cho đến ruộng lúa khô nứt nẻ, từ chỗ xa nhất của tuổi thơ cho đến bây giờ, tứ thập nhi vẫn... hoặc, từ lúc còn ở xóm nhỏ tồi tàn cho tới khi (có dịp viếng qua) những công trình kiến trúc cầu kỳ, vĩ đại. Và chỉ nghe tiếng. Chưa một lần nào nhìn thấy. Đó là thứ chim nhút nhát và hay hờn giận. Từ nhỏ, tôi nhiều lần mon men tìm tới nó, cũng một cách nhút nhát và hờn giận. Mỗi lần chim gáy, ai cũng bảo nó đó, nó đó. Tiếng chim hiền và lành, trầm trầm nhẹ nhàng không ríu rít không véo von, lảnh lót như hoành hoạch, chìa vôi, trao trảo hay bất cứ loại chim nào khác mà tôi được biết. Tôi rình rập ngày này qua ngày nọ, nó trốn biệt, khi tôi quên đi, bị lôi cuốn vào những trò chơi khác thì bất chợt nó lại cất giọng rù rì nhắn nhủ.

- A, chim cu đó!

Rồi cuộc vui tiếp tục, chẳng ai buồn chỉ trỏ giải thích cho con bé. Tôi lủi thủi một mình, rình rập một cách vô vọng. Có khi theo đà câu chuyện,

ông ngoại kể hồi má tụi con còn nhỏ, ngoại vót tre làm lồng cho má tụi con nuôi chim cu. Ô, chim cu? Thì ngoại làm bẫy. Một lần tôi hỏi chim cu ra sao, ai cũng phá ra cười, một bà dì nói:

- Giở áo đầm lên là thấy liền!

Mọi người lại lăn ra cười, tôi hậm hực chạy đi. Hừ, mày cúc cu làm chi để người ta đặt cho cái tên kỳ cục.

Ba tôi hay nói ở đời có bốn cái ngu. Tôi hỏi làm mai là gì, lãnh nợ ra sao, cầm chầu có chi lạ? Nhưng tuyệt nhiên, về điều ngu đứng thứ ba, tôi không bao giờ hỏi**. Cậu tôi nói trời, chim cu nướng ăn ngon số một. Phải rồi, chỉ có cậu mới dẫn dắt tôi đến gần thế giới của chim cu, tới lần ranh, cậu nói “nó đó, nó đó” rồi cậu chạy đi mất. Không phải sao, cậu nói tụi cưng giỏi nghen, xúm vô vò đạn cho cậu, cậu dẫn đi bắn chim, con nào chết mình nướng, con nào sống bỏ vô lồng nuôi. Nghe bùi tai, tôi ngồi nắn nót vò từng viên bùn non cho tròn, vuốt nước cho láng rồi đem phơi nắng.

Sáng sớm tôi thức dậy, nhà vắng tanh, thôi rồi, thôi rồi, một lần nữa cậu lừa tôi. Ai biểu mày không chịu dậy sớm? Mỗi lần tôi cằn nhằn trách cứ thì cậu nói như vậy!

Tôi chạy ào ra nhà bếp, chỉ có mớ bánh phồng còn nóng và thơm phức. Tôi chạy tuôn lên nhà trên, cửa nẻo mở toang nhưng chẳng có ai. Ngoại đã chèo ghe ra chợ hay đi lưới cá ngoài sông lớn. Vậy là cậu với Đạt lén rủ nhau đi bắn chim. Tôi đứng bên cầu tre khóc hụ hụ, vừa khóc vừa kêu. Xung quanh vườn cây xanh đặc, chỉ có một chút trời thiên thanh trên những ngọn dừa cao tít tắp. Cành lá rì rào, xào xạc, từng hạt nắng lung linh nhảy nhót, tất cả đón nhận tiếng khóc, xô đẩy trộn lẫn trao đổi cho nhau rồi gửi trả về tôi bằng một thứ tiếng vọng hỗn hợp lạ lùng khiến tôi hoảng sợ. Hạ bớt đi thôi. Nhưng tiếng hinh hích vẫn vang ồm ồm trong đầu, tôi lùi dần vào nhà, đóng chặt cửa lại. Tự nãy giờ thế nào con ma cũng đã nghe thấy và đang từ từ... tiến tới; tôi im thin thít, chui tọt vào giường, trùm mền, nghe ngóng. Kìa kìa có tiếng cành khô nhẹ gãy, kìa có tiếng quả non rơi tõm xuống mương, khi con ma đi ngang qua! Nghe kìa... Nhưng cậu tôi có kể ma đi không chạm mặt đất, tóc xõa dài đến chân, tôi ló đầu ra khỏi mền, nhìn qua kẽ vách, tìm kiếm. Nào có gì đâu, vẫn cây lá thì thầm, bông nắng tung tăng và... kìa tiếng chim cu

cúc cu cr... ucru... an ủi, khuyến khích. Chim còn ở đây thì không sợ giàn thun và đạn đất.

Những lần sau nữa, tôi vẫn ngồi vò đạn, vẫn năn nỉ xin theo nhưng sáng ngủ dậy dù nhà chẳng còn ai, tôi không thèm khóc, tôi nằm võng đọc La Thông tảo bắc hay Tề Thiên Đại Thánh, lâu lâu buông sách nghe chim cu cúc cu hỏi thăm. Cậu bắn tài nhưng con chim cu vẫn còn đó. Tôi yên tâm. Cho tới một bữa kia, cậu và Đạt về sớm, trước bữa cơm chiều, mang về một xâu chim! Tất cả những con chim lớn có nhỏ có đều giống nhau: trần trụi, đỏ hỏn như những đứa trẻ sơ sinh, đầu ngoẻo cánh gãy be bét máu me và lơ thơ những cọng lông tơ trắng. Tôi mang chén cơm chạy ra xa, tránh mùi da cháy khét trong khi cậu rủ rê:

- Trời! Chim nướng thơm quá là thơm, lại đây tao cho cái ức ăn thử...

- Chim trao trảo phải không?

Tôi hỏi vội. Cậu nói:

- Ừ, ngon số dách!

- Trao trảo đâu có lớn như vậy!

- A, có chim khác nữa!

- ...

- Lại đây ăn thử cái đùi thôi!

- ...

- Lại đây coi nè, chim cu đó!

Còn lâu tôi mới tới coi, mà dù có tới tôi cũng không thể tưởng tượng cái xác cong queo đen thui kia là con chim hiền vẫn thỉnh thoảng kêu tôi. Tôi ghét cậu tôi lắm, nhà có thiếu ăn đâu mà cậu phải đi bắn chim? Và lựa đúng chim cu!

Sáng hôm sau, tôi nằm võng nghe ngóng... và sung sướng lịm người khi nghe tiếng cúc cu rù rù bên kia vườn dượng Năm. Cậu tôi chỉ nói xạo, chim cu vẫn còn kia, vẫn còn hoài.

Năm ngoái, tôi nghe tiếng cúc cu trên những sợi dây điện trước nhà, tôi rối rít kêu lũ con, đám cháu, ra xem chim cu nè, chắc là cu cườm, cu đất đó thôi, ôi, chim đi đến tận California ư, con chim hiền lành nhút nhát! Má tôi nhìn ra, cười ngất:

- Chim bồ câu con ơi!

Tôi buồn bã, tiu nghỉu. Chàng của tôi an ủi:

- Em không biết à, chúng nó là anh em họ với nhau!

"... nó là một tiếng kêu, tiếng gáy, một bí mật..."*

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

17.10.91

** Võ Phiến (Truyện Thật Ngắn) - Văn Nghệ 1991*

*** Nguyễn Văn Ba (Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu) - Phù Sa 1990*



NGUYỄN TÔN NHAN

ngũ ngôn tứ tuyệt

1.

Mộng hồn như khói tụ
Xa nhớ bến đò lưa
Một nhành mai cũng đủ
Lay động cả muôn xưa

2.

Năm trước mai chưa nở
Năm nay mẹ đã phai
Những nụ mòng chốn cũ
Cùng lặng ngắm rừng mai

3.

Chuồn chuồn bay ngoài dậu
Lấm tấm nụ tầm xuân
Giọt sương như ghi dấu
Ngàn năm ý cổ nhân

NGUYỄN TÔN NHAN



BÙI GIÁNG

quê chung

Làm thơ lúc dở lúc hay
Lúc đi quanh đất lúc bay lên trời
Hỏi người người ở đâu nơi
Hỏi tôi tôi ở muôn đời tại đây
Quê hương lúc mỏng lúc dày
Tình yêu trái đất thu này thu kia
Lúc sum họp lúc chia lìa
Từng phen gay cấn sớm khuya gùn ghè
Lúc cưỡi ngựa lúc chèo ghe
Lên rừng xuống biển đâu dè hố hang
Hỏi tên rằng rất bùi giàng
Hỏi quê rằng rất thu tràng bên tây
Làm thơ lúc dại lúc ngây
Xưa kia tươi trẻ sau này già nua
Ở trong nguồn gió hây hây
Có nhiều em gọi thưa thầy thưa cô
Ở trong mộng mị xô bồ
Sịch mành sực tỉnh lồ gồ tái sinh
(Tâm ruồng du ký kết tinh
Con Xỳ lỡ liệt ngũ linh hư đường)

Người điên mộng mị giữa trời
Người không điên cũng giữa đời chiêm bao
Tuy nhiên dâu biển thì thào
Điên người điên kẻ thế nào điên con

Ra đời một cuộc mười cơn
Vầng trăng phụ động còn hơn thế nhiều
Gieo vàng cho gió đăm chiêu
Giang hà thịnh vượng xuôi triều xiết bao

Ra đời một cuộc ngổn ngang
Mười cơn gay cấn lộn hàng thơ vui
Mù sương tha thiết lấp vùi
Vừng trăng êm dịu dắt người dân đi
Giọt mưa gieo rắc muộn màng
Chép lời ghi tạc một hàng đầu tiên
Mở trang phơi trải cõi miền
Giang hà thụ động uy quyền xiết bao
Không thể nói rằng mù sương như thế
Hình hài kia là quyết liệt hiển nhiên
Dù đau khổ kết tinh thành ngấn lệ
Và niềm vui kết tập cuối phi tuyền

Cũng có thể nói rằng sương như thế
Trăng như kia và nguyệt cũng như kia
Kể từ lúc nước xuôi sông về bể
Núi mơ màng ở lại ngóng sao khuya

BÙI GIÁNG

LTS: Bài thơ trên rút từ tập "Thơ Điên" của thi sĩ Bùi Giáng, do một thi hữu về thăm nhà mang qua.



VŨ QUỲNH N.H.

sắc màu

- Gái tơ, trẻ đẹp, đủ cỡ, ông thích không?

- Mệt rồi, cám ơn!

- Gái trẻ đẹp biết cách chiều chuộng, mời ông vô?

- Mệt rồi, cám ơn!

- Gái...

- Mệt rồi, cám ơn!

Gái, gái và gái. Hắn đang hoa mắt với những poster cởi truồng đủ cỡ to lớn, màu mè dán đầy trước cửa những dẫy tường trước mặt. Những gã đàn ông tay phát giấy quảng cáo, những gã đàn ông đứng cầm bảng biểu ngữ mời mọc ghi đầy số điện thoại như những người đang đứng biểu tình trước phố. Đèn néon chói mắt từ tiệm chơi pachinko, xào xạc từng viên banh sắt không lối thoát, đang thôi miên người ngồi trước mặt. Bên kia những tên choi choi đứng phát giấy kleenex cho thiên hạ đang tấp nập qua lại. Hắn thọc tay vào túi, chen lấn đi. Hắn quẹo sang trái rồi lại qua bên mặt, không biết bao nhiêu lần hắn cũng không nhớ rõ, hắn chỉ biết mình đang đi đúng hướng.

Trời về đêm ở Osaka lạnh ẩm, cái áo hắn đang mặc không đủ ấm, vậy nhưng hắn biết rõ, có một người chịu cái lạnh hơn hắn nhiều. Nàng người miền bắc hay miền nam hắn không biết, chỉ nhớ nàng có cái tên nghe rất hay. Rosé, của màu rượu vang, dạo đó.

*

Dạo đó vào tháng bảy, nóng nực, có những con ve sầu đập cánh ca hát, ngoài đường phố đã bắt đầu lên đèn. Hắn không ngủ được, đang nằm cựa quạy tìm thế ngủ trên cái giường cứng như sàn gỗ. Căn phòng hotel hãng mướn cho chỉ nhỏ bằng cái bếp nhà hắn ở California, đủ kê một cái giường một người nằm. Ở góc tường có bàn viết, ghế mây trông ra cửa sổ của tầng số mười chín. Bên cạnh là cái T.V. màu được dựng trên cái bàn sắt bốn chân. Tủ lạnh, máy đun nước sôi. Tường gần lối ra vô lồi vào một khúc dùng để mắc quần áo, đang treo sẵn áo yukata và đôi giầy gỗ xếp ngăn nắp dưới thảm. Bước lên một bước là phòng tắm, hơi khai khai mùi nước tiểu hay mùi ẩm mốc của lâu ngày còn đọng lại.

Tiếng điện thoại reng, hắn nhấc lên. Một thằng bạn rủ đi chơi đêm. Hắn nhìn đồng hồ tay. Mới chín giờ tối bên này, hắn bấm nút tay đếm, tức là khoảng hai giờ trưa bên California. Hắn không ngủ được. Hắn ậm ừ vài câu rồi cúp điện thoại.

Nửa tiếng sau hắn có mặt ở dưới lầu. Hắn nhăn mặt khó chịu mùi thuốc lá của một người Nhật đang hút gần kề. Hắn vừa bỏ thuốc ngay hôm qua đây. Lại một sai lầm nữa khi ở một nước mà quá nửa đàn ông lẫn đàn bà đều hút thuốc. Người tập bỏ thuốc là người khắt khe nhất giữa đám đông. Hắn đang đi tìm một chỗ đứng xa nhóm hút thuốc thì bạn hắn đến. Đúng giờ không sai một phút, đó là nhận xét đầu tiên ngay từ lúc hắn vừa đặt chân đến đất này.

- Mày định đi đâu? Hắn thắc mắc hỏi thằng bạn.

- Tao dẫn mày đến chỗ này vui lắm chắc mày sẽ thích.

- Tao không chơi đĩ hôm nay đâu, mệt lắm rồi. Hắn chỉ tay xuống quần.

Tên bạn cười, đưa tay lên lắc.

- Nguyên đêm qua chơi quá trời rồi còn sức đâu mà chơi nữa. Sức người có hạn, tối nay tao mời mày đi nhậu.

Hắn gật gù đồng ý. Hắn thấy phục cái giống dân bên này. Ngày làm việc như trâu bò, tối đến thì đi chơi bời đến gần sáng mới về nhà, thế mà nước nó mỗi ngày mỗi giầu mạnh.

- Tối nay đi đâu vậy? Hắn hỏi

- Đi đến Colors.

- Colors! Hắn lẩm nhẩm trong miệng.

- Cái tên nghe hay phải không mày. Tí đến đó sẽ biết.

*

Colors mới nhìn vào như nghĩa địa xe hơi. Nằm mãi tít trong ngõ hẻm vòng vèo, tối tăm. Quẹo qua quẹo lại không biết bao nhiêu lần mới tới. Hắn bị lạc hướng bởi ánh đèn néon sáng rực như ban ngày, chớp từng hồi những bảng quảng cáo. Thiên hạ lũ lượt chen lấn nhau đi. Lớp trẻ tan trường trễ đang đứng một dẫy trước cửa tiệm mì.

Phía ngoài Colors được che bằng một tường nhôm, loại mái tôn giống hồi nhỏ hắn còn ở Việt Nam, mà mỗi khi trời mưa, hắn ưa nghe tiếng mưa rơi lách tách từng hột một. Ở trong bầy đầy những bức tượng đồng với đủ hình thù uốn nắn của những hoạ sĩ local mang đến để triển lãm.

Có một lô chòi bán rượu, mực và cá khô nướng nằm rải rác chung quanh. Bàn ghế kê la liệt không thứ tự. Một ban nhạc rock của Nhật đang gào thét ở mãi bên trong.

Hắn bước vào. Nơi đây đúng ý nghĩa của cái tên Colors với đủ loại người từ các nước đổ đến. Có mấy cô Nhật đang bá cổ một gã da trắng hôn. Bên kia một cô người Úc ăn mặc theo lối thập niên 70, quần ống voi, áo chemise thắt nút trước rốn, đang õng ẹo lắc người theo điệu nhạc. Một đám đàn ông đứng bu quanh hò hét. Hình như con nhỏ hơi say.

Hắn đi ngang những dẫy người đứng tụm năm tụm ba, lúc hắn bắt gặp được vài ba câu tiếng Pháp, lúc tiếng Đức, giọng Ăng-lê đặc xịt khó nghe. Nhóm choi choi Nhật được dịp mang khoe tiếng Anh mà không sợ bị người khác sửa miệng. Thằng bạn hắn quay qua hỏi.

- Mày thấy nơi này ra sao?

Hắn gật gù đầu ra vẻ thích.

- Tụi này trông vậy chứ toàn thứ giỏi không. Mày muốn quen bác sĩ, kỹ sư hay thầy giáo, cứ việc vào đây tìm. Nhất là cái bọn văn sĩ và họa sĩ, khi mà say rồi thì tụi nó dính cứng ngắc gỡ không ra.

Hắn cười. Nhận thấy nơi đây một không khí dễ chịu không gò ép như hàng ngày bước chân ra khỏi cửa. Có một tên Nhật cắt tóc kiểu Beattles, cặp eo một cô tóc vàng, đứng dậy rời bàn. Hắn tới ngồi xuống cái ghế còn

nóng hổi hơi người..Thằng bạn biến đi từ lúc nào. Hắn cũng chẳng buồn tìm kiếm.

Nếu phải chấm từ một đến mười, thì cô nàng này ít ra cũng được số tám. Kể ra đối với con người hắn, thường không mấy khắt khe về nhan sắc phụ nữ. Miễn sao họ không xấu tàn xấu tệ là được. Tối qua nằm đè lên một cô, chỉ nhìn thấy có đôi mắt một mí, hắn thấy cũng có duyên. Ánh đèn chớp từng hồi lên cửa áo người con gái đang ngồi cách hắn không xa, lờ mờ ẩn hiện làn da căng phồng. Có một vài người đi ngang, hắn nghiêng đầu để tìm lại hình ảnh vừa mất.

Trên mặt bàn lủng củng cả chục chai Kirin, không biết của cô nàng hay của người ngồi trước bỏ lại. Con nhỏ có đôi mắt tròn, mũi hơi hểnh, và bờ môi chúm chím nhai khô mực. Nàng ngồi rung đùi theo điệu nhạc nhìn thiên hạ qua lại. Ở kẽ đuôi mắt, hắn vừa bắt gặp được thằng bạn hắn cạnh một cô Nhật đang đứng yên cho chàng sờ mó vào bộ mông có điều tương đối lép.

Con nhỏ đưa tay lên vẫy. Hắn vừa chổng đít ra khỏi mặt ghế mới biết mình mừng hụt. Tên bồi bàn giơ tay ra hiệu như hiểu con nhỏ muốn gì. Tên này là giáo sư dạy Anh văn ở Osaka, mùa hè không có chuyện gì làm vác thân vô đây bán rượu. Gã tốt nghiệp Đại Học Boston, nhưng chán lối giáo dục bên Mỹ, thầy giáo không được sự kính nể của học trò nên qua bên Nhật sống. Vừa ăn lương nhiều mà lại được học trò coi trọng.

Gã bán rượu mang đến trước mặt con nhỏ bốn ly thủy tinh bé. Hắn nhìn về phía nàng. Con nhỏ cầm một miếng chanh đưa lên cổ tay thoa, rắc tí muối lên trên, đưa lưỡi liếm, tay kia với ly rượu uống một hơi cạn, rồi bỏ muối chanh còn giở lên mồm cắn. Mặt con nhỏ hơi nhíu lại. Ở thập niên này, hắn tự nhiên thích và dễ cảm thông với cử chỉ tự nhiên không điệu bộ của cô nàng.

Chờ đến khi con nhỏ uống cạn ly thứ ba hắn mới lò mò tới. Cử chỉ tự nhiên của người vừa bắt gặp được cái ghế bỏ trống. Hắn kéo ghế ngồi xuống và bắt chuyện một cách thân thiện như dân trong này.

- Nói tiếng Anh?

- Yes! Con nhỏ nhìn thẳng vào mặt hắn. Đôi mắt hơi bén, hắn chỉ tay hỏi.

- Mày uống gì vậy?

- Tequilla, con nhỏ trả lời. Muốn thử không?

- Tao chỉ biết uống rượu vang.

Con nhỏ cười, nụ cười hình như không chế giễu. Hắn nói tiếp.

- Tao thấy mày uống có vẻ rắc rối quá.

- Để tao chỉ cho.

Con nhỏ làm điệu bộ như trước. Nàng thoa tí nước chanh lên cổ bàn tay trắng nuột nà thiếu nắng, rồi rắc ít muối đưa về phía hắn.

- Liếm đi!

Lối nói chuyện của cô nàng làm hắn phì cười.

Rượu vào đến cổ hắn muốn sặc. Cổ họng hắn nóng bỏng, con nhỏ đưa miếng chanh cho hắn cắn. Mặt hắn nhăn lại. Hắn buột miệng.

- Rượu mạnh mà uống một mạch tao uống không quen. Mày uống vậy mà không say, hay thật.

- Hôm nay tao muốn say mà hết tiền rồi.

- Để làm gì?

- Để quên đời. Con nhỏ nói cộc lốc. Tao chỉ có bấy nhiêu Yens trong người, uống beer thì rẻ nhưng đi đái nhiều không thể nào say. Nó chỉ tay lên đống tiền để trên bàn.

- Vậy tao mời mày được không? Hắn giơ tay vẫy anh giáo sư bồi bàn.

- Cho chai rosé và thêm vài ly tequilla. Hắn móc túi tìm tiền.

- Ở đây không có rosé, uống tạm rượu trắng được không?

Hắn nhún vai. Gã bồi bàn quay lưng bỏ đi. Hắn hơi ngà ngà say, chỉ một ly tequilla mà tự nhiên hắn thấy con nhỏ thật đẹp.

- Đừng nghĩ tao nịnh hót đàn bà. Tao thấy mày đẹp.

- Không sao. Đàn bà vẫn thích được nịnh hót. Mày là đàn ông, dĩ nhiên mày phải hiểu như vậy.

- Vậy à! Hắn buột miệng nói. Cách đây vài hôm thằng bạn rủ tao đi chơi gái. Mới bước vào phòng nàng đưa cho tao mấy sợi giây thừng để tao trói cô ta. Lần đầu tiên trong đời tao thấy đàn bà thích làm tình trong sự đau đớn. Tao đánh nó vậy mà nó thích.

- Đó là nghệ thuật làm tình ở nước này, the art of bondage, bộ mày không biết hay sao. Đàn bà Nhật không có quyền sung sướng khi làm tình, họ nghĩ chỉ có đàn ông mới có quyền như vậy. Một cách để họ sung sướng là bị người khác trói, như vậy họ có cảm tưởng như mình bị bất lực, không chống cự được.

- Lần sau đó tao cũng làm y chang với người khác, ai ngờ con nhỏ quay qua đấm vào mặt tao rồi la hét o xòm. Xém nữa là vào bóp cảnh sát nằm. Hắn kể, không biết câu chuyện có mang đến lợi lộc gì không, nhưng ở đây, hắn có cảm tưởng như chuyện gì cũng nói được.

Nàng cười nắc nẻ, để lộ hàm răng không đều.

- Không sao đâu. Nếu là tao, tao sẽ cho mày biết tao muốn gì. Đừng bao giờ tự động đọc ý nghĩ của người khác, nhất là phái nữ.

Hắn phì cười. Con nhỏ đưa ly rượu lên uống cạn.

- Mày thấy Colors như thế nào?

- Tao thích không khí ở đây, và cũng thắc mắc không biết người nào khéo đặt cho cái tên hay như vậy. Hắn hỏi.

- Một nhóm trí thức cảm thấy như bị xã hội đè nén không lối thoát. Họ tìm vào đây để chia xẻ những kiến thức mà không sợ bị người khác phán đoán. Colors không phân biệt màu da hay văn hóa, mày có thấy vậy không?

- Vậy mày vào đây với lý do gì? Hắn muốn biết thêm về con nhỏ.

- Mày thấy tao màu gì? Con nhỏ buột miệng hỏi.

- Tao không hiểu? Hắn hỏi.

- Ở Colors thiên hạ như con kỳ đà. Họ muốn đổi thành màu gì họ sẽ thành màu đó. Ở ngoài xã hội, tao thấy tất cả chỉ toàn một màu xám đen, chán lắm.

- Vậy tối hôm nay mày muốn trở thành màu gì?

- Hôm này tao cảm thấy quan trọng, tao thích làm màu hồng. Còn mày?

- Tao à? Hắn ngập ngừng suy nghĩ. Tao muốn trở thành màu trắng. Hắn hơi thẹn với câu vừa trả lời. Một mặc cảm trong tiềm thức của bao nhiêu năm ấm ức muốn được hội nhập vào một quốc gia mà hắn cho là quê hương mình, vẫn bị những con mắt chối từ. Tất cả cũng chỉ vì màu da. Như thân chuối trắng bị bao phủ trong lớp vỏ vàng.

Hắn nhìn chung quanh. Những bức ảnh lõa thể hắn cho là đẹp chỉ có thể bầy ở đây cho thiên hạ nhìn ngắm bằng con mắt nghệ thuật. Không ai dại mang chưng bầy trong phòng triển lãm để bà con phản đối là những hình ảnh có tính cách dâm dục. Hắn nghĩ đến Robert Maplethorpe, tiếc cho người nhiếp ảnh gia tài giỏi đã khuất, nếu anh

chàng biết đến Colors có lẽ hình ảnh của anh chàng sẽ bầy đầy nơi đây cho bao nhiêu người thưởng thức. Ở Colors văn chương không giới hạn. Màu da không phân biệt. Văn hóa theo lối ăn mặc và chính trị, đôi khi chỉ hơn thua nhau bằng mức độ say của rượu.

*

Con nhỏ đưa dao lên nghịch. Nó cắt quả chanh thành từng múi nhỏ. Lưỡi dao Nhật sắc bén nhọn như thanh kiếm samurai, ngọt xớt hớt trên vỏ chanh. Nước đỏ chảy ra.

Hắn vừa than thở.

- Phải chi có chai rosé thì thích hơn. Rượu trắng của Nhật hơi chát.

Con nhỏ đưa bàn tay lên trên miệng ly. Trong một khoảnh khắc, ly rượu trong tay hắn trở thành một màu hồng tươi.

Hắn vội vàng rút khăn trong túi quần ra, cột ngón tay của nó.

- Đau không?

- Hơi hơi, nhưng mày không uống ly rosé à?

Hắn lắc đầu cười chịu thua. Nàng giật lấy ly trên tay hắn, kề miệng uống một hớp rồi đưa trả lại. Hắn áp môi lên vết son còn in trên miệng ly. Hắn uống một hơi cạn.

- Tao vẫn chưa biết tên mày.

- Gọi tao là Rosé. Con nhỏ trả lời.

- Tao muốn gặp lại mày, được không? Hắn hỏi.

- Cứ việc ra Colors.

Cơn gió lạnh thổi đến, hắn rùng mình nhìn người con gái trước mặt. Cái áo cụt tay hở đến tận nách, nút khuy áo lỏng lẻo trước ngực. Hắn choàng tay lên vai nó.

- Mày lạnh không?

- Không. Nàng ngồi xích lại hơn. Cái đau làm tao ấm người. Hắn đưa tay lên cầm tay nó. Nhìn khăn trên ngón tay đang đổi màu. Hắn đưa môi lên vết thương hôn nhẹ.

- Mày đúng là khùng. Con nhỏ lắc đầu không nói. Hắn thấy mặn ở môi. Đẩy lưỡi lên liếm. Mùi máu ngây ngất.

- Về hotel tao băng lại cho mày.

Con nhỏ gật đầu. Colors đã vắng bớt người. Bọn nhạc Rock đang thu dọn dụng cụ, thằng bạn hắn cũng đã bỏ đi từ lúc nào.

*

- Colors đóng cửa vào mùa này, bộ ông không biết sao?

Hắn quay lại, một cô Nhật cỡ 18 tuổi mặc váy mini để hở hai bắp chuối to hơi hình vòng cung. Con bé nói tiếng Anh sành sõi.

- Qua Zombie không? Ở đó cũng có nhiều người ngoại quốc.

- Không, tôi muốn tìm một người. Hắn vẫn không biết tên thật của con nhỏ ngoài cái tên Rosé.

- Tìm ai? Nếu người đó hay đến Colors thì tôi biết.

- Tôi không nhớ rõ tên cô nàng. Hắn khó khăn lắm mới mô tả được hình dáng.

- À, bà ta tên là Shoko Kobayashi. Tôi biết luôn cả ông chồng. Ông ấy hay qua Mỹ làm việc, ông có muốn tôi đưa địa chỉ không?

- Không cần thiết, cám ơn cô. Hắn xua tay.

Colors đóng cửa. Colorless - không màu. Thiên hạ đi ngang chen lấn, biết đâu con nhỏ chẳng là một trong những người đang đi. Ai cũng giống như ai. Con kỳ đà đã đổi màu xám, không tìm được, và hắn cũng chẳng buồn tìm kiếm chi cho mệt. Hắn quay lưng bỏ đi. Cô bé người Nhật lên tiếng mời.

- Ông không qua Zombie à?

- Không, cám ơn! Tối nay tôi hơi mệt. Hắn lắc đầu từ chối.

Kỳ đà là cha cắc ké
Cắc ké là mẹ kỳ nhông
Kỳ nhông là ông kỳ đà
Kỳ đà là cha cắc ké
Cắc ké là mẹ kỳ nhông...

...Cứ thế hắn vừa đi vừa hát. Nhìn thiên hạ chung quanh, hắn mỉm cười và tự dưng, hắn thấy thèm được uống một ly rosé.

VŨ QUỲNH N.H.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

bão rớt

Từ phòng trong, Huệ hét - Ê, có đứa nào thấy cái sú của tao không? Phượng ngồi gác hai chân lên bàn, nhăn mũi nói trổng - Bê bối. Huệ vén màn cửa bước ra, bộ ngực trần rung rinh sau lớp vải mỏng - Tao biết lại con Ngà chớ không ai hết. Đồ quỷ sứ.

Phượng càu nhàu - Bà làm như chỉ bà mới có thôi chắc, lấy cái khác mà bận. - Dĩ nhiên phải lấy cái khác rồi, nhưng tao không ưa mặc chung. Con quỷ Ngà lần này nữa là lần thứ ba rồi đó. - Thì bà cho quách nó đi. - Cho cho, cái gì cũng cho, riết nó lừng... với lại cái này ông Huấn mua cho tao. Phượng "xì" dài một hơi. Cô nằm ườn ra ghế, duỗi dài hai chân lên bàn, đủng đỉnh - Thì biểu ổng mua cái khác, dễ ợt. Huệ trề môi, ngúng nguẩy bước vào phòng trong - Nói chuyện với đầu gối còn sướng hơn nói chuyện với mày. Phượng ngáp dài - Tui cũng chẳng ham nói chuyện với bà, nghe mà phát mệt.

Huệ thay xong quần áo, bước ra ngoài chải tóc - Chiều nay tao không ăn cơm nhà đâu nghe. Gót giày cô gõ lách cách xuống thang gác. Tiếng bà chủ nhà dòn dã - Cô Huệ đi phố đấy à? - Dạ, cháu đi lòng vòng một chút - Cái cậu gì bạn cô chờ lâu lắm rồi đấy. - Dạ, để ảnh chờ cho quen. Tiếng Huệ cười khanh khách - Thôi, cháu đi đây. - Vâng, cô đi chơi vui vẻ nhé. Phượng rùng mình một cái. - Đồ cáo già. Cô thả hai chân xuống sàn, ngồi thẳng dậy. Chiều đã tắt nắng bên ngoài khung cửa sổ. Hơi gió thổi vào ớn lạnh. Hình như sắp có một cơn mưa.

Dưới nhà, bà Cửu đang ngồi lặt rau muống. Con mèo vàng từ bậu cửa sổ nhảy xuống bên cạnh, õng ẹo cọ sườn vào đùi bà chủ. Cái đuôi ngoe nguẩy móc vào cọng rau. Bà Cửu lấy tay hất - Xê ra nào, gớm nữa... Con mèo càng uốn éo hơn, hai con mắt lim dim, đắm đuối. Bà Cửu nhổ một bệt cốt trầu vào ống nhổ, đưa mắt lườm yêu con mèo - Đồ nớm, tưởng người ta quý lắm đấy. Đẩy rổ rau sang một bên, bà nhấc con mèo đặt lên lòng vuốt ve vài cái chiếu lệ, rồi lại thả nó xuống đất - Thôi, cút.

Xỏ chân vào đôi guốc, bà tong tả bước vào nhà sau - Cô Thân vo gạo chưa? - Em vo rồi ạ. - Đây còn rổ rau muống, tí xào với mắm tôm nhé. - Vâng ạ.

Ngồi ở chiếc ghế con gần cửa bếp, Thân hơi ngước mắt nhìn lên một chút rồi lại cúi xuống, mũi kim trong tay lấp lánh. - Khâu cái gì đấy? bà Cửu hỏi. Thân hơi ngập ngừng - Không... à... em may cái áo. - Lại cho thằng Tâm con nhà Thiện chứ gì? Rách việc. Thân im lặng, con mắt nhìn xuống của chị khẽ chớp nhẹ. Bà Cửu ngồi xổm xuống bên cạnh em gái - Tôi đã bảo cô hàng nghìn lần rồi. Thân phận nhỡ nhàng thì phải giữ ý giữ tứ cho người ta khỏi nhìn ra ngó vào. Cô thèm đàn ông lắm à? Đã bảo đừng có dây vào. Lũ chúng nó rặt một loài chết tiệt, một bọn giăng há, một nòi sở khanh, nói mãi mà chẳng bao giờ thèm nghe. Hết thằng Dũng lại đến thằng Tâm. Chăm chăm, chút chút, thế mà bố chúng nó có thèm để ý đến cô đâu? Mắt nó còn tớn lên với những của trời cho ở trên gác kia kìa.

Thân lại chớp mắt, tia nhìn khắc khoải của chị hướng vào bà Cửu - Kìa chị, nói khẽ thôi kẻo các cô ấy nghe được lại phiền. Bà Cửu thở hổn hển - Phiền cái đếch! Bà thì đuổi cổ ra khỏi nhà. Đây ngứa mắt lắm rồi. Chả thuê mướn nữa thì đừng. Gớm nữa... ngày ngày tháng tháng, nhịn cứ như là nhịn cơm sống ấy... - Ơ kìa, chị... các cô ấy có đụng chạm gì đến mình đâu nào? - Lại còn bênh à? Hay là thích sống như chúng nó? Cô cứ thử bắt chước đi. Tôi thì cứ gọi là đánh tuốt xác. Toàn một lũ giăng há, phường mèo mả gà đồng... Trên gác có tiếng động lịch kịch. Thân hoảng hốt - Em lạy chị, đừng nói nữa, chị muốn gì em xin nghe theo. Bây giờ chị lên nhà đi.

Nồi nước trên bếp sôi réo. Thân vội vã quay người lại tra gạo vào. Bà Cửu vẫn còn hậm hực - Bốn mươi đến nơi rồi mà còn dại. Bao nhiêu năm nay tôi sống thế nào cô chửa thấy à? Đã bao giờ tôi phải nhờ cậy đến lũ

đàn ông chưa? Mà vẫn có cửa có nhà nhé, có ăn có mặc nhé, có chị có em nhé. Muốn gì nữa nào? Ở thế này không sướng à? Cô lúc nào cũng chăm chăm đi tìm chồng, cô muốn bỏ tôi côi cút tuổi già chứ gì, tôi biết mà...

Khóe miệng nghiệt ngã bắt đầu méo xệch, bà Cửu dụi hai con mắt còn ráo hoảnh vào ống quần, sụt sịt - Khốn khổ thân tôi lúc nào cũng muốn vun vào cho có chị có em, cô không nên ở bạc với tôi mới phải. Thân úp mặt vào hai đầu gối, không dám nhìn bà Cửu, chị nói như rên - Chả ai thèm lấy em đâu, chị đừng lo...

Trên gác, tiếng Phượng gọi véo von - Anh Thiện ơi, qua sửa giùm em cây đèn. Bà Cửu ngưng ngay tiếng sụt sịt, bĩu môi đắc thắng - Đấy, tôi bảo có sai không? Tia nhìn tàn ác của bà đâm thẳng vào mặt em gái - Sửa với chữa, chỉ láo toét! Các chị đi cả rồi thì con em tha hồ mà đú đởn tự do. Thằng Thiện mèo mù vớ được cá rán nhé. Để xem mấy tiếng đồng hồ thì chữa xong cây đèn nào. Này, nồi cơm sôi trào cả ra bếp kìa, mở cái vung ra, mất hồn rồi à?...

Mưa bắt đầu lất phất rồi nặng giọt dần. Thiện khoác chiếc áo mưa cánh dơi, băng qua khoảng sân nhỏ bước lên thềm nhà. Bà Cửu ngồi sẵn trên đi-văng đủng đỉnh têm trầu - Chú Thiện đấy à? Sang có chuyện gì đấy? - Dạ, em sang chữa cây đèn cho cô Phượng. Chiều nay bác không đi chùa ạ? - Tôi vừa về xong. Thế bố con đã cơm nước gì chưa? - Dạ, em cũng đang nấu. - Thế ai trông bếp? Khéo mà nó cháy... - Không sao đâu ạ, em đã bớt lửa, với lại chữa cái đèn cho cô Phượng chỉ một loáng là xong ấy mà. - À, thế à. - Vâng, thôi xin phép bác cho em đi qua ạ. - Vâng, chú cứ tự nhiên. Giọng bà Cửu mát mẻ. Thiện bước nhanh lên cầu thang. Gáy anh nhột nhạt cái nhìn ném theo từ phía bà Cửu. Phượng đứng chờ sẵn ở đầu thang gác - Sao anh qua trễ vậy, em chờ thấy mồ. Cô bịt miệng cười. Dưới nhà, bà Cửu lại trề môi. Hai tai bà động đậy. Phượng nũng nịu nói - Tối thui, em sợ muốn chết, anh nghe tim em đập nè. Cô lại bịt miệng cười. Trên bàn, chiếc đèn vẫn tỏa ra ánh sáng màu hồng nhạt. Thiện đưa mắt ngơ ngác nhìn Phượng. Cô ghé sát tai anh, thì thầm - Suỵt, em muốn chọc bà già chơi thôi. Thiện hỏi, giọng cũng thì thào - Sao vậy? - Mụ làm khổ chị Thân tối ngày. Thiện buông người ngồi phịch xuống ghế, buồn xo - Tội nghiệp cô ấy, giá mà tôi có thể... Phượng ngắt lời - Nói anh đừng giận chớ anh cũng hèn quá đi. Thương người ta thì phải nói cho người ta biết, phải bợ người ta ra khỏi cái nhà tù lưu niên

đó chớ, thấy chỉ khổ mà em còn chịu không nổi, huống gì anh, mà chỉ cũng thương anh đứt ruột chớ không à? - Tôi cũng có nghĩ đến điều ấy, nhưng tôi ngại bà Cửu quá. - Trời ơi, dẹp cái bà phù thủy thế kỷ mười tám đó đi, ngại ngại riết rồi kho mắm cuộc đời mình hả? Nè, anh quyết định đi, bữa nào tụi em hẹn chị Thân giùm cho. Thiện chớp mắt nhìn Phượng cảm kích. Dưới nhà, bà Cửu vẫn nghiêng đầu lắng nghe. Im ắng thế nhỉ? Chúng nó làm cái trò gì?

Con mèo vàng lại ỏng ẹo cọ người vào đùi bà chủ, mắt lim dim khoái trá. Đầu cầu thang có tiếng động lịch kịch. Phượng hôn chụt vào tay mình - Anh về nhé, tối em qua. Cô rụt cổ cười với Thiện và nhìn theo bước chân anh đi xuống cầu thang. Bà Cửu ngồi cứng đơ, mắt nhìn ra phía cửa. Gớm, gớm quá, hẹn hò trắng trợn. Con mèo nghe tiếng động ngẩng phắt đầu lên. Bà Cửu đưa tay dúi xuống - Yên nào, nỡm. Thiện đi đến bên cạnh - Bác nghỉ, em xin phép về ạ. Bà Cửu ném một cái nhìn sắc cạnh lên người Thiện khiến anh ta nổi gai từ đầu đến chân - Không dám, chú về.

*

Cơn bão số 11 lướt qua dọc miền Trung, cái lưỡi thè dài của ngọn gió cấp tám thổi những luồng hơi nước lạnh buốt vào tận Sài Gòn. Mưa lớn chưa từng thấy. Bầu trời sẫm đặc màu chì, giống như phủ một lượt mây xám trên từng mái nhà. Buổi sáng giống như buổi chiều. Nhà nhà đóng cửa.

Ngà tô lại môi son trước gương, thở dài đánh sượt - Trời ơi, mưa vầy mà cũng phải đi làm. Cô ngao ngán nhìn xuống chiếc áo dài trên người - Lại còn áo dài áo diếc nữa... Huệ trùm chăn đọc tiểu thuyết trên giường, nghiêng đầu ngắm Ngà - Tuyệt, mày sẽ trở thành một hình tượng quyến rũ trong mưa, làm tới đi. Ngà lại thở dài đánh sượt - Ôi, chán đời khủng khiếp. Huệ xía vô - Đừng chán đời, đời đẹp thấy bà. Ngà "hứ" một tiếng - Phải rồi, tại đẹp thấy bà mới chán đó. Huệ chồm dậy trên giường nói tưng tửng - Tao cũng hy vọng mày chán mấy cái sú của tao giống vậy. Ngà hơi bị bất ngờ - À, té ra... Phượng gạt ngang - Sợ mấy bà quá, mưa buồn thúi ruột vầy chưa đủ sao còn tính gây sự nữa? Ngà nhún vai quay đi - Ai thèm gây, tại bà Huệ chớ bộ. Huệ nằm co tròn trong chăn - Ờ, cái gì cũng tại tao hết, xin lỗi. Ngà im lặng khoác áo mưa vào. Phượng hỏi - Chờ ngớt mưa rồi đi không được hả? - Không, trễ giờ mất. - Đi xích lô

một bữa đi. - Chắc là phải vậy. Cô đứng tần ngần ở đầu cầu thang một chút rồi quay người lại, dặn Phượng - Bữa nay họp cơ quan chắc về trễ, ai tìm nói chờ Ngà một chút nghen. Phượng chúi mũi vào cuốn Tin Học ứng dụng, lúng túng trả lời - Ừa, đi đi.

Ngà liếc Huệ một cái, bước xuống cầu thang.

Nhiệt kế trên tường chỉ mười chín độ. Huệ nằm co ro trong chăn nói lầu bầu - Chút tao cũng phải đi nữa. Ghẹo con Ngà cho nó quạu chơi chớ thời tiết này ra đường giống như tra tấn. Hôm nay mày cũng ở nhà hả? Phượng hơi quay qua ngó Huệ - Cái gì? - Tao hỏi hôm nay mày có đi đâu không? - Chắc không, ở nhà nhai mấy bài này cho thuộc, sắp thi mãn khóa rồi. - Lâu quá không thấy thằng Jo tới, mày với nó ra sao rồi? Phượng nhún vai - Chẳng ra sao hết, bạn. - Xạo, tao thấy nó đeo mày quá trời. - Thì cũng giống như chị với ông Huân vậy. - Sao giống được? Ông Huân là người có vợ rồi, ổng chỉ muốn lợi dụng tao. - Vậy sao chị còn giao du với ổng? Huệ thở dài. Cô nằm co rúm trong chăn, mắt nhìn chằm chằm vào một điểm không rõ rệt trên tường. Giọng cô buồn thiu - Tại tao yêu ổng. Câu trả lời lọt thỏm vào không gian lạnh giá của căn phòng. Phượng im lặng, cắn bút giữa hai hàm răng. Cô chẳng biết khuyên Huệ điều gì cả.

Ngoài trời mưa vẫn cứ mưa...

Và mưa như trút xuống thành phố một lượng nước khổng lồ. Bầu trời xám xịt. Giữa trưa mà giống như đã năm, sáu giờ chiều. Cây phượng trước cửa văn phòng chỗ Ngà ngồi làm xòe hai nhánh ủ ê ra gánh mưa, trông hệt bức tượng Chúa Giê-su chịu nạn.

Ngà ngồi, hai chân đong đưa dưới gầm bàn, nhìn qua cửa kiếng. Những bụi nước li ti giờ đã chảy thành dòng. Ngà buột miệng - Giống y nước mắt. Thư vừa đọc báo vừa ngáp dài phía bên kia phòng, giật mình quay sang - Hả? Cái gì? Ngà lắc đầu - Không. Cô tiếp tục nhìn mưa qua cửa kiếng. Trời hơi sáng ra một chút nhưng mưa vẫn không một vẻ gì sẽ tạnh. Ngoài đường thấp thoáng có những chiếc xe vụt nhanh qua. Ngà đưa tay nhìn đồng hồ. Một giờ hai mươi. Mọi người đang trên đường đến cơ quan. Chắc anh ấy cũng vậy. Lại mưa ướt hết thôi. Cô khẽ chớp mắt một cái. Những dòng mưa trên cửa kiếng nhòe nhoẹt. Ngà ủ ê thở dài.

Cách văn phòng của Ngà sáu bảy ngã tư, cửa sổ phòng làm việc của Khải mở ra một khoảng không gian xanh biếc. Những cây sao nháy,

những tàn giáng hương và cả những cành phượng cuối thu, chen lẫn vào nhau làm thành một bức tường rợp bóng. Bức tường sẫm màu, sũng ướt dưới mưa.

Phòng làm việc chưa có ai ngoài Khải. Anh đang ngồi giữa một đống bề bộn những văn bản thư từ từ các nơi gởi đến, chăm chú làm việc. Đó là một người đàn ông khoảng gần bốn mươi tuổi, vai rộng, dỏng cao, gương mặt chữ điền với cái nhìn nghiêm khắc; bù lại, anh có một cái miệng với đôi môi đẹp, rõ nét, mà mỗi khi âu yếm, Ngà hay chế giễu là đôi môi cong cớn của đàn bà. Lần nào cũng vậy, sau khi cô chế giễu thì anh vờ làm mặt giận dữ, và cô lại dí sát cái mũi xinh xinh hóm hỉnh của cô vào gò má anh mà khanh khách cười...

Bây giờ đôi môi ấy đang mím lại với đầy vẻ bực bội. Khải đưa tay đẩy chồng hồ sơ vào một góc, khẽ vươn người. Các khớp xương kêu lắc cắc. Đôi mắt anh nhìn lướt ra khoảng trời xanh thẫm. Mưa vẫn nặng hạt, dày đặc. Màn mưa trắng lóa. Khải đưa tay nhìn đồng hồ. Một giờ bốn mươi. Giờ này Ngà tới cơ quan chưa? Khéo mà ướt hết. Anh đưa tay nhấc máy điện thoại, quay số và bất chợt mỉm cười. Đôi lông mày của anh dãn ra.

Ngà vẫn dán mắt nhìn qua cửa kiếng. Trời ơi mưa buồn muốn tự tử luôn. Chuông điện thoại kêu hoài không để người ta yên gì hết. Cô không đong đưa chân nữa, hai tay chống cằm, cô ngồi im như hình nộm ngồi trong tủ kiếng.

Phía bên kia văn phòng, Thư buông tờ báo xuống, ngáp dài - Nghe điện thoại đi Ngà. Không nghe Ngà trả lời, cũng chẳng thấy cô nhúc nhích, Thư vội vã xỏ chân vào đôi dép, chạy đến cạnh bàn điện thoại, nhấc máy lên - Dạ, tôi nghe đây. - Ngà đó hả em? - Ơ... vâng. Thư liếc mắt tinh quái nhìn Ngà, rụt cổ cười. - Em đang làm gì vậy? - Ơ... dạ... đang nhớ anh... Cô phì cười rồi bỗng hốt hoảng bịt tay lên ống nói - Ê, Ngà, điện thoại của nhà ngươi. Khải hơi cau mày. Cái gì vậy nhỉ? - Alô, phải Ngà đó không? - Alô, dạ tôi Ngà đây ạ. - Vậy chớ lúc nãy là ai? - Ơ, anh đó hả? Cô đưa mắt lườm Thư - Có ai đâu, em mà. Khải thở một cái phì trong máy - Bữa nay em lạ ghê. - Ơ, tại em nhức đầu. Thư bịt miệng cười. Ngà buột miệng - Cút đi chỗ khác. Khải giật mình - Cái gì? Anh nhấc máy ra khỏi lỗ tai, nhìn vào đó một cách ngơ ngác. Ngà vội vã hét vào điện thoại - Alô, em la con mèo, alô anh có nghe em nói không? Thư bịt miệng, cố nín cười. Bên kia đầu dây, Khải thở phào, anh cũng mỉm

cười - Chiều anh đón em nhé. Ngà ừ nhỏ, cô nói như có Khải trước mặt - Vẫn ở chỗ cũ hả anh? ... Vâng... Dạ... Em nhớ. Bỏ máy xuống, Ngà quay lại nhìn Thư, lúc bấy giờ đang cười ngặt nghẽo sau bàn làm việc. - Đồ giết người, mi sẽ biết tay ta!

Trưởng phòng hành chánh quản trị thò đầu vào - Chuẩn bị ba giờ họp nhé, các cô. Ngà như bị đấm vào giữa lưng một cái. Cô nhăn mặt nhìn Thư - Chết ta rồi, làm sao đây? Thư nhướng mày - Cứ họp, tới giờ xin phép chuồn, có gì ta gánh cho.

Hai ánh mắt đồng lõa nhìn nhau. Ngà mỉm miệng cười.

Bốn giờ kém mười, Khải gọi điện thoại cho Ngà - Xin lỗi, anh không đến đón em được. - Sao vậy? - Chị Loan tự tử đưa vào nhà thương, anh phải vào đó. - Trời ơi, có chuyện gì vậy? - Hình như liên quan đến chị Huệ của em. - Cái gì? - Anh Huân mà em hay kể thường đến chơi với chị Huệ, là anh rể của anh. Ngà sững sờ, cô suýt làm rơi ống nghe xuống đất. - Em... em không ngờ, em rất tiếc. - Ngà, không phải lỗi của chúng ta. Em đừng lo, anh sẽ gặp em sau, thế nhé.

Ngà bước trở vào phòng họp với gương mặt mất hồn. Thư ngạc nhiên - Ngà, có chuyện gì vậy? Mi xanh lè như xác chết. Ngà rên - Mi xin phép cho tao về sớm đi, có chuyện nhà. Thư nắm chặt tay Ngà - Chuyện gì vậy nói cho ta nghe đi. Ngà lắc đầu - Không. Trời ơi xin phép giùm tao đi mà. Thư nhìn qua cửa sổ phòng họp - Mưa lớn lắm, về bịnh chết. Ngà lắc đầu quầy quậy - Chết sống gì tao cũng về.

Chiếc xích lô chạy chậm chạp dưới làn mưa quất bỏng rát. Ngà dúi tiền vào tay người đạp xe, chạy vội vào nhà. Bà Cửu kêu to - Kìa, cởi áo mưa ra chứ. Nước chảy ròng ròng kéo dài từ bậc cửa đến chân cầu thang. Ngà bước vội vã lên gác - Chút nữa cháu xuống lau. Bà Cửu lườm dài theo chân Ngà - Gớm nữa, ở đấy mà chờ. Bà lê đôi guốc quèn quẹt xuống đất, biểu lộ sự giận dỗi vào từng vệt giẻ lau - Một lũ nỡm, nỡm tất.

Ngà đẩy tung cánh cửa, bước vào - Chị Huệ đâu?

*

Trên giường bệnh ở phòng cấp cứu, Loan nằm thiêm thiếp mê man. Băng trắng quấn chằng chịt quanh đầu, một cánh tay, bả vai. Mặt chị trắng nhợt, vài đốm máu lấm tấm trên nền vải áo. Khải nhìn chăm chú vào nét mặt Loan. Hơi thở chị mong manh, lay động miếng bông gòn đặt

hờ ngang mũi. Chắc phải vài giờ sau chị mới tỉnh lại. Khải chậm chạp đứng dậy mở cửa bước ra ngoài.

Huấn đứng như một kẻ tội đồ chờ nghe lời phán xử. Mái tóc ướt rũ xuống trán. Cặp mắt sau chiếc kính cận như lồi hẳn ra. Anh bủn rủn nhìn Khải - ...? Khải nói từ tốn - Chị ấy qua khỏi rồi, anh yên tâm. - Anh... có thể vào được chứ? - Không cần thiết đâu, chị ấy chưa tỉnh. Anh nên về nhà tắm rửa và nghỉ ngơi một chút đi. Huấn cắn môi khổ sở - Nhưng... Khải đẩy Huấn về phía cửa - Không sao, có tôi ở đây rồi, anh cứ về đi.

Huấn lê từng bước mệt mỏi ra khỏi cổng y viện. Một cái bóng từ hiên phố ngập ngừng tiến ra. Huấn sửng sốt - Cô đến đây làm gì? Mặt Huệ xanh lướt như tàu lá. Chiếc áo mưa dán sát người. Mái tóc rối đẫm nước xõa dài trên lưng. Cô im lặng nhìn Huấn, ánh mắt khắc khoải. Anh ném một cái nhìn căm ghét lên mặt cô - Vợ tôi có bề nào thì cô đừng trách! Bỏ cô đứng sững sờ một mình dưới mưa, anh lầm lũi băng ngang đường, vẫy tay đón một chiếc xích lô, đi mất.

Trên lầu bệnh viện, Khải đứng chống tay vào lan can nhìn xuống. Anh thấy người đàn bà trẻ đứng như một cây mưa sau lúc Huấn bỏ đi. Khải cau mày nhìn. Có phải là cô Huệ, chị của Ngà không? Người đàn bà vẫn đứng như mọc rễ ở ngoài đường. Khải hé cửa nhìn vào phòng. Loan vẫn thiêm thiếp, mê man. Anh chặc lưỡi một cái, đưa tay cầm chiếc áo mưa, xuống lầu đi thẳng ra ngoài cổng.

Huệ cúi đầu nhìn xuống những móng chân sơn màu hồng nhạt lộ dưới quai dép nhung đen thẫm - Vợ tôi có bề nào thì cô đừng trách! Anh ấy đã nói như vậy sao? Giống như mình là một kẻ thù. Giống như anh ấy không hề có lỗi. Giống như...

Những dòng mưa chảy tràn trên người Huệ. Một cảm giác tê buốt làm cứng đôi chân. Huệ vẫn nhìn chăm chú vào những ngón chân. Anh ấy đã nói vậy sao? Trước đây mấy giờ đồng hồ, ảnh còn hôn lên bụng mình, nựng nịu - Em cố giữ sức khỏe để cái thai chóng lớn. Em muốn gì anh cũng chiều, em cho anh một hạnh phúc lớn lắm... - Vợ tôi có bề gì thì cô đừng trách. Mình đã làm gì? Huệ nhìn chăm chú vào những ngón chân. Vài tiếng trước đó cô đến chỗ hẹn với Huấn. Một căn phòng nhỏ thuê lại của bạn bè. Cô nức nở báo tin có thai cho anh biết mà không hề nghĩ rằng anh sẽ vui vẻ chào đón nó. Huấn mừng rỡ thật sự, bởi cuộc hôn nhân mười mấy năm của anh và Loan vẫn chưa mang lại một đứa con

nào. Anh thèm muốn, ao ước điều nhỏ bé mà vô cùng lớn lao ấy đã khá lâu mà vẫn không thực hiện được. Nhiều lúc anh đã nghi ngờ khả năng gieo giống của mình. Vợ anh không đến nỗi yếu ớt để không thể thụ thai. Dường như chị cũng thắc mắc về chuyện hai người chậm con và tự mình đi khám phụ sản. Chị không cho anh biết kết quả, nhưng càng âu yếm chiều chuộng anh hơn. Hết tháng này qua tháng khác, năm hết năm, chị vẫn một lòng kiên nhẫn cùng anh. Huấn buồn bực, lo lắng, thối chí. Một lần, trong buổi bia rượu với vài người bạn thân, Huấn buột miệng than thở thành lời. Bạn anh nửa đùa nửa thật - Hãy thử gieo giống ở một mảnh đất khác xem sao. Và Huấn đã nghe lời. Anh đi tìm cho mình một người đàn bà khác, ngoài Loan. Cuộc tìm kiếm chọn lựa diễn ra khá lâu cho đến khi anh gặp Huệ. Cô tốt bụng, yêu anh thật tình và không có nhu cầu tiền bạc. Dù sao, gần gũi với một người đàn bà yêu mình vẫn hơn. Huấn hăm hở tận dụng khả năng giống đực của mình. Đã nhiều tháng trôi qua. Huấn bắt đầu có cảm giác hoang mang, lo lắng thì Huệ lao đến như một luồng gió, khóc lóc báo tin có thai. Huấn bế bổng Huệ lên đi một vòng trong phòng - Em khóc cái gì chớ? Nó là đứa con anh chờ đợi. Anh sẽ lo cho nó. - Nhưng em biết ăn nói sao với con Phượng và con Ngà? Rồi còn cơ quan, còn bạn bè, còn dư luận xã hội nữa. Huấn hơi khựng lại một chút, suýt chút nữa thì anh quên đã có vợ. Vướng mắc này khá rắc rối đây. Anh nhìn đôi mắt đỏ hoe của Huệ, nghĩ đến Loan, và chặc lưỡi: Tới đâu hay tới đó. Anh nói - Đừng có lo, anh sẽ có cách thu xếp. Anh cúi xuống hôn Huệ, hôn lên cái bụng chưa kịp phồng lên của cô, nựng nịu giỡn hớt, say đắm...

Những gì sau đó Huệ không còn nhớ rõ. Cô không nghe tiếng gõ cửa, không thấy gương mặt trắng bệch của Loan hiện ra sau lưng Huấn. Làm sao chị biết và tìm đến chỗ hẹn của hai người, Huệ không hiểu nổi. Loan đứng trợn trừng mắt nhìn hai cánh tay trần của người phụ nữ xinh đẹp kia, ôm chặt lấy tấm lưng chồng chị. Loan thốt ra một tiếng kêu không phải của con người. Chị bịt miệng chạy ào ra cửa. Ngoài trời, cơn mưa lớn chưa từng thấy kể từ đầu mùa mưa, cuốn phăng chị vào trong những luồng gió thốc. Đôi mắt Loan đầy nước. Chị khóc nức nở trong mưa. Điều chị lo sợ nhất đã xảy ra. Kết quả bệnh viện cho chị ngày ấy là một kết quả dấu trừ. Một khuyết tật nào đó đã giết chết hy vọng làm mẹ của chị. Loan xé nát tờ giấy ấy ngay trong hành lang bệnh viện. Chị không tin. Chị không muốn tin. Chồng chị là người khỏe mạnh, có thể anh sẽ

giúp chị vượt qua. Chắc chắn như vậy. Trừ phi anh có một người đàn bà khác, trừ phi...

Loan khóc nức nở trong mưa. Chị không muốn tin những hình ảnh chị vừa trông thấy là sự thật. Chị đến nơi đó chỉ vì lời thúc giục của bạn bè. Một người vô tình chứng kiến cuộc hẹn hò của Huệ và Huấn nhiều lần, đã kể lại cho Loan. Chị chạy theo sức kéo mạnh mẽ của cánh tay người bạn. Và bây giờ...

Đôi mắt chị đầy nước, Loan chẳng còn nhìn thấy gì ngoài tấm lưng trần của chồng chị, đôi cánh tay ghì chặt của người đàn bà xinh đẹp ấy. Chị thất thểu trong bóng chiều tím sẫm, đi không định về một hướng nào. Có tiếng Huấn gọi tên chị từ xa. Mưa và gió bạt giọng anh thành những tiếng quát tháo - Loan, Loan, ngừng lại, ngừng lại... Chị vùng chạy như một người điên. Ngã tư trước mặt chị mờ mờ ảo ảo, lấp loáng ánh đèn xe - Loan, Loan, ngừng lại, ngừng lại... Tiếng Huấn gần bên tai chị quá. Trong mắt Loan lóe lên một chùm tia sáng chói gắt. Huấn thở hổn hển - Nghe anh nói đã nào. Chị nhắm mắt nhảy xổ vào quầng sáng. Tiếng thắng xe rít lên ken két. Người tài xế chửi thề. Mưa quá. Đường trơn...

Huệ chạy đến sau lưng Huấn một quãng. Cô nhìn thấy tất cả. Dòng máu loang trên mặt đường và cái thân thể mềm oặt trước mũi xe làm cô nôn thốc nôn tháo. Một người nào đó trong đám đông vừa tụ lại dìu cô bước vào mái hiên một cửa tiệm. Khi Huệ mở mắt ra, đám đông đã giải tán. Chiếc xe đậu sát lề đường. Loan đã được mang đi. Huệ chệnh choạng đứng dậy. Cô thất thần hỏi tên bệnh viện, gọi một chiếc xích lô đến đó, và đứng như một người chết rồi, chờ Huấn trở ra - Vợ tôi mà có bề nào thì cô đừng trách! Anh ấy đã nói như vậy đó. Huệ nhìn sững những móng chân màu hồng nhạt của mình. Trời ơi, tôi là ai? Tôi phải làm gì bây giờ? Bàn tay cô vô tình đặt lên phần bụng. Con ơi...

Khải nắm lấy cánh tay Huệ. Anh đã chăm chú theo dõi người đàn bà này. Nét mặt rất giống Ngà. Chính là chị Huệ. Khải không hiểu gì nhiều về chuyện Huấn, Loan và Huệ, có thể đó chỉ là mối tình tay ba thường gặp trên cõi đời này. Anh đến bệnh viện sau cú điện thoại với lời giải thích vấp váp của Huấn. Tình trạng của Loan làm Khải bất giác căm giận cả Huấn lẫn Huệ, nhưng bây giờ, nét mặt thẫn thờ của người phụ nữ đứng trong mưa làm Khải chợt mủi lòng. Không thể để Huấn làm khổ hai người đàn bà cùng một lúc. Loan là chị của Khải, còn Huệ lại là chị

của Ngà. Anh nắm lấy cánh tay Huệ, đưa cô trở vào hiên phố - Chị Huệ, bình tĩnh. Tôi gọi xe cho chị về. Khải vẫy xe, anh nói tên đường, số nhà, trả tiền và dìu Huệ lên xe - Bác đưa chị ấy về thẳng nhà nhé. Cẩn thận, chị ấy đang ốm.

Huệ cử động như một người mộng du. Cô không nhìn thấy Khải một lần nào, không hé răng nói một câu nào. Trước mắt cô là một màn sương phủ. Không còn bất cứ một thứ gì trên thế gian này làm cô quan tâm được nữa.

Chiếc xích lô chậm chạp lướt đi.

*

Ngà gọi điện thoại cho Khải, cô khóc - Anh Khải, chị Huệ điên rồi. Mấy bữa nay chỉ không ăn, không uống, không nói chuyện với ai hết, suốt ngày cầm cái gương nhìn trừng trừng vô đó. Em với chị Phượng không biết phải làm sao bây giờ, cả hai đều nghỉ làm, ở nhà canh chỉ. Anh thử bày em cách nào cho chị Huệ tỉnh lại đi...

Huấn gục đầu bên giường bệnh của Loan, nước mắt rơm rớm - Em tha thứ cho anh. Đàn ông ai mà chẳng vui chơi trong thoáng chốc. Nhưng anh không yêu ai ngoài em cả, chỉ có em mới là vợ yêu quí của anh. Em cố dưỡng sức, bao giờ em khỏe lại, anh sẽ xin nghỉ phép để đưa em đi Đà Lạt chơi. Anh hứa chấm dứt mọi quan hệ lăng nhăng. Em đừng buồn anh nữa...

Khải nói - Chị Loan, cô ấy có thai với anh Huấn rồi. Hiện giờ cô ấy giống như một người điên. Anh Huấn hứa hẹn cho nhiều rồi lại phủ nhận nó. Chị cố bình tĩnh mà giải quyết, em tin chị sẽ không giống như hôm nhảy vào xe...

Huấn chặn Khải đầu cầu thang - Sao chú lại làm thế? Chú định hại chị chú à? - Ai hại chị Loan, anh cũng biết rồi đấy. - Loan sẽ không tha thứ cho tôi - Cả chị Huệ nữa, tôi nghĩ vậy, anh liệu làm sao đó thì làm. - Tất nhiên tôi có cách giải quyết của tôi...

Loan nói, yếu ớt - Khải, chị muốn gặp cô ấy. - Để làm gì? Loan khóc lặng lẽ - Chị không thể có con với anh Huấn, chị cũng không thể bỏ anh ấy. Chị muốn có đứa con của Huệ. - Còn Huệ? Chị chấp nhận cho anh Huấn lấy vợ lẽ à? Nước mắt Loan thấm ướt trên gối - Chị... chị không biết nữa, chị... không thể chịu nổi. - Vậy chị khoan gặp cô ấy đã, em chắc cô ấy cũng khổ không kém chị đâu...

Phượng dỗ dành - Chị Huệ, ăn miếng cháo này đi, con Ngà nấu công phu lắm đó, em nấu nước rồi, ăn xong chị đi tắm rồi ngủ nghen. Trời ơi, phải ăn một chút gì đi chớ, bộ chị muốn chết hay sao? Tui nói thiệt, bà mà không lấy lại hồn là chiều nay tui đi kiếm cha Huấn tui chửi cho coi...

*

Huệ ngồi dậy trang điểm trước gương. Phượng dè dặt hỏi - Chị tính đi đâu vậy? - Vào cơ quan một chút, nghỉ lâu quá rồi. - Em chở chị đi nghe, bữa nay em cũng ghé cơ quan. - Vậy cũng được, Ngà đâu? Nó mới chạy ra chợ mua cái gì đó, chắc cũng sắp về. - Viết giấy biểu nó chờ cơm, lâu quá ba đứa không ăn chung. - Rồi, có liền.

Chiếc áo hồng làm Huệ đỡ xanh xao hơn. Hai chị em bước xuống cầu thang. Bà Cửu đang loay hoay quét dọn, ngửng đầu nhìn lên - Cô Huệ khỏe rồi đấy à? - Dạ, cháu đỡ nhiều, cám ơn bác. - May quá, mấy hôm cô ốm nhà này mất cả vui. Thế định bao giờ đi làm? - Dạ, nay mai thôi bác. Phượng hỏi - Chị Thân đâu không thấy phụ bác dọn dẹp? - Úi, chả biết vừa chạy đâu với cô Ngà ấy mà, hai cô đi phố à? Huệ mỉm cười - Dạ, đi một chút cho dãn gân.

Phượng ngừng xe trước cổng cơ quan của Huệ - Mấy giờ em đón chị? Hết giờ hay sớm hơn? Huệ lưỡng lự - Thôi để nhờ mấy đứa ở cơ quan đưa về... Mà thôi, ghé đón chị sớm hơn nửa giờ cũng được. Phượng "ờ" một tiếng, cô rồ ga, quay đầu xe chạy về phía ngược chiều. Huệ nhìn theo chiếc áo của Phượng khuất dần trong dòng xe cộ ngược xuôi. Cô đưa mắt nhìn vào trong cổng. Phòng làm việc của Huệ chưa có ai đến. Cửa sổ còn đóng kín. Huệ bước thẳng vào phòng trực. Người bảo vệ nhìn cô cười - Hôm nay đi làm chưa Huệ? - Dạ, chắc mai, em gọi nhờ điện thoại một chút. - Ừ, được. Sẵn ngó giùm chỗ ngồi một phút nghen. Tui mua gói thuốc lá. Huệ chậm rãi quay số, ngón tay trỏ run run - Anh Huấn, em muốn gặp anh, bất cứ giá nào anh cũng phải đến, nếu không em sẽ lại thẳng chỗ anh làm. - Cô điên hả? Tôi... - Em sẽ chờ anh trong hai mươi phút, sau đó anh đừng trách. Dập máy xuống, mặt Huệ xanh rờn. Một cảm giác buốt nhói ở lồng ngực giống như có một vật nhọn đâm vào làm cô nghẹt thở. Không, cô không muốn căng thẳng với Huấn như thế này đâu. Mười ngày qua đã đủ cho cô suy nghĩ chín chắn và lựa chọn một con đường.

Hai mươi phút sau, Huấn đứng trước mặt Huệ, hai tay đút vào túi

quần - Cô điên thật rồi, cô thừa biết vợ tôi chưa ra khỏi bệnh viện mà. Cô lại định hại vợ tôi một lần nữa sao? Huệ nhìn vào bờ môi cay nghiệt của Huấn. Trước đây không lâu mình đã nhận ở đó biết bao lời thề thốt, biết bao câu nựng nịu... Thật không ngờ... Cô nhìn anh, mắt ráo hoảnh - Anh có biết em hẹn anh để làm gì không? - ...? - Em muốn nghe anh nhắc lại những câu nói về con chúng ta. Huấn hơi cau mày. Đứa con. Thật đáng tiếc, nhưng nếu vì nó mà mình phải hy sinh tất cả - danh dự, sự nghiệp, mái ấm gia đình... thì... Anh cắn môi suy nghĩ - Huệ à, em phải thông cảm, lúc này anh thật khó khăn để có thể tính bất cứ một chuyện gì... - Nhưng, Huệ ngắt lời - anh để em tự xoay sở một mình sao? Huấn tránh ánh mắt Huệ - Không phải anh muốn thế, nhưng em biết đó, Loan đang như vậy, anh không còn cách nào hơn, anh... anh chỉ có thể giúp em một việc. - Nói đi. - Đây là số tiền mà anh định mua giàn máy, bây giờ anh đưa nó cho em. Em cầm lấy để lo việc sinh đẻ, thuốc men. Tạm thời chúng ta đừng gặp nhau nữa, cho đến khi nào anh tìm được lối thoát, em đồng ý không? Huệ nhìn vào gói tiền trên tay Huấn - Anh đã kịp chuẩn bị rồi à? Hay lắm. Em đồng ý. Đưa đây. Cô hững hờ nhét gói tiền vào túi xách - Chẳng có gì để nói nữa phải không? Tạm biệt. Cô đi lướt ngang người anh, mặt không hề đổi sắc. Ra đến cửa, cô bỗng quay lại, hỏi Huấn - Anh có nghĩ nó sẽ là con trai không? Huấn hơi bất ngờ vì câu hỏi, anh lúng túng - Anh... anh không chắc lắm. Huệ nhún vai - Em gần như tin chắc nó sẽ là con trai. Cô bước thẳng ra cửa, không hề ngoái lại.

Huấn nhìn theo phía sau lưng Huệ. Cô ấy nói gì thế? Con trai ư? Con của mình. Trời ạ, mình là một thằng hèn, thằng đốn mạt... Anh nửa muốn bước theo Huệ giữ cô lại, nửa phân vân đắn đo. Thôi đã dứt khoát được thì dứt khoát cho xong. Mình đã hứa với Loan. Dù sao, gia đình Loan vẫn là chỗ dựa lớn của mình...

*

Trong bữa cơm, Ngà nói - Ngày mốt, bà Cửu lại theo chùa đi hành hương một tuần. Phượng nuốt một miếng cơm - Vậy hả, khỏe cho bà Thân, mà cũng khỏe cho tụi mình. Cô vỗ trán - Á à, phải cho ông Thiện hay chuyện này mới được - Chi vậy? Ngà hỏi. Phượng cười - Tao tính nhân cơ hội này, xúi hai người làm đám cưới luôn. Ngà trề môi - Để bà Cửu bả về đuổi cả đám ra khỏi cửa hả? Phượng "hứ" - Dễ đuổi lắm sao? Còn luật thuê nhà để đâu? Với lại mày sợ không có chỗ hả? Thiếu giống!

Mà người ta săn đón chiều chuộng mình lắm chớ không như cái bà phù thủy này đâu.

Ngà gục gặc đầu - Ờ thì cho phía tụi mình vậy, còn chị Thân với anh Thiện làm sao yên? Phượng lại "hứ" - Đồ ngốc, nhà ông Thiện đi một bước là tới, bộ bà Thân không biết khăn gói qua đó sao? Cô rụt cổ cười - Tao thích nhìn thấy mặt bà Cửu lúc đó, chắc là hay lắm. Ngà bật cười khanh khách - Em cũng vậy, em thích nhìn bà Cửu "múa hát". Cô dài miệng ra - Ôi giời ôi là giời, chúng nó xúm vào giết tôi. Phượng cũng cười ngặt nghẽo, cô quay sang phía Huệ - Chị thấy sao, chị Huệ? Huệ bình thản trả lời - Muốn làm gì thì làm. Cô hỏi - Tối nay Phượng với Ngà có đi đâu không? Ngà nói - Em đi học Anh văn. Phượng tiếp - Em cũng có giờ Tin Học. Cô nhìn Huệ - Chị tính đi đâu hả? - Không, hỏi vậy thôi.

Mười lăm phút sau khi Phượng, Ngà đi khỏi; Huệ bước xuống cầu thang đi ra ngoài. Cô gọi một chiếc xích lô, đến trung tâm siêu âm. Một giờ sau, cầm trong tay kết quả siêu âm, Huệ lại trở về nhà. Phượng đứng chờ ở cửa, mặt lo lắng - Chị đi đâu về vậy? Huệ đưa tờ giấy ngang mặt Phượng - Siêu âm. Bà Cửu ngồi trên đi-văng lóng tai nghe - Sao Phượng về sớm vậy? Em không yên tâm lắm, học không vô. Bà Cửu ngọt ngào - Cô Huệ ốm đau thế nào mà phải đi siêu âm? Phượng chận lời Huệ - Chắc không phải bệnh cùi đâu bác. Cô nắm tay Huệ - Mình lên gác đi, em có mua cho chị cái này hay lắm. Bà Cửu bĩu môi nhìn theo - Gớm nữa, cứ tưởng lấy vải thưa che mắt thánh được à? Để xem chúng mày xoay sở cách nào nhé. Cặp đùi chễm chệ của bà rung lên khoái trá. Mở mắt ra chưa các con? Cứ bám đàn ông cho chặt vào, thế nào cũng có ngày hôm nay! Con mèo vàng nằm trong lòng bà bắt đầu kêu meo meo - Còn mày nữa, con nỡm, bao giờ thì mày có chửa? Con mèo kêu meo một tiếng - Mai à? Thế có phải đi siêu âm không thì bà dắt đi nào.

Đầu thang gác, Phượng nhìn xuống, nghiến răng. Đồ phù thủy khốn kiếp. Cô quyết tâm trả thù.

Huệ đưa kết quả siêu âm cho Phượng - Thai khỏe, nó là con trai Phượng à. Phượng gay gắt - Chị gặp ông Huấn chưa? Huệ nhìn Phượng - Rồi, mới hồi chiều. - Ổng tính sao với chị? Huệ mở túi xách, cô cầm gói tiền thẩy ra trước mặt Phượng - Đó, hai triệu. Phượng nổi gai ốc, cô nhìn Huệ, nhìn gói tiền, lại nhìn Huệ. Mặt Huệ dửng dưng không đổi sắc - Khá nhiều cho một lần giải quyết. Phượng kêu - Chị Huệ... vậy chị còn

đi siêu âm làm gì? - Để biết chắc nó là con trai hay con gái. - Chị... sẽ không giữ nó chứ? - Dĩ nhiên, ngày mốt, Phượng đi cùng chị, được không? Mắt Phượng chạm ánh mắt khốn khổ của Huệ, cô nuốt ực cục nghẹn xuống bụng - Chắc rồi, chị yên tâm.

Ngà đi học về, trèo lên cầu thang, hai má ửng đỏ - Chị Huệ, có người muốn gặp chị - Ai vậy? - Anh Khải. Cô ngập ngừng - ... Em của chị Loan. - Để làm gì? Chuyện chị và anh Huấn xong rồi. - Anh ấy muốn hỏi chị một chuyện gì đó. Huệ chớp mắt một cái - Các người còn muốn gì ở tôi nữa? Ngà nói nhỏ, giọng như sắp khóc - Anh ấy nói gì về... cái thai. Phượng nắm chặt tay Huệ - Được rồi, hẹn ảnh chiều mốt lại đây. Ngà nhìn sững Phượng, cô gắt Ngà - Đủ rồi đó, mày xuống trả lời đi.

*

Thiện đứng trong bếp với Thân - Em phải quyết định đi chứ, không dễ gì có cơ hội khác nữa đâu. Chốc nữa mình ra phường đăng ký, xong mời các cô giáo ở trên gác, vài người bạn của anh nữa, dự một bữa cơm nhỏ gọi là ra mắt bạn bè. Em thấy đấy, anh không muốn em phải chịu thiệt đâu, nhưng mình không có cách nào hơn cả. Thân run - Chị Cửu về chị ấy giết em mất. Thiện gắt - Mặc mẹ nó bà Cửu! Anh nhìn gương nặt xám nhạt của Thân, thương hại - Xin lỗi, tại anh tức quá. Anh dịu giọng - Em đã bốn mươi rồi Thân à, và anh cũng không thể chờ lâu hơn nữa. Thân cúi đầu lí nhí, giọng ướt đẫm nước mắt - Thôi thì đành vậy, chứ biết sao bây giờ. Thiện mừng rỡ - Để anh báo cho các cô ấy biết.

Anh leo lên cầu thang - Đi đâu cả rồi? Kìa, cô Ngà, thế là xong nhá! Chiều nay mời các cô sang ăn cơm với vợ chồng tôi. Ngà cười - Nhất định phải sang để uống rượu mừng chớ - Các cô ấy đâu cả? - Đi khám bệnh, chút về ngay thôi, anh cứ lo công chuyện đi, có cần em giúp gì thì cứ nói nghe. Mắt Thiện sáng rỡ, anh tuột xuống thang lầu. Thân hồi hộp đứng chờ anh ở cửa bếp, chị đã thay một chiếc áo mới màu vàng nhạt. Thiện nắm tay Thân, cười ầm - Cô dâu mặc thế này à? Thân ngượng nghịu, lúng túng, chị vẫn còn run - Em sợ lắm. Thiện kéo tay Thân - Ta đi thôi, nào sợ...

Chiều tối, tiệc cưới bên nhà Thiện đang hồi rôm rả. Bé Tâm đứng ở hàng rào gọi ơi ới - Cô Huệ, cô Ngà, cô Phượng ơi. Ngà thò đầu qua cửa sổ - Ừ. Cô quay lại nhìn Khải đang ngồi trong lòng ghế mây - Hai bà này đi đâu lâu quá trời, chờ thêm chút nữa nghe anh. Khải mỉm cười - Tất

nhiên. Anh rút điếu thuốc châm lửa hút một hơi - Ngà à, anh tính nói với chị Huệ cuối năm nay cho tụi mình cưới nhau. Ngà háy - Ai ưng mà đòi cưới? Khải chụp cánh tay Ngà, kéo cô vào lòng - Thật không ưng không? Ngà cười khanh khách - Thấy người ta cưới nhau rồi nôn hả? - Chứ sao. Khải đáp. Anh cúi xuống định hôn Ngà thì có tiếng chân chạy rầm rập lên cầu thang rồi cánh cửa bật mở. Phượng dựa lưng vào tường, lắp bắp - Ngà, Ngà... chị Huệ... Mặt đầy nước mắt, cô té xỉu.

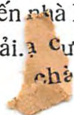
*

Vắng Huệ, căn gác trở nên hiu quạnh. Phượng thắp cây nhang trước mỗi bữa ăn - Chị Huệ, về mà ăn cơm. Tấm ảnh trên bàn thờ nheo mắt cười. Ngà khóc sụt sịt.

Dưới nhà, bà Cửu ngồi như một hồn ma. Con mèo đói, kêu ngao buồn thảm. Thân sụp xuống chân bà, khóc - Chị thương em, chị đừng mắng em tội nghiệp. Bà Cửu quát - Xéo ngay, nhà bà không chứa quân lăng loàn như mày. Co chân, bà đạp vào em gái. Thân lăn ra đất, khóc lặng. Thiện nóng mũi xông vào đỡ vợ - Này, tôi bảo cho bà biết, tôi nể tình chị em mới để cô ấy về xin lỗi bà, không phải để bà đánh mắng cô ấy đâu. Bà Cửu ném cơi trầu vào người Thiện - Xéo ngay cho khuất mắt, quân lừa đảo. Thân khóc lặng - Em lạy chị thương em. Thiện quát - Không chị em gì với đồ cáo già ấy, về. Anh lôi tuột chị ra ngoài. Đã hơn một tháng kể từ ngày Huệ chết, kể từ ngày Thân ra khỏi nhà. Bà Cửu suy sụp, héo hắt như một củ khoai bỏ quên dưới đất. Cái bóng lầm lũi của bà ra vào không một tiếng động. Bà năng đi chùa hơn. Lạy Phật, xin phù hộ độ trì cho con thoát khỏi bể trầm luân này. Con Thân nó đã muốn thế thì cứ cho nó thế, con không cần đến nó nữa, không cần. Bà Cửu nói cứng. Không. Bà nói dối đấy. Bà rất cần đến Thân, nhưng bà giận chị quá, bà hờn chị đã dám qua mặt bà. Bà vờ vĩnh không thèm nhìn sang nhà Thiện, nhưng đêm đêm bà vẫn lóng tai chờ nghe tiếng chân Thân trở về. Đã hơn một tháng rồi. Chả nhẽ nó không về? Chả nhẽ nó quên hẳn người chị già nua khốn khổ của nó sao? Nước mắt bà rớt ra trong tối.

Phượng cắm nhang trên bàn thờ Huệ - Chị Huệ, ngủ ngon. Cô quay lại phía Ngà, lúc bấy giờ đang đứng gần cửa sổ - Chưa đi ngủ sao Ngà? - Em chưa buồn ngủ. Phượng thở dài.

Sau khi chôn Huệ một tuần, Phượng đến nhà Huấn. Cô bước vào lúc cả nhà đang ăn cơm - Huấn, Loan, và Khải. Phượng hờ hững rút trong



túi xách gói tiền và tờ kết quả siêu âm của Huệ - Tôi đem những thứ này trả lại cho ông bà theo ý người chết. Cô đặt nó trước mặt Huấn - Ông hài lòng chứ? Cả mẹ lẫn con trong một ngày. Tuyệt vời! Cô nhìn gương mặt xanh nhợt của Huấn, cay nghiệt - Chúc mừng sự tuyệt tự của ông! Nghiêng sang Loan, cô nói - Xin lỗi. Xong, cô bước thẳng ra ngoài.

Khải nắm chặt tay Loan. Anh thông cảm Phượng. Thông cảm Ngà. Cô không cho anh gặp nữa từ khi có cái chết của Huệ. Nỗi đau khổ của cô làm anh càng tôn trọng cô hơn. Khải tự hỏi không biết bao giờ mình mới thoát ra cái vòng luẩn quẩn này. Anh nắm chặt tay Loan. Chị đang khóc lặng lẽ. Chị không trông đợi việc này xảy ra, chị càng không biết những hành vi của Huấn đối với Huệ. Chị nhìn những tờ giấy bạc bay lả tả xuống nền gạch. Sao anh lại làm vậy? Khải gằm giọng hỏi Huấn - Tại sao? Cũng như Loan, anh không hay biết gì về chuyện gói tiền. Té ra vì thế mà chị Huệ... Khải nghiến răng, anh cố nén một tiếng chửi thề.

Huấn nhìn sững tờ kết quả siêu âm trong tay. Tôi thật không nghĩ sự việc sẽ xảy ra như vậy. Tôi thấy Huệ rất bình tĩnh, thật mà... Tôi có ngờ đâu... Thai khỏe. Con trai. Chúc mừng sự tuyệt tự của ông. Trời ơi...

Khải chậm rãi bước lên sân thượng, đốt thuốc ngồi trầm tư. Đêm đầy sao và gió lạnh. Anh nhớ đôi mắt sưng đỏ của Ngà hôm đám tang của Huệ. Cô đứng trước nấm mộ vừa mới đắp, quay lưng về phía anh. Giọng cô âm u như vọng lên từ đáy mồ của Huệ - Đừng tìm em nữa Khải, em với anh hết rồi. Khải đã im lặng, anh hiểu cần phải có thời gian cho cô nguôi ngoai và anh phải biết chờ đợi để làm lại từ đầu.

Ngà đứng dựa cửa sổ nhìn ra ngoài. Mùa mưa đã đi qua. Không gian thanh tịnh và trong sáng. Đêm đầy sao. Giờ này Khải đã ngủ chưa? Cô khẽ chớp mắt một cái, cố ngăn giọt lệ đang chực trào xuống má. Mùi nhang trầm tỏa bay trong không khí, gợi cho cô một cảm giác vừa ấm áp vừa tức tưởi. Ngà âm thầm khóc một mình.

Mơ hồ từ phía giường ngủ, giọng nói Phượng nhè nhẹ, buồn buồn - Ngà à, mai rủ vợ chồng chị Thân qua ăn cơm làm lành với bà Cửu nghe, trông bà ấy tội quá. Ngà gạt nước mắt, giọng cô ra vẻ tự nhiên - Ờ, em cũng nghĩ vậy.

Im lặng một chút rồi giọng Phượng lại cất lên dịu dàng - Chị cũng gọi điện thoại cho Khải rồi.

Ngà sững sờ. Cô quay hẳn người lại nhìn trân trối về phía Phượng.

Phượng vẫn dịu dàng - Chị Huệ mà biết Khải cưới em thì chỉ mừng lắm đó... Bốn chín ngày chị Huệ, mình sẽ làm ở trên chùa, Ngà nghĩ sao? Có cả bà Cửu, chị Thân, anh Thiện, anh Khải..., chị ấy sẽ không sợ cô đơn, không sợ bất cứ một thứ gì...

Ngà bật khóc lớn. Nước mắt như rửa sạch giùm cô những nỗi u uẩn nặng nề đang tụ trong lồng ngực. Trong giường, nước mắt Phượng cũng chảy tràn. Cô bậm môi lại, nức nở không thành tiếng. Huệ, chị Huệ ơi...

Tấm ảnh trên bàn thờ có khóe mắt long lanh nhìn xuống...

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

11/90



VŨ THÙY HẠNH

ngục tù

Tôi
Là-tôi-là-ai
Hạt cát long lanh vỡ òa trên sóng
Hay đá trầm mình đáy biển âm u
Là ai
Gió thở băn khoăn
cõi ngoài vật vã
Hay giọt mưa thầm
rụng đáy canh thâu
Là-gì-tôi
Cánh vỗ thênh thang
Hồn thiêng dã điểu hay bụi tro tàn đất khổ hồng hoang
Là tôi
Ai
Thánh tử cao khiên dâng mình núi Sọ
Hay thập tự già oằn oại dấu đanh
Là tôi
Thân vỡ nát xương da còn quằn quại
Tim tan tành trí vẫn hôn mê
Xác đã lạnh hồn còn quay quắt
Lệ vẫn đầm đìa trên mắt đã lìa người
Ôi tôi là tôi
Sao không còn tiếng nói
Đá tảng
Ngục tù
cấm cố
Nghìn năm

VŨ THÙY HẠNH



Tranh Đinh Cường



NGUYÊN THI

hoa cỏ

Mây trùng trùng điệp điệp chập chùng cuồn cuộn. Mây ngổn ngang giăng mắc không lối thoát cho ánh mặt trời. Mây trắng trên đầu, dưới chân, bên trái, bên phải, tứ hướng, mười phương. Tôi đang bơi lội vùng vẫy trong mây, với một cảm giác nhẹ hẫng lạ lùng của vùng không trọng lực. Rõ ràng là tôi đang bơi, nhưng hình như tôi có biết bơi bao giờ đâu, sao thân hình uyển chuyển nhẹ nhàng, hai tay háo hức vén mãi bắt mãi những tảng mây hiển hiện trước mắt mềm mại óng ả nõn nà như tơ, nhưng không bao giờ nắm lấy được, hai chân tống mạnh, đạp đều tràn trề sinh lực lướt mãi trôi mãi vào khoảng chân không... Tôi đã đến những đám mây này tự bao giờ? Lòng tôi cảm thấy trống rỗng, mơ hồ, lạnh lẽo nhưng thoải mái lắm, dễ chịu lắm, dễ chịu lắm... Chung quanh toàn là màu trắng. Hình hài tôi trắng toát, mây không chút bợn nhơ.

Đột nhiên, tôi hụt hẫng, chới với, vừa lọt vào một hũng sâu, tay chân bỗng mềm nhũn mất hết thể lực không sao co duỗi cử động được, rồi tôi rơi xuống, đầu chúc xuống, rơi thật nhanh, bị hút xuống, trì kéo xuống. Mây thật dầy, kín mít chung quanh, tôi như rơi vào một ống mây, rơi hoài rơi mãi không tới đất. Gió ào ào bên tai, lạnh cắt cả người... Một nỗi sợ hãi kinh hồn dấy lên trong tôi, khủng khiếp nhất là không còn làm chủ được thân thể mình nữa, chỉ thấy lạnh tê tái ngộp thở, và một cảm giác đau nhói như cắt ruột gan trong người, muốn co thắt bụng lại cho đỡ đau cũng không được, muốn há miệng la to cho đỡ sợ cũng không được, hoàn toàn bất lực, chỉ còn mơ hồ một ý niệm kháng cự yếu ớt. Không, không

phải là sự thực, mình đang chiêm bao mà... Không, nhưng sao rơi mãi không ngừng, sao không tỉnh giấc.

Thình lình, tôi lạc vào một cõi khác, mù mịt sương mù. Có phải là đã xuống mặt đất không? Hình như vừa có một ngắt ngang, một khoảng trống thời gian, không gian, ký ức, hay giấc mơ. Không rõ tại sao tôi lại ở nơi này, nằm chơ vơ bất động chân tay tê liệt giăng ra, trên một cái bàn lạnh ngắt. Thấp thoáng chung quanh những bóng người, áo trắng, khăn trắng che ngang miệng. Họ đang làm gì vậy, nghe như có tiếng khua dội của sắt thép, tiếng bàn tán lao xao nghe không hiểu được, đầu óc tôi tỉnh táo, nhưng người lạnh ngắt, và không sao nhúc nhích được, như đã đông thành đá.

Một người chợt đến gần tôi, cúi xuống, nói gì đó, hình như là "lạnh nữa, lạnh nữa...". Rồi bỗng nhiên bụng tôi đau nhói. Tôi thấy rõ ràng người đó đang cầm con dao thọc vào bụng tôi, ngoáy sâu. Tôi trợn mắt lên, đau nhức đến kinh hồn. Muốn dãy dụa, muốn hét lên... Không được. Con dao vẫn ngoáy mạnh, họ lấy thứ gì trong bụng tôi ra, bứt đi một phần thân thể. Mồ hôi tôi toát ra đầm đìa, cũng như nước mắt tuôn tràn, như máu vọt từ vết cắt. Nhưng máu không có màu đỏ, chỉ toàn trắng. Hét lên, phải cố gắng hét lên, hét lên...

Thảo bừng mắt dậy, mồ hôi đầm đìa, nước mắt ứa ràn rụa trên má, tay chân lạnh ngắt và tê cứng. Phải định thần một lúc lâu mới phân biệt mình đang ở đâu. Không, cũng chưa rõ ngay, nhưng biết được chuyện vừa xảy ra không là sự thực. Tôi còn sống, còn hiện hữu. Chỉ là một cơn ác mộng. Lại một cơn ác mộng.

Ác mộng này, cảm giác lạnh buốt này đã quá quen thuộc với Thảo. Tuy vậy lần nào choàng tỉnh Thảo cũng phải định thần một lúc mới biết mình đang ở đâu. Người như tan rã trôi lềnh bềnh trong không khí đặc quánh. Muốn ráp lại những phần thân thể cho liền nhau cũng khó. Không rõ không gian thời gian. Cảm giác lúc chết chắc không khác vậy mấy.

Phải mất vài phút sau Thảo mới định thần, nhúc nhích tay chân, rồi đưa lần tay lên bụng. Cảm giác đau đớn dường như còn đây. Lẽ ra phải hết thực rồi chứ, đã lâu rồi mà, gần nửa năm rồi, sao vẫn còn đau, hay chỉ do sự tưởng tượng, cơn ác mộng sao như mới vừa xảy ra hôm qua.

Trong vùng nhá nhem tranh tối tranh sáng, Thảo cảm thấy người lao chao dồn dập, như bị gió thốc. Thì ra là gió, gió đã hơi nhiều, và hơi lạnh. Tiếng xào xạc cây cỏ chung quanh. Chung quanh Thảo một vùng toàn cỏ, cỏ tháng tám xanh mướt đậm đà vươn lên những bông hoa vàng óng ả, lác đác điểm vài hoa cỏ khô trắng mong manh đang rải phấn tơ nuột nà vào trong gió. Bầu trời ngả về chiều có mây bàng bạc thật thấp thật hiền hòa vạch vẽ trên đầu ngọn đồi. Không phải là những chùm mây giăng mắc rối mù xô đẩy Thảo khi vừa rồi. Nắng sắp tắt lặng lẽ xuyên qua mây, bồi hồi vàng úa.

Thảo tỉnh hẳn và nhớ mình đang ở đâu. Một nơi thật xa những căn nhà của mình. Căn nhà thơ ấu đầy tiếng cười hạnh phúc. Căn nhà của mồ hôi và nhọc nhằn, của hy vọng và tuyệt vọng... Tất cả đều ở quá xa. Mới có đó mà bây giờ đã xa tít mù khơi, như không còn gì nữa cả. Chỉ còn những đám mây lãng đãng trên đầu không hình dạng như lũ ký ức phôi pha... Tại sao tôi lại ở nơi này? Tại sao đến đây? Đến cũng chỉ cô độc một mình, và đi chắc cũng chỉ cô độc mà thôi... Thế giới nào cũng vậy, hiện thực, giấc mơ, hay là bên kia cõi khác...

Chiều đã xuống trên vùng núi đồi miền Tây Bắc nước Pháp vào cuối hè, những dãy đồi thoai thoải bao la trải đầy cỏ hoa tắm nắng vàng phơi phới, óng ả, không gian tĩnh lặng và huyền hoặc như trong tranh.

Hơn tuần lễ sống ở vùng đồi núi vắng vẻ này, Thảo cảm thấy tâm hồn mình lắng xuống thật nhiều. Ngọn lửa bứt rứt hậm hực thiêu đốt trong lòng như nguội lạnh bớt. Những cơn đau trăn trở cũng giảm dần, khi không nghĩ đến. Nỗi sợ hãi căng thẳng cũng lơi ra. Thảo lần mò đi dạo trên đồi, mới đầu cùng vài đứa cháu, nhưng bọn nhỏ chóng chán người dì bệnh hoạn cũng như ngọn đồi vắng không có trò chơi, nên vài hôm sau Thảo chỉ đi một mình, như thế thích hơn, cô lững thững nhẩn nha, hít thật sâu không khí trong lành vào tấm thân tiều tụy mà cô tưởng chừng như đang âm thầm mục rữa. Thảo thường nằm lẫn dấu mình trong đám cỏ dại phủ cao hàng giờ, đắm mình trong mùi cỏ dại ngây ngấy, mùi phấn hoa thoang thoảng, và trong tiếng gió khi rì rào trong bụi cây, khi cuốn xoáy nhè nhẹ trong không gian. Nhiều khi quên mất cả mình, quên những hệ lụy đeo đẳng không biết từ kiếp nào rứt mãi không ra. Nhiều khi tưởng mình đã hóa thân thành cây cỏ.

Trưa hôm nay Thảo đi hơi xa, vì tìm ra được một khoảng đồi cỏ quá

đẹp, chỗ này không có người thả bò vì đồi cao và cỏ có gai, nhưng nhờ thế mà xanh biêng biếc, có khoảng hoa đủ màu đủ loại, huệ trắng, hồng đỏ, móng rồng xanh, cúc tím, cả uất kim hương vàng..., có khoảng rặt hoa cỏ dại *pissenlit* vàng óng ả, điểm xuyết hoa khô trắng như tơ như tuyết... Du hồn vào sự tĩnh lặng, Thảo đã ngủ thiếp đi, bây giờ trời đã xế chiều. Bóng chiều sụp xuống thật nhanh. Sương mù đã bắt đầu dấy lên u uất.

Thảo quấn vội tấm áo choàng vừa làm thảm trải lên người, cô hơi bối rối vì trời chiều. Chưa chi trăng lưỡi liềm đã ló dạng trên đỉnh đầu, bên cạnh là một nhánh sao hôm lẻ loi. Vẫn mảnh trăng cũ và chiếc sao hôm xưa đã theo dõi Thảo trong suốt quãng đời lận đận của cô, làm bầu bạn những lúc không ai bên cạnh. Thảo lủi thủi đi trên đường đồi gập ghềnh, những khuôn mặt người đến người đi, những biến cố, những tang thương, những hy vọng và tuyệt vọng, cũng khấp khểnh theo cô, trong ánh trăng sao vòi või trên đầu.

Con đường này ban trưa đi không xa lắm, mà sao bây giờ đi hoài không tới. Hay tại sương mù dâng làm kín lối về, khiến Thảo đã lạc đường? Trời tối sập xuống rồi, sao lác đác, trăng không xuyên thủng mây, không mang đèn, đường lại lạ, chắc là lạc mất. Tiếng côn trùng râm ran thúc bách. Thảo nghe dấy trong lòng một ngọn lửa hoảng hốt. Tôi làm sai điều gì mất rồi. Nhưng tại sao tôi lại phải sợ? Trấn an như vậy nhưng sau vài lần vấp váp, và quanh quẩn mãi, Thảo cảm thấy người lạnh và tay chân yếu ớt, trái tim nôn nao, và cơn đau chợt tấy lên trong bụng... Sương mù càng lúc càng dầy đặc, làm sao tìm ra lối? Tự dưng hai mắt Thảo mờ đi, nóng bỏng, không hiểu có phải vì sương mù sa vào hay không.

Bỗng Thảo đứng sững lạnh toát người... Chập chờn từ đằng xa, ở phía cao đi xuống, một thứ ánh sáng leo lét soi dọi một chiếc bóng trắng chập chờn... Chiếc bóng đang đi dần về phía Thảo thật thong thả, nhẹ nhàng, như lướt trên đầu ngọn cỏ. Thảo chùn chân tê người. Đủ loại ma quái trong ký ức phim ảnh và chuyện tích ập đến. Người Thảo chưa chi đã nhợt đi, và hai chân bỗng run bần bật, không sao kềm hãm được. Đầu còn lờ mờ lẩm nhẩm, sao tôi lại phải sợ, tôi cũng nửa người nửa ma thôi...

Thảo chưa kịp có phản ứng thì chiếc bóng cầm đèn đã tới gần. Cô đứng yên một chỗ, không cử động, liều mạng, giương mắt nhìn. Ngọn đèn

bão cũ kỹ như lấy ra từ một thế kỷ khác, ánh sáng vàng vọt yếu ớt bập bùng nhuộm trên chiếc áo choàng trắng rộng phủ đất, khuôn mặt người đàn bà che khuất trong chiếc mũ áo không nhìn rõ được, chỉ thấy một vệt trắng bệt và hai mắt lấp lánh phản chiếu ánh sáng...

Chưa đến gần hẳn, giọng nói của người đàn bà cầm đèn đã vang lên, thánh thót:

- *Bonsoir... Tout va bien?*

- *Oui... ah... non!*

Bật ra được tiếng nói, Thảo mới hoàn hồn. Từ sáng đến chiều không thấy bóng người, Thảo hơi quên đây vẫn là cõi đời.

- Cô có sao không?

Người đàn bà đã đến gần và nhận ra vẻ khác thường của Thảo, giọng bà ân cần khiến cho Thảo cảm thấy ấm áp trở lại. Cô lúng búng mấy câu tiếng Pháp rỉ sét cho biết mình đang lạc đường. Bà áo trắng bảo:

- Cô nhầm hướng rồi. Không sao đâu, tôi sẽ đưa hộ cô về.

Hai người sóng bước bên nhau, trong ánh lửa chập chờn của ngọn đèn bão. Bà áo trắng lướt đi thật nhẹ nhàng, trong khi Thảo cứ vấp váp mãi. Cô nói để chữa thẹn, hay để phá tan không khí huyền hoặc:

- Trời nhiều sương quá, nếu không may gặp bà chắc tôi lạc và phải ngủ trong rừng cỏ này quá!

Không nhìn thẳng vào mặt Thảo, người đàn bà trả lời, giọng đều đều thanh thản:

- Đồi núi này chỗ nào cũng giống chỗ nào. Cô mới đến đây phải không?

- Hơn tuần nay, hôm nay tôi đi hơi xa. Chỗ này vắng người quá. Bà là người đầu tiên tôi gặp ở đây.

- Tôi hay lên đồi dạo lắm. Tôi rất quen thuộc với chỗ này. Đây là nơi căn nhà nghỉ mát của gia đình tôi, ông bà tôi để lại.

- Thì ra thế! Bà có cây đèn cổ quá, như đèn trong truyện cổ tích.

- Làm cô sợ phải không? Khi mới nhìn thấy cô tôi đã nghĩ vậy.

Thảo phá lên cười, cười cho tính nhút nhát trẻ con của mình, cười cho quên đi sự căng thẳng vừa qua. Tại sao tôi lại phải sợ? Còn gì để mà sợ nữa chứ? Thảo cảm thấy an tâm dễ chịu hơn, cô kín đáo quan sát người bạn đồng hành kỳ lạ.

Bà lặng lẽ đi, nét mặt và dáng điệu thật bình thản. Thoạt nhìn qua ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn trộn với sương mù, khó biết được bà là người của xứ nào hay thời đại nào. Chiếc áo choàng màu trắng không kiểu, không hình thù chùm kín lấy người bà, khiến bà trông như đến từ một thế kỷ khác. Gương mặt dấu dưới chiếc mũ áo không rõ nét, chỉ mường tượng những nét thanh tú không giống người Tây phương hoàn toàn, nếu bà không nói tiếng Pháp giọng Paris thì ngờ ngợ như người Trung Đông hơn, nửa Âu nửa Á. Bà không nói nhiều, chỉ trao đổi vài câu với Thảo, giọng lúc nào cũng êm ả, đều đều. Qua câu chuyện, Thảo biết bà tên Flora. Bà Flora có biết qua gia đình chị Hương của Thảo. Bà phát âm tên tiếng Việt rất rành rẽ, và giải thích chồng bà là người Việt.

Bà Flora quá thạo đường, như nhắm mắt đi cũng tới, bà lại tử tế, đưa Thảo về đến tận nhà, mới đi ngược trở lại, phía trên đồi xa xa. Bà chỉ tay về phía nhà bà, ngọn đồi cao nhất phải mất mười lăm phút đi bộ âu mới tới. Ánh sáng chập chờn rọi chiếc bóng trắng của bà dần dần xa mờ trên cao, lẫn vào trong sương mù...

*

Hôm sau, Thảo đi về hướng nhà bà Flora, cố ý tìm bà để cám ơn và để biết rõ những gì muốn biết. Không sao tìm ra được. Nhà vùng này thưa thớt, cách nhau từng khoảng đồng cỏ nhỏ, nhà lại hao hao như nhau, toàn những châtelet gỗ nâu nho nhỏ, trông rất cổ xưa, hầu hết đều trồng đầy hoa màu sắc sặc sỡ vui tươi trước nhà. Người Pháp rất thích chăm sóc nhà cửa, nhất là vùng này toàn là những ông bà lão về hưu, cả ngày không làm gì chỉ lúi húi với vườn tược. Nhà của chị Hương cũng là của cha mẹ chồng để lại, mỗi năm hai vợ chồng chị đưa lũ trẻ lên đây nghỉ mát vài tuần. Đời sống ở Pháp còn có ngày nghỉ, dễ thở hơn ở Mỹ nhiều.

Mấy hôm nay Thảo thường lên đồi hơn đi ngắm nhà cửa, đến giờ muốn tìm bà Flora mới đi quanh quẩn trong vùng. Thảo rụt rè hỏi về bà Flora với vài người không ai biết. Cô gặp một ông già đang tưới hoa trước ngõ. Ông lão điếc hay tiếng Pháp của Thảo khó nghe quá, cho nên không ai hiểu ai. Khi hỏi tên Flora, ông ta gật đầu rồi sau đó lại lắc đầu, chả hiểu gì cả. Nhưng rồi ông ta hái tặng cho Thảo vài bông hoa, hai bàn tay già nua nâu khô cứng như đất thiếu nước nắm lấy tay Thảo dặt dặt,

có vẻ chân tình, khiến Thảo chợt cảm thấy đời sống mình nhiều sinh khí hơn lên, và cô thực lòng nói cám ơn ông lão.

Không tìm được bà Flora khiến Thảo càng cảm thấy cuộc gặp gỡ tối hôm qua có vẻ hư hư thực thực, như một giấc chiêm bao. Nhưng lúc này Thảo sống với chiêm bao nhiều quá, nên không cảm thấy sợ sệt hay quái lạ lắm. Và để phá tan chút cảm giác nhờn nhợn còn sót lại, Thảo lại lẽo đẽo đi về phía ngọn đồi cỏ vàng hôm qua...

Không biết phải vì Thảo quá mong chờ không, đến xế trưa, lúc cô còn đang ngong ngóng về phía những ngọn đồi vàng, đỏ, xanh, nâu xa xa tít tắp, lác đác vài con bò, vài con cừu nhởn nhơ gặm cỏ, chợt vang lên phía sau cô một giọng nói thanh thoát quen thuộc:

- Cô Thảo tìm tôi đấy à?

Quay ngoắt đầu lại, Thảo thấy bà Flora đang từ trên dốc đồi cao đi xuống. Bà mặc chiếc áo dài trắng rộng, gần phủ gót chân, đầu trần để lộ mái tóc trắng xóa ngang vai bay phất phơ, một tay cầm áo choàng, một tay cầm đèn bão. Cỏ ở đây khá cao, thấp bé như Thảo ngồi xuống là gần phủ đầu, không hiểu sao Flora nhận ra cô ngay, và còn hỏi cô muốn tìm bà nữa. Hai lần gặp, lần nào bà Flora cũng làm cho Thảo giật mình, nhưng cô tự nhủ vùng này vắng người toàn là cây cỏ, ít thấy mặt ai, cho nên mọi sự tiếp xúc đều có vẻ gì là lạ thần bí mà thôi. Dù sao đi nữa, ma cỏ gì mà hiện ra giữa ban ngày, có quái gì mà sợ?

Thảo mời bà Flora đến ngồi cạnh cô. Buổi xế trưa trời dịu nắng, nhưng cũng đủ soi tỏ những màu sắc nhợt nhạt trên mặt người đàn bà tối hôm qua. Bà trông không già không trẻ, mái tóc sao trắng xóa đến lạ lùng nhưng gương mặt thanh tú lại không vết nhăn, khiến khó lòng đoán tuổi, hẳn là trên dưới năm mươi. Màu da trắng bệch như thiếu máu hay không ra nắng. Đôi môi cũng tái ngắt, mím chặt. Chỉ có hai con mắt sâu long lanh đầy vẻ thông minh, nhưng lại mang màu sắc là lạ hiếm có, màu xám tro. Nét mặt bà thật bình thản đến lạnh lùng, yên tĩnh như mặt nước hồ lặng gió, tưởng chừng không gì làm xao động nổi. Thân hình bà cao gầy, chiếc áo rộng vẫn không che được vẻ khẳng khiu của vóc dáng và hai bàn tay ngón dài xương xẩu. Người bà phảng phất có một vẻ gì là lạ Thảo chỉ mường tượng mà không sao giải thích nổi. Khi nói chuyện hai mắt bà mơ hồ nhìn về phía xa xa, chứ ít khi nhìn vào người đối thoại, nhưng lại không có vẻ gì kiêu mạn hay lạnh nhạt cả.

- Cô thích lên đồi này lắm à?

- Vâng, ngày nào tôi cũng lên. Từ thuở nhỏ tôi đã thích được lên đồi cỏ đẹp và bình yên như thế này. Ở quê hương tôi không có, hay có mà vì chiến tranh tôi chưa được đi đến. Nhưng quê hương tôi có đồng ruộng xanh cũng xinh xắn lắm, có bãi cát trắng tuyệt vời và biển xanh biếc đẹp vô cùng...

- Tôi biết...

- Bà từng đến đấy à?

- Có thể nói như vậy...

Bà Flora có lối trả lời lưng chừng, nhưng Thảo không để ý lắm, một phần có thể vì cô nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ ít dùng, một phần cô tự nhiên thích nói với bà Flora, còn Flora thì hình như không cần nghe Thảo nói cũng đã hiểu được ý cô.

- Cô nhớ nhà lắm à?

- Tôi xa nhà đã hơn mười năm, nhớ thì cũng nhạt bớt, nhưng thỉnh thoảng, ngồi không như vầy, hay là khi... sắp chết, thú thật, tôi nhớ nhà muốn chết đi được.

- Xa nhà hơn mười năm, cô ở Mỹ sang phải không?

- Sao bà biết?

- Giọng nói của cô. Cô nói tiếng Pháp hay nhưng nghe thì biết là sống ở xứ nói tiếng Anh, tôi nói tiếng Anh với cô nhé.

Rồi bà Flora chuyển sang một giọng Anh rặt ròng để trò chuyện cùng Thảo. Cô ngạc nhiên hỏi:

- Bà gốc người Anh à?

- Gần đúng. Mẹ tôi người Ấn sống ở Anh. Cha tôi người Ý sống ở Pháp. Còn chồng tôi, người Việt như cô. Quốc tế, phải không?

Bà hơi nhếch môi cười khi nói câu này và trước cặp mắt mở to của Thảo:

- Thảo nào bà trông phảng phất vẻ Đông phương.

- Đông hay Tây cũng không xa nhau lắm đâu.

- Tôi thì thấy xa nhau quá. Tôi sống mãi không sao hội nhập vào xã hội Tây phương được.

- Tùy vào môi trường hoàn cảnh thôi. Và tùy ở quan niệm của mình. Cô là người bị bức phải hội nhập vào xã hội Tây phương nên cảm thấy

khó khăn. Nếu cô không còn cảm nghĩ bị bó buộc nữa, có lẽ cô sẽ nghĩ khác. Như trường hợp tôi chẳng hạn, mọi sự thật tự nhiên...

- Nhưng bà cảm thấy mình là người Đông hay Tây phương nhiều hơn?

- Tôi thấy... tôi là tôi. Tôi biết rõ sự thực về mình và chấp nhận nó, có vấn đề là do mặc cảm.

- Có thể bà là người may mắn. Bà không gặp khó khăn về gốc gác bản thân và sự hội nhập vào xã hội. Nhưng với những người gặp đầy trở lực như người tỵ nạn mất xứ sở chúng tôi, thì quả thực khó lòng tránh khỏi mặc cảm.

- Đó là vấn đề nan giải thứ nhất của cô phải không? Tại sao cô lại nghĩ mình mất quê hương. Xứ sở cô vẫn còn đó, chỉ suy tàn hơn trong một thời gian thôi. Nhưng chuyện xây dựng đâu phải là không bao giờ còn làm được. Đó chỉ là giai đoạn ngắn so với dòng lịch sử dài, nào có xá chi? Sự kiện gì cũng có nhiều khía cạnh khác nhau. Trường hợp cá nhân cô cũng như hàng triệu đồng bào cô phải đồng loạt bỏ xứ ra đi tứ tán nước ngoài, dưới mắt tôi, là một cơ hội, một thử thách mới, tuy có chông gai, nhưng đánh dấu một chuyển hướng mới trong lịch sử nhân loại. Tôi nhìn thấy cả một lớp người đang tập sống bằng quan niệm nhân bản mới, một nhân sinh quan toàn cầu, không còn hạn hẹp trong khuôn khổ quốc gia khép kín với lòng bảo thủ tự mãn hẹp hòi vô ích. Cô không phải không có cội nguồn, cô vẫn giữ trọn được những gì tinh túy tốt đẹp của nó, nhưng sẽ không bị trói buộc vào nó với những chấp nê thành kiến nữa, và học chấp nhận tất cả những người chung quanh mình như là con người chứ không phải một sắc dân, một màu da hay tiếng nói, cánh cửa lòng sẽ mở rộng, tầm mắt nhìn thật bao la. Hãy thử nghĩ vậy đi, có phải tuyệt không, có dễ chịu hơn nhiều không?

- Dễ chịu thật, nhưng còn lâu tôi mới đạt được.

- Không đạt được bây giờ, thì một ngày nào đó... Cá nhân cô không đạt được thì người thân, bạn bè, hay thế hệ con em... sẽ đạt đến thôi. Bởi vì trái đất đang đổi mới, với sự xóa nhòa những biên giới, những phân cách, và cuộc di dân vĩ đại của lớp người trong nước cô, tôi nghĩ là mốc dấu đầu tiên báo hiệu sự chuyển mình vào chiều hướng mới của lịch sử nhân loại đó...

Thảo thở dài, ngồi im lặng một hồi lâu, không biết nghĩ gì, không biết

vui hay buồn. Những điều bà Flora nói cô cũng có từng nghĩ tới, nhưng cô chưa sống với nó nổi, có thể chết mang theo thì dễ hơn. Cô đột nhiên xoay qua hỏi bà Flora:

- Biết bao giờ tôi mới sống với tư tưởng đó được. Tôi chỉ sợ chưa chi đã không còn trên cõi đời này. Bà nhìn thấy tôi ra sao? Giống người nhiều hay giống ma?

Bà Flora hơi mỉm cười, giọng vẫn nhẹ nhàng:

- Người hay ma cũng không sao. Nếu nói ma, tôi giống ma hơn cô chứ? Không phải đêm qua tôi đã hớp hồn cô sao?

Hai người cùng cười. Lần đầu tiên Thảo nghe tiếng cười của bà Flora, rất thánh thót. Cô để ý thấy giọng nói của bà có khi thực du dương êm ả, khi như lạc hẳn đi, không khác gì như tiếng gió lùa vào cỏ cây hay trong những bụi lau sậy trắng xóa mà cô thường thả hồn lắng nghe theo cho đến khi chìm vào giấc ngủ lãng quên.

- Bà Flora à, chỉ cần nghe bà nói mọi thứ tạp niệm trong lòng như được xoa dịu cả. Bà biết không, cách đây ít tháng tôi tưởng mình đã chết rồi...

- Thế à? Cô bị bệnh trầm kha? Nhìn cô cũng đã hiểu là cô đã qua nhiều kinh nghiệm đau đớn trong cuộc đời.

- Sao bà biết hết cả vậy. Hay là tôi tiều tụy quá? Tôi đã qua một cơn bệnh nặng tưởng đã bỏ mình. Nhưng thú thật, giá tôi chết đi còn hơn...

- Sống hay chết không khác nhau mấy đâu. Nhưng cô còn đang sống, thì đời sống cũng đáng yêu lắm. Cô đang muốn sống, bằng không cô đâu có sợ ma...

Thảo cười to lắc lắc đầu vì bà Flora nói quá đúng những gì mình nghĩ:

- Tôi có cảm tưởng bà đọc tất cả những gì trong đầu tôi. Nếu bà không phải là một nhà chiêm tinh, hay một nhà thông linh học, bà khiến cho tôi nghĩ bà là thần tiên, hay ít ra, là một thứ chân ngã cao thượng của tôi đang trò chuyện cùng tôi.

- Cứ xem tôi là một nhà thông linh học đi, cho dễ chấp nhận.

Bà Flora ngưng lại đôi chút, rồi tiếp:

- Cô không khác xa với tôi mấy đâu. Tôi đã từng ngồi trên đồi cỏ này hằng mấy mươi năm. Cỏ hoa ở đây đã từng chứng kiến bao nhiêu tâm sự

của tôi. Cũng như của cô bây giờ. Cũng có lúc tôi buồn nản hay tuyệt vọng. Rồi thứ gì cũng qua đi, cũng tan biến đi hết cả...

*

Tối hôm đó Thảo không ngủ được. Cô ra xem truyền hình với Hương. Một cuốn phim cũ rích. Phim ma cà rồng, có lâu đài cổ, có gái đẹp mặc áo trắng lê thê khoe cổ nõn nà để chờ quỷ điển trai đến hút máu. Chị Hương ngồi bên cạnh lộp chộp không yên, xuýt xoa luôn miệng, thỉnh thoảng níu lấy tay Thảo. Bàn tay lạnh ngắt. Thảo cười:

- Bà này! Già rồi mà như con nít. Phim này hồi nhỏ hình như mình xem rồi ở Sàigòn đó, biết tẩy hết rồi mà cũng còn sợ.

Hương phá lên cười, đấm vai em thùm thụp. Đầu lắc lư. Tính cô vẫn thế. Sợ mới vui. Trẻ con và bộc lộ cởi mở hết mình. Nhưng thực ra, có điều gì bất ổn trong lòng khiến cô sinh cái tật giật giật cái đầu khi nói chuyện, trông tửa tựa như người máy. Chắc là lũ con vây quanh đòi hỏi tối ngày và ông chồng người Pháp chính thống có máu quý tộc đạo mạo và kiểu cách, nắm toàn quyền định đoạt.

Hương ôm Thảo khóc nức nở ở phi trường. Chỉ còn trơ trọi có hai chị em. Hương du học lấy chồng tại Pháp từ lâu. Còn Thảo mãi sau này vượt biển suýt chết may nhờ tàu Mỹ vớt được, nên thẳng đường sang Mỹ. Hai chị em lưu lạc người mỗi ngả.

Hồi mới lớn, hai cô không thân nhau lắm, mặc cảm chị em. Cô chị thì xinh đẹp học dốt. Cô em thì nhan sắc tầm thường lại học rất giỏi. Thảo vùi đầu học mong bù đắp lại chỗ thiếu sót của cô. Nhưng cô cảm thấy ở con gái, nhan sắc vẫn luôn hơn tài năng. Vì vậy cô chị lười biếng của cô lúc nào cũng được cưng chiều, nhiều người vây quanh, kể cả cha mẹ cũng nhìn thấy cô chị nhiều hơn là cô em mờ nhạt. Hương rong chơi tối ngày thế mà lại thành công. Vừa đậu vớt Tú tài là được cha mẹ lo cho đi du học. Sang Pháp, học chưa đâu vào đâu đã vớ ngay tấm chồng giàu về nuôi cơm áo cho. Còn Thảo, lận đận vì lọt vào toàn những lúc giao thời, đang bù đầu cống hiến cho tuổi trẻ cho trường Y khoa lại bị làn sóng đỏ ùa vào. Tất cả đều dở dang, nếu không bương chải chẳng biết giờ ra sao. Mà giờ thì đứa nào đã ra sao? Gặp lại Hương khi xưa thấy cũng chẳng hơn gì, nhan sắc phai màu, thành công tuy có vay mượn của ông chồng, con cái cũng tạm đề huề tuy hơi cứng cổ, nhưng sao hình như còn thiếu một thứ gì đó, làm lỡ cỡ cuộc đời, khiến cho cô lúc nào cũng như cũng

không yên, đầu giật giật, mắt trợn trợn, nụ cười giả tạo, tay chân lạnh ngắt...

Thảo choàng một tay qua ôm vai chị, tay kia nắm lấy hai bàn tay lạnh của chị mình, cố đùa để khỏa lấp sự cảm xúc:

- Nắm tay rồi nhé bà, đừng bày đặt lạnh nữa. Vắng chồng có mấy bữa, quen nhõng nhẽo quá thôi...

Hương nhè nhẹ thở dài. Thực ra cô không còn nhõng nhẽo từ lâu. Hai bàn tay thì vẫn lạnh như thuở nào. Đời người ai cũng có một nỗi lạnh riêng...

Hai chị em không đả động gì đến chuyện riêng nhau. Mất mát đã quá nhiều. Gặp nhau chỉ cho nhau chút hơi ấm đủ rồi. Họ ngồi yên lặng hồi lâu, không ai dám nhìn ai, màn ảnh truyền hình nhòe đi...

Một lúc lâu sau, khi nhìn thấy hình ảnh một người đàn bà mặc áo choàng trắng dài phủ đất, cầm đèn lồng lang thang ngoài lâu đài cổ, Thảo vụt hỏi:

- À, chị có biết bà Flora không?

- Flora nào? Không biết nữa.

- Hàng xóm của anh chị mà. Nhà ở trên đồi cao kìa. Bà ta nói biết rõ chị lắm mà. Bà đầm tóc trắng xóa lai Ấn có ông chồng người Việt mình đó.

- Flora nào kìa, chị không biết nữa.

- Lạ kia, chị có quên không chứ. Bà ta rất rõ về chị mà. Bà hay mặc áo trắng như bà này nà. Thảo vừa nói vừa chỉ vào truyền hình.

- Thôi! Đừng giỡn nữa. Chị đâu quen với bà nào tên Flora ở đây. Nếu em không nói giỡn thì coi chừng gặp ma đó. Lơn tơn đi một mình lên đồi hoài. Chỗ đó vắng người muốn chết. Đi đêm có ngày gặp ma thôi!

- Đồ thỏ đế. Ma với cỏ gì, em là con ma đang ngồi kế bên chị đây...

Thảo vừa nói vừa cù chị. Hai chị em đùa nghịch như hồi còn nhỏ, lúc chưa biết thế nào là những thứ mặc cảm người lớn.

Tối hôm đó khó ngủ thật. Thảo nhớ nhà quá, nhớ căn nhà thời thơ ấu êm đềm và không lo lắng. Nhớ căn nhà cùng xây dựng và chia sẻ với người đàn ông trong đời cô. Nhớ tất cả những gì bỏ lại sau lưng, những ước mơ chưa đạt tới. Nhớ thương thân mình, thân chị, xót thương tất cả những người quen biết, còn hay đã mất...

*

Cứ cách vài hôm lên đồi là Thảo gặp bà Flora. Hai người không bao giờ hẹn trước, nhưng tự tìm đến nhau. Trên đỉnh đồi cao đó, Thảo thường đến trước vào buổi trưa nắng ấm, nằm lim dim xem sách hay nghe chim hót. Bà Flora luôn luôn đến lúc xế trưa, có khi hai người đi dạo với nhau trên những cánh đồng, Flora đưa Thảo đi ngắm vài cảnh đẹp chung quanh, con suối nhỏ, khu rừng vắng, hay đồng hoa muôn màu ven rừng, để Thảo tha hồ hái những lứa hoa cuối cùng chờ chuyển sang thu. Có khi hai người im lặng hàng giờ chìm đắm cảnh vật.

Qua câu chuyện Thảo biết lờ mờ về bà Flora. Thì ra bà học thiền Yoga từ Ấn Độ, và rất thông thạo về Đông phương học, làm giảng sư một đại học tại Paris. Nhưng đã thôi việc, thỉnh thoảng chỉ nhận dạy vài khóa đặc biệt. Bà là người biết thông linh học, chỉ để học hỏi chứ không hành nghề. Ông chồng bà cũng là người hành thiền lâu năm, nhưng nay đã mắc bệnh tê bại gần toàn thân không chữa khỏi...

Thảo cũng tâm sự với bà đủ mọi chuyện. Với bà, cô rất dễ nói chuyện, rất thông suốt, như nói với chính bản thân mình. Từ chuyện những mặc cảm thất bại, cô đơn, đến chuyện lập gia đình lâu mà không con... Bà Flora thường yên lặng nghe, ít khi trả lời Thảo, chỉ trừ khi thấy cần thiết có ý kiến. Như một lần đó, từ một câu chuyện nào đó làm cô xúc động, bỗng Thảo tuôn ra bí mật thầm kín mà lâu nay cô không nhắc đến, vì sợ hãi hơn là e thẹn:

- Bà có biết tôi bệnh gì không? Nhìn kỹ xem tôi đây. Xanh xao, gầy giơ xương, tàn tạ, tóc còi cọc, người xám mét. Ung thư tử cung đó. Cắt bỏ hết rồi. Sạch hết, trống rỗng trong bụng đây này, không bao giờ có con nữa, mà cũng không biết còn giữ mạng được hay không. Bệnh này nó có thể còn nọc chạy sang chỗ khác, bà biết mà. Hơn nửa năm nay tôi uống thuốc chữa trị. Bây giờ thì chán quá, không muốn làm gì nữa cả. Tôi chỉ muốn buông xuôi hết, trên ngọn đồi này...

Thảo nói một hơi, nghẹn ngào, nước mắt tuôn ra dàn dụa, như chất độc ứa từ một vết thương tấy mủ.

Bà Flora choàng tay qua vai Thảo, vuốt vuốt mái tóc ngắn khô xơ xác lưa thưa của cô, vỗ về vu vơ như bà mẹ hiền với cô con gái nhỏ:

- Không sao đâu, cô bé ơi, rồi sẽ qua đi thôi.

Một lúc sau, Thảo mới ngưng thổn thức. Cô ngồi yên, người yếu ớt

như mất lực, tấm thân gầy yếu rũ rượi, đầu gục xuống, hai tay vòng ôm đầu gối, thế co rúc của một thai nhi. Chờ đến lúc Thảo qua bớt cơn đau, bà Flora mới ôn tồn bảo:

- Cô chịu nhiều đau đớn không may thật. Nhưng cô bé ơi, cô có phải là người duy nhất bất hạnh trên cõi đời này đâu? Cô bé thông minh của tôi, cô thừa biết điều đó mà.

- Vâng, tôi biết chứ, sinh lão bệnh tử là lẽ thường. Nhưng khi tai họa đổ ập xuống đầu mình làm tiêu tan đi những ước vọng cuối cùng thì mình mới cảm thấy đời sống thật là khó, nếu không nói thật là khổ.

Bà biết không, cả đời tôi tranh đấu. Trong gia đình, tôi là con vịt đẹt xấu xí, lúc nào cũng mang mặc cảm mình bị bỏ quên. Vì thế tôi học, học, làm như sự học làm lột lớp vỏ giúp tôi biến thành con thiên nga. Nhưng dần dà tôi khám phá ra rằng, tư tưởng không vượt nổi những hạn chế của thân xác và hoàn cảnh, ít ra trong trường hợp một phụ nữ như tôi. Hầu như tôi chỉ gặp toàn thất bại. Tôi học Y khoa bên nhà, với ý định rồi sẽ cứu người, thế rồi Việt cộng ùa vào, cha tôi bỏ mạng trong trại cải tạo, mẹ tôi bệnh chết trong hai cánh tay bất lực của tôi. Mấy năm sau, tôi vượt biên, tưởng đã chết trên biển, thấy tận mắt cảnh người phải ăn thịt người để sống. Tôi sống còn, được vào Mỹ, nhưng bỏ mộng cứu người vì đâm ra sợ cảnh máu thịt của người, cũng không dám nghĩ là mình cứu ai nổi nữa. Tôi lấy hết can đảm học lại từ đầu, cái ngành mà tôi ghét nhất: điện tử, vì dễ kiếm việc làm và dễ lôi cuốn tôi quên đi mọi chuyện. Tôi tốt nghiệp đi làm, nhân viên giỏi. Rồi gặp Sinh, một người đàn ông hơi lớn tuổi nhưng đẹp trai, học thức. Như vậy là tốt quá rồi phải không? Tôi tưởng vận mạng xấu của mình đã qua đi. Sinh không chê bề ngoài của tôi, điều đó chứng tỏ anh không đến nỗi tầm thường háo sắc. Chúng tôi sống với nhau ba năm, ngỡ hạnh phúc lắm rồi. Chúng tôi đều chăm chỉ làm việc nên mua sắm nhà cửa và các thứ đề huề. Nhưng tôi khám phá một điều. Sinh là người tốt bụng nhưng máy móc và thực tế lắm. Và điều làm anh khao khát nhất là có con. Không trách anh ấy được, anh đã ngoài bốn mươi, là con trai độc nhất trong gia đình, tuy cha mẹ ở Việt Nam không ai nói gì, nhưng anh cảm thấy cần phải có con nối dõi... mà tôi thì...

Thảo lại xúc động, ngừng lại một chút. Bà Flora vỗ vỗ vào hai tay cô đặt trên đầu gối, bàn tay bà lạnh lẽo:

- Tôi hiểu! Tôi cũng có chồng người Việt. Tôi cũng không có con.

Thảo ngước mắt nhìn, thấy bà dịu dàng và bình thản, tự nhiên cô cảm thấy dịu đi:

- Thực ra tôi cũng mang bầu chứ. Nhưng hư thai. Hai ba lần. Ngoài ba mươi rồi, thể chất lại yếu ớt, sinh đẻ khó là chuyện thường. Nhưng sau mỗi lần hư thai, tôi lại để ý thấy một điều, Sinh tuy âm thầm không để lộ, nhưng có khi tôi bắt chợt anh ấy có vẻ buồn bực cáu gắt bất thường. Vì vậy tôi có mặc cảm Sinh lấy tôi không phải vì thực sự yêu thương tôi, mà vì tôi tiện nghi cho anh xây dựng gia đình và có con cái...

Sau lần thứ ba hư thai, tôi bệnh hoạn triền miên, đến độ sợ quá trốn nhà thương và bác sĩ một thời gian. Và rồi... sau cùng người ta khám phá ra tôi bị bệnh ung thư tử cung! Nọc lan quá nhanh nên phải giải phẫu ngay, cắt bỏ toàn bộ!

Tôi không bao giờ xóa nổi cảm giác lúc tỉnh dậy trong nhà thương. Không phải là đau đớn thịt da đâu, lúc đó thuốc tê mê hãy còn. Nhưng đó là một cảm giác trống rỗng, lạnh lẽo, lạc loài đến khủng khiếp. Không biết mình là ai và hiện hữu làm gì trên cõi đời này nữa. Cũng không còn cảm thấy mình là mình, là một người đàn bà nữa. Những cảm xúc đó đeo đuổi tôi rất lâu, ban ngày ban đêm, chen vào cả giấc ngủ, nhất là suốt quãng thời gian tôi phải uống thuốc cho tuyệt nọc bệnh. Nó làm tôi sợ thật đó. Tôi không phải là đàn bà nữa, mà cũng không phải là đàn ông. Không là gì hết...

Thảo nhếch miệng chua chát:

- ... Chẳng khác gì như một người đàn ông bị hoạn vậy đó, bà có biết không? Suốt thời gian trị bệnh, thuốc hành hạ, lo sợ và buồn tủi hành hạ, tôi cảm thấy mình người không ra người ma không ra ma. Buồn nhất là Sinh, Sinh săn sóc cho tôi tận tình, Sinh thuốc men đầy đủ cho tôi, nhưng tôi bắt gặp Sinh buồn. Dĩ nhiên là anh ấy phải buồn. Dù cho anh ấy giả vờ vui an ủi tôi nhưng sao không buồn cho được, thà là không có anh ấy... Bây giờ thì tôi đỡ đau rồi, có thể trốn anh ấy tạm bỏ ra đây. Nhưng căn bệnh vẫn chưa biết kết quả sống chết như thế nào. Ít nhất phải hai năm mới biết. Thực ra tôi hết sợ chết, nghĩa là... chỉ còn sợ chút chút thôi, tôi chỉ sợ nhiều vì thấy mình sao thất bại não nề trong cuộc sống, ngay cả những việc nhỏ nhoi tầm thường nhất cũng không làm được, sự hiện hữu của tôi thành vô nghĩa quá...

Thảo im lặng, như chạy theo một ý tưởng gì. Bà Flora bỗng nói, thực dịu dàng:

- Thảo ơi! Thực ra cô còn bệnh hoạn nên quá bi quan đó thôi! Chứ một người đàn bà không có khả năng sinh dục cũng vẫn là một người đàn bà, theo đúng ý nghĩa con người. Tôi cũng là một người đàn bà không con cái, tôi vẫn thấy đời sống mình cần thiết và sự hiện hữu mình ích lợi. Mỗi người được Thượng đế sinh ra đều mang một vai trò cả, chỉ tại mình chưa ý thức ra đó thôi.

Tôi thì khác cô, tôi không hề xem vấn đề sinh nở là cứu cánh của mọi người đàn bà, đó là một ân huệ, đúng vậy, cũng có thể là một cái nợ nhân quả, tùy theo cái nhìn và hoàn cảnh của mỗi người. Chồng tôi là một người già nua bệnh hoạn nên tôi quá quen với khổ đau hoạn nạn của loài người. Có nhiều tai ương mình tưởng là hệ trọng, là tước đoạt đi tất cả, nhưng thực ra, khi nó đến rồi đi, thì tất cả cũng sẽ tĩnh lặng... duy chỉ có một ít trật tự mới mà thôi. Mất mát một chút, đau khổ một thời gian, rồi cũng nguôi ngoai thôi.

Cô có biết không, chồng tôi là một người bị tai nạn tê liệt tứ chi, ông không nói năng được, nhưng đầu óc ông vẫn tỉnh táo, ông nói chuyện với tôi bằng mắt, và bằng... thiền lực. Chính ông ta là người đã an ủi khuyến khích tôi. Chúng tôi lập gia đình rất trễ nên sống với nhau như hai người bạn, không con, ông ta hành thiền và thường trao đổi với tôi. Một hôm tai nạn xảy đến... Mới đầu thú thực tôi vô cùng hoảng sợ, làm sao tránh khỏi? Khi biết được ông ta không bao giờ hồi phục vì chấn thương quá nặng, chính tôi mới cảm thấy mình là người bị tê liệt. Khi nãy cô nói có phần đúng, là tư tưởng không sao quyết định được số mệnh và cả thân xác. Nhưng có điều tôi học được sau tai nạn đó, là số mệnh thân xác hạn hữu vẫn không tiêu hủy được tư tưởng. Tôi biết chồng tôi vẫn tiếp tục hành thiền, trong cõi yên lặng không ai đến được của ông ta. Và dần dần, tôi đã tập nói chuyện được với ông, bằng thiền định.

Thảo sững sờ vì câu chuyện kỳ quặc đó. Mắt cô ráo hoảnh nhìn bà Flora một cách nghi ngờ. Như nhìn một người mê tín, quá khích, hay khoác lác. Bà Flora hình như quen thuộc với những cái nhìn như vậy, nên không thèm để ý, vẫn đều đều một giọng êm ái:

- Cô tin hay không cũng được. Đó chưa phải là kinh nghiệm của cô. Chỉ cần biết một điều, sự đau khổ ở đời này thực sự nhiều lắm, nhưng

không phải lúc nào cũng bóp chết, cũng hủy diệt được con người. Tôi thường đi nói chuyện về siêu hình và thiền định về câu chuyện bản thân và cách giải thoát của tôi. Tôi không bắt ai tin và làm theo mình. Nhưng thực sự đời sống của tôi đã được giải thoát bắt đầu từ sự đau khổ đó.

- Bà thực sự giải thoát được không? Hay chỉ là dùng đức tin, hay cách này cách nọ để nguôi ngoai khổ nạn thôi? Tôi thú thật, bà đừng buồn, tôi tuy không vô thần đến độ xem "tôn giáo là thuốc phiện cho linh hồn", nhưng tôi chưa từng chứng kiến trường hợp sức mạnh tinh thần nào có khả năng thực sự để giải thoát con người ra khỏi những khổ đau của đời sống, có chăng chỉ tạm an ủi vỗ về cho nguôi ngoai thôi. Tôn giáo là sản phẩm của con người. Những nơi tôn giáo phát triển mạnh nhất phải chăng là những nơi con người đau khổ thất bại nhiều nhất. Thiền định trong đa số trường hợp có lẽ chỉ giúp tạm quên đi đời sống thôi. Nhưng tôi thực sự thấy nhiều người núp mình sau tôn giáo để quên đi những khó khăn mà họ không dám đương đầu. Và, thú thật với bà, tôi cảm thấy người ta thường tham lam vô bờ, nhiều người còn mượn tôn giáo để tạo thêm một lòng tham khác nữa. Họ không an phận làm người, muốn làm thần làm thánh, muốn đầu tư cho một cuộc sống tương lai mà họ sợ sệt vì chưa rõ ra sao...

Tôi không chỉ trích tôn giáo nào cả, tôi cũng không chê bai những gì tôi không thực sự hiểu, những nơi tôi thực sự chưa tới. Những người thoát tục, có thể là có đấy, tôi có đọc qua sách vở, tôi cũng có nghe nói đến vài người, nhưng lấy gì minh chứng đây, lấy gì để quả quyết họ là chân hành giả chứ không là những kẻ mưu đồ này, hay xảo thuật nọ... Tôi nói thế hoàn toàn không phải chỉ trích, tôi chỉ muốn tìm hiểu một điều mà tôi không sao chứng nghiệm được, vì tôi thật sự cần hiểu biết điều đó. Tôi cần một sự giải thoát...

Bà Flora mỉm cười thật từ ái:

- Cô ạ, cô từ quê hương lặn lội sống chết sang Mỹ tìm đất sống, rồi lại vượt chết đến đây để tìm một điều mà cô chỉ có thể tự tìm thấy tận cõi lòng mình hay sao?

Thảo thấy ngay trước mắt một cái vòng luẩn quẩn. Mình là người Việt lại bôn ba đi hỏi thăm về kinh nghiệm thiền định của một người đàn bà Pháp học từ nơi ông chồng Việt? Tự nhiên cô buột miệng:

- Sao bà lại đi lấy một ông chồng Việt nhỉ?

Bà Flora như nhìn thấu được cái uẩn khúc trong đầu Thảo:

- Câu chuyện của tôi còn vô lý hơn câu chuyện của cô. Không có gì bắt buộc cô tin cả. Nhiều điều trên cõi đời này tưởng rằng thực lại là không thực, và ngược lại, tưởng không nhưng mà có. Cô muốn tin hay không cũng được, nhưng tôi sẽ nói cho cô biết, vì cô muốn biết, vả lại, không có gì mới mẻ trên cõi đời này...

Cô chắc phải tin ở kiếp trước, ở sự luân hồi, ở đầu thai và duyên tiền định chứ? Cô là người Việt chắc có sẵn cái nhân đó trong người rồi. Lúc trước khi gặp gỡ chồng tôi, tôi đã từng học Yoga tận bên Ấn Độ, quê mẹ tôi. Từ nhỏ, lòng tôi có một điều gì không yên ổn, mà không sao giải thích nổi, một điều gì thắc mắc réo gọi. Tôi thường chiêm bao thấy mình là một phụ nữ Á Đông, và nhiều lần, tôi thấy mình chết vì đói lạnh. Tôi sợ lắm, đem tâm sự với ai cũng không giúp giải thích được. Sợ đến sinh bệnh trong người. Mãi đến khi về thăm quê mẹ, gặp một ông thầy giúp tôi tìm hiểu tiền kiếp của tôi. Thông linh học đó. Tôi được ông giúp sức đẩy mình vào một cơn mơ mơ tỉnh tỉnh, và trong giấc mơ đó, tôi thấy mình rõ ràng là người con gái Á Đông bị chết đói, một người Việt Nam, qua cách ăn mặc mà sau này tôi tìm hiểu thấy. Một điều nữa, trước khi chết, tôi được một thanh niên cố cứu mạng bằng cách cho ăn nước cháo, nhưng lúc đó tôi đã kiệt sức...

Sau khi biết được câu chuyện tiền kiếp, tự dưng tôi cảm thấy mình gần gũi với người Việt Nam vô cùng. Lúc đó vào khoảng năm 1976, 1977. Tôi năng đến trại tỵ nạn thăm viếng, vì linh tính thôi thúc tôi sẽ tìm được một điều gì đó. Quả nhiên, một hôm tôi gặp một người đàn ông cho tôi cái cảm giác thật đặc biệt, thật bồi hồi và quen thuộc. Người đó có học thức, nói thạo tiếng Pháp, và tiếp xúc với tôi thân mật ngay. Khi tôi nhắc đến nạn đói chết người năm 1945 tại miền Bắc Việt, người đó cho tôi biết quả thực có chứng kiến chuyện này, khi ông ta còn trẻ vốn là con một gia đình địa chủ giàu có, nên đã cố gắng cứu giúp vài người đói khát. Trong số đó có một cô bé tuy ông cố giúp nhưng vẫn chết vì quá kiệt lực... Tôi lạnh toát cả người khi nghe câu chuyện của ông ta. Tôi tin chắc đây là người đã cứu giúp tôi trong tiền kiếp, nên tìm cách trả lại ân nghĩa. Sau đó thì chúng tôi thành hôn...

Và đó là người chồng tê liệt của tôi...

Câu chuyện làm Thảo rờn rợn cả người, đầu óc lùng bùng. Như đi lạc vào một cao độ khác, hay một thế giới khác.

Bà Flora hiểu ngay điều đó, tìm cách trấn an:

- Cô đừng sợ. Đó cũng là chuyện bình thường, tuy không phải xảy ra cho bất kỳ ai. Có những người sinh ra không sao quên sạch nổi quá khứ của mình. Thực ra, khoa học đã chứng minh trong tiềm thức của mỗi người có nhiều điều thật khó hiểu mà chỉ có thể giải thích bằng những hiện tượng siêu linh, bằng luân hồi chuyển kiếp, hay bằng mặc khải huyền thị.

Thảo cũng thường đọc sách nhiều về vấn đề siêu linh, nhưng cô cảm nhận thực mù mờ, cô mang tâm trạng của một người sống đọc những điều từ cõi chết.

Câu chuyện của hai người hôm đó không tiếp tục, vì Thảo thực sự hoa đầu choáng váng. Bà Flora đưa cô về và ân cần dặn dò nghỉ ngơi.

*

Mấy hôm trời chớm mưa lạnh lẽo. Vừa ráo nắng, Thảo lại đi tìm bà Flora. Cô còn nhiều điều để hỏi bà, và thấy mùa thu đã đến trên mưa mù và cây lá chớm vàng khô, chỉ sợ sắp phải trở về Paris cho lũ nhỏ tựu trường.

Lần này bà Flora đến trước, chiếc áo trắng của bà khuất trong đám cỏ khô hoa trắng đang theo gió bốc lên trời... Hình như bà có ý chờ Thảo. Bà bảo biết Thảo sẽ đến, cần gặp Thảo để chia tay, vì sắp phải đi xa vài ba hôm để giảng một khóa tâm linh học. Người Pháp bây giờ chú trọng đến môn này lắm. Bà hỏi Thảo:

- Cô hết nhức đầu chưa? Có phải vì câu chuyện của tôi không?

- Không rõ nữa. Có thể là vậy, hay là vì nhiều điều mới lạ quá... Nhưng tôi dễ chịu hơn nhiều, vì cảm thấy chuyện đàn bà và sanh đẻ cũng như chuyện sống chết không còn tối quan trọng ám ảnh tôi nữa.

Có thể một phần tôi tuyệt vọng vì thương xót chồng tôi. Tôi thấy mình không sao đáp ứng được khát vọng của anh ấy. Sinh không trách tôi điều gì hết. Nhưng tôi đã đau khổ càng đau khổ thêm sự bất lực của anh ấy trong phản ứng đối với tôi.

- Vì vậy cô bỏ đi? Cô nghĩ chồng cô sẽ không tìm cô à?

- Anh ấy không biết chỗ này đâu. Ở đây xa thành phố, không điện

thoại, không lưu lại địa chỉ, gia đình chị Hương đi nghỉ hè hết chỉ còn ông chồng ở lại làm việc xuất nhập cảng thường đi xa ít về nhà. Thực ra nếu cố gắng tìm thì cũng tìm ra. Anh ấy biết tôi chỉ còn chị Hương, sang Pháp tìm lần mò thì cũng ra chứ gì. Hơn tháng nay rồi tôi không thấy anh ấy. Tôi nghĩ có khi anh ấy không muốn tìm tôi. Như vậy cũng tốt thôi. Để quên nhau đi. Anh ấy còn cả cuộc đời mà. Nếu anh ấy sống với tôi vì thương hại thì càng tệ hơn. Tôi tranh đấu đã hơn nửa đời rồi, không phải chỉ để cho người khác thương hại.

- Cô hẳn còn bi quan quá. Có thể chồng cô không nghĩ vậy đâu. Anh ấy chưa tìm cô vì bận rộn hay chuyện này chuyện khác. Cũng có thể giản dị là anh ấy muốn cô thoải mái nghỉ ngơi thôi...

- Cũng không rõ. Tôi có ý trốn người mà sao trách người không tìm mình? Nhưng cảm thấy nghi ngờ tình yêu lắm. Gọi là duyên nợ thì đúng hơn. Như câu chuyện của vợ chồng bà vậy, có phải là tình yêu gì đâu?

- Gọi sao cũng được, thực ra tôi cảm thấy chia sẻ đường đời được với một người cũng là một điều tốt. Sẽ học được nhiều điều lắm.

- Cho dù người đó tàn phế là gánh nặng cho mình? Hay là người đó không còn thương yêu mình nữa? Tôi thà sống một mình còn sướng hơn.

- Sống một mình hay sống với người khác cũng vậy thôi. Hạnh phúc và đau khổ đều tự trong lòng mình.

- Sống với người khác nhiều đụng chạm hơn, và mất công hóa giải thêm những cái nghiệp của họ.

- Sao biết là nghiệp của họ hay lại chính là nghiệp của mình? Tôi không hề cảm thấy chồng tôi là gánh nặng, và là một trở lực gì cho sự giải thoát của chính tôi.

Còn phần cô, tôi nghĩ là chồng cô sẽ đến tìm cô. Tin tôi đi. Câu chuyện của cô còn dài lắm.

Thảo thở dài:

- Tôi không biết phải làm sao khi chồng tôi đến đây.

- Tự nhiên cô sẽ biết, vì cô đang mong anh ta đến. Nếu không cô đã không nhắc nhở phiền muộn nhiều như vậy về anh ta. Dù sao đi nữa, cô hẳn còn trẻ lắm, trong kiếp này.

Thảo đột nhiên tha thiết:

- Bà Flora, làm sao giúp tôi biết được tiền kiếp như bà, để tôi an tâm định đoạt cuộc đời này. Bà giúp tôi được không?

Flora cười, vỗ vỗ vào tay Thảo. Bàn tay bà lạnh thực:

- Này, cô bé, phải chăng cô bắt đầu tham lam rồi đó? Không phải nhờ tôi hay nhờ ai mà cô thực hiện được những chuyện đó đâu. Quả là có ông thầy Ấn Độ ngày xưa, nhưng ông ta chỉ giúp tôi hướng đến cánh cửa của căn cơ, và tôi phải tự mình đẩy ra đó thôi. Cánh cửa cô phải tìm cách tự mở lấy, con đường cô phải cố gắng đi một mình, người khác chỉ có thể làm người hướng đạo. Nhưng tôi tin là cô sẽ làm được, một cách tới nơi tới chốn. Hãy tin tôi đi...

- Phải tự đi lấy một mình, câu này tôi nghe quá quen rồi, Flora ạ...

Giọng Thảo thật nhẫn nhịn, thật phiền muộn... hai người ngồi thực lâu, lẳng lặng trời sắp về chiều.

Thảo nói thật nhẹ như chìm lẫn vào tiếng gió thu đang khuấy cỏ:

- Flora biết không? nhiều lúc ngồi đây tôi cảm thấy mình không khác gì một cọng cỏ. Nhỏ nhoi, hèn mọn trong bầu trời đất này. Nhưng lạ một điều, tôi không cảm thấy buồn phiền hay sợ hãi vì chuyện đó, mà cảm thấy cơn đau bị thiêu đốt trong ngọn lửa đời sống và khát vọng của mình như lắng dịu đi nhiều.

- Ngày trước, tôi cũng từng có cảm giác như cô. Nhưng nếu cô muốn nghe kinh nghiệm của tôi. Trong một lần thiền định về quá khứ của mình, có lần tôi bắt gặp mình chỉ là một cọng cỏ... Xa xa xưa lắm.

- Nói cho cùng, phận đàn bà cũng chỉ là hoa hèn cỏ mọn thôi phải không?

- Gọi là hèn mọn cũng được, gọi là cao quý cũng xong. Chỉ là cách nhìn. Tôi hóa thân hàng trăm kiếp từ cọng cỏ hoa lên đến hình người. Tử tử sinh sinh, từ một vì vương cao sang cho đến một kẻ bần cùng hạ tiện nhất. Bây giờ tôi thấy người hay cỏ hoa cũng không khác chi nhau mấy. Cũng là một sinh kiếp mà thôi.

- Thế sao người ta thường ví cỏ hoa với đàn bà? Không phải vì phận đàn bà thấp hèn hay chịu nhiều đau khổ hơn sao?

- Thực ra đó chỉ là thành kiến, mặc cảm xã hội và giống tính, nhất là trong thế giới đàn ông còn làm chủ này. Đàn bà có những nhọc nhằn hơn đàn ông nhưng cũng có những nỗi hạnh phúc lớn lao hơn. Đàn bà yếu

đuối thể chất hơn nên hay bị đè nén, áp bức, nhưng mạnh mẽ tinh thần và tình thương hơn nên muôn đời vẫn là người mẹ trần gian. Hai yếu tố âm và dương tuy có khác nhưng bổ túc cho nhau, không hơn kém nhau, và đi đến cùng, cũng chỉ là một mà thôi. Câu chuyện nam nữ âm dương này nói mãi không cùng. Phân cách là chuyện của thế gian mờ mịt. Còn trong chân ý nghĩa, con người chỉ là con người. Tôi hóa thân hàng bao nhiêu kiếp, cũng có những kiếp làm đàn ông đau khổ, mỗi lần đau khổ khác nhau, có khi tôi bị hành hạ, bị giết chóc, có lúc tôi bị lăng nhục dày vò, cũng có lúc chết đớn đau bệnh hoạn... Bằng cách nào rồi cũng dứt một vòng sanh tử thôi.

Hãy nhìn kìa. Cọng cỏ kia từ xanh mơn mởn, rồi trổ hoa, đến vàng úa, rồi rã mục. Mùa xuân cọng khác lại vươn lên nẩy mầm. Cô nghĩ thế nào về cái chết của loài cỏ? Đớn đau hay đẹp đẽ? Hay hoàn toàn vô nghĩa lý trong đất trời vạn vật? Dù sao đi nữa nó thực đã làm đẹp lòng ai nhìn thấy nó, và làm trọn một kiếp sanh hóa.

Tôi ở đây ngắm nhìn cỏ từ mùa xuân xanh mơn mởn vút tận chân trời, đến đầu mùa hạ nở hoa rực rỡ ngạt ngào bướm ong, rồi sang mùa thu thì thả phấn hương hoa, mùa đông khi chết rồi vẫn còn làm đẹp những bông hoa tuyết trắng, và còn âm thầm rũ xuống làm phân mục cho cỏ non khác vươn lên. Lúc nào quả nó cũng làm đẹp cho cõi đời... một vật nhỏ nhoi hèn mọn như thế.

Tôi học bài học của tôi từ hoa cỏ: cố gắng làm đẹp cho cuộc đời, trong thân phận tầm thường nhất của mình...

Những câu cuối cùng bà Flora nói nghe không rõ vì tiếng gió.

*

Vài ngày sau lần nói chuyện đó với bà Flora, một buổi trưa khi Thảo thơ thẩn lên đồi, vớt vát lại chút hương hoa vì biết sắp phải xa lìa nơi chốn này, chợt có một người đến tìm gặp cô. Một người mà bóng dáng thấp thoáng chạy đến từ xa cũng đủ làm cho tim cô rung động đến gần như nghẹt thở. Đó là Sinh.

Thảo chỉ gượng đi vài bước để té nhào vào trong vòng tay rắn chắc quen thuộc của chồng.

Thảo quên hết, quên bệnh hoạn, quên khổ đau, quên xa cách, quên tiền kiếp, quên cây cỏ, bóng ma và con người. Tình yêu đôi lúc có sức mạnh thực sự.

Sau một lúc chia nhau xúc cảm, Sinh trách yêu Thảo:

- Em nghĩ sao mà lại bỏ đi, để lại bức thư như lời từ giã vậy? Còn bảo là để cho chúng mình yên. Anh thì không sao yên rồi, mà suốt đời này anh sẽ không để cho em yên. Kiếp sau cũng thế.

- Thực ra chính anh mới là người cần được yên. Em không muốn quấy rầy anh bằng sự bệnh hoạn đau khổ triền miên, và lại thêm sự bất lực của em nữa. Em cũng không biết sống chết nay mai ra sao nữa. Tại sao lại bắt anh phải lo cái lo của em?

- Em không nghĩ là em làm thế anh lại càng lo nhiều hơn nữa sao? Sau khi đi công tác trở về, anh quay quắt tìm kiếm em. Hồi ở bên nước Đức, anh mấy lần gọi điện thoại viễn liên về không ai trả lời, khiến cho anh lên ruột rồi. Lúc về đến nhà nhận được thư em, anh vừa giận vừa buồn. Sống với nhau bao lâu nay em hiểu anh ra sao mà lại bỏ đi như vậy.

Tuy nhiên trong thư em có yêu cầu anh để em lánh mặt một thời gian để yên tĩnh nghỉ ngơi và hồi phục, cho nên anh không dám tìm kiếm em về ngay. Nói thế chứ cũng đã chạy lòng vòng hết mấy nhà quen bên Mỹ để tìm rồi. Người thì lo hộ, người thì cười anh. Anh nghĩ là em sang Pháp với chị Hương, nhưng gọi điện thoại viết thư không ai trả lời. Mãi sau mới nhận được tin từ ông chồng chị Hương đi công tác trở về, cho hay là em đã sang đây nghỉ hè, anh liền thu xếp tức tốc bay đến đây. Lần này không còn lôi thôi gì nữa, hành anh như thế đủ rồi, lo thu xếp về nhà với anh.

- Anh đã nghĩ kỹ chưa, em bệnh hoạn như thế này đến em còn chán lấy em. Vả lại, em không có con cho anh được nữa...

Sinh nâng cằm Thảo, nhìn vào mắt vợ, giọng buồn buồn:

- Em có nghĩ em coi thường anh quá không? Có con hay không đâu thành vấn đề. Anh đâu phải là thằng đàn ông ích kỷ xem vợ là công cụ sản xuất trẻ con hay thỏa mãn tình dục đâu?

Thảo nhấc cằm ra khỏi tay chồng, tỳ vào đầu gối:

- Dù sao anh cũng là con trai duy nhất trong gia đình anh. Em không muốn...

- Đừng bao giờ nghĩ vậy nữa. Thế giới này có bốn tỷ người, dù cho dòng họ anh có tuyệt nữa chắc cũng không sao. Vấn đề truyền thống tôn thờ ông bà tổ tiên tốt thực, nhưng chỉ để dạy cho người sống biết cách

làm người chứ đâu phải người chết đã chết rồi, thực ra đâu cần đến nữa. Phải không?

- Hay là anh cứ lấy vợ khác đi. Em sẵn sàng.

Sinh bật cười xoa đầu vợ, anh định nói đùa, nhưng thấy không phải lúc, nên bảo:

- Em văn minh mà sao còn nói thế? Sao không nói đến chuyện mướn surrogate mother cho con anh đi? Hay là chuyện cấy giống trong phòng thí nghiệm. Thiếu gì cách để kiếm trẻ con. Cùng lắm là xin con nuôi. Còn cưới vợ để đẻ con, sao mà lạc hậu và coi thường phụ nữ quá vậy? Nhưng nói thật với em, anh thấy chuyện có con không còn quan trọng nữa. Những ngày vắng em thực ra cũng có ích, anh có dịp suy gẫm thêm một điều này: chỉ có hiện thực với những người thân yêu chân tình mới là quý nhất. Khoảng cách không có em giúp anh hiểu được hơn tình yêu của mình. Anh cảm thấy cần sự hiện diện của em hơn bất cứ thứ gì hết trên đời này.

- Anh đừng lý tưởng vậy. Thế nhỡ em chết đi...

Sinh ôm vùi đầu vợ vào ngực mình như để che dấu những viễn ảnh đen tối:

- Trước hết, em không chết được và không được chết, đừng bi quan vô lý. Dám chê tài săn sóc của anh à? Vả lại, đừng tính toán quá nhiều trong cuộc sống. Chỉ cần mỗi ngày mình làm tròn những điều mình cần làm cũng đã quá khó rồi. Phải không? Anh không lý tưởng và cũng không tốt đẹp gì. Anh chỉ học được một điều từ trong mấy chục năm qua: đó là đừng nên tham lam quá. Có được em anh đã cảm thấy quá đủ, mỗi ngày anh chỉ cần làm bổn phận vun bồi tình cảm hạnh phúc cũng đã không đủ thì giờ rồi, còn nghĩ gì xa xôi nữa. Lúc trước anh có lỗi vì mải mê làm việc bỏ bê không chăm sóc em. Cũng cái tật cái gì có thì không biết quý đó thôi. Nhưng thực ra anh muốn làm việc thật nhiều để xây dựng hạnh phúc thêm lên. Đến khi em ngã bệnh, anh thực sự cảm thấy mình đã sai, tiền bạc sẽ không mang nhiều hạnh phúc hơn cho mình. Cả con cái nữa, anh cũng thực có lỗi đã để lộ cho em biết mình ham con quá, nhưng khi đó anh nghĩ chúng mình có khả năng tạo được. Có thì cũng vui. Bản năng mà. Đến bây giờ không có, anh vẫn cảm thấy không sao hết, có thể là không mắc nợ vậy thôi.

- Đó là điều em lo nhất...

- Đừng nhắc đến chuyện đó nữa. Bây giờ anh thực sự chỉ muốn có một điều. Điều đó anh đang có đây, đó là ôm em trong tay, ngồi ngắm nhìn trời đất cỏ cây...

Nơi này tuyệt thật, còn nơi khác tuyệt hơn nữa, anh sẽ đưa em đi. Trở lại quê hương mình, anh nghĩ là quê hương mình là nơi đẹp nhất, phải không em?

- Có thể quê hương luôn luôn đẹp nhất, vì nơi đó quá khứ hiện tại hội nhập làm một, mảnh đời và mảnh hồn thơ ấu của chúng ta vương vất rơi rớt đâu đây trên những nơi chốn đã đi qua, hòa nhập với con người hiện tại, khiến cho sức sống thêm tràn trề, tâm hồn mở ngỏ đón nhận được hết cả trời đất bên ngoài đi vào.

Nhưng anh biết không, ngày nào em cũng ra ngồi ở đây, rồi dần dần em thấy đồi cỏ này tuyệt đẹp, em thấy trời đất và đời sống đẹp thực. Thượng đế cho con người rất nhiều, chúng ta đừng bao giờ quên... Và chính ở đây em học được một bài học, là tất cả cái đẹp thực sự nằm trong lòng chúng ta mà thôi.

Không hiểu đồng cỏ này còn dạy cô vợ mình những gì nữa? Sinh thầm hỏi. Dù sao đi nữa, trông Thảo đã mạnh mẽ cứng cáp hơn nhiều, ăn nói bình tĩnh và thông minh, con người nhiều can đảm và nghị lực, những điểm mà Sinh thích nhất nơi cô vợ nhỏ bé của mình.

Với Sinh, Thảo có thể thực hiện được một ước muốn thầm kín của cô từ khi đặt chân đến vùng đồi cỏ này. Hai người qua một đêm nơi đó. Đêm hôm đó, trời trăng thu tròn vằng vặc. Nằm trong tay chồng, thật thấp, vùi sâu trong đệm cỏ, ngước mặt lên nhìn trời. Đom đóm, chuồn chuồn và lũ bướm đêm đùa giỡn dưới ánh trăng, chập chờn trên những bông hoa cỏ. Những sợi phấn tơ hoa nhuộm tím ánh trăng uốn éo nhẹ nhàng trong không trung, dường như bay tít tận không gian huyền ảo...

Sinh ngủ vùi tự lúc nào không hay giữa lúc Thảo còn đang dở dang tâm sự. Cô chỉ thở dài nhè nhẹ. Tự đáy lòng, tôi cảm thấy cỏ cây dễ tin hơn là con người, vì chính tôi, tôi còn chưa tin lấy nơi mình.

*

Vài hôm sau Thảo phải theo Sinh trở về nhà. Trước khi đi, cô tìm cách gặp cho bằng được bà Flora để giã từ. Những chiều lên đồi chờ không được, giờ chỉ có cách trở lại ngọn đồi bà đã chỉ hướng cho cô.

Ngọn đồi đó Thảo đã từng đến nhưng không tìm được, bây giờ thử trở lại một lần nữa.

Gõ cửa từng nhà mãi cho đến khi có người trả lời. Lại lắc đầu. Mắt khó chịu. Giọng gay gắt. Cho đến khi tới một căn nhà gỗ rất cổ xưa, tự dưng Thảo có linh tính đó là nhà bà Flora. Căn nhà gỗ nâu thực xưa, bạc thếch, vườn hoang tan tác, cỏ vàng úa mọc cao hơn gối. Đặc biệt là có một rừng hoa lau nho nhỏ ở sau. Những cây lau bạc đầu khiến cho Thảo nhớ bà Flora có lần nói với cô về chuyện bà thích trồng hoa lau, và điều đó càng làm Thảo nghĩ nhà này là của bà. Nhưng sao như nhà bỏ hoang không ai ở đã nhiều năm.

Thảo đến gọi cửa, tiếng thanh sắt khua vào cửa khô khan dội lên trong bầu không khí tĩnh mịch. Không ai trả lời. Thảo thử đi vòng ra phía bên hông nhà, mong tìm được một khung cửa sổ còn hé mở, có thể có bóng dáng một người đàn ông già nua đang ngồi bất động, chăm chăm nhìn ra ngoài song, toàn thân đã chết, chỉ sống bằng cái đầu và hai con mắt. Cô có tấm lòng nôn nao của một người đi tìm sự thực của cái sống từ trong cái chết...

Không có khung cửa sổ nào mở cả. Cả căn nhà toát ra một sự bí mật của quá khứ. Hay một sự bất khả âm u nào đó.

Thảo giật nẩy mình khi có người đột nhiên đến vỗ vai cô. Chỉ là Sinh, chờ vợ quá lâu ngoài xe nên lội vào tìm Thảo.

Trên đường xuống đồi, đi qua căn nhà trồng nhiều hoa, Thảo lại thấy ông lão lãng tai tặng hoa cho cô hôm nọ, đang lúi húi chăm sóc cho lũ hoa đã héo tàn gần hết. Cô bỗng có ý đến chào ông, như để cám ơn những bông hoa và bàn tay khô cằn đã cho cô một chút niềm vui nho nhỏ, và cũng để từ biệt không còn ngày gặp lại ông.

Ông lão nhận ra Thảo ngay, ông ta cười, đưa tay vẫy vẫy như muốn gọi cô đến gần. Ông hái một bông hoa hồng cuối cùng, cẩn thận cắt bỏ hết gai nhọn, rồi đưa cho cô, cái miệng móm mém cười cười.

Bất chợt, ông ta nghiêng nghiêng đầu, có vẻ tinh quái, nói:

- Có phải đi tìm Flora nữa không?

Thảo tròn xoe mắt, hỏi dồn gần như hét:

- Phải, ông có biết bà ta đâu không?

Ông lão nhăn mặt lắc đầu, như không thích người ta hét lớn, rồi thong thả nói:

- Đi rồi. Đi lâu rồi.

- Bao lâu rồi?

Lần này Thảo nói nhỏ, ông lão thực tình không có điếc, trả lời cũng nhỏ, một tay che ngang miệng, như người tiết lộ một bí mật:

- Đừng nói ai nghe nhé. Ông chồng chết lâu lắm rồi. Còn Flora đi đâu mất mấy năm nay đâu có về. Chắc đi luôn đó.

Ông ta phác phác tay vào hư không. Rồi ngước mắt nhìn trời, giơ hai hàm lợi cười vô nghĩa lý.

Thảo nghe lùng bùng trong tai, cô không dám hỏi thêm. Cũng không biết làm gì thêm.

Khi Sinh đưa vợ lên xe, anh tìm cách an ủi:

- Có thể ông già đó lẩm cẩm em ạ...

Thảo không trả lời gì cả.

Tôi mong đó là sự thực. Vẫn còn hơn. Còn hơn là một giấc chiêm bao...

Khi xe đã ra đường cái, chạy vòng theo ven đồi, Thảo ngồi yên chăm chăm nhìn về hướng ngọn đồi cỏ vàng mà bà Flora và cô thường dạo chơi trên đó.

Cô chồm lên, khi chợt thấy thấp thoáng bóng một người mặc áo trắng ẩn hiện trong đám cỏ cao. Nhưng xa quá, có thể là ảo giác chăng? Thảo mở to mắt, quay kiếng, thò đầu ngoài xe. Dường như không có ai, không phải là người. Chỉ là một đám bụi phấn hoa bị gió thốc bốc lên cao quá...

NGUYÊN THI

(trích tuyển tập HOA CỎ)



NAM DAO

lời một chùm sao

Hồi lại tứ thơ từ các anh Hoàng Cầm,
Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng và Dương Tường

Một chùm sao nhấp nháy những lo âu
Về tụ lại lễ Zăng Sao giữa Hạ
Nơi đã đặt tên và chỗ có định số của dăm chàng tư mã
Nhễ nhại trăng khuya nhễu xuống ngân hà

Thuở ấy Bích Câu vọng lời tao ngộ
đem tặng số lòng của những ánh sao sa
chở đá đến một vùng chưa tiếng nói
đốt lửa hồng lên đuổi mù sa

Ai khép gió giữa hai mùa vội vã
Trời quê hương xao xác một canh gà
Tiếng chó sủa
tiếng huýt sáo của người đi chơi khuya về đánh thức
Mắt lũ ánh buồn kẻ ở xa

Bờ ao mẹ, nắng trở mình sáo tắm
rỉa cánh gầy, sổ bụi giữa bao la
Xin đợi nhé mùa chim mây vỡ tổ
đầu ăng ten sẽ lại tin nhà.

NAM DAO



BÙI BÍCH HÀ

thuyền

Trong xã hội tỵ nạn Việt Nam, ở đây, Thuyền là một khuôn mặt phụ nữ trung bình mà nhiều người ao ước.

Nàng có đôi mắt sâu, tròng mắt màu hạt giẻ, hơi xếch ở đuôi. Khi nàng cười, cái màu nâu trong mắt nàng ánh lên một hạnh phúc nồng đượm, quyến rũ, như ánh đèn sáng bên sau một khung cửa sổ kéo rèm khiến người ta mơ màng đoán được đời sống gần gũi và thân mật phía trong nó. Thuyền cười cũng tươi, đôi môi hơi mỏng kéo lên ở hai khóe miệng, tưởng như nàng sẵn sàng bóc ruột ra với mọi người. Nhìn kỹ, đôi môi ấy lúc nào cũng đậy khít hai hàm răng đều và nhỏ của nàng, là tướng diện của một người đàn bà tự chủ, biết rõ điều gì mình muốn hoặc có thể làm (khi làm thì không ngập ngừng).

Thuyền cao, da nâu hồng. Nàng thường mặc quần áo màu xậm, cổ áo mở sâu có những cái khuy bỏ không cài. Ngực nàng nhỏ so với bộ mông nở, chắc. Lúc nàng bước đi bằng những bước chân hơi nhún nhẩy, trông nàng có cái khêu gợi của nhục cảm tỏ lộ. Giọng Thuyền trầm mà không đục, những âm chậm có khi nghe thanh và khao, như tiếng một cái chuông đồng có một đường rạn nhỏ. Giọng nói kéo dài ra, quấn vào người nghe, ngân nga ở phần cuối, như thể lúc nàng nói, nàng ý thức về sự hấp dẫn của chính mình hơn là nội dung câu chuyện nàng kể.

Thuyền làm mọi người chú ý ngay khi nhìn thấy nàng.

Lúc biến cố 30 tháng 4 năm 1975 xảy ra, chồng Thuyền là một sĩ

quan tác chiến cao cấp mắc kẹt ở đơn vị. Chàng cho người cận vệ về Sàigòn lo liệu đưa Thuyền và hai đứa nhỏ di tản trước. Bản tính mềm mỏng và phục tùng xưa nay, Thuyền vẫn quen làm điều gì chồng nàng muốn hoặc sắp đặt. Hơn nữa, lúc bấy giờ Sàigòn hoang mang, nhốn nháo tột độ. Người ta mê đi vì lo âu và sợ hãi. Thuyền bị cuốn theo dòng người hối hả rời Sàigòn. Bên trong nỗi xúc động làm cồn cào ruột gan, Thuyền mơ hồ có một chút bằng lòng ra khỏi được sự bối rối, tắc tị ở chung quanh nàng. Nàng cũng mơ hồ có cái vui náo nức được đi xa, được sống những cảm xúc mới và một cảnh đời mới. Tuy nhiên, sự háo hức của Thuyền nguội lạnh dần khi Thuyền không tìm thấy chồng trong những đợt người di tản đến đảo chậm hơn nàng. Thuyền bắt đầu cảm thấy cô đơn và lo sợ với hai đứa con nhỏ bên nách.

Thuyền còn trẻ, mới hai mươi lăm tuổi, lại nhan sắc. Nhiều người đến hỏi han, tìm cách giúp đỡ nàng những việc lặt vặt. Thuở con gái, Thuyền được nhiều con trai theo đuổi, tán tỉnh, nhưng lúc bấy giờ Thuyền sợ, không thấy vui. Mẹ Thuyền thường nói một cách nghiêm trang "con trai con gái cứ cầm tay nhau là đẻ con". Có hôm thằng bạn nhỏ học cùng lớp Thuyền rủ nàng xuống biển bắt còng còng và nhặt sao biển, Thuyền quên cứ để nó cầm tay đi dựa theo mé nước, lúc về, sực nhớ lời mẹ, Thuyền sợ hãi cả tháng không dám nói với ai.

Lớn lên một chút, Thuyền không thích con trai đến gần vì chúng cứ làm chân tay nàng luống cuống, mặt mũi, thân thể nàng nóng bừng, đầu óc nàng nghĩ ngợi vẩn vơ. Bọn con trai càng vây quanh nàng đông đảo, chúng càng khiến Thuyền khổ sở, như thể có một cái gì nơi Thuyền không giống những đứa con gái khác.

Giữa lúc Thuyền đang bối rối vì những xao xuyến kỳ lạ, đến rồi đi trong lòng nàng, Thuyền được gia đình nhà chồng chính thức đánh tiếng với bố mẹ nàng xin cưới nàng cho con trai họ. Ngày đó, Huân vừa tu nghiệp ở một trường không quân bên Mỹ về. Huân cao lớn, đẹp hoang dã ở đôi lông mày rậm, khuôn mặt xương, hai mắt sáng với những tia nhìn hừng hực, bồn chồn. Đối với Thuyền, Huân là hiện thân của một thế giới rực rỡ, gồm những người và việc mới lạ trong nhận thức của nàng. Thuyền ngưỡng mộ Huân, sung sướng làm vợ Huân và rất bằng lòng về những điều nàng có do cuộc hôn nhân đem lại.

Huân ân cần, dịu dàng. Thuyền không bao giờ bận tâm để biết tình

yêu hay tình vợ chồng thế nào là đúng, thế nào là không đúng. Nàng cũng không bận tâm để biết những người khác hay những đôi vợ chồng khác yêu nhau như thế nào, giống hay không giống nàng? Thuyền đơn sơ, hiền hậu. Cuộc sống chung của họ êm đềm như mặt hồ chiều hè. Thuyền sinh con, nuôi con và chờ đợi chồng, không bận tâm về bất cứ một chuyện gì khác. Trong cái bóng trùm phủ của Huân, Thuyền an nhàn quên hết những khao khát, ngờ vực, dày vò thời con gái mới lớn, được con trai thèm muốn và săn đuổi.

Bây giờ, bỗng dưng Thuyền bị ném trở lại giữa đám đông. Tuy Thuyền đã có hai con, nàng vẫn còn trẻ. Đàn ông lại đến chờn vờn xung quanh nàng. Thuyền không còn nỗi sợ hãi của một cô bé được dạy dỗ khắt khe trước đây mười năm. Thuyền chỉ hơi buồn tủi vì không có Huân bên cạnh nàng nên hình như ai cũng có thể thương xót và làm ơn cho nàng cả.

Từ những câu chào hỏi làm quen lúc đầu đến một đĩa thức ăn sắp hàng lấy giùm, từ những sáng những chiều qua lại chuyện vãn cho nguôi bớt nỗi bồn chồn đợi mong trong lòng Thuyền, Thuyền bắt đầu cảm thấy tâm hồn nàng giống như một bông hoa êm đềm nở. Thuyền nhận ra đời sống bên ngoài có nhiều hương vị, nhiều nỗi vui dễ dàng. Thuyền nhận ra nàng có sức hấp dẫn người chung quanh. Thuyền nhận ra người ta có thể sống vui đùa và hạnh phúc một cách giản dị như một người cứ việc tha hồ duỗi hết chân tay, nằm soãi mình bất cứ lúc nào và ở bất cứ đâu họ thích, khác với cái luân lý ăn trông nồi ngồi trông hướng của mẹ mà nàng mang theo về nhà chồng.

Thuyền nhớ cái giường ngủ rộng của nàng ở Việt Nam. Những đêm Huân ngủ nhà, Thuyền thường nằm áp vào chân theo thói quen như lúc mới cưới. Những đêm Huân vắng nhà, Thuyền thức giấc nửa khuya có hôm thấy nàng nằm chèo queo, chân tay co quắp, như một con tôm luộc. Tuy nhiên, Thuyền không thắc mắc gì về thói quen này của nàng. Hình như hai đầu gối đưa cao lên khỏi bụng làm Thuyền đỡ cảm giác chông chênh của người nằm một mình. Hình như Thuyền che đậy nàng kỹ nhưng vẫn có một khoảng trống đâu đó nơi Thuyền mà nàng chưa ý thức. Cái bóng của Huân vừa rạt đi, khoảng trống ấy lờ mờ hiện, với những bâng khuâng, ẩn ức lắng đọng ở đấy như một thứ mầm bệnh bị ức chế vì thuốc men. Thuyền có cảm tưởng mình như một người ốm khỏi ăn

trả bữa, từ tốn, chậm rãi, khoan khoái, để tự phục hồi những năng lực đã mất. Thật ra, đấy chỉ là cái chậm rãi của một bắt đầu lúc khởi hành. Bánh xe đã lăn rồi, Thuyền không làm chủ được tốc độ nữa. Nàng lăn theo, càng lúc càng nhanh.

Qua đến Mỹ, Thuyền làm đủ thứ công việc, những công việc đến với nàng thường không do khả năng hoặc tự chọn lựa của nàng mà do một liên hệ quen biết nào đấy. Lúc Thuyền đang làm tạp dịch ở văn phòng quận hạt nơi nàng cư ngụ, một người Mỹ thích nàng, đề nghị giúp nàng đi học thêm ở đại học. Thuyền nắm ngay lấy cơ hội đầu tiên ấy và bằng lòng trả cái giá người Mỹ muốn. Nàng đi ăn, đi chơi, nhận quà, nhận tiền và nhận đến nhà Tom nghỉ cuối tuần. Thuyền ngạc nhiên nhận ra người đàn bà không cần phải có sự ràng buộc mới có thể quan hệ xác thịt với một người đàn ông, như trước kia nàng vẫn nghĩ. Thuyền cũng ngạc nhiên nhận ra, người ta có thể ăn nằm với nhau ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào, như thú hoang. Chỉ cần một mồi lửa châm khẽ đâu đó trên da thịt nàng là Thuyền lăn lộn, biến thành một cây đuốc cháy lên vì lạc thú. Cái ý nghĩ nàng có thể làm tình với một người không phải là Huân đem lại cho Thuyền ý thức mãnh liệt về tự do, nó làm Thuyền lạc quan và sung sướng, như người thức dậy thấy buổi sáng tràn đầy ngoài cửa sổ.

Tuy nhiên, hình như bây giờ Thuyền cứ hay phải lý luận với chính mình để giải thích điều này, điều nọ, nên Thuyền chợt thấy bên trong nàng còn một con người tỉnh táo khác. Con người này không hòa nhập trọn vẹn vào những cảm xúc hàng ngày đến trong đời sống Thuyền. Vẫn có một khoảng cách, một khoảng trống đôi lúc khiến Thuyền chới với, lạ lẫm, buồn phiền. Vì vậy, nhiều lần Tom đề nghị cưới nàng, Thuyền nhất định lắc đầu. Những cảm giác mê đắm mà hai người đã nhiều lần cùng chia sẻ hết mình với nhau, trôi tuột khỏi Thuyền theo với những tia nước dưới cái vòi sen nàng vẫn tắm gội sau khi làm tình. Ra khỏi giường, Thuyền lại như một người mới, một người lạ, với Tom, với chính mình, như nàng vẫn phân biệt rõ mùi xà phòng cạo râu thơm nhẹ với mùi những sợi lông vàng đục, rối tít, nhám và hăng hắc trên người Tom.

Thuyền học xong, nàng nhận được một công việc cao hơn ở ngay văn phòng quản hạt nơi nàng làm tạp dịch bốn năm về trước. Nàng đem kiến thức tham gia các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam tỵ nạn và mau chóng trở thành cái đinh trong nhiều buổi họp mặt văn hóa, xã hội, nghệ

thuật hay chính trị của cộng đồng. Nàng là cái biểu tượng điển hình của tầng lớp phụ nữ Việt Nam di tản hội nhập uyển chuyển vào xã hội Mỹ, quyến rũ về thể xác lẫn trí tuệ. Ở nàng, có cái lóng lánh của chút kiến thức về nhiều vấn đề phổ thông hay trừu tượng, cái duyên dáng, ý nhị của một người đàn bà có khả năng nghe và nói đúng lúc, có cái lửng lơ gợi thèm của một thứ trái cây nồng chín tự do trên cành, có cái mông lung lãng mạn của một tâm hồn nhạy bén mà thâm trầm.

Lần đầu khi Lâm gặp Thuyền trong một buổi họp mặt văn nghệ, Lâm bị thu hút ngay vì phong cách đĩnh đạc của Thuyền. Tối hôm đó, Thuyền mặc một cái áo dài màu nâu đất, thắt lưng to bản. Nàng đi ủng cao, sơ mi cùng màu với váy, khuy cổ mở trễ xuống một khoảng da ngực đỏ hồng. Trông nàng có cái hoang dại của những phụ nữ sống ở vùng sa mạc. Thuyền đi lại tự nhiên, linh hoạt giữa đám đông, ly rượu bằng thủy tinh trong suốt có một cái chân dài như chân cò, móc hờ hững giữa những ngón tay thon dài móng sơn đỏ. Mắt Thuyền ướt, mi mắt kẻ chì đen thẫm làm cho tia nhìn trong bóng tối, bên dưới hàng lông mi đánh cong, có một chút bồn chồn, rạo rực. Thuyền cười với người đối diện, đuôi mắt hơi xếch lờ mờ dấu chân chim, khiến nụ cười nàng trở nên mơn trớn kỳ lạ. Khi Thuyền nói với Lâm, giọng nàng rõ ràng. Nàng phát âm chậm, rành rọt, như một diễn viên thận trọng với những điều mình diễn tả.

Lâm có vợ, có ba con, có việc làm tốt ở một tiểu bang lạnh miền đông bắc Hoa Kỳ. Vợ Lâm đảm đang và thực tế. Nàng quán xuyến việc nhà và chồng con một cách ngăn nắp, trật tự, ít bộc lộ tình cảm. Lâm luôn luôn có cảm tưởng bị cuốn hút vào cái dòng sống khít khao, tẻ nhạt của cái xã hội nhỏ gồm vợ con chàng và cái thành phố khô cứng nơi chàng ở. Trong tâm khảm Lâm, luôn luôn có nỗi xót xa thương tiếc một điều gì rất thiết tha mà chàng không thỏa nguyện. Lâm viết sách, làm thơ, như một trò chơi riêng và một cái cớ để thỉnh thoảng chàng bay đi nơi này, nơi kia tìm một chút thảnh thơi.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên ấy, hai giờ đồng hồ sau khi cuộc họp tan và họ chia tay nhau trên cái hành lang hẹp dẫn ra bãi đậu xe, Lâm điện thoại cho Thuyền lúc nửa đêm.

Trong ống nghe, giọng Thuyền ngái ngủ nhưng êm mướt khiến Lâm cảm nhận được cả cái ấm áp riêng tư của thân thể nàng cuộn trong chăn,

Lâm ngây ra một giây đồng hồ, không biết chàng đang làm gì? Đằng kia điện thoại, Thuyền kiên nhẫn im lặng. Bỗng, y như một người bị thúc vào dạ dày, Lâm bật kêu lên "Thuyền". Đầu dây phía Thuyền vẫn im lặng. Sau này nhớ lại cú điện thoại đêm hôm ấy, Lâm đau đớn nhận ra quả thật chàng đã thua Thuyền ngay từ lúc bắt đầu.

Giữa hai người, im lặng một lúc nữa rồi tiếng Thuyền nghe chắc và rõ:

"Thôi được rồi anh Lâm. Sẽ gặp lại".

Lâm có cảm tưởng các bắp thịt ở tim, ở ngực chàng cứng ra, ngột ngạt. Mấy tiếng đồng hồ còn lại của đêm hôm đó, Lâm ngồi trong bóng tối hút thuốc lá và uống bia, đầu óc chàng mông lung, đờ đẫn.

Tối hôm sau, Lâm đi ăn riêng với Thuyền. Ngọn đèn nhỏ đặt ở góc bàn ăn rọi qua màu đỏ những cái cánh nhung của một bông hồng đang nở, hắt sáng lên nửa dưới khuôn mặt Thuyền, làm cho ánh mắt nàng sâu thẳm, huyền hoặc. Họ đi ăn với nhau liên tiếp mấy tối sau đó, nói chuyện như hai người bạn quen nhau đã lâu. Buổi tối cuối cùng trước khi Lâm về, Lâm hôn Thuyền, một bàn tay luồn trong ngực nàng. Sau này có lúc hồi tưởng lại, Lâm chỉ mường tượng được những cảm xúc bối rối của chàng lúc bấy giờ, như một người biết yêu lần đầu. Chàng không nhớ được Thuyền có hưởng ứng sự sôi nổi của chàng hay không? Điều này khiến Lâm cảm thấy dày vò, phẫn uất và tự giận mình vô cùng.

Rồi Lâm bỏ việc, xách một cái va-li nhỏ về nơi Thuyền ở, nói dối vợ chàng tìm được việc làm tốt ở vùng nắng ấm này. Chuyện tình Lâm và Thuyền mau chóng tan vỡ. Vợ Lâm dắt ba đứa con về dằn mặt chồng và Thuyền. Lâm buồn rầu nói với vợ "Em tính sao tùy em. Anh không thể sống không có cô ấy".

Trong căn phòng khách thoáng đãng và bày biện trang nhã của Thuyền, đối diện Thuyền nét mặt nhởn nhơ, tươi tỉnh, vợ Lâm có ý nghĩ nàng tới lầm chỗ. Nỗi ngao ngán phải đối phó với một địch thủ bỗng dưng, nó kỳ cục, lầy nhầy, đặc sệt, như nước ở một nồi cháo đang tăm, làm vợ Lâm nghẹn cổ, dập tắt cơn tức giận một giờ đồng hồ trước đó còn làm nàng lồng lộn như một con thú bị chọc tiết.

Thuyền nói với giọng chậm rãi cố hữu của nàng "vâng, anh Lâm có đến đây chơi, như nhiều bạn khác của tôi, nhưng đây là nhà tôi và tôi sống ở đây một mình".

Vợ Lâm ngồi lặng trong cái ghế bành rộng bằng da, tay chân cứng đơ. Sau lưng Thuyền, cái tủ rượu lấp lánh những dãy ly pha lê xếp thẳng hàng. Vợ Lâm bỗng cảm thấy nôn nao, chóng mặt. Nàng muốn nhổ một bãi nước bọt vào mặt Thuyền nhưng khi nàng chúm môi lại, chỉ có một chút hơi phào vào khoảng không thật ra quá xa giữa nàng và tình địch của nàng. Phía bên kia, Thuyền mở to đôi mắt phảng phất nét thơ dại, miệng hơi há ra vì ngạc nhiên. Nàng có vẻ đang tò mò quan sát người đàn bà đối diện nàng hơn là đề phòng. Vợ Lâm thu hết sức lực rồi nói to, như một người hụt hơi:

"Tao thí chồng tao cho mày, con đĩ ngựa".

Bằng một cử chỉ thật nhanh và bất ngờ, vợ Lâm rút trong túi xách của nàng ra một con dao nhỏ, mũi nhọn, rạch ngang dọc lên đệm lưng cái ghế bành nàng vừa ngồi. Tiếng lưỡi dao bén cứa lên mặt da căng nghe xoèn xoẹt, cao su ở trong nứt bung ra, như một vết thương bày mỡ trắng hếu.

Ít tháng sau, vợ chồng Lâm ly dị. Vợ Lâm kết hôn ngay với một người đàn ông Mỹ giàu có. Nàng lăn xả vào xã hội Mỹ để quên quãng đời đã qua.

Đối với Lâm, hình như cùng với việc ly dị vợ, Lâm thấy chàng thoát ra khỏi những vướng mắc, ràng buộc từ một quá khứ có những thua thiệt, những sai lầm nặng nề vẫn đè nén chàng bao lâu nay. Cõi lòng Lâm lâng lâng hạnh phúc. Hình như bây giờ chàng mới thực sự là một người đàn ông khôn ngoan, chín chắn, quyết định sáng suốt và tự chủ về mọi việc trong đời chàng. Hình như từ lúc này, đời sống mới thực sự bắt đầu với chàng, một cách nghiêm túc và có ý nghĩa.

Mẹ Thuyền biết việc vợ chồng Lâm ly dị, bà lo âu hỏi con gái "Con có ý định lấy nó không? sao để vợ chồng nó bỏ nhau?"

Thuyền rúc vào nách mẹ cười khẽ. Nàng để tiếng cười ngân nga một lúc rồi trả lời:

"That's their problem, not mine, Mom!"

Nàng kéo dài âm cuối, như nàng vẫn làm thế mỗi khi muốn nói đùa một điều gì. Không biết từ bao giờ, Thuyền không còn thấy chuyện gì quan trọng và làm nàng phải bận tâm thái quá nữa. Hình như ngoài cuộc sống bình yên hàng ngày mà nàng thụ hưởng tự nhiên như một ân huệ dễ

dàng của Thượng đế, Thuyền nhởn nhơ sắp xếp mọi việc theo sự thuận tiện riêng của nàng.

Thuyền lại nghe tiếng mẹ cất lên, gây gây, lướt qua da thịt nàng như những cái chân li ti, ẩm ướt của một con vật nhỏ:

"Nhưng nó yêu con".

Thuyền nghe tiếng nàng cười khanh khách, sảng khoái:

"But what he spent, he couldn't charge on my account, Mom".

Thình lình Thuyền thôi cười. Nàng im lặng, cái nếp gấp vòng quanh miệng nàng như hai cái ngoặc đơn tẻ nhạt. Hai đầu lông mày Thuyền nhíu lại, mắt Thuyền nóng bỏng:

"Mẹ không nói với con như nhiều bà mẹ Việt Nam khác, rằng mẹ gả chồng cho con một lần. Nhưng con, chính con sẽ nói với mẹ là con chỉ chấp nhận một lần trong đời, một người đàn ông con gọi là chồng, với tất cả cái đẹp lẫn cái xấu, cái hay lẫn cái dở. Đời sống ngắn ngủi, con hút chết một lần, bây giờ con tự do. Con lựa chọn cái đẹp và cái hay của mọi người".

Tiếng mẹ gắng gượng:

"Nhưng con có nói thẳng với anh ta thế không?"

Thuyền lảng ra chỗ khác:

"Con không nói thẳng điều mẹ hỏi, nhưng con nói thẳng nhiều điều khác. Nếu Lâm không hiểu hay hiểu sai thì đó là chuyện của anh ta".

Thuyền yêu vẻ thông minh, dáng điệu khỏe mạnh và tự tin, những kiến thức đại học nơi Tom. Thuyền yêu cái tập quán sống phóng khoáng, không bao giờ đặt vấn đề gì ngoài sự vui chơi những lúc họ ở bên nhau, của Tom. Đi chơi với Tom, Thuyền trang điểm như một phụ nữ Mỹ chính cống. Nàng đánh son đỏ, chải tóc rối bù. Thuyền khoan khoái uống rượu, hút thuốc lá, phục sức tùy tiện mà không bao giờ phải e dè bị người chung quanh hay chính Tom dòm ngó, quan sát, đánh giá ngầm. Nàng thấy nàng đang sống một cuộc đời hoàn toàn khác xưa, như một người mới luôn luôn có những chờ đợi và thỏa nguyện mới đằng trước mặt. Cảm giác ấy làm Thuyền bớt ngột ngạt trong những thói quen hàng ngày thường vẫn khiến Thuyền có ý nghĩ nàng như một thỏi sắt rỉ bị chôn dính trong cái vũng nước vàng đã đóng váng đặc sệt.

Thuyền cũng thích Sum ở cái nét đàn ông trên khuôn mặt hơi thô của

chàng, thích đôi mắt Sum có những cái nhìn mỏi mệt lẫn sự hồn nhiên và ngây thơ, thích đôi môi chàng đầy đặn (của một người tình vừa tham lam vừa đam mê và thành khẩn). Đôi vai Sum hơi xuôi. Thuyền thích cái cử chỉ Sum cứ phải thọc hai bàn tay vào túi quần trước của chàng để chống cho đôi vai ấy cao lên, để làm cho chàng trông chắc chắn và vững chãi hơn một chút.

Thỉnh thoảng Thuyền nhìn thấy Sum đi bên cạnh vợ. Vợ Sum xinh xắn như một con thỏ nhồi bông. Những lúc như thế, Thuyền lại liên tưởng đến đời sống vợ chồng thân mật, gần gũi của họ, lòng nàng bỗng xôn xao một ham muốn khó tả.

Sum đến vài lần trong căn phòng ngủ luộm thuộm đầy mùi đàn bà rất riêng biệt của Thuyền. Ngay khi Sum bước chân vào nhà, Thuyền tháo dây điện thoại và cài chốt cửa.

Khác với dáng vẻ bề ngoài hoang dã của chàng, Sum có cái ngẩn ngơ, rụt rè của một người đàn ông đi tìm lại tình yêu thời tuổi trẻ của mình. Chàng kiểu cách ngay trong những cảm xúc bộc lộ, như một diễn viên hăm hở với vai trò của mình đến độ vụng về. Thuyền thấy nàng tỉnh táo quan sát Sum, với một chút vui xen lẫn chút tò mò. Về phía Thuyền, nàng dư biết nàng cũng đang diễn xuất vai trò của nàng, có lẽ khéo léo và tài nghệ hơn Sum. Hình như cả hai cùng vui đùa hả hê với những suy nghĩ và hoài niệm riêng trong lòng họ. Nhìn bề ngoài, tưởng chừng họ chia nhau cùng một thứ lạc thú, cùng một thứ hạnh phúc. Chỉ có hai người cùng tự biết, trong thâm tâm, họ chẳng có gì để chia cho nhau cả (tuy cả hai cùng có một cách che đậy riêng sự bí ẩn của họ và cùng tưởng rằng người kia không biết gì).

Đến một lúc Thuyền chợt chép miệng "chỉ có thế mà con nhỏ nhồi bông đòi bỏ chồng, chia con". Đối với Thuyền, trò chơi hết vui. Đối với Sum, trò chơi tới hồi nguy hiểm. Những giới hạn tuy khác nhau nhưng cách họ phản ứng giống nhau. Họ không thân thiết nhau nữa, cũng không hờn giận. Ai cũng nghĩ mình chủ động chia tay.

Thỉnh thoảng tình cờ gặp Sum giữa đám đông, theo phản xạ thói quen, Thuyền nhìn Sum bằng ánh mắt lóng lánh sự bí ẩn riêng tư của họ. Chạm phải ánh mắt ấy, Sum cảm thấy thân thể chàng rung động, như khi chàng thầm vụng ôm Thuyền trong đôi tay vạm vỡ của chàng, sự rung động pha lẫn một chút dằng xé khiến Sum bằng lòng với cảm giác

mơ hồ chàng vẫn có Thuyền ở một nơi chốn hoặc khoảnh khắc thời gian nào khác. Cuộc sống giữa hai người tiếp tục và chấm dứt như thế, cùng với nỗi lạnh nhạt ngày càng lớn rộng trong đáy lòng Sum mà chàng không giải thích được vì sao, một vài lúc, nó tựa như nỗi thất vọng buồn bã.

Cho đến khi Thuyền đi chơi với Đạm thì mọi người đều ngạc nhiên.

Bề ngoài, Đạm trông gầy gò, bạc nhược. Tất cả sức sống của chàng dồn lên đôi tròng mắt có những cái nhìn lúc rừng rực, lúc thăm thẳm. Đạm uyên bác, giao du rộng. Vợ Đạm nết na, trầm mặc. Đời sống của họ ngăn nắp, tinh tươm, như một bức tranh sơn dầu đã lên khung. Thế mà Đạm bỗng say mê Thuyền, quấn quít bên Thuyền như một chàng trai mới lớn lần đầu biết yêu.

Đối với Thuyền, Đạm là hiện thân của trí thông minh mẫn tiệp và những kiến thức tuyệt vời về nhiều vấn đề. Đằng sau lưng Đạm và ở Đạm là cái thế giới quyền lực mơ hồ, rực rỡ, đầy bí ẩn và bất trắc của sân khấu chính trị liên quan đến tổ quốc, lịch sử và kẻ thù. Cùng với Đạm, giấc mơ của lòng yêu nước lãng mạn đập những nhịp nao nức trong trái tim cô đơn của Thuyền. Có nhiều đêm hai người ngồi bên nhau cho đến gần sáng, một người nói cho một người nghe về những viễn tượng gần xa trên bàn cờ chính trị thế giới, một người vẽ cho một người xem khuôn mặt thứ hai thứ ba của những nhân vật có hình đăng báo hàng ngày rất trịnh trọng.

Cái không khí tự do, đầm ấm trong phòng khách nhà Thuyền, những ly rượu rót nửa chừng, trong suốt màu hổ phách, sáng lấp lánh thủy tinh dưới ánh đèn khuya tĩnh mịch, thân thể Thuyền hờ hững ẩn nấp dưới lớp lụa áo ngủ buông chùng gót chân nàng lúc nào cũng để trần, câu chuyện họ trao đổi râm ran lẫn với màu những cái răng trắng muốt và đều tắp của Thuyền, từng ấy thứ phản chiếu trong mắt Đạm một phần cuộc sống tràn đầy sinh lực lúc chàng còn trẻ ở Sàigòn, một phần quê hương lúc nào chàng cũng muốn quay về, một phần hạnh phúc lứa đôi hình như chàng đã không thực sự tìm thấy hay đã đánh mất trong dòng sống quay cuồng, lạc lõng ở đây. Thường thường, đêm kết thúc bằng giấc ngủ yên lặng của Thuyền trên ghế sofa. Bao giờ Đạm cũng đi tìm một cái chăn mỏng đâu đó để đắp cho Thuyền trước khi chàng ra về, thấy mình vừa lái xe vừa hát nho nhỏ một điệu vui chả có bài bản gì.

Tuy vậy, dư luận đàm tiếu gay gắt chung quanh mối liên hệ giao du giữa Đạm và Thuyền. Đạm bối rối nhưng không rút lui. Vợ Đạm đau khổ hỏi chồng:

"Sao anh làm thế? Còn phải giữ sĩ diện cho con cái, trước mặt mọi người".

"Anh không làm gì cả, không để thiệt thòi cho chúng nó, kể cả mọi người".

Vợ Đạm không vòng vo nữa:

"Còn em?"

"Em là vợ. Em có hiểu được anh không? Đó là vấn đề và là câu trả lời."

Vợ Đạm cứng ra, như một tảng đá. Lần đầu tiên nàng hiểu hết ý nghĩa chua chát của câu tục ngữ "đá chảy mồ hôi". Lần đầu tiên nàng có ý nghĩ cái vinh dự làm vợ của một người đàn bà tử tế thường là một sự bất công quá lớn của xã hội. Nàng cũng biết nỗi đau đớn phải chấp nhận và tất cả khó khăn để từ chối sự bất công ấy nên nàng không nỡ đòi hỏi Đạm. Người ngoài cho là nàng nhu nhược, chỉ có nàng tự biết sức mạnh mà nàng phải đạt đến để giữ cho mọi việc không tan chảy thành hồ vữa.

Về phía Thuyền, bị nguyền rủa, nàng có cái nhởn nhơ của sự vô tội. "Tôi nhận ở Đạm một vài thứ, ngoại trừ dục vọng."

Có những buổi tối đã lái xe đến gần cổng nhà Thuyền, Đạm lại quay về. Chàng tạt qua tiệm rượu, mua một chai cognac rồi ghé vào căn chung cư một phòng ngủ của một người bạn văn sống một mình. Chàng ngồi nhìn bạn uống rượu, yên lặng và cô đơn thưởng thức cái cảm giác chàng thực sự tự do yêu Thuyền và vì yêu Thuyền, chàng yêu cả cuộc sống buồn rầu trải ra trước mắt chàng như một ngày mùa đông ảm đạm.

Cho đến khi người bạn say khướt, gục xuống sàn ngáy thì Đạm cũng nhắm mắt ngả mình lên mấy cái gối vẫn vứt lăn lóc quanh một cái ghế đệm dài có nhiều chỗ đã sờn. Mùi bụi hăng hắc thoảng lên từ mặt vải lâu ngày không giặt giũ khiến cho da mặt Đạm áp vào đấy lăn tăn ngứa và lòng Đạm hiu hắt buồn. Trong căn phòng yên lặng có một khoảng sáng mờ mờ lay động bóng những chiếc lá khuôn dài trên một cành bạch đàn mọc bên ngoài cửa sổ, Đạm xót xa nhớ Thuyền. Đạm ngọ nguậy đầu trên đống gối nhầu nát, nghĩ đến cái trũng trên ngực Thuyền mà Đạm thấy mình khao khát Thuyền nhưng lại không có ý nghĩ chiếm đoạt nàng.

Hình như Đạm cần để dành cho chính chàng một cái gì rất riêng tư để nâng niu, hy vọng, để thúc mình đứng dậy và đi tới.

Suốt đời chàng, Đạm đã cố gắng đạt đến biết bao mục tiêu theo đuổi để chỉ thấy sự trống trải, thất vọng, bên trong và đằng sau những mục tiêu ấy. "Bây giờ không có gì gấp rút nữa, con đường cứ là con đường đi không tới".

Tiếng ngáy của người bạn nghẽn từng chặp trong cổ họng anh ta, khiến Đạm liên tưởng đến trái tim mệt nhọc của những người qua tuổi 50 như chàng. Trong tiếng ngáy khò khè đứt quãng ấy, chắc không có chỗ nào cho tình yêu và tham vọng bình sinh của một con người. Lan man, Đạm nghĩ đến vợ rồi vẩn vơ cười một mình. "Chắc em tưởng anh phải ở bên cạnh cô ấy hay phải ngủ với cô ấy. Đâu phải lỗi tại anh nếu em không nghĩ được anh đang nằm một mình ở đây." Rồi Đạm nghĩ đến Thuyền. "Chắc em nghĩ anh không yêu em đủ nên không tới em đêm nay. Đâu phải lỗi tại anh nếu em không hiểu được rằng dù anh ở bất cứ nơi nào và làm bất cứ điều gì, với bất cứ ai, anh không bao giờ ngừng yêu em và chỉ vì yêu em mà thôi."

Đạm quơ một cánh tay trong khoảng không, ý thức về những suy nghĩ trừu tượng và vì thế, hơi diêm dúa, trong đầu óc chàng. Không biết từ lúc nào, hình như Đạm đã tránh né đời sống bằng cách lý luận về nó hơi nhiều. Thật ra, có lẽ sống là ôm chầm lấy hiện hữu cụ thể nơi chính mình và chung quanh mình. Trong khoảnh khắc, Đạm cảm nhận sự già nua đã khiến chàng sợ đau ngay cả trong những va chạm nhỏ, đã khiến chàng nhìn ra sự vô nghĩa ở khắp mọi nơi, đã khiến chàng bằng lòng ngồi ở một chỗ an nhàn ngắm tranh treo trên vách hay ngắm một hòn non bộ có cái hùng vĩ giả tạo trong một bể nước cạn.

Đạm ngủ thiếp đi, thần trí lãng đãng cái góc quán nhỏ thấp thoáng nắng mà chàng vẫn ngồi ăn sáng với Thuyền trước khi đến sở làm.

Một ngày đã qua, một đêm chấm dứt với Đạm như thế nhưng ở một nơi cách Đạm chừng năm dặm đường, đêm càng đông cứng, ngột ngạt trong lồng ngực Thuyền.

Trên cái bàn nhỏ cạnh Thuyền một sải tay, chiếc điện thoại chốc chốc lại nhảy tưng vì một hồi chuông tưởng tượng, làm Thuyền bứt rứt chóng mặt. Sự im lặng thầm thầm của con đường bên dưới khu chung cư lúc quá nửa đêm, sự im lặng rạo rực của không gian mùa xuân với cỏ cây

đâm chồi non, lá nõn, sự im lặng ngằn ngặt của đợi chờ làm nghe rõ mồn một tiếng đế giày gõ lên mấy bậc thềm hoang tưởng. Thuyền cáu giận chính nàng, tựa như sợi dây cứt đen đủi trên cái lưng còng của một con tôm bắt đầu ươn. Đã có lúc Thuyền nghĩ nàng tự do chọn lựa mọi cảnh ngộ đời sống phù hợp với nàng. Xem chừng Thuyền đã ngộ nhận. Hạnh phúc của một người đàn bà chính là được lựa chọn bởi một người đàn ông. Hạnh phúc của nàng, nếu có, chính là quãng đời với Huân, bắt đầu khi Huân đứng trước nàng, bên dưới vòm nhà thờ lung linh những vùng sáng ngũ sắc, hai bàn tay chàng run rẩy nâng tấm mạng che mặt cô dâu để nhận nàng làm vợ. Sự lựa chọn ấy là tuyệt đối mặc dầu hạnh phúc nhiều khi lại rất tương đối.

Ở khoảng đời này, Đạm cũng yêu Thuyền nhưng chàng chọn cái hạnh phúc tương đối mà ý nghĩa của nó gần giống sự khoái hoạt què quặt của riêng bản thân chàng. Rõ ràng là Thuyền không thể lựa chọn gì ngoài sự lựa chọn bỏ quên những điều nàng không lựa chọn được.

Ngọn đèn trên cái bàn nhỏ ở một đầu cái ghế dài tóe những ngôi sao như hình chữ thập bằng lửa trong đôi mắt mỏi mệt của Thuyền. Nàng ngồi bất động, như bị may vào đệm ghế. Cho đến lúc ánh sáng bên ngoài tấm rèm cửa sổ chuyển từ màu vàng úa của hàng điện đường sang màu trắng một ngày mới, Thuyền đứng dậy đi vào phòng rửa mặt, như một hình nộm lên dây cót. Nàng soi mình vào gương, trang điểm tỉ mỉ từ cọng lông nheo, mơ hồ hình ảnh cái góc quán nhỏ mà lát nữa đây, nàng đến đó ăn sáng với Đạm. Chẳng có một ý vị gì, cũng vô lý như sự sống, sự chết, như mọi người vẫn hàng ngày xô lấn nhau vào cõi sinh tử lòng vòng, dưới sự thúc bách của số mệnh họ và sự bất lực kỳ cục nằm trong thân phận người.

Thuyền khóa cửa xe, bỏ chìa khóa vào xách tay rồi bước rảo lên bậc thềm gạch đỏ. Nàng nhìn thấy Đạm ngồi ở cái chỗ mọi khi, đôi tròng mắt kiếng sáng lấp lánh trên vầng trán thông minh của chàng. Tim Thuyền đau thắt. Nàng vịn tay vào bệ cái bồn hoa giả bên lối đi, cố gắng nuốt tí nước bọt cho trôi xuống cổ họng khô khan của nàng, "mình cũng chỉ là một bông hoa giả", Thuyền nghe tiếng nàng thì thầm.

BÙI BÍCH HÀ



FEDERICO GARCIA LORCA

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *dịch*

bao lơn

Nàng Lola
hát những bài saetas
Các gã đấu bò mộng
bu quanh nàng
và bác thợ cạo
đứng trước cửa tiệm
gục gặc cúi đầu
đánh nhịp
Giữa bụi rau quế
và các đóa húng lìu
Nàng Lola cất tiếng hát
những bài saetas
Nàng Lola ấy
đã soi ngắm bóng mình
trong một bể nước

sáu giây

Đàn ghi ta
khiến những giấc mơ thổn thức
Tiếng nức nở của những hoang hồn
thoát đi từ cái cửa miệng
tròn xinh

Và như con nhện độc
đàn giăng một vì sao lớn
để xua những tiếng than khóc bềnh bồng
trên thân đàn
gỗ mun.

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *dịch*



PHẠM THIÊN THƯ

núi phụng hoàng

Chiều reo trên ngọn tùng xanh
Tưởng Nguyễn Trãi - mái nhà tranh vẫn còn
Viết bài thơ gọi Nước Non
Bài thơ ấy - vẫn chon von Phụng Hoàng

Ta ngồi lưng núi mơ màng
Tưởng đâu lá rụng suối mang hịch truyền
Ta ngồi hỏi cỏ xanh lên
Biết đâu chốn cũ là nền nhà thơ
Chừng như trong khói lam mờ
Lách lau còn dựng ngọn cờ chẩy quân
Đồi đồi sim tím dưới chân
Hoa tung còn tưởng xa gần áo bay

Hét vào - ta hỏi rừng cây
Kể nghe những chuyện đau ngày Lệ Chi
Phụng Hoàng vỗ cánh bay đi
Nghiêng nghiêng vách núi xanh rì vọng âm

Chiếc thuyền neo một chữ Tâm
Trách chi thiên hạ âm thầm nước xuôi

Ngồi nghe tiếng gió bồi hồi
Con chim nhỏ - lại qua đồi - lại kêu.

PHẠM THIÊN THƯ



PHẠM THANH HÀ

hành trình thật của một ông tiến sĩ giấy

Ở một khu phố cổ như người ta thường vẫn thấy nếu nhìn từ trên cao, có một cái sân thượng nhỏ nằm lọt giữa những mái nhà rêu mốc nhấp nha nhấp nhô. Mỗi năm một lần, vào dịp tết Trung thu, cái sân được quét dọn sạch sẽ để làm chỗ cho bọn trẻ con bày cỗ trông trăng. Với trẻ con thành phố, cũng chẳng có chỗ nào gần gũi mặt trăng hơn. Trên mấy sợi dây phơi, còn sót lại những sợi dây thép quăn queo bọn trẻ con xâu hạt bưởi khô mà chúng dành dụm suốt cả tháng để đốt. Còn cả một cái đèn ông sao gãy cán của Trung thu năm ngoái, và năm nay, sau Trung thu, còn trỏng trơ trên sân một nhân vật đáng quan tâm là ông tiến sĩ giấy.

Khi ông tiến sĩ giấy được rước trong một cái làn to từ phố Hàng Mã về và bày lên mâm, giữa dĩa bánh dẻo và dĩa hồng ngâm, thằng bé mười tuổi, chủ nhân chính của mâm cỗ đã kêu lên đầy thất vọng:

- Mẹ mua cái gì thế này? Sao mẹ bảo mẹ mua xe tăng cho con?

Ngay tức thì, ông tiến sĩ giấy biết rằng ở cái xứ mình vinh quy, người ta không chờ mình. Đã vậy, bố thằng bé, sau khi xem xét ông từ đầu đến chân, lại còn cất giọng ngân nga:

Cũng cờ cũng biển cũng cân đai

Cũng gọi ông nghè có kém ai

May sao, bài thơ không được đọc đến câu cuối cùng. Bố thằng bé còn nói thêm:

- Lâu lắm mới thấy một ông tiến sĩ giấy. Hồi bố còn bé, Trung thu nào cũng có một ông này. Kể ra người ta làm cũng mất công, khốn nỗi bây giờ, trẻ con nó chỉ thích đồ chơi điện tử. Ở Sài Gòn bố thấy người ta đua nhau mua cho con chơi loại rôbô nhỏ, biết đi, biết chào, biết tập thể dục... giá khoảng gần một chỉ một rôbô.

- Em mua ông tiến sĩ giấy có ba trăm - Mẹ thằng bé nói gọn một câu, kết thúc cuộc hội thảo về ông tiến sĩ.

Thằng bé thỏa mãn về những đồ chơi được tặng sau đó: mặt nạ Tôn Ngộ Không bằng nhựa, súng phun nước, một chiếc máy ảnh bé tí nhãn hiệu Canông - giống hệt máy canông thật, đẹp đẽ, sáng bóng. Rồi, bạn bè nó kéo tới với những đồ chơi tương tự và những trò vui liên tục diễn ra trong khi mâm cỗ vơi dần. Trung thu năm nay trăng không sáng. Người lớn lo hạn hán ở một vùng nào đó. Trẻ con ăn nhiều hơn là quan tâm tới mặt trăng. Chỉ có ông tiến sĩ giấy cô độc ngồi giữa mâm. Một người lớn nhỡ tay làm gãy của ông một cán lọng xanh và làm bẹp chiếc mũ cánh chuồn, khi với tay lấy một múi bưởi. Họ dựng ông lên, không ai tỏ ý tiếc rẻ, dù chỉ một câu.

Bọn trẻ không ngừng thán phục chiếc máy canông. Khi chĩa máy vào ai đó và ấn nút, tròng ống kính hiện lên một khuôn mặt tươi tắn của một tài tử xinê. Có bảy tài tử tất cả, luân phiên nhau xuất hiện. Chúng nó say mê cái máy ảnh đến nỗi quên cả giờ về, phải để cho người lớn giục mãi.

*

Trung thu năm nay trăng không sáng. Lúc mà đống vỏ bưởi, vỏ hồng đã được vun lại, chiếc cầu thang ọp ẹp rung lên những bước chân của đứa trẻ rời sân cuối cùng, im lặng lập tức bao trùm. Ông tiến sĩ giấy còn lại một mình giữa sân, ngậm ngùi vì đã sinh ra phải thời những loài rôbô.

*

Gần hết mùa thu, ông tiến sĩ giấy bị bỏ quên trên sân thượng. Vào cuối tháng mười, người ta mới nhớ ra ông khi chuẩn bị phá cái sân đi để lên tầng nữa cho căn nhà bên dưới. Mà nhớ ra, không có nghĩa gì hơn là đem ông đặt vào sọt rác. Lúc này, ông tiến sĩ giấy trông đã tàn tạ lắm - sự tàn tạ tất yếu sau những ngày nắng, ngày mưa, ngày gió và sự tò mò thô bạo của lũ mèo đêm đêm vẫn mò tụ tập trên sân thượng: Bọn mèo không

chịu đựng nổi sự có mặt của một thành phần trang nghiêm đến thế trong lãnh địa của chúng. Đã vậy, gió đôi khi còn làm phơ phất cái lọng rách, mũ cánh chuồn và hai lá cờ hai bên vai ông tiến sĩ. Bọn mèo ít khi buông tha những gì động đậy.

Từ phố Hàng Mã về sân thượng - chặng thứ nhất của cuộc hành trình. Từ sân thượng xuống sọt rác - đấy là chặng thứ hai - Cũng may, đường đi của ông tiến sĩ chưa dừng lại ở đấy.

Thế này, khi ông tiến sĩ bị "đổ" - một từ không xứng đáng với ông - ra chiếc xe cút kít đi gom rác nhà lúc chập choạng tối, sự tiều tụy bẹp rúm vẫn không át hết được vẻ đàng hoàng của một ông tiến sĩ nơi ông. Có lẽ vì thế mà người đàn bà đẩy xe rác bằng đôi mắt hé ra dưới vành nón và chiếc khăn che kín mặt đã phát hiện ra ông ngay. Chị ta nhặt ông đặt vào một góc xe, để những sọt rác úp ngược sau đấy không làm ông bị tổn hại thêm. Không hiểu chị ta làm như vậy vì lý do gì. Dù sao, ở góc tận cùng của xe rác, tấm thân giáp bảng của ông cũng đỡ tủi cực phần nào. Ngự trên xe cút kít, ông tiến sĩ giấy đi qua nhiều đường phố, để đến một nơi tập trung mọi rác rưởi hàng ngày. Vào phút cuối cùng, chị công nhân vệ sinh nhìn ông, thoáng ngần ngừ, rõ là "bỏ thì thương...", nhưng bởi cái vô tích sự của ông nó hiển nhiên quá, nên chị ta dằn lòng mà nhấc cao cái càng xe lên. Ông tiến sĩ lăn xuống cùng một đám rau ôi, vỏ cam, vỏ bưởi. Mũ cánh chuồn của ông gãy nốt, hai lá cờ cũng gãy luôn. Cái đai chỉ còn dính rất lỏng lẻo vào áo, và áo thì lấm lem đến mức không nên kể ra. Khi một người ở mức suy tàn kiệt quệ nhất, người ta bảo trông họ như một hình nhân. Thế mà một hình nhân thật sự, vào lúc suy tàn kiệt quệ đến thế, trông lại giống người.

*

Lẽ ra không còn gì để nói thêm, và ông tiến sĩ giấy sẽ bị đưa ra khỏi thành phố như những cái rác khác trước bảy giờ sáng hôm sau. May sao, một người bới rác đêm, dù đường phố không đèn vẫn nhận ra ông tiến sĩ là một cái rác lộng lẫy nhất trong đám rác, đủ khả năng làm vui lòng đứa con gái bé bỏng của mình. Và thế là ông tiến sĩ được nhấc ra khỏi đám rác bằng một cái cặp tre dài, rồi được đặt một cách cẩn thận vào giữa một cái sọt nan lớn, chứa toàn những mảnh nilông, vụn thủy tinh và giấy bẩn.

Người bới rác đêm có một gia đình, gồm vợ và đứa con gái nhỏ. Họ

thuộc về những người được chính quyền gọi tên là lang thang bụi đời. Cả thành phố là ngôi nhà lớn của họ, và họ quanh năm đi tìm những điểm di trú thích hợp với mình. Họ không ăn cắp, không ăn xin, họ sống bằng những nghề đại loại như nghề bới rác. Cách đây không lâu lắm một bài điều tra đăng trên một tờ báo lớn đã đưa ra một con số thống kê tương đối rằng khoảng 50% dân lang thang là những người ngại lao động. Thế nhưng ngại lao động, hay gọi cách khác là lười biếng và thích nhàn hạ, trong lúc dạ dày rỗng không, hình như lại là một việc rất khó. Tuy nhiên, đây không phải là lúc bàn về những số liệu đăng trên báo. Chỉ biết rằng đêm ấy, khi trở về, người bới rác chìa ra cho con gái ông tiến sĩ giấy dựng trong chiếc sọt nan.

- Cho mày - Ông ta nói gọn lỏn.

- Con búp bê, con búp bê đẹp quá - Con bé rách rưới reo lên, mừng cuống - Con búp bê lần đầu tiên nó có trong đời.

Nếu ông tiến sĩ biết rằng mình bị hạ xuống hàng những búp bê vớ vẩn, chắc ông buồn và giận lắm. May thay, vào thời ông, chưa có từ "búp bê". Và sau tất cả những hất hủi ghẻ lạnh ông đã chịu trên gác thượng, sau cơn ác mộng bị chết chìm trong đống rác, sự vồn vã của con bé đủ khiến ông khóc vì xúc động. Rồi khi cơn xúc động đã dịu bớt, ông nhìn ra chung quanh, và lần này, ông suýt kêu lên vì một nỗi bàng hoàng và vui sướng lớn lao hơn.

Ông đã về đúng chỗ của mình!

Ông đang ở trong Văn Miếu.

*

Với những người lang thang, Nhà Bia Văn Miếu được coi là một nơi trú ngụ tuyệt vời với mái che và sàn nằm cao ráo, sạch sẽ. Hồ Thiền Quang như một cái ao, có thể rửa mặt buổi sáng, giặt giũ áo quần. Quần ướt phơi ngay lên những tấm bia tiến sĩ. Cách ăn ở như vậy làm bất bình những người coi sóc bộ mặt vệ sinh văn hóa của thành phố. Song ở trong Nhà Bia, dễ có cảm tưởng là mình cũng có một mái ấm gia đình.

Con bé sở hữu ông tiến sĩ giấy có một cái tên rất kêu là Mai Hương. Trời mới biết tại sao bố mẹ nó lại thích đặt cho con một cái tên kêu như vậy và bao giờ cũng gọi nó đầy đủ là Mai Hương, chứ không phải là Cún, là Vịt, là Tý Bông... Mai Hương sinh ra ở một làng quê, vỉa hè thành phố chứng kiến quãng đời phiêu dạt sáu tuổi của nó từ lúc biết cầm ngửa

chiếc mũ nan rách nằm trong vòng tay bế của mẹ, lang thang nơi sân ga, bến tàu. Lúc này, nó đang dùng những chiếc lá khô bày trò chơi đồ hàng với ông tiến sĩ. Chơi chán, nó ru ông ngủ bằng cách đong đưa ông giữa hai bàn tay bé nhỏ lấm lem của mình. Kể ra, đã có một lần, bố Mai Hương cũng đem về từ đống rác cho nó một con búp bê nhựa. Nhưng con búp bê ấy bị rời hết cả các khớp dây thun, chân tay nó lủng lẳng, mắt thủy tinh bị rơi mất, chỉ còn hai hốc mắt sâu hoắm. Vừa trông thấy con búp bê ấy, Mai Hương đã khóc thét lên vì sợ. Cho nên bây giờ, ông tiến sĩ giấy với những mảnh giấy trang kim óng ánh dính trên áo, dù có tiều tuỵ đến mấy, cũng khiến Mai Hương vui sướng lắm rồi. Trong Văn Miếu đêm ấy trăng rất sáng. Lại là rằm. Những con rùa đội bia cất đầu lên trong áng trăng vằng vặc, cái miệng trễ xuống, con nào cũng vậy, gây cảm giác thật hơn là ảo và hơi rờn rợn. Nửa đêm về sáng, trời đổi gió. Mưa xuống. Mai Hương tỉnh dậy khóc kêu lạnh. Bố mẹ nó rời nhau, lấy mảnh chiếu rách đang nằm đắp cho nó. Ông tiến sĩ giấy bẹp rúm cũng được ủ vào tấm chiếu. Những con rùa trông như rùa sống, động đậy được, lẩn quẩn suốt đêm trong giấc ngủ của ông. Và ông tự hỏi tên ông nằm đâu trên tám mươi hai tấm bia ở trong Nhà Bia này.

Mưa suốt từ lúc nửa đêm đến gần sáng, rồi mưa cả ngày hôm sau. Lúc gần trưa, mẹ Mai Hương trèo qua bức tường thấp bao quanh Văn Miếu để đi mua cho bố nó cút rượu và nhúm lạc rang. Rồi mẹ nó nấu cơm. Cơm của cả nhà nấu trong một hộp nhôm ghigô bẹp, vung là một cái đĩa sứt men. Thức ăn đơn giản là một con cá khô và một gói dưa. Ông tiến sĩ giấy được đặt ngồi vào lòng con bé trong bữa cơm gia đình ấy. Người vợ uể oải, mắt không rời bát cơm. Chỉ Mai Hương ăn một cách ngon lành - con bé kêu đói từ sớm. Bữa ăn đạm bạc trôi chậm chạp trong tiếng mưa. Trên gác Khuê Văn, một bầy sẻ ướt tíu tít sửa lông, líu ríu lên và chuyền những bước ngắn. Lòng ông tiến sĩ chợt xót xa khi ngắm nghía cái gia đình lang thang mà bỗng nhiên ông phải sống cùng. Ban ngày, trong mưa, trông họ tiều tụy, vàng vọt làm sao.

Mưa cứ rơi mãi. Cút rượu dốc ngược trên miệng chén của người bới rác, giọt cuối cùng rơi xuống bởi một cái lắc mạnh, nhưng chén vẫn không đầy. Ngày lại trôi qua. Tám mươi hai con rùa đá ngóc cao những cái đầu, nhỏ không cân xứng với những tấm bia lớn trên lưng, nước mưa tuôn ròng ròng. Ở tấm bia nào, tên ông được khắc trịnh trọng trên đá với

năm tháng khoa thi của ông? "Quân tử thượng tiêu tức doanh hư thiên hành dã", ông nhớ lại cái phận nổi trôi của mình từ phố Hàng Mã đến giờ. Dù sao, ông cũng đang ở trong Văn Miếu.

Đêm tới, bố Mai Hương lại đi bới rác và đem về chỗ ngủ cả một sọt đầy giấy vụn, vỏ chai và bao nilông vì chưa bán được cho bà đồng nát. Rồi đến khuya, không hiểu vì lẽ gì, bố mẹ nó cãi nhau, cãi nhau dữ dội. Ông tiến sĩ kinh ngạc tột độ khi thấy mẹ con bé rút từ trong túi ra một tấm ảnh chụp chung không biết có phải từ một cái máy ảnh giống cái máy ảnh của thằng nhỏ trên sân gác hay không - và khóc lóc dọa xé. Bố con bé mặt lỳ lỳ, đá tung cái sọt đựng rác, những cái rác ướt bẩn tung tóe trên nền Nhà Bia. Mai Hương không khóc, chắc nó đã quen những cảnh như thế giữa bố mẹ. Nó đung đưa ông tiến sĩ giấy trên tay, mặt lạnh như tiền. Ông tiến sĩ cảm thấy khiếp sợ. Và lần đầu tiên từ khi đến đây, ông nhận ra rằng những kẻ lang thang thật không nên đem những chuyện uế tạp của họ vào chốn Văn Miếu thâm nghiêm. Ông thấy giận họ, giận luôn cả thân mình.

Cuộc cãi nhau chấm dứt sau một tiếng đồng hồ căng thẳng. Ông tiến sĩ nghe được những điều quan trọng cuối cùng mà bố mẹ Mai Hương nói với nhau: ngày mai, họ không ở trong Văn Miếu nữa. Văn Miếu sắp được xây dựng thành trung tâm văn hóa khoa học kỹ thuật gì đó, người ta kiên quyết không để những người lang thang đến cư ngụ và gây mất vệ sinh ở đây. Gia đình Mai Hương sẽ chuyển về nhà để xe đạp ở phố Triệu Quốc Đạt, ở đó yên ổn, nhàn hạ hơn vì bãi rác ở ngay trước mặt, gần chợ, gần bến xe... Ông tiến sĩ đón nhận những thông tin ấy một cách lo lắng. Ông không muốn về phố Triệu Quốc Đạt, ông muốn ở lại Văn Miếu. Ông không muốn chứng kiến những bữa cơm lạnh ngắt, những trận cãi nhau kinh khủng của những người lang thang. Và ông quyết định trốn Mai Hương, ở lại trong cái Nhà Bia này.

Mọi việc diễn ra như ông dự định. Lúc cả nhà khăn gói ra đi, Mai Hương tìm ông nhưng không thấy, ông trốn dưới một cái rác lớn. Con bé òa khóc. Ông tiến sĩ thấy cổ họng nghẹn tắc. Từ lúc ông có mặt trên đời, chỉ có nó là yêu thương ông. Ông nhìn theo cảnh bố mẹ nó vội vã lôi nó đi - những người lang thang lúc nào cũng vội vã - bàn chân trần bé nhỏ của nó lẹt xẹt trên lối cỏ, tiếng khóc nó xa dần... và vĩnh viễn ông mất nó.

Đêm ấy vầng trăng muộn rót sáng từ bầu trời, từng ngọn cỏ trong

Văn Miếu cũng rực lên trong ánh sáng xanh huyền bí của mặt trăng. Tám mươi hai con rùa đá đội bia vẫn cất đầu lên, khóe miệng trễ xuống âm thầm. Nhưng ông tiến sĩ không còn được trông thấy những cảnh ấy nữa - không có người nên lũ mèo hoang lại ập đến, gào rú những tiếng thê lương và nhảy múa trên lưng những con rùa. Chúng đã phát hiện ra ông tiến sĩ khi ông đang tìm tên ông trên một tấm bia. Làm sao ông tìm thấy được khi ông chỉ là một ông tiến sĩ giấy. Bằng những động tác của loài mèo khi nô giỡn, chúng đá tung ông lên, làm ông tan thành từng mảnh.

Vầng trăng muộn vẫn sáng rực suốt đêm trên Văn Miếu.

PHẠM THANH HÀ



NGUYỄN LÝ

ngã ba

Mỗi bảng tên một ngã đường
Dẫn về hạnh phúc, khổ đau
Còn lối thiên đàng, địa ngục
Chỉ hộ tôi ngã nào

sương

Lăn trở giọt tôi đứng ngoài đời sống
Ngày hay đêm mà lạnh buốt tim da
Có xác thân nhiều năm chỗ lạ
Chờ trăng lên tìm lại mái nhà

NGUYỄN LÝ



TRỊNH Y THƯ

một chùm thơ

1.

Nửa đêm hoa rụng hiên nhà
Vầng trăng nội cỏ vỡ òa đỉnh sương
Mơ tan như mây vương vương
Ngả nghiêng chiếc bóng con đường vụt ngang.

2.

Lời đêm êm như tiếng ru
Mây quỳnh rụng xuống va bờ vực ngang
Bóng đêm ơi bóng đêm ngàn
Xuống đây ngủ với tiếng đàn tôi ru

3.

Một góc trời quên, chưa quên
Dặm dài vẫn nhớ, nhớ tên tuổi người
Biển xanh áo trắng ngậm ngùi
Bóng chiều vằng vặc sắc trời đổ nghiêng

4.

Sông tôi một nhánh xanh dòng
Bờ chênh thác ngọn đổ vòng chân mây
Mai em còn nhớ về đây
Xin đem chút nắng đổ đầy sông tôi

TRỊNH Y THƯ



TRẦN SA

thời mà nàng còn điên

Chiều nay tôi điện thoại cho Phiêu. Giọng nàng trong điện thoại sắc lạnh, xa cách. Nàng hỏi có gì không Hoài? Tôi nói, không có gì, chỉ gọi nói chuyện chơi, Phiêu bận hả? Ờ Phiêu cũng đang bận lặt vặt, đang chuẩn bị giặt đồ, tổng vệ sinh nhà cửa. Tôi nói, thôi để bữa khác Hoài gọi lại.

Đặt máy điện thoại xuống, tôi ngồi im, thấy buồn buồn. Chiều xuống từ bao giờ. Màu trời sẫm, nặng nề.

Lẽ ra tôi phải mừng cho Phiêu chứ. Phiêu đã bình thường trở lại. Bình thường. Như mọi định nghĩa về bình thường của thiên hạ. Phiêu đã đi làm việc. Một việc làm ổn định, lương cao, cấp điều hành, thuộc Bộ Nhân Dụng của chính phủ.

Cuối tuần trước gặp Phiêu ở quán ăn Anh Đào, Phiêu trông lạ hẳn. Nàng mặc bộ đầm màu cam nhạt, áo khoác đen. Tất cả đều là thời trang mới nhất. Nàng trang điểm kỹ lưỡng, khéo léo. Màu mắt nâu trên nền hồng bạc, môi thoa son màu cam tươi hợp với bộ áo. Nàng ăn uống chậm rãi, nói chuyện dè dặt chừng mực, hơi có vẻ khó chịu với khói thuốc bay ra từ môi tôi. Nàng nói, Phiêu bỏ thuốc lá hơn tháng nay rồi! Tự nhiên bỏ được? Tôi hỏi. Phiêu cười, rùn vai nhẹ nhàng. "A há. Tự nhiên bỏ. Không thích hút thuốc nữa."

Phiêu không hút thuốc nữa, tôi mừng cho Phiêu. Lúc gần đây, tôi đã

bắt đầu nhận được những dấu hiệu đe dọa từ cổ họng. Những buổi sáng thức dậy với cảm giác hâm hấp sốt và cuống họng đau rát thường trực. Tôi ho thường xuyên. Đàm bắn ra từng viên tròn xoay, nhỏ xíu mầu nâu nhạt. Một người bạn hành nghề y khoa bảo, coi chừng viêm cuống phổi kinh niên, nhưng nếu thế thì vẫn còn đỡ, khi ung thư phổi thì không cách nào đảo ngược lại tình thế. Tôi ừ ừ. Có lẽ khi tôi quyết định bỏ thuốc lá thì hơi muộn.

Tôi mừng Phiêu bỏ thuốc lá.

Quen Phiêu mấy năm rồi, lúc nào tôi cũng thấy Phiêu cầm trên tay điếu thuốc lá. Mái tóc ngắn biếng chải và điếu thuốc lá. Là Phiêu. Vẽ Phiêu, chỉ cần vẽ một khuôn mặt trái xoan, mái tóc ngắn bờm xờm và một điếu thuuốc lá trên những ngón tay thuôn dài là đủ, tôi nói đùa với Phiêu như thế.

Nhưng tôi vẽ Phiêu cẩn thận hơn thế nhiều. Những ngày nàng còn điên, tôi không thể nào không yêu Phiêu. Những ngày đó đã đi lùi về phía sau.

*

Buổi sáng dọn đến nhà tôi Phiêu uống cà phê đen bỏ thật nhiều đường. Phiêu vừa uống cà phê vừa hút thuốc lá. Mái tóc Phiêu cắt ngắn, vuốt ngược lên bằng gel. Lâu lâu, Phiêu cảm thấy ghét sự lộn xộn của mái tóc nàng, nàng lại vuốt ngược lên như vậy.

Phiêu bảo.

"Để mặc những cái thùng quần áo ấy trong phòng em. Khi nào em rảnh sẽ soạn ra từ từ. Này, căn nhà đối diện hình như vừa mới được sơn màu xanh da trời!"

Nàng ngồi nơi cái bàn ăn kê gần cửa sổ và nhìn ra đường, mắt đuổi theo dòng xe cộ chạy qua lại như mắc cửi.

"Biết bao giờ mình mới lại nhìn thấy một con chuồn chuồn nhỉ?"

Tôi đã hơi quen với vận tốc chuyển phương hướng suy nghĩ của Phiêu rồi nên chẳng lấy gì làm ngạc nhiên cả. Tí xíu nữa thôi, chỉ trong vài giây, nàng sẽ không nhớ gì về cái mái hiên màu xanh da trời của căn nhà đối diện, những chiếc xe chạy vội vã như bị ma rượt ngoài đường và những con chuồn chuồn trong trí nhớ. Tôi cũng quen cách ăn nói của Phiêu nữa, cách ăn nói kỳ quái đã từng làm bạn tôi hoặc trố mắt ngạc nhiên, hoặc khó chịu hiểu lầm. Có lần, một người bạn của tôi hỏi về học

vấn của Phiêu, nàng trả lời "lớp ba, lớp bốn gì đó", với vẻ nghiêm trang, không cười. Sau đó nàng nhăn trán như đang suy nghĩ gì lung lắm, "Thật sự, tôi nghĩ rằng tôi chưa từng học hành gì cả. Trong đầu tôi sao mà trống rỗng tàn bạo. Những chữ, những số, những hình vẽ đã chui vào đầu tôi trong những lúc nào đó cũng đã chui ra khỏi đầu tôi trong những lúc nào đó như một phép lạ. Bây giờ đừng ai hỏi tôi bất cứ một câu hỏi công dân sử địa vạn vật toán văn chương triết học nào cả. Tôi sẽ không thể nhớ được cái gì cả." Người bạn ấy hỏi nhỏ với tôi, "Cô ấy nói thật hay là ba xạo chơi?" Tôi trả lời, "Cô ấy nói thật đấy." "Thật là chỉ mới học lớp ba lớp bốn?" Người bạn có vẻ không tin nổi. Tôi cười, "Có lúc cô ấy bảo cô đã sáu mươi tuổi rồi, có khi lại cho mình mới ba tuổi thôi, và khi nào cô ấy cũng nói thật cả. Nếu mày hỏi lăng nhăng tiếp, cô ấy sẽ bảo cô học đại học năm thứ ba mươi đấy!" Không phải người bạn nào của tôi cũng thông minh cả. Người không thông minh thì bảo Phiêu khùng. Người thông minh hơn thì nói Phiêu điên.

Tôi vốn là người hòa hoãn, nên đôi khi cũng nói "Phiêu điên quá đi" với sự âu yếm. Chữ "điên" là chữ của thiên hạ, sự âu yếm là của tôi. Đấy là một sự dung hòa.

Thời mà Phiêu còn điên, nàng không thỏa hiệp, không hòa giải được với đời sống. Nàng phẫn nộ đau đớn, cũng thường trực như đam mê nồng nàn, với đời sống.

Đề nghị Phiêu về với tôi, tôi tưởng tình yêu tôi dành cho nàng sẽ giúp nàng quân bình hơn. Những ngày đầu tiên, Phiêu có vẻ vui và bận rộn. Nàng sắp đặt trang hoàng phòng riêng của nàng. Rèm cửa xanh biển đậm. Thảm lót dưới sàn có màu trắng và nâu. Hoa chưng trên bàn làm việc. Tranh Ai Cập trên giấy bồi đóng khung gỗ treo tường. Tôi ngắm Phiêu đi lui đi tới, áo thun đen sát nách ngắn ngủn và quần jean xanh bạc bó hai đùi thon, có khi ngậm một cái đinh trên môi và cái búa trên tay, ngoẹo cổ ngắm nghía tìm một chỗ vừa ý để treo tranh. Phiêu gọi tôi ơi ới, bắt tôi chuyển cái bàn này qua phía kia, cái kệ sách này vào góc nọ, nhắc đem thịt bò ra để sẵn trên bàn tí nữa Phiêu sẽ xào với rau cần ta. Sách vở Phiêu mang tới cộng với sách của tôi có thể tạo thành một thư viện nho nhỏ. Phiêu có nhiều sách về tâm lý, xã hội, triết học và văn chương. Tôi có những sách chính trị, lịch sử, khoa học. Một sự bổ túc đẹp đẽ.

Phiêu nghỉ việc đã được vài tháng. Nàng quyết định nghỉ việc vào

một ngày đẹp trời mùa Hạ. Nàng kể. "Có những buổi sáng thức dậy không muốn đi làm một chút nào. Nhưng mà em phải đi. Phải đi. Giống như hồi nhỏ và lúc mới sang đây em phải đi học. Lúc đó cũng có những buổi sáng thức dậy không muốn đi học. Nhưng rồi cũng phải đi. Phải đi. Nếu không thì bây giờ em không biết chữ không có văn bằng gì cả. Nhưng mà biết chữ và có văn bằng thì cũng phải đi làm công việc của người biết chữ và có văn bằng. Sáng hôm đó em nghĩ. Có cái gì bất ổn ở chữ *phải*. Phải xa quê hương. Phải rời xa mẹ. Phải bỏ người yêu. Phải bỏ thuốc lá. Phải sống đàng hoàng. Những cái *phải* làm em khổ sở, không thấy hạnh phúc. Trong khi lẽ ra, em phải được hạnh phúc như là một phần thưởng cho cái nghị lực đã đi theo những cái *phải* ấy. Ô, đời sống chỉ toàn những cái *phải*! Và em phải chọn lựa những cái *phải* trong số những cái phải. Em không được làm trái đi những cái phải mặc dù em yêu ước được làm trái đi những cái đang làm. Vậy, em nào có tự do? Suốt đời em nào có tự do? Từ bé đến lớn! Một con người luôn luôn phải làm những cái phải là người mất tự do. Nó tự nhủ nếu theo được những cái *phải* ấy nó sẽ được yên ổn - nhưng nó luôn luôn có những tư tưởng phản kháng chống đối lại cái yên ổn ấy, rốt cuộc nó chẳng bao giờ yên ổn cả.

Em phải đánh mất đi sự yên ổn để đạt được sự yên ổn. Vì thế sáng hôm ấy em điện thoại vào sở và nói với giám đốc, tôi nghỉ việc! Nói xong, em thấy mình nhẹ nhõm như có thể bay lên được vậy. Nhưng mà đó chỉ là một phần nhỏ tự do tìm thấy thôi..."

Phiêu quyết định bỏ ra vài tháng để không làm gì cả, tuyệt đối không làm gì mình không thích. Những tuần đầu tiên tôi được ăn biết bao nhiêu là món ngon vật lạ. Phiêu tỏ ra thích làm bếp, và nàng rất khéo trong việc làm bếp. Nhìn dáng điệu bề ngoài Phiêu, người ta có thể không ngờ đến điều ấy.

Những tuần đầu tiên cũng là thời gian duy nhấy tôi được gần gũi Phiêu. Nàng làm tôi kinh ngạc vì sự cuồng nhiệt đam mê trong khi ân ái của nàng. Kinh ngạc và hạnh phúc đến mê đắm, dĩ nhiên. Nàng lùa tay vào tóc tôi ghì tôi xuống. Nàng hôn rất nồng nàn. Nàng biết vuốt ve. Nàng có chủ động. Không lần yêu nhau nào nàng không cùng tôi đạt đến điểm cao nhất của khoái cảm. Tôi yêu tiếng thở ra rất mạnh, người nàng cong lên và duỗi ra lại rất nhanh, và nụ cười mỉm trên môi nàng, khi

nàng "tới". Sau đó nàng vùi đầu vào ngực tôi, cánh tay ôm quàng trên cổ tôi và ngủ như trẻ thơ.

Nhưng mà có một lần hai đứa đang yêu nhau, tôi nhìn thấy nước mắt nàng ứa ra, và đôi môi xinh đẹp mịn màng của nàng thoát ra một cái tên. Một cái tên khác. Không phải là Hoài. Tiếng kêu rất nhỏ, như hơi gió, như một tiếng lá lay động. Nhưng đủ làm những sợi thần kinh trong óc tôi tê điếng. Không phải vì ghen.

*

Khi Phiêu kể cho tôi nghe về người nọ, tôi hỏi.

"Phiêu còn yêu người ta sao?"

"Khi đã yêu thật thì làm sao còn yêu hay hết yêu được. Câu hỏi ấy chỉ dành cho sự đam mê."

"Phiêu có yêu Hoài không?"

"Có. Nhưng không bằng Phiêu yêu người kia đâu. Nhưng mà thôi, dẹp những câu hỏi yêu hay không yêu đi. Đừng nói tới chữ yêu nữa. Nó làm em nhức đầu. Có khi nó làm em hoang mang, nghĩ nó không có thật, nó chỉ là danh từ, chỉ là động từ. Nghĩa là từ ngữ."

"Tụi mình cưới nhau đi. Phiêu sinh cho Hoài một đứa con đi."

Nàng im lặng. Nàng cắn móng tay im lặng, bứt rứt.

Đó là khởi đầu của cơn động đất. Những ngày hôm sau, đi làm về, tôi không nhìn thấy Phiêu đang đứng loay hoay nấu bếp hoặc tưới những chậu kiểng trong nhà nữa. Căn nhà vắng tanh, lạnh toát không có Phiêu. Tôi vào phòng Phiêu, nhìn sự ngổn ngang của mọi thứ. Đóa hoa cắm trong lọ đã héo, sách báo quăng đầy sàn, quần áo ném bừa bãi trên giường, và trên bàn Phiêu, chiếc gạt tàn đầy ngập. Phiêu chép trên một tờ giấy một đoạn trong cuốn sách nàng đang đọc.

"I have a horror of comfort; possessions invite comfort, and in their security a man falls asleep; I love life enough to try to live wide awake, and so, even among all my treasures, I cherish a sense of the precarious, by which I provoke or at least arouse my life." *

Tôi kêu lên, "rác rưởi!" với sự giận dữ lẫn tuyệt vọng. Mấy ngày hôm nay, Phiêu đã lạnh lùng, đã nóng nảy, đã gây sự không phải chỉ với riêng tôi mà với bất cứ ai đến nhà tôi. Nàng đã gây gổ khi vài người bạn tôi vô ý đùa nghịch.

"Từ ngày Phiêu về đây, nhà Hoài đẹp hẳn ra. Hoài nó cũng vui hẳn lên, dù có gầy đi đấy. Nhà có đóa hoa biết nói thế này, Hoài đâu có cần ăn uống gì, chỉ ngắm hoa suốt ngày suốt đêm cũng đủ no rồi."

Hôm đó tôi có gọi điện thoại về sớm, nhờ Phiêu làm giùm thức ăn cho vài người, một số bạn muốn đến nhà chơi. Phiêu làm thức ăn đầy đủ. Canh chua, thịt kho, cá chiên, những món tôi thích.

Phiêu dọn thức ăn lên bàn, khi đi ngang người bạn vừa nói câu ban nãy, nàng cười nhạt.

"Vừa rồi, anh nói mấy câu hơi vô ý thức. Tôi không phải là một đóa hoa. Ví đàn bà như một đóa hoa cho đàn ông ngắm là một lối ví von trịch thượng. Nếu anh thích ví von, nên ví von đàn bà như hoa trên bàn thờ Phật nếu anh là Phật tử, hoặc hoa trên bàn thờ Chúa nếu anh theo đạo Thiên Chúa. Như vậy cũng tỏ ra được chút kính trọng đối với người mẹ đẻ ra anh!"

Tôi la lên, không dằn được sự bực tức.

"Phiêu, tại sao ăn nói như vậy? Anh ấy chỉ đùa thôi mà!"

"Tôi cũng đùa thôi mà. Tại sao anh ta có thể đùa với tôi được mà tôi không đùa lại với anh ta được? Còn Hoài la lên như thế, tôi sẽ la lại Hoài đấy nhé! Nên nhớ tất cả chúng ta đều bình đẳng với nhau trên trái đất này, đó là câu Hoài vẫn thường nói đấy."

Rồi Phiêu bỏ đi. Lúc nàng về, chỉ có mình tôi ngồi ở bàn ăn, với những vỏ bia không và chai rượu đã cạn. Nàng đứng tựa lưng vào tường, nhìn tôi lạnh lẽo.

Tôi nói.

"Phiêu ngang bướng. Phiêu..."

Nàng ngắt lời.

"Lúc nào tôi mệt, tôi không nghe lời ai cả. Tôi sẽ bịt mắt bịt tai và ưa ngồi một mình. Lúc đó tôi rất yêu tự do. Hãy để tôi làm con chuồn chuồn cánh mỏng bay trên cánh đồng tuyết trắng đi tìm những bông hoa huệ."

Nàng bỏ vào phòng, khóa kín cửa lại. Tôi đập cửa. Nàng vẫn im lặng. Ngày hôm sau, khi tôi đi làm, Phiêu vẫn còn ngủ, khi tôi về, Phiêu đã ra ngoài, khi tôi đã ngủ, Phiêu mới trở về.

Tôi ngồi lì ở phòng nàng, nhất định chờ nàng về. Tôi nhặt những tờ nhật báo nàng đã đọc lên xem, và hốt hoảng thấy nàng khoanh vòng xanh

đỏ trên những mẩu rao cho thuê nhà. Tôi đã làm lỗi gì? Không phải hai đứa đã hạnh phúc vô cùng những ngày qua hay sao? Tôi chấp nhận mọi điều Phiêu làm, mọi tính khí bất thường của Phiêu. Chuyện hôm kỉa hôm kia là chuyện nhỏ nhặt, tôi cũng đâu có phản ứng gì quá đáng. Tôi cũng sẽ xin lỗi như mọi lần.

Quá nửa đêm khi tôi gần thiếp ngủ thì Phiêu về. Nàng cởi áo khoác móc vào tủ áo rồi ngồi xuống ghế.

"Hoài ăn tối chưa?"

"Chưa."

Nàng cười khẽ.

"Hơn mười hai giờ đêm mà chưa ăn tối?"

"Chưa. Còn Phiêu?"

"Phiêu ăn rồi. Bún thịt nướng nem chua."

"Ăn một mình?"

"Ừ."

"Suốt ngày Phiêu đi đâu vậy? Không phải tra hỏi đâu nhé. Hỏi vậy thôi. Tò mò. Phiêu không phải trả lời nếu không thích."

Phiêu mỉm cười. Nét mặt nàng thanh thản.

"Dĩ nhiên. Phiêu đi xem một căn apartment đang cho mướn. Phiêu đặt cọc tiền mướn nhà rồi, cuối tháng Phiêu dọn. Sau đó đi xem một phim ở Revue. Scattered Sky. Phim khá mạnh. Có những đoạn quay trên sa mạc. Bão cát. Một cuộc hành trình mà có người chết không về, có người về tơi tả từ những hỗn loạn của hoan lạc, đau đớn, sống chết gắn liền... Sau đó Phiêu đi ăn. Về. Hết."

"Sao không rủ Hoài đi với."

Nàng im lặng. Tôi mồi một điếu thuốc đưa nàng. Nàng lắc đầu.

"Tại sao Phiêu phải dọn đi?"

"Phiêu thích dọn đi. Không phải là *phải* dọn đi. Phiêu không giận gì Hoài cả."

Tôi thấy nhói ở ngực. Tôi nhớ Phiêu rồi. Tôi nhớ cả tiếng xưng em của Phiêu mà tôi vừa mất.

"Tại sao Phiêu dọn đi?"

Nàng lại cười.

"Phiêu là con chuồn chuồn mà Hoài. Hoài có biết vì sao Phiêu về ở với Hoài không?"

"Không phải vì yêu Hoài sao?"

"Phiêu không yêu Hoài nhiều đến thế đâu. Mà vì Phiêu điên đấy. Phiêu điên lắm, Hoài cũng bảo thế mà. Phiêu điên đến nỗi Phiêu đi tìm một người để quên một người. Điên đến nỗi đau khổ đến thế vì một con người trong một thế giới đầy ngẹt người. Điên đến nỗi vì một người không yêu mình mà tưởng cả thế giới cũng muốn xa lánh mình. Điên đến nỗi - Hoài mệt chưa - mà từng yêu luôn cái điên của mình, xem như nó là một cá tính hoặc bản sắc của mình. Phiêu quyết định không điên nữa. Quyết định giết chết cái hình bóng mà Phiêu đã tưởng tượng, đã tô phết lên cho đẹp đẽ để mà yêu. Thật sự, có lẽ không có gì đẹp đến như thế đâu. Phiêu không chạy theo cái đẹp từ chính sự tưởng tượng của mình nữa. Phiêu đi tìm sự bình thản đây. Đó là cái tự do kế tiếp của Phiêu."

"Còn Hoài thì sao đây?"

"Đừng có điên như Phiêu đã điên, Hoài ơi. Và đừng giận Phiêu. Tha thứ cho cơn điên của Phiêu."

*

Thời mà nàng còn điên. Ôi sao mà tôi nhớ. Đó là thời tôi có nàng, dù nàng vì yêu người khác mà đến với tôi. Khi nàng không còn yêu người ấy, nàng cũng chẳng còn yêu tôi nữa.

Tôi có gặp người ấy một lần. Đó là một người cũng bình thường như bao người khác. Y chẳng có gì đặc biệt cả, ngoài đôi mắt rất đẹp và buồn. Tôi nhớ đến lời nàng nói, "Phiêu đã tưởng tượng, đã tô phết lên cho đẹp đẽ để mà yêu", và cũng cố tưởng tượng, tô phết thử lên con người của y, nhưng không thấy có gì đẹp đẽ và đáng yêu cả.

Ô. Hóa ra hành động điên của nàng là hành động biến cái tầm thường thành điều đẹp đẽ. Chỉ tiếc rằng nàng là một thượng đế đã chết chính vì những phép lạ của mình mà hồi sinh lại trong thân xác và trí óc bình thường của một con người.

TRẦN SA

Tháng 11-91

NGUYỄN BẮC SƠN

bài thơ tình viết khi nổi sùng

Thời mạt thế người ta yêu nhau bằng Cái Búa
Và tặng nhau hàng chục nhát dao găm
Anh, kẻ chập chờn giữa càn khôn lảo đảo
Tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm

Thôi, thời đại chúng ta...
Tâm hồn em ô nhiễm cũng là thường
Trời đất đã cho anh nụ cười bất sá
Sá gì cái chuyện tơ vương
Cám ơn em đã viết cho anh những bức thư tình
Tình thảo nguyên hoa quỳ vàng đắm đuối
Em không nói tiếng người, em nói bằng tiếng chim,
em nói bằng tiếng suối
Tiếng nói em thơm ngát suốt đời anh
Cám ơn em đã đi cùng anh trong khu vườn xanh
Vườn trĩu trái trái hồng như trái ngực
Anh thương những loài cây suốt ngày bực tức
Vì giận mình sao chưa biết đi
Dù cho cây biết đi như mây bay
Vẫn còn thua bước chân người tình đầy dấu ấn
Khi loài chim bước tình cờ tha thẩn
Là lúc tâm hồn anh đầy những dấu chân
Cám ơn Ngôi Nhà em, ngôi nhà đã bao dung người thiếu nữ
Vừa ngọt ngào vừa cay đắng như em
Những đêm khuya em có thắp ngọn đèn
Để soi sáng những góc lòng đen tối

Thôi câu chuyện tình nói cho nhiều rồi cũng vậy
Trăm năm dài rồi sẽ đụng nghìn năm
Tất cả sẽ qua đi, điều gì còn ở lại
Một Đóa Hoa Quỳnh trong cõi trăm năm.

NGUYỄN BẮC SƠN



KHẾ IÊM

đêm chong đèn đọc thơ người họa sĩ gởi từ orleans

Sơn dầu và khói thuốc
Nụ cười tóc trắng
Ôi, mắt biếc trôi mênh mông đâu?

Trong khuya xưa tiếng đàn lẻ vướng
trên làn môi hạt sương non
Vuốt một chòm mây ngoài ngày người nghệ sĩ
nghe thánh thót giấc mơ quá khứ
dẫm lên tuyết bạc, quẩn quanh người
quẩn quanh ta vệt mờ núi cũ

Con chim sâu gọi mùa xương rồng
Lời ca buốt
Gió run tim
Ngậm cành gai cổ tích
thoảng hoài thời thơ ấu qua

Nơi góc biển,
Người ngư phủ già khua mái thuyền
Tần ngần điểm một màu mưa,
cánh nắng... xó quê lam, trăng phố,
Paris thu có nhớ chăng ta tiếng thở dài mơ hồ rêu

Ném nụ mầm vào bếp lửa, soi ánh nến
thầm hỏi về đời tro tàn
Tạ ơn ta
Tạ ơn chân dung người họa sĩ miền Orleans.

KHẾ IÊM
(Bataan, Mar. 20/89)



NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

các nữ tướng của hai bà trưng

Mùa xuân là mùa nhiều làng miền Bắc mở hội để nông dân sau vụ cấy chiêm vất vả được vui chơi, đồng thời cũng là dịp cúng tế và tưởng niệm những vị anh hùng của dân tộc.

Trưng Vương cùng một số tướng tá đã vì nước bỏ mình vào mùa xuân năm Quý Mão (43), cho nên xuân sang, những làng thuộc phạm vi hoạt động của hai Bà đều mở hội cúng tế Trưng Vương, cùng các tướng, trong số này có khá nhiều phụ nữ. Riêng vùng Vĩnh Phú, Nguyễn Khắc Xương đã ghi chép được tên và đền thờ của 28 vị nữ tướng trong số 53 thủ lĩnh phất cờ nổi dậy (1).

Chính sử chỉ chép sự nghiệp hiển hách của Trưng Vương song hiếm khi nhắc nhở đến những người phù tá cùng hai Bà vào sinh ra tử. Bài này đặc biệt dành cho các nữ tướng của Trưng Vương, song vì tài liệu khó thu thập nên còn khiếm khuyết rất nhiều, mong độc giả lượng thứ.

Trước khi nói đến các nữ tướng, chúng ta không thể không nhắc lại sơ qua sự nghiệp của Trưng Vương có liên hệ mật thiết tới các hoạt động của các nữ tướng dưới trướng hai Bà. Sự nghiệp của Trưng Vương có thể chia làm hai giai đoạn:

1) Giai đoạn khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định, lật đổ ách thống trị nhà Đông Hán, giành lại độc lập.

2) Giai đoạn kháng chiến chống Mã Viện.

1) Cuộc khởi nghĩa giành độc lập (39-40)

Hai Bà Trưng là con quan Lạc Tướng ở làng Hạ Lôi, huyện Mê Linh (2). Mẹ là bà Man Thiên, tức Trần Thị Đoan, người làng Nam Nguyễn (3), góa chồng sớm, dạy hai con nghề trồng dâu nuôi tằm (4), lại đón Đỗ Năng Tế, người Quốc Oai (Hà Tây) về Mê Linh luyện tập võ nghệ cho hai con. Thời kỳ khởi nghĩa, Đỗ Năng Tế làm tướng dưới quyền điều khiển của hai Bà, nay còn đền thờ ở Hà Tây (5).

Theo truyền thuyết dân gian Sơn Tây thì bà Man Thiên là cháu chắt bên ngoại của Hùng Vương. Tại miếu thờ của hai Bà ở Gia Phúc (Vĩnh Lạc) còn treo bức hoành phi ghi rõ "Lạc Hùng chính thống" (dòng dõi Lạc Hùng). Đồn rằng khi hai Bà phất cờ khởi nghĩa có về núi Hùng làm lễ tế tổ tiên cầu xin phù trợ.

Chồng Trưng Trắc là Đặng Thi Sách làm quan lệnh ở huyện Chu Diên (6) giáp giới với Mê Linh. Hai vợ chồng cùng nhau lập mưu chiêu mộ binh sĩ, đánh đuổi Tô Định với sự giúp đỡ đắc lực của bà Man Thiên.

Theo truyền thuyết ở Hát Môn (7) thì ngày mồng 4 tháng 9 năm Kỷ Hợi (39) hai Bà giết trâu mổ bò để khao quân, khích lệ bảy vạn tân binh do bà Man Thiên mới tuyển mộ.

Cơ mưu tiết lộ, Thi Sách bị Tô Định giết (8) vào năm Canh Tý (40).

Theo *Hậu Hán Thư*, sử liệu cổ nhất ghi chép về hai Bà, thì cuộc khởi nghĩa công khai diễn ra vào mùa xuân năm Canh Tý, tháng hai hoặc tháng ba.

Trước hết, hai Bà dựng đàn thề ở Hát Môn, rồi xuất quân từ Mê Linh đánh phá cơ quan chỉ huy của nhà Hán ở Giao Chỉ, sau đó kéo xuống Tây Vu (9), dừng chân ở Cổ Loa rồi tiến đánh Luy Lâu (10) là châu trị ở quận Giao Chỉ. Tô Định thua to phải cạo râu, cắt tóc, trốn về Nam Hải (Quảng Đông), sau bị hạ ngục do Mã Viện tố cáo.

Tương truyền khi ra quân Bà Trắc không mặc tang phục mà lại mặc áo đẹp rực rỡ. Quân tướng lấy làm lạ hỏi thì Bà đáp nếu giữ lễ mọn, mặc tang phục ủ rũ thì tự mình làm giảm nhuệ khí ba quân. Ta mặc đẹp để cho quân sĩ vui vẻ, phấn khởi tinh thần và khiến địch nhụt bớt chí khí tranh đấu.

Phong trào bài Hán lan đi rất nhanh, khắp nơi hưởng ứng kể cả những thủ lĩnh ở miền núi. Ngày nay nhân dân Tày Nùng ở Việt Bắc và dân Choang ở Quảng Tây (Trung Quốc) còn giữ nhiều kỷ niệm, như

"Miếu Bà Trắc" ở phía nam Động Đình Hồ (Hồ Nam, Trung Quốc), và truyền thuyết về hai Bà (11). Chẳng bao lâu hai Bà chiếm lại được toàn cõi Nam Việt và Âu Lạc cũ, cộng là 56 thành (12). Trưng Trắc được các Lạc Tướng suy tôn lên làm vua *(Thủy Kinh Chú)*. Trên thực tế, hai Bà chỉ cai quản được có hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Dường như những nơi khác, đặc biệt là các thủ lĩnh miền núi, cho hai Bà chỉ ngang hàng họ nên không chịu tuân theo mệnh lệnh. Do đó khi Mã Viện kéo quân sang không gặp sức phản kháng đáng kể trước khi tới Lãng Bạc đóng quân (13).

Tiện đây cũng xin nhắc lại một điều đã được nhiều sử gia nhấn mạnh: Hai Bà khởi nghĩa chính vì phẫn nộ trước hành vi tàn khốc của Tô Định chứ không phải vì mối thù giết Thi Sách như một số sử sách cũ của ta hàm ý. *Hậu Hán Thư; Việt Kiêu Thư; Thái Bình Hoàn Vũ Ký v.v...* đều chép "Trưng Trắc là người rất hùng dũng", đã "làm phản" vì không chịu nổi chính sách bạo ngược của Tô Định. Nếu ta cho Trưng Trắc vì thù riêng mà phất cờ tức là làm giảm giá trị cuộc nổi dậy của hai Bà. Huống chi nói Trưng Trắc vì thù giết chồng mà liều mạng còn có lý chứ Trưng Nhị chỉ là em vợ việc gì phải hi sinh cho anh rể, và nhân dân toàn cõi Lĩnh Nam nhất tề đứng dậy hẳn không phải chỉ vì Thi Sách bị giết? Vả lại đến năm 40 Thi Sách mới bị hại, mà cuộc khởi nghĩa đã manh nha ít nhất cũng từ năm 39.

2) Kháng chiến chống Mã Viện (42-43)

Theo Trần Quốc Vượng, Phạm Văn Sơn thì tháng giêng năm 42 vua Quang Vũ nhà Hán cử Mã Viện sang Nam chinh và đến mùa hè năm ấy Mã Viện đóng quân ở Lãng Bạc. Trần Quốc Vượng cho rằng Trung Quốc bị nội loạn cho nên Trưng Vương lên ngôi từ năm 40 mà mãi đến năm 42 Quang Vũ mới sai Mã Viện đi.

Song theo Trần Trọng Kim, *Sử Ký Toàn Thư*, Toan Ánh, thì Mã Viện được cử đi từ năm Tân Sửu (41), như thế không phải là không có lý: Tin Trưng Trắc lên ngôi phải mất một thời gian mới đến tai Quang Vũ vì ở xa và đường giao thông không thuận tiện. Tin đến vào năm 41, Quang Vũ cử Mã Viện cùng hai phó tướng Lưu Long và Đoàn Chí đem 20.000 quân thủy và bộ họp nhau ở Hợp Phố. Phải mất một năm sau Mã Viện mới kéo quân tới đóng ở Lãng Bạc được vì còn phải triệu tập binh sĩ, ra

quân, còn chọn ngày tế cờ, lại phải họp nhau ở Hợp Phố, tới đây Đoàn Chí chết, Mã Viện phải chờ lệnh của Quang Vũ mới thống lĩnh luôn cả thủy quân thuộc quyền chỉ huy của Đoàn Chí, ngoài ra, đi đường quân sĩ còn phải đào núi, lấp sông dọn đường đi, bấy nhiêu chờ đợi tin đi tin về, và công trình dọn đường vất vả của quân sĩ không chắc chỉ nội trong ba, bốn tháng mà xong.

Đại quân Mã Viện họp nhau ở Hợp Phố rồi kéo qua Long Biên, Tây Vu, đến Lãng Bạc vào mùa hè năm Nhâm Dần (42).

Theo thần tích Hát Môn thì bà Man Thiên giữ Mê Linh. Tiền quân từ Lạng Sơn dưới quyền chỉ huy của Thánh Vẽ và Phùng Thị Chính bị thua ở Bắc Giang. Căn cứ ở Tây Hồ (Lãng Bạc?) sau trận thua ở Bắc Giang, không còn là hậu cứ yểm trợ cho đạo tiền quân ở Lạng Sơn và đạo tiền quân ở Bạch Đằng do Lê Chân điều khiển. Hai bà phải rút về sông Hát.

Để bảo vệ Mê Linh, Trưng Nhị kéo quân từ Cổ Loa xuống Lãng Bạc vào tháng tư *(Hậu Hán Ký)* giao chiến một trận lớn với Mã Viện ở Lãng Bạc, song vì thiếu trang bị, thiếu kinh nghiệm chiến đấu, quân sĩ không địch nổi đoàn quân tinh nhuệ của lão tướng Mã Viện (14) nên bị giết hàng ngàn. Hai Bà phải rút về Cấm Khê (15) địa thế hiểm trở, dùng làm căn cứ cự địch thêm một thời gian khá lâu. Mã Viện lại tiến đánh, hai Bà lui về Hát Môn, rồi thế cùng nhảy xuống Hát giang tự vận vào ngày mồng 6 tháng 3 năm 43 (Quý Mão) (16).

Tuy hai Bà đã mất song "dư đảng" vẫn còn tiếp tục chiến đấu cho đến tháng 11 khi Mã Viện tiến quân vào quận Cửu Chân diệt trừ nốt tàn quân của hai Bà. Rất nhiều quân tướng bị hại trong trận này, hơn 300 thủ lĩnh bị đày sang Linh Lăng (Hồ Nam, Trung Quốc). Nhà Trưng đến đây là dứt.

Sự nghiệp ngắn ngủi nhưng oanh liệt, gần hai nghìn năm sau người dân Việt ở nhiều nơi hàng năm đến mùa xuân vẫn làm lễ tưởng niệm mặc dầu nhật kỳ không đồng đều:

- Làng Hạ Lôi mở hội ngày 15 tháng giêng;
- Làng Đồng Nhân, gần Hà Thành, chọn ngày mồng 6 tháng hai làm giỗ chính, như trong thần tích đền thờ đã ghi;
- Làng Hát Môn đặc biệt cúng tế hai Bà một năm tới ba lần:

1) Ngày mồng 6 tháng ba là ngày hai Bà đã tuẫn tiết. Dân làng có tục

lệ nặn một trăm cái bánh trôi hình quả trứng nhỏ (tích bà Âu Cơ đẻ ra trăm cái trứng) đặt 49 cái lên một bông hoa sen (giả?) rồi thả trôi sông để nhắc lại sự tích bà hàng bánh trôi đã dâng bánh lên cho hai Bà dùng trước khi xuất trận lần cuối. (Theo Toan Ánh cái tên "bánh trôi" do đó mà ra, và sự tích bánh trôi của ta khác hẳn sự tích bánh trôi của Tàu).

2) Ngày mồng 4 tháng chín kỷ niệm ngày hai Bà khao quân sau khi rút ở Tây Hồ về.

3) Ngày 24 tháng chạp là ngày lễ quan trọng nhất. Nửa đêm rước thần tượng ra sông tắm...

Theo Nguyễn Khắc Xương thì đình làng Lâu Thượng (Việt Trì) thờ bà Trưng Nhị, dân ở đấy kiêng tên húy của Bà và thường gọi chệch ra "Nhợi" hay "Nhội", vì xã Lâu Thượng gần Ngã Ba Hạc là chỗ Trưng Nhị đóng dinh tập luyện quân sĩ. Cái hố trước cửa đình là nơi Bà tắm giặt, xóm Ươm là nơi đóng nữ binh.

Chưởng Quản Binh Quyền Nội Bộ Thượng Tướng Lê Chân

Bà người làng An Biên, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương, cha mẹ bị Tô Định giết, bà chạy ra ven biển (gần Hải Phòng) chiêu mộ dân, khai thác đất đai trở nên một vùng trù phú.

Năm Kỷ Hợi (39) bà cùng 100 dân làng gia nhập cuộc khởi nghĩa của hai Bà, lập được nhiều chiến công và được phong làm thượng tướng.

Khi Trưng Trắc lên ngôi lại phong bà làm Thánh Chân Công Chúa, giao cho trọng trách Chưởng Quản Binh Quyền Nội Bộ, như tổng tư lệnh quân đội, đóng đại bản doanh ở Giao Chỉ. Thời đó đua vật là một môn võ tự bảo vệ rất thịnh hành, Lê Chân thường tổ chức những cuộc thi vật để tuyển lựa võ sĩ sung vào quân đội.

Khi Mã Viện sang, Lê Chân lĩnh chức Tiên Phong, chỉ huy đoàn Tiền quân ở Bạch Đằng, lấp suối ngăn chắn thủy binh địch, và đã giao chiến ở Bạch Đằng với Mã Viện, nhưng quân ít, bị thua, phải rút về Lãng Bạc, rồi đem tàn quân vừa đánh vừa lui về Mai Động. Hai Bà tuẫn tiết, Lê Chân cũng tự trầm mình theo.

Theo Văn Hòe thì Lê Chân thua Mã Viện phải lui quân về phía động Mơ, hay Mi động, tới cánh đồng gần làng Mai Động (gần Hà Thành) bị giặc đuổi kịp và bị giết. Dân làng Mai Động lập đền thờ. Các triều vua đều ban sắc phong nữ tướng họ Lê làm Thượng Đẳng Phúc Thần Công

Chúa. Hàng năm vào những ngày mồng 4, 5, 6 tháng giêng dân làng Mai Động mở hội thi đua vật tại đình làng để tưởng niệm ngày trước nữ tướng Lê Chân thường mở cuộc thi võ tuyển mộ quân sĩ vào sau tết Nguyên Đán.

Lê Chân cũng có đền thờ ở làng An Biên, tỉnh Hải Dương, và "Đền Nghè" hay "Ngõ Nghè" ở Hải Phòng.

Theo Ty Văn Hóa Hà Nam Bình và ngọc phả Lê Chân ở Đền Nghè thì khu vực dãy núi Kim Bảng (Hà Nam Ninh) là căn cứ chiến đấu và nơi hy sinh của Lê Chân (17).

Tả Quân Thị Nội Xuân Nương

Theo Phương Lan thì bà tên Phùng Thị Chính, vợ của Đinh Lượng ở Trang (xã Phú Nghĩa, tỉnh Sơn Tây.)

Nguyễn Khắc Xương lại chép tên của Thị Nội Tướng Quân là Xuân Nương, con Lạc Tướng Hùng Sát, trưởng châu Đại Man (Tuyên Quang). Mẹ là Đinh Thị Hiên Hoa, con gái tù trưởng châu Thanh Sơn, huyện Tam Nông. Xuân Nương có bảy anh trai, nàng là con út, túc trí đa mưu, sức mạnh phi thường, võ nghệ tuyệt luân, tính ưa tĩnh mịch, không ăn thịt cá, món thích nhất là chè củ mài.

Hùng Sát liên kết với Thi sách, bị Tô Định giết hết cả nhà, trừ Xuân Nương trốn thoát bỏ đi giả tu ở chùa Phúc Thành, trang Hương Nộn, lấy chùa làm nơi tụ nghĩa, mượn tiếng khuyến giáo để liên kết hào kiệt, vận động nhân dân khởi nghĩa, tập họp được một đội quân cả trai lẫn gái cộng 109 người của bốn xã Hương Nộn, Hương Nha, Nam Cường và Tự Cường.

Khi hai bà hiệu triệu, Xuân Nương chiêu mộ binh sĩ các làng ven sông Thao, sông Bứa... chia thành mười bộ gọi là "Thập bộ thần quân", bộ thì coi cung thủ, bộ thì lo hậu cần v.v... Nhân dân giúp đỡ vũ khí và lương thực.

Ngày mồng 9 tháng hai, Xuân Nương tế cờ khởi nghĩa, kéo quân từ Hương Nộn về Hương Nha lập đồn trại, lại mang 1.000 quân đến Mê Linh yết kiến hai bà, được phong làm Tả Quân Thị Nội.

Khi Trưng Trắc lên làm vua, bà được phong làm Trưởng Nội Các Đông Phương,Tả Cung Thị Nội, lại được ban thực ấp bốn làng Hương

Nộn, Hương Nha, Tự Cường và Nam Cường (đều thuộc huyện Tam Thanh).

Bà Trưng còn đứng ra gây dựng cho Xuân Nương kết duyên với Đặng Thi Bằng, em Thi Sách, là Phụ Quốc Đốc Lĩnh Thủy Đạo Tướng Quân.

Mã Viện kéo quân đến thực ấp, Thi Bằng tử trận, Xuân Nương khi ấy có thai năm tháng vẫn cầm gươm ra trận, cướp xác chồng về, chôn ở Hương Nộn, song bị thương nặng ở sườn. Giặc vây kín, bà phá vòng vây tìm về Nam Cường, vết thương đau nhức phải nằm trên ngựa cho nữ binh dẫn đi. Dân làng đón vào rừng tránh nạn, bà nằm nghỉ trên một hòn đá lớn rồi sẩy thai. Sau đó lại lên ngựa tìm về Hương Nha, nghỉ một ngày. Đến đêm để quân lại Hương Nha, một mình một ngựa ra Hương Nộn khóc trước mộ chồng rồi cầm gươm tự vận (18). Quân tìm đến nơi thấy bà vẫn ngồi trên lưng ngựa, mình mẩy đầy máu, bèn đem chôn.

Dân các làng Hương Nha, Hương Nộn và Nam Cường đều có miếu thờ. Riêng làng Nam Cường còn giữ được thần tích: một tảng đá lớn gọi là "Hà sa bảo tích" (Hà sa là nhau của đàn bà đẻ). Lại có câu đối ca tụng bà:

- Yểu điệu phù Trưng, trung quán nhật (người yểu điệu phù tá hai Bà, lòng trung sánh mặt trời)

- Quật cường cự Hán, tiết lăng xương (quật cường chống Hán, khí tiết không sờn chi sương giá)

Trong "Mã Thị Nam Chinh" Mã Viện tỏ ra rất khâm phục bà.

Đông Cung Tướng Quân Hoàng Thiều Hoa

Theo Phương Lan và Trương Hữu Quỳnh thì bà người huyện Gia Hưng, tỉnh Thanh Hóa, song Nguyễn Khắc Xương lại chép ở đông Lăng Xương bên sông Đà, xã Trung Nghĩa (Tam Thanh) có vợ chồng Hoàng Phụ và Đào Thị Côn làm nghề kiếm củi. Một hôm cả hai tựa gốc đa thiu thiu ngủ bỗng thấy một người con gái trao cho một cành hoa, tự xưng là thần núi bản địa, xin làm con. Sau đó bà Côn sinh được một cô gái xinh đẹp đặt tên là Thiều Hoa.

Vừa lớn lên, cha mẹ mất, Thiều Hoa lưu lạc đến xã Song Quan (19) bên sông Thao làm nghề chăn trâu. Hàng ngày mang mủng ra ngồi vá áo

ở bờ sông, lại ưa cùng chúng bạn đánh gậy, bắn nỏ, chơi trò kéo co đánh phết.

Lớn lên, chiêu mộ dũng sĩ, mua sắm gươm dáo, tích trữ lương thảo đợi ngày khởi nghĩa, cùng một lúc với hai Bà ở Bắc. Mộ được 500 binh lính, chia thành đội ngũ.

Ngày hai Bà tế cờ, Thiều Hoa đem quân ra Hát Môn, được phong làm Đông Cung Tướng Quân, lĩnh ấn Tiên phong về Luy Lâu đánh Tô Định.

Dẹp xong Tô Định, Thiều Hoa không nhận thưởng, tuyên bố bà chỉ làm nhiệm vụ cứu dân, và xin được về quê. Vua cho xã Song Quan làm thực ấp. Thiều Hoa sửa cảnh chùa Song Quan để tu (20). Vàng lụa vua ban đều chia cho thuộc hạ và dân làng.

Khi Thiều Hoa mất, dân làng lập miếu thờ. Vua phong làm Phụ Quốc Công Chúa. Các triều đều có sắc phong:

Linh Phù Hộ Quốc Đại Vương (Đinh Tiên Hoàng)

Linh Thiêng Hiển Ứng Trung Đẳng Nữ Thần (Trần Thái Tông)

Anh Linh Bảo Thắng Đại Vương (Lê Thái Tổ)

Trong đền thờ còn bức hoành phi gồm bốn chữ "Diệt Bạo Tướng Phật" (vị Phật diệt trừ quân tàn bạo).

và đôi câu đối:

Thần tích hiển Nam bang (sự tích làm rạng rỡ nước Nam)

Anh thư kinh Bắc địa (người con gái anh hùng làm kinh đất Bắc).

Ở long ngai có đặt một cái mũ sơn son thếp vàng trong đựng giẻ rách nhắc lại thời niên thiếu Thiều Hoa hay ngồi vá áo ở bên sông.

Ngày 13 tháng giêng, dân làng Song Quan cúng tế Thiều Hoa, bao giờ cũng mở hội cho trai gái tập trận giả, kéo quân, duyệt quân, rồi đánh phết để tưởng nhớ khi xưa Trưng Vương thường cho nữ binh chơi phết và trao giải thưởng để huấn luyện và khuyến khích tinh thần chiến đấu và tình đoàn kết của đồng đội. Đánh phết là một trò chơi đông người, chia làm hai phe, số người không nhất định. Quả phết làm bằng gỗ, to bằng cái bong bóng trâu thổi, phồng, nặng vừa sức mang của một người. Côn làm bằng gốc tre, dài độ một sải tay rưỡi, đào cả củ tre khoằm khoằm cắt bỏ rễ đi. Người chơi phải có sức mạnh mang nổi cây gậy phang vào quả phết. Lại phải nhanh nhẹn để tránh những đòn phang

lầm. Mỗi bên đều có vẽ một cái vòng tròn, người phe này dồn được quả phết vào vòng tròn phe bên kia là thắng. Ngày xưa chơi phết toàn đàn bà, sau này cũng có nơi cắt trai làm giả nữ binh để chơi phết vào ngày hội. Đây là một trò chơi ồ ạt, cười nói rầm rĩ vui vẻ, và từ ngữ "vui ra phết" ta còn giữa được đến ngày nay do đó mà ra.

Bát Nàn Tướng Quân (Vũ Thục Nương)

Theo Trương Hữu Quỳnh, bà tên là Vũ Thục Nương, người xã Phượng Lâu, huyện Phong Châu, người thông minh, xinh đẹp lại giỏi võ nghệ ngay từ năm 16 tuổi.

Thần tích làng Tiên La không ghi rõ tên thật của bà, chỉ cho biết là người huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, từng cùng Lê Chân giữ chức Tiên Phong.

Cha bà bị Tô Định giết, bà cải nam trang chạy về Tiên La, giả tu, liên kết hào kiệt, họp quân ngũ, luyện võ. Quân sĩ tôn bà là Bát Nàn Tướng Quân.

Chồng bà là Lạc Tướng Trương Quán. Hai vợ chồng bí mật liên kết với nghĩa quân Thi Sách. Việc vỡ lở, Thi Sách bị hại ở Chu Diên, chồng bà bị giết ở Duyên Hà.

Khi hai Bà khởi nghĩa thì Thục Nương xin theo.

Dẹp xong Tô Định, Trưng Trắc phong bà làm Bát Nàn Công Chúa, bà không nhận thưởng, chỉ xin hai điều:

1) Đem một tên giặc Tàu về Tiên La chặt đầu tế chồng.

2) Cho phép bà giải ngũ về Tiên La đi tu ở chùa Nam Liên.

Ngày 16 tháng giêng bà mất tại chùa này (21). Làng Tiên La hàng năm đến ngày giỗ bà thường mở hội và cúng tế để tưởng niệm. Trò chơi độc đáo ở đây là đánh Trung Bình Tiên (đánh gậy, chiều dài trung bình).

Chùa Nam Liên còn đôi câu đối để ở phần mộ bà:

- Vị quốc quyên khu, quắc thước tinh thần bình Bắc khấu (vì nước quên mình, tinh thần quắc thước bình giặc Bắc)

- Xuất gia thành Phật, anh hào khí tiết bạn Nam Liên (Tìm về cõi Phật, anh hào khí tiết gửi chùa Nam)

Xã Phương Lâu, huyện Phong Châu cũng có đền thờ Bát Nàn.

Xã Thái Hòa, huyện Lập Thạch thì có đền thờ vợ chồng Thục Nương.

Bình Tây Đại Tướng Thánh Thiên

Bà người làng Bích Uyển, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, con ông Nguyễn Huyến, một cựu thần của nhà Triệu.

Khi mới khởi nghĩa, bà theo người cậu là Nam Thành Vương chống lại nhà Đông Hán, tự xưng là Thiên Nữ, đóng quân ở Ký Hợp. Nam Thành Vương bị tử trận, Thiên Nữ báo thù, đánh thắng Tô Định một trận oanh liệt ở sông Thiên Đức.

Sau theo hai Bà, được phong làm Bình Tây Đại Tướng.

Trưng Trắc lên làm vua, bà được phong làm Thái Bảo Chư Hầu, đi trấn thủ mạn Bắc, đóng quân ở Hợp Phố, trong khi Đô Dương giữ Cửu Chân phòng mặt Nam, Lê Chân lấp suối đánh thủy binh địch, Bát Nàn chẹn các cửa rừng hốc núi.

Trưng Vương thua ở Hát Giang, Thánh Thiên tiếp tục cầm cự với Lưu Long rồi bại ở xã Ngọc Lâm và tuẫn tiết ở sông Nhật Đức.

Dân Ngọc Lâm thờ bà làm thành hoàng (22).

Nữ Tướng Cao Nhự

Làng Thiên Bồi (sau là An Bồi), huyện Trân Đinh (sau là phủ Kiến Xương, Thái Bình) có Cao Công nhà khá giả, giàu lòng từ thiện, chỉ sinh hạ được một con gái tên là Cao Nhự, thông minh, lại tài kiêm văn võ. Thấy dân đói khổ, Cao Công thay mặt dân xin giảm thuế, Tô Định đem quân vây nhà bắt. Được dân làng ngầm báo tin trước, nửa đêm Cao Nhự cùng nữ tì Tiểu Mai cải nam trang trốn thoát, đến chùa Yên Tử Sơn, tạm khoác áo đi tu, ngầm thao luyện võ nghệ chờ cơ hội.

Lão bộc Cao Nghĩa cũng thoát nạn đi tìm Cao Nhự, tình cờ đến chùa Yên Tử xin ngủ nhờ. Tiểu Mai nghi Cao Nghĩa là người của Tô Định sai đi dọ thám nên đuổi ra. Cao Nghĩa đập cửa vào, toan đánh nhau với Tiểu Mai thì Cao Nhự đi ra, hai bên nhận nhau. Cao Nghĩa thuật lại lời hiệu triệu của hai Bà, Cao Nhự liền trút bỏ nâu sồng, gia nhập nghĩa quân, rất được hai Bà tin dùng. Vì Cao Nhự xuất thân miền duyên hải nênđược

ủy thác Kỳ Bá Hải Khẩu, lãnh đạo toán quân đánh trên mặt nước, lập nhiều chiến công.

Mã Viện sang, hai Bà thua trận ở Lẳng Bạc, Cao Nhự đem quân tiếp ứng nhưng không chống nổi địch. Hai Bà lui về Hát Môn, giao quyền chỉ huy Lãng Bạc cho Cao Nhự. Cao Nhự thường dùng chiến thuật du kích, chẹn đánh lương thực khiến cho Mã Viện nhiều phen khốn đốn. Ngày 24 tháng chạp năm 42 quân Cao Nhự trá bại rút về Mê Linh. Mã Viện đuổi theo tới cửa sông Hát, hai Bà đổ quân ra đánh, Cao Nhự quay lại phản công. Mã Viện đại bại, lui về Lãng Bạc cố thủ chờ quân tiếp viện của Lưu Long (23) từ sông Hồng tới. Ngày mồng 6 tháng ba, hai Bà không chống nổi quân giặc phải gieo mình xuống sông tự tử. Thấy đại sự hỏng, Cao Nhự cũng chết theo. Dân quanh vùng không mò được thi thể của bà, chỉ vớt được có một đai kiếm bằng vàng liền đặt lên bàn thờ, cùng với cuốn sử của bà, ở đền thờ Hát Môn.

Làng Thiên Bồi cũng lập đền thờ bà bằng đá xanh trạm trổ công phu.

Nữ Tướng Đào Nương

Ở Hà Bắc có hội Thập Đình (mười làng) thờ hai vợ chồng Doãn Công và Đào Nương, là hai vị tướng của Trưng Vương. Cứ bốn năm một lần, từ mồng 6 đến mồng 10 tháng hai, từng thôn mở hội, tổ chức đánh trận giả, phục hồi lại không khí đánh giặc của nghĩa quân khi xưa.

Nữ Tướng Chu Tước

Tại Miếu Môn (Hà Sơn Bình) còn di tích một chiến lũy dài gần một cây số, phía ngoài là hào sâu, cách lũy độ 50 thước về phía Bắc là đền thờ bà Chu Tước, một nữ tướng của Trưng Vương.

*

Sách sử của ta thời xưa vốn hiếm, trải bao chính biến lại bị đốt hoặc bị quân Minh thu vét đem về Kim Lăng, nên ngày nay muốn tìm kiếm tài liệu về cuộc khởi nghĩa năm Canh Tý ta chỉ còn có thể dựa vào sử sách Trung Quốc hoặc vào truyền thuyết dân gian cùng là những thần tích ghi lại trong các miếu thờ. Sử của Trung Quốc tuy tương đối chính xác hơn về ngày tháng, song thường xuyên tạc sự thật cho hợp với nhãn quan của Thiên Triều nhìn xuống một xứ “man di” nội thuộc: Trưng Trắc khởi nghĩa biến thành “làm phản”... mặt khác, truyền thuyết dân gian

thường hay tô điểm vẽ vời cho thêm ly kỳ và phù hợp với lòng tự ái của dân tộc, cho nên cùng một sự việc như cải nam trang đi tu lại được gán ghép cho nhiều người, hoặc cùng một người mà tiểu sử mỗi nơi chép một khác (không ai biết đích xác Xuân Nương đã đẻ ở mặt trận rồi tiếp tục chiến đấu hay sẩy thai khi nằm nghỉ trên hòn đá?). Ngay sử Trung Quốc cũng chép lộn xộn, trong "Lưu Long Truyện", Trưng Nhị bị Lưu Long chém đầu ở Cẩm Khê, song trong "Mã Viện Liệt Truyện", chính Mã Viện đã chém đầu cả hai bà đem về Lạc Dương, trong khi theo thần tích làng Hạ Lôi thì Trưng Nhị tử trận còn Trưng Trắc lên núi Hy Sơn rồi hóa chứ không phải hai bà gieo mình xuống sông Hát như sử sách thường chép theo thần tích hai làng Đồng Nhân và Hát Môn. Gạn lọc ra sự thật sau gần hai nghìn năm rất khó.

Tuy biết rằng còn nhiều điều sai lạc, song ta vẫn có thể rút ra một vài kết luận chung chung:

- Dân tộc ta có tinh thần bất khuất và lòng sùng kính những vị anh hùng vị nước vong thân. Cuộc khởi nghĩa diễn ra từ non hai nghìn năm mà ngày nay hàng năm dân ta vẫn cúng tế tưởng niệm Trưng Vương cùng chư tướng ở nhiều nơi.

- Dựa theo tiểu sử của các nữ tướng ta có thể luận rằng đạo Phật đã có mặt ở Việt Nam thời đó.

- Khi chưa chịu ảnh hưởng sâu đậm của Trung Quốc, người Việt không hề có tục "trọng nam khinh nữ", bằng cớ là dưới trướng hai Bà không thiếu gì thượng tướng phái nữ, những người này đã chứng minh cho câu "Giặc đến nhà đàn bà phải đánh" chẳng phải chỉ là một câu bỡn cợt xuông.

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Châtenay Malabry tháng 12, 1991

---

(1) *Vĩnh Phú* nằm giữa Ba Vì và Tam Đảo. Nguyễn Khắc Xương, *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, tr. 114-5. Theo Trần Quốc Vượng, *Lịch Sử Việt Nam*, tr. 266, thì trong 15 huyện người ta đếm được 62 tướng mà 32 là nữ.
Trong *Lịch Sử Việt Nam, I*, tr. 81, tại Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tây, Hà Bắc có đền thờ 20 nữ tướng.

(2) *Mê Linh* xưa gọi là Cổ Lôi trang, sau gọi là Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú, ngoại thành Hà Nội (Nguyễn Khắc Xương), từ Ba Vì tới Tam Đảo (Trần Quốc Vượng).

(3) Trần Quốc Vượng, tr. 262: *Trần Thị Đoan* là tên gán ghép về sau, thời cổ ta chỉ gọi tên chứ không gọi họ, như Trưng Trắc, Thi Sách, Ông Trọng...
Theo truyền thuyết làng Nam Nguyễn và thần tích Miếu Mèn thì làng Nam Nguyễn còn ngôi mộ bà Man Thiên gọi là "Mả Dạ" ("Dạ" là tiếng cổ có nghĩa là bà già đáng kính.)
Làng *Nam Nguyễn* huyện Ba Vì, ngoại thành Hà Nội (Trần Quốc Vượng).
(4) Có thuyết cho rằng những tên *Trưng Chắc, Trưng Nhì* do ở nghề trồng dâu, nuôi tằm mà ra (trứng chắc và trứng hạng nhì).
(5) *Lịch Sử Việt Nam*, tr. 81.
(6) *Chu Diên*: Vùng Đan Phượng - Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội (Trần Quốc Vượng).
: Phủ Vĩnh Tường, Vĩnh Yên (Toan Ánh, Nguyễn Huyền Anh).
(7) *Hát Môn*: Huyện Phú Thọ, ngoại thành Hà Nội (trước thuộc Sơn Tây)
(8) Theo Phạm Văn Sơn, tr. 107, thì Thi Sách bị tử trận.
(9) *Tây Vu*: Miền Tiên Du.
(10) *Luy Lâu*: Hà Bắc.
(11), (12) Trần Quốc Vượng, tr. 267.
Một *thành*: Một huyện.
(13) *Lãng Bạc* theo Trần Quốc Vượng: Vị trí chưa được xác quyết, có thể ở phía đông Cổ Loa. *Sử Ký Toàn Thư* cho là ở phía tây La Thành. Trần Trọng Kim cho *Lãng Bạc* là Hồ Tây.
(14) Theo Trần Quốc Vượng Mã Viện khi ấy 58 tuổi. Theo Trần Trọng Kim Mã Viện đã ngoài 70.
(15) *Cấm Khê*: Chân núi Ba Vì, xưa thuộc Mê Linh (Trần Quốc Vượng).
: Thuộc Vĩnh Yên (Trần Trọng Kim)
(16) Thần tích chùa làng Đồng Nhân chép hai Bà mất ngày mồng 6 thánh 2. Vì làng Đồng Nhân ở ngay ngoại ô thành Hà Nội, đông người đến, nên mồng 6 tháng 2 được coi như ngày giỗ chính của hai Bà.
(17) Trần Quốc Vượng, tr. 279.
(18) Theo Phương Lan, Xuân Nương đẻ ngay ngoài mặt trận. Lấy chiến bào bọc con lại rồi tiếp tục chiến đấu. Khi hay tin hai Bà tự vận, Xuân Nương chết theo.
(19) Có chỗ gọi Song Quan là Tống Khai.
(20) Theo Nguyễn Huyền Anh, trước bà đi tu sau hoàn tục để đánh giặc.
(21) Trương Hữu Quỳnh chép là Bát Nàn tự sát.
(22) *Ngọc Lâm*: Yên Dũng, Hà Bắc.
(23) Theo Toan Ánh Mã Viện chờ Lưu Long mang 50.000 quân đến, có lẽ là 5.000 thì đúng hơn vì cả đại quân của Mã Viện chỉ gồm có 20.000.

Sách Tham Khảo:

1. Lý Khắc Chung, *Hội Làng Và Dáng Nét Việt Nam*, Hà Nội: Sự Thật, 1991.
2. Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, I, Hà Nội: KHXH, 1967. Cao Huy Giu dịch.

3. Ngô Thì Sĩ, *Việt Sử Tiêu Án* Sài Gòn 1960, Văn Sử tái bản ở San Jose, 1991. Hội Việt Nam Nghiên Cứu Liên Lạc Văn Hóa Á Châu dịch.
4. Nguyễn Huyền Anh, *Việt Nam Danh Nhân Từ Điển*, Zieleks xuất bản.
5. Nguyễn Khắc Xương, *Văn Hóa Dân Gian Vùng Đất Tổ*, sở Văn Hóa Thông Tin Vĩnh Phú, 1986.
6. Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư* Sài Gòn, Thư Lâm Ấn Quán, 1960. Đại Nam tái bản.
7. Phương Lan, *Anh Thư Nước Việt* in tại Đài Loan.
8. Toan Ánh, *Hội Hè Đình Đám*, quyển thượng, Sàigòn: Nam Chi Tùng Thư, 1969. Tái bản ở Mỹ.
9. Toan Ánh, *Đánh Phết*, Trung Bắc Chủ Nhật số 228, 12/11/1944.
10. Trần Quốc Vượng, *Từ Sự Thất Bại Của An Dương Vương Đến Sự Quật Khởi Của Hai Bà Trưng*, Lịch Sử Việt Nam, I, Hà nội: Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp, 1983.
11. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Sài Gòn: Tân Việt tái bản, 1954.
12. Trương Hữu Quỳnh, Phạm Đại Doãn, *Danh Nhân Lịch Sử Việt Nam*, I, Hà Nội: Giáo Dục, 1987.
13. *Lịch Sử Việt Nam*, I, Hà nội: KHXH, 1971.



HOÀNG XUÂN SƠN

du điểu

Mặt trăng
rớt xuống
cầu sương
khiến
người lang bạt
tìm đường không ra
ngồi yên
điếm cỏ
mù lòa
chim du tử hót
rừng xa
mịt mùng.

HOÀNG XUÂN SƠN

NGUYỄN MẠNH TRINH

tôi, kẻ khác hay ai?

Và vẫn cơn mưa. Cũ
rớt xuống ngày qua đời
trí nhớ thôi mộng dữ
ngực thở bặt tàn hơi.

Đùa. Giỡn. Vài ngôn ngữ
trang giấy trắng mỉm cười
Rủ rê. Tôi tham dự
vẽ bóng đứng nghịch chơi.

Và vẫn chiều qua. Lạnh
thất lạc ký ức nào
môi nếm ngon bánh thánh
xẻ da thịt mũi dao.

Trái. Phải. Toàn bóng tối
ru tôi. Ru một mình
đèn đỏ ngã tư đợi
Mắt em. Sao lặng thinh.

Và vẫn năm tàn. Rụng
góc hoang phế trăm năm
con phố ngói nâu. Cũng
tiếng sẻ thầm trong tâm.

Và vẫn buồn tôi. Lạ
đóm máu đỏ qua khoang
cành cây khô trụi lá
gốc mục ải địa đàng.

Bài đồng dao vừa cất
quán trọ đêm nửa đường
đất trời như quá chật
nói chi chuyện văn chương.

Và vẫn chào tôi. Khóc
kẻ mộng du ngàn trùng
vết răng còn thoảng chốc
da thịt nào mê cung.

Canh bạc nào phung phí
vốn liếng của rủi may
tay trống trơn kỳ dị
mơ sông nước dâng đầy.

Và vẫn vòm xanh. Biếc
nến nhỏ thắp cho ai
con gió chướng khánh kiệt
ngày mai, ừ, ngày mai.

Chia phần nhau. Một góc
mưa bão ngoài nhân gian
chiếu giường còn sợi tóc
chăn gối thuở bàng hoàng.

Và nỗi vui mục. Rã
kẻ có tội chính tôi
đám đông đang ném đá
vỗ tay chiều rụng rơi.

Tôi hỏi tôi buổi sáng
ngày đầu năm của ai
tôi hỏi tôi dĩ vãng
tôi, kẻ khác, hay ai.



TRIỀU HOA ĐẠI

ta về

Một mai, mai mốt
ta về
bao ngày lưu lạc tưởng nghe
đã buồn
dừng chân
nơi quán bên đường
đồng hoang gió thổi mà thương
quê nhà

Ta về
đổi kiếp trong ta
da nhăn, má hóp
những là bể dâu
bước đi
từng bước mà đau
mùa xuân
liệu có đổi màu nhớ thương

Ta về, với nước cùng non
bao năm khói lửa
vẫn còn ngẩn ngơ
máu nào
cạn tự thuở xưa
người lên núi ngóng
kẻ chờ bến sông

Ta về, em có biết không?
lòng xưa đã nguội, chẳng mong ta về.

TRIỀU HOA ĐẠI



HUỲNH HỮU ỦY

khỏa thân phụ nữ và nghệ thuật tạo hình

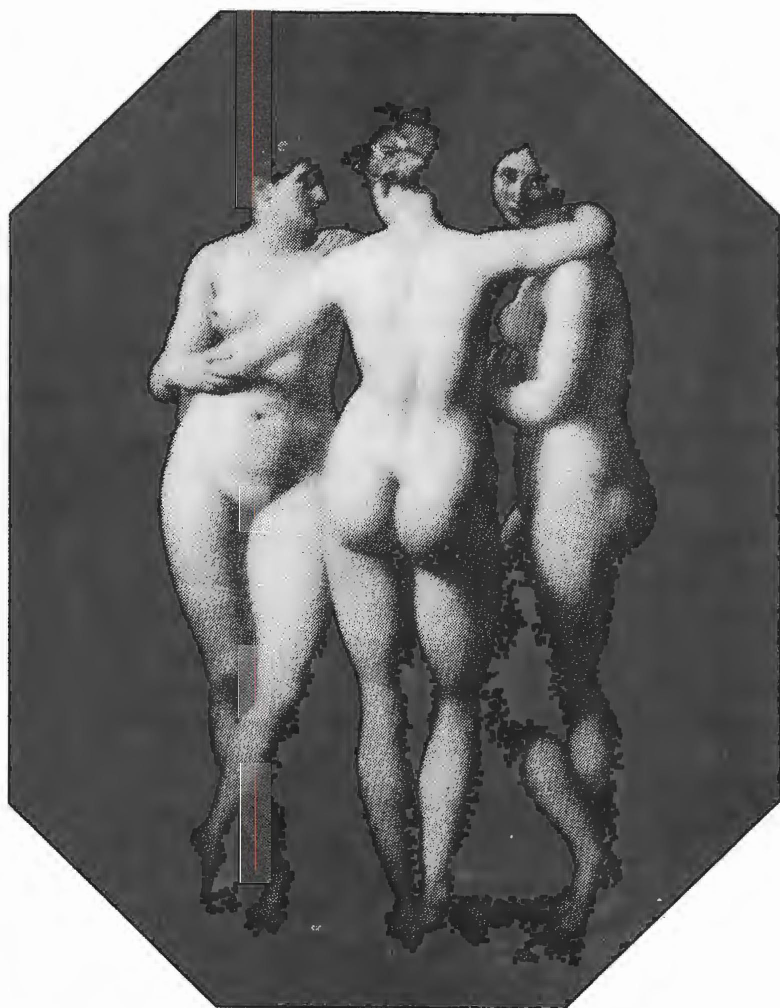

Picasso

Đúng vào buổi tối giao thừa dương lịch năm trước, phòng tranh của mấy người bạn vừa đóng cửa, chúng tôi tụ họp nhau uống rượu mừng những thắng lợi vừa đạt được. Sau bao nhiêu năm qua, cuộc sống của thế giới nghệ thuật tạo hình quá nghèo nàn và hiu quạnh, phòng tranh ấy quả đã mang lại nhiều sinh khí mới và ngọn lửa nồng nàn. Nơi phòng triển lãm này, tôi đặc biệt để ý đến các bức tranh khỏa thân, bức nào cũng có tiếng nói sâu lắng và kỳ ảo của nó. Riêng họa sĩ họ Đỗ, (1) không hiểu tại sao lại né tránh đề tài ấy. Anh có vẻ như muốn hé cánh cửa mở vào thế giới sâu thẳm này, nhưng vừa dợm bước thì lại dội lui. Tranh của anh vừa rất thực mà lại pha nhiều chất siêu thực vì cách bố cục hình ảnh đầy sự tưởng tượng

lạ lùng, mặc dù rất giản dị, là con đường của một họa sĩ tân-hiện-thực, hay nói đúng hơn là của một tay hyperréaliste, với tính cách đó mà đào sâu vào thế giới kỳ diệu của thân hình phụ nữ thì chắc chắn sẽ có nhiều cống hiến mới. Tôi đặt vấn đề nhưng chưa kịp trao đổi gì nhiều, bởi vì đây là một đề tài quá lớn, cả trên bề rộng của lịch sử lẫn chiều sâu của tư tưởng. Nay xin thử bàn về một vài điểm mấu chốt của nó.

Hình thể phụ nữ đúng là một quà tặng vô giá của thiên nhiên, là mùa xuân vĩnh cửu của nhân loại. Chẳng có gì lạ khi bóng dáng khỏa thân kỳ diệu ấy đã có một sự gắn bó hữu cơ và mật thiết với nền nghệ thuật tạo hình thế giới, kể từ khởi thủy cho đến ngày nay. Chuyển biến qua từng phân kỳ lịch sử, ràng buộc giữa những vùng địa lý văn hóa riêng biệt, cách nhìn, ghi nhận và phô diễn cái đẹp ấy cũng có nhiều đổi thay, tuy thế nó luôn luôn là một nguồn suối hứng khởi vô hạn.

Nghiên cứu cái đẹp thuần túy đó, có lẽ vẫn mãi mãi là một khát khao không nguôi của nghệ thuật tạo hình. Hẳn rằng chẳng cần phải đề cập đến ở đây việc báng bổ, ngăn chặn những tác phẩm khỏa thân ra đời, ngày nay việc ấy đã trở nên hơi buồn cười, nếu không muốn nói là bi đát, lố bịch vì một trình độ mỹ cảm thấp kém. Chúng ta chưa quên trường hợp của Manet như *Bữa Ăn Trên Cỏ (Le déjeuner sur l'herbe)* hay *Olympia* bị phàn nàn, chê trách vì vi phạm luân lý, mỹ tục, hay trường hợp nhiều kiệt tác của Modigliani bị ruồng rẫy trên đường phố Paris vào những năm đầu thế kỷ. Ngày nay những tác phẩm ấy đều đã đạt được chỗ đứng vững chắc và mẫu mực giữa những kiệt tác của nghệ thuật loài người. Có một thời gian dài, nghệ thuật chỉ là bắt chước, mô phỏng thiên nhiên, chúng ta xem lại những *Thần Vệ Nữ Chào Đời (Naissance de Vénus)* của Sandro Botticelli (1440 - 1510) hay *Thần Vệ Nữ Ngủ* của Giorgione (1478 - 1510) hay *Cung Phi (Odalisque)* của Ingres (1780 - 1867), tác phẩm được xây dựng bằng kỹ thuật nghiêm ngặt biết bao nhưng chính nhờ thế đã dẫn đến cái đẹp lành mạnh, nuột nà, biểu lộ chiều sâu kỳ diệu, hàm chứa và lắng đọng bên trong. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, lý tưởng nghệ thuật mới đã vươn đến những chân trời khác, không còn bị ràng buộc trong mẫu mực của nghệ thuật Hy Lạp và cổ điển trước đó. Maillol là một điển hình. Những thân xác chắc nịch, tràn đầy, tỏa ra một hương vị nồng ấm tự tại, vượt qua tính cách của những ký hiệu truyền thống để tiến đến một cái đẹp sơ khai, hoang dại, chân



REGNAULT: The Three Graces, oil (204x154cm)

thật và mạnh mẽ. Những pho tượng đá và đồng của Maillol rất dễ gợi nhớ đến một câu thơ của Nguyễn Du: *Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên*, nghĩa là đầy lên cái đẹp tự nhiên rất nồng nàn và không có chút gì giả trá. Không phải chỉ có một chiều vận hành là thăng hoa thành mẫu mực lý tưởng, mà ít nhiều cũng phải chứa đựng chất xác thịt ấm áp.

Trong lịch sử nghệ thuật Tây phương, chúng ta có thể nói một cách xác quyết rằng bóng dáng khỏa thân của người phụ nữ đã chiếm giữ một vị trí rất trang trọng và đầy tôn quý. Dù thế nào, khảo sát đề tài này, chúng ta bắt buộc phải xem xét đến các tác phẩm lý tưởng hóa của nghệ thuật Hy Lạp cổ đại, những tranh, tượng nữ thần Aphrodite trước Công nguyên. Và đến ngày nay, khỏa thân chắc chắn đã là một hình thức nghệ thuật quí báu, đẹp đẽ, nên cả đến thứ nghệ thuật "Pop" tầm thường và nông nổi cũng phải vận dụng đến sự gợi cảm mênh mông và trường cửu ấy.

Có nhà nghiên cứu nghệ thuật đã thực là tài tình để đi đến sự phân biệt giữa lõa thể và khỏa thân như thế này: lõa thể là tình trạng con người cởi bỏ hoàn toàn y phục và thấy vô cùng ngượng ngùng, bối rối, đấy chính là tình trạng hoảng sợ cực điểm của những cơn ác mộng mà chúng ta đã kinh nghiệm. Ngược lại, con người cảm thấy tin tưởng, lạc quan, dễ chịu và hạnh phúc trong tình trạng khỏa thân, bởi vì đấy chính là tình trạng lý tưởng của sự mơ mộng, gợi lên một tâm cảm nghệ thuật, để thưởng lãm và ngắm nghía vẻ đẹp yêu kiều. Khỏa thân không phải chỉ là sự trần truồng của thân xác, mà hơn thế nữa, vượt lên trên bình diện vật thể rất nhiều, chính là một ý niệm mỹ học mà người Hy Lạp thời cổ đã phát kiến, xây dựng trên một nền tảng vững chãi của tinh thần.

Cần nói thêm một chút nữa, nghệ thuật hiện đại khi bắt gặp không khí lạ lùng của Phi châu da đen, với điêu khắc gỗ, đồng, mặt nạ, những chạm trổ trên vật dụng thường dùng, thì lập tức những đường nét mạnh bạo, hoang dã ấy đã được tiếp thu và chuyển hóa thành cái đẹp mới rất bất ngờ và sâu sắc, mà đáng kể là những tấm hình phụ nữ hoang sơ như làn gió mới đầy cảm hứng. Cái quyến rũ ở đây dường như chứa đầy một sức mạnh kỳ bí, cổ quái và yêu thuật. Chúng ta có thể thưởng ngoạn thế giới vừa tinh khiết vừa nhục dục ấy khi nhìn ngắm tượng phụ nữ của các bộ lạc hoang dại như như bộ lạc Bambara hay người Baule ở Côte d'Ivoire, người Wakwere ở Tanzabara, người Brong và Asante ở Ghana,

người Fulani ở Niger... Họa sĩ bậc thầy của thế kỷ: Picasso, là điển hình nhất của sự tiếp thu này, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra ngay những nét huyền bí đen đọng lại nơi các tác phẩm *Khỏa Thân Với Khăn Lau (Nue à la serviette, 1907), Các Cô Gái Ở Avignon (Les demoiselles d'Avignon, 1907)* cả đến bức *Người Đàn Bà Ngồi (Femme assise)* vẽ vào thời kỳ sau này (1953) vẫn còn nhiều hơi hướm ấy. Chúng ta còn có thể kể đến trường hợp Fernand Léger mà tác phẩm *Phụ Nữ Cầm Hoa (Deux femmes tenant des fleurs)* cũng là tỉ dụ điển hình.

Với nghệ thuật cổ điển, ví dụ nơi bức *Cung Phi (Odalisque)* của Ingres, kỹ thuật trau chuốt, nét vẽ tinh vi là công cụ để biểu lộ những khao khát đằm thắm bên trong của tâm hồn nghệ sĩ, đấy chính là hình bóng của người đàn bà lạ lùng, yêu kiều và trong sáng của những giấc mơ nhân bản cổ điển. Nghệ sĩ đã vận dụng bí quyết mô tả cái hữu hình để nói về điều thâm sâu hàm chứa ở bên trong. Cả một thời dài trước đó, với nền nghệ thuật Phục Hưng rực rỡ vào thế kỷ thứ 15, 16 rồi trên cơ sở đó xây dựng vững chắc thành nghệ thuật cổ điển vào các thế kỷ kế tiếp 17, 18, những hình thể phụ nữ khỏa thân của thời kỳ này đều trở nên kỳ diệu nhờ vào thủ pháp ánh sáng được nắm bắt, chiếu tỏa và chuyển di từ sáng sang tối, mông lung, mờ ảo, tạo được nhiều hiệu quả tế vi. Ánh sáng kỳ ảo đó đã gợi nên một chiều sâu thẳm đầy vẻ tôn quý và bí ẩn, giả dụ nơi bức tranh vẽ một Vệ Nữ của họa sĩ bậc thầy Hà Lan Rembrandt, được gợi hứng từ kinh thánh, dưới tên gọi Bathsheba (1654), đã tiến đến một hiện thực trong những nhịp điệu sống động kỳ lạ. Không khí hiện thực và huyền hoặc đó, chúng ta có thể gặp nơi nhiều tác giả khác như Rubens, Tintoret, Titien, Raphael...

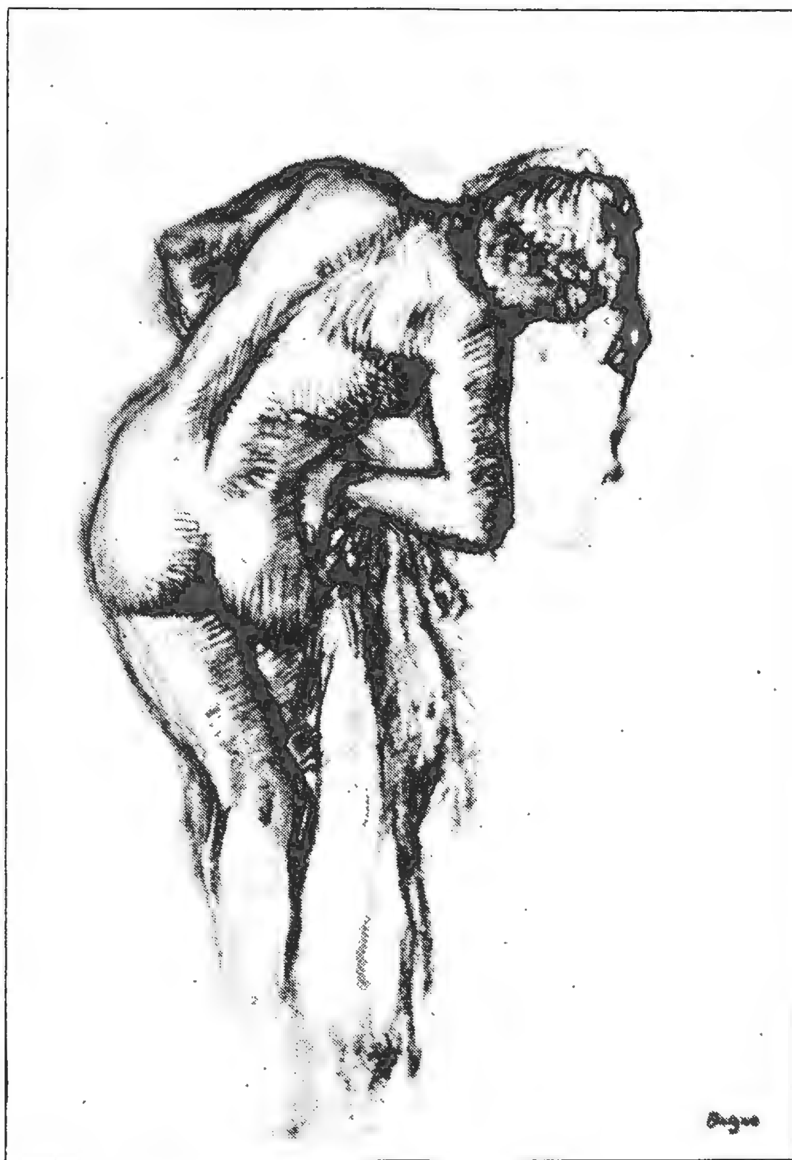
Nhưng đến nghệ thuật hiện đại thì khác hẳn, nơi bức tranh *Cung Nữ Với Chiếc Trống Nhỏ (L'odalisque au tambourin)* của Matisse sáng tác năm 1956, thì tất cả vẻ nghiêm trang, quân bình và mực thước ấy đều tan biến. Người đàn bà khỏa thân ngồi trong chiếc ghế bành, ở góc phòng có một cái trống và một mảng trời bên ngoài khung cửa sổ. Mặc dù Matisse đã để lộ cho chúng ta thấy một bản lĩnh vững chắc về hình họa và khảo sát thân hình người phụ nữ dưới bình diện cơ thể học, nhưng ông không dừng lại ở đấy. Phải tạo ra một cách phát biểu mới bằng đường nét và bố cục. Những đường nét cực kỳ giản dị, và đặc biệt nhất chính là màu sắc,

những mảng màu xô đẩy và hòa hợp rất dã thú, là phương tiện ghi chép cảm xúc của nghệ sĩ.

Không phải đợi đến năm mươi năm sau, mà ngay chính từ thập niên đầu thế kỷ, Matisse với con mắt phát hiện, cùng những người bạn lớn như Picasso, Georges Braque, đã cùng nhau góp phần tạo nên nền nghệ thuật hiện đại, trong bức *Khỏa Thân Xanh* (1907) với những những đường nét uyển chuyển lạ lùng, đã báo hiệu trước một thế giới cuồng nộ, khỏe khoắn, rất hoang dại và đầy tính hiện đại. Trong ký ức của nền nghệ thuật mới, chúng ta chắc chắn không thể quên được bức tranh này đã gây xôn xao như thế nào trong cuộc triển lãm di chuyển qua nhiều trung tâm văn hóa lớn của nước Mỹ với nhiều tác giả khác mấy năm sau đó. Như một quả bom nổ tung giữa nền nghệ thuật bảo thủ, người ta mặc sức mà bàn tán, chế giễu, cười cợt, thậm chí ở trường đại học mỹ thuật Chicago sinh viên còn treo cổ hình nộm Matisse và hỏa thiêu bức tranh chép lại *Khỏa Thân Xanh*! Nhưng có hề gì, thiên tài là người đủ sức chịu đựng gánh nặng của lịch sử, đi trước thời đại và vượt qua thời gian.

Và ngày nay thì bấy kỳ ai trong chúng ta để tâm đến nghệ thuật tạo hình đều nhận ra được rằng thế kỷ XX phải có nghệ thuật riêng biệt của mình, và hình thể người phụ nữ trần truồng cũng vậy, tất yếu phải mang trong hơi thở, sức sống và tiếng nói của mình bản thông điệp của thời đại mới ồn ào, xô bồ và biến động, bởi vì thế giới càng lúc càng đổi khác trong một vận tốc đến chóng mặt, nên hoàn toàn tất yếu là nỗi khao khát, hạnh phúc và cách phát biểu của thời đại chúng ta cũng phải khác, ngôn ngữ và tư tưởng tạo hình cũng phải tự vận động để thích ứng giữa một hoàn cảnh mới mà thôi.

Trong những năm cuối cùng của thế kỷ này, chúng ta dường như bị cuốn vào cơn bão tình dục khốc liệt thổi tràn từ Tây sang Đông. Có người còn gọi là sự bùng nổ của một cuộc cách mạng tình dục. Một lục địa Trung Hoa mênh mông, khắc nghiệt và bưng bít từ bao nhiêu năm qua mà ngày nay cũng phải chấp nhận các cuộc bày tranh khỏa thân công khai, rồi xuất bản sách nghiên cứu và bình luận về chủ đề ấy, chừng đó cũng đủ cho chúng ta thấy sức vang động mãnh liệt của cơn lốc bão kia như thế nào, có lẽ chẳng còn gì có thể cản lại được. Và điều chúng ta nên lưu ý đến là hình tượng người phụ nữ khỏa thân, trọng tâm giữa cơn lốc ấy, tất nhiên sẽ phải mang nhiều dấu ấn mới.



DEGAS: Femme S'essuyant - pusain sur papier calque

Những ngày phòng tranh của tay ba Trịnh Công Sơn, Trịnh Cung, Đỗ Quang Em mở cửa, tôi vẫn thường lui tới ngắm nhìn bức tranh dưới tựa đề *Bóng Và Mầm* của Sơn. Trường hợp của Trịnh Công Sơn phải nói là đặc biệt kỳ lạ, dù đứng trước góc độ nào, chúng ta cũng phải công nhận anh là một tài năng lớn, là tinh hoa của dân tộc. Trong hơn mười năm qua, chúng ta thấy anh bị bế tắc trong ngôn ngữ âm nhạc; tiếng nói của anh phải bay bổng trên cuộc đời thường, tìm đến một cái gì mênh mông, tuyệt đối, vượt ra ngoài cái hữu hạn, hay ít ra là những khúc tình ca mộng ảo, giấc mơ hòa bình của con người thì anh mới có thể phát biểu được dễ dàng, tự nhiên và tài tình; buộc anh phải rơi vào giữa những hệ lụy nhân sinh vụn vặt thì quả là tội nghiệp! Nhưng, dù sao, chúng ta có thể vui mừng vì Trịnh Công Sơn đã tinh tế, tài hoa khi nắm bắt được một ngôn ngữ mới trên nền toile và giá vẽ. Mặc dù chưa nắm được một thủ pháp riêng hoàn toàn với những ký hiệu riêng của anh, Trịnh Công Sơn cũng đã đạt được sự điêu luyện trên rất nhiều tấm tranh anh mang lại. Trở lại với bức tranh *Bóng Và Mầm*, với hình thể người phụ nữ khỏa thân tối sầm xuống, tâm điểm của nó thì sáng rực lên như ngọn đèn phare. Tác giả của nó dường như chới với, chao đảo, bay lượn giữa bóng đêm rồi đâm sầm vào cánh cửa sẽ mở toang và bất thần rực sáng; cánh cửa ấy, nếu sử dụng một từ quen thuộc của phâm tâm học thì gọi là “libido”. Quả đúng như thế, đúng là ngọn đèn phare ấy đã cuốn hút dữ dội những kiếp phù du, những cánh dơi chập choạng bay giữa vô thức mờ ảo, rồi bỗng nhiên hóa sinh thành một cõi đời khác. Nhưng theo tôi, điều quan trọng nhất nơi bức tranh này là nó phủ đầy một không khí bí ẩn, dụng vào bức tường rực lửa của dục tính nhưng đã bay bổng lên và trải ra khắp nơi một hương thơm trong trẻo, ngây thơ và thánh thiện.

Nghệ thuật thì đa diện và không cùng, biên giới giữa nghệ thuật và phi nghệ thuật đôi lúc lại chỉ là một sợi tơ rất mong manh. Tôi xin lặp lại nơi đây ý kiến rất sâu sắc và đầy tính nhân bản của một nhà văn hóa lớn, bộ trưởng Bộ Văn Hóa Pháp Jack Lang, người được đánh giá là đang thiết kế nền văn hóa nhiều màu sắc của nước Pháp, giữa một thời kỳ đầy khó khăn của châu Âu đang phải đương đầu với sự xâm lăng ồ ạt của của điện ảnh và nhạc Rock Anglo - Saxon. Ông chủ trương chống lại các thứ đạo đức giả, khước từ mọi kiểu cấm đoán, khuyến khích tính sáng tạo nghệ thuật, mọi sự biểu hiện được tự do, nhưng thẳng thắn tỏ ra không thích sự khỏa thân thuần túy, mà dứt khoát nó phải được gia công, trau



GOYA: The Naked Maja, oil (38x74 in)

chuốt, biến đổi qua bàn tay nhà nghệ sĩ, bởi vì cái khỏa thân thường là hơi sống sượng và lạnh giá, cũng như cái dục tình chân chính thì đòi hỏi phải có một phần bí mật (2). Nhận xét ấy thật là kỳ tình và thông tuệ. Chúng ta nhớ lại kinh nghiệm thần vệ nữ Marilyn Monroe trên màn bạc, như một nhận xét của Diana Trilling về nàng: "Marilyn Monroe biết gợi lên tính chất thuần khiết trong khoái lạc nhục dục. Vẻ trâng tráo phơi bày ra mà không bao giờ trở nên thô kệch, tầm thường. Bản năng giới tính như rực lửa và khêu gợi, thế nhưng vẫn thoáng vẻ bí mật, ngập ngừng. Giọng nói uyển chuyển, thay đổi, mang tính chất gợi tình đồng thời vẫn giữ tính ngây thơ của một cô gái nhút nhát. Tất cả những mâu thuẫn ấy là một bộ phận của tài năng nàng. Chúng biểu lộ cho thấy một người phụ nữ ở tuổi thanh xuân bị cầm tù trong một xứ bí mật nào đó mà không ai hiểu được." (3). Ở đây chúng ta dễ nhận ra được đâu là đường ranh giữa nghệ thuật và phi nghệ thuật. Chất nhục dục phải chuyển biến và hóa thân thì mới trở thành nghệ thuật được. Nghệ thuật chính là góp thêm vào với thiên nhiên, đục đẽo, trau luyện, thay đổi thực tại lạnh lẽo bên ngoài, góp thêm sức ấm và ngọn lửa nhân bản để tạo nên thế giới cái đẹp của con người. Hình thể khỏa thân qua bàn tay các nhà tạo hình thực sự không thể vượt qua qui luật đó.

HUỲNH HỮU ỦY

---

(1) Đỗ Quang Em, họa sĩ.

(2) Bộ trưởng Bộ Văn Hóa Pháp Jack Lang nói về dục tình, trả lời phỏng vấn của tạp chí Lui. LĐCN số ngày 3-2-1991.

(3) Norman Mailer dẫn lại trong "Những Mối Tình Và Cuộc Đời Điện Ảnh Của Marilyn Monroe", bản dịch việt ngữ của Thượng Lân.



ĐỖ KH.

người đàn bà này là đồ chơi của tôi

Người đàn bà này là nô lệ của tôi
Viễn Đông biết chìu chuộng hầu hạ chồng
Cận Đông uốn éo vừa trùm mền vừa cởi truồng
Bắc Thái phóng phi tiêu bằng cửa mình
Nghe đâu đi mua giá có một vài ngàn
(Một vài ngàn thì tôi mua được
Bằng cái T.V. màn ảnh rộng)
Bắc Thái
Ra đây tao ngồi cho mày vái
Nè cầm, sà bông body-body cho ông
Tôi kiếm con nào chừng mười ba mười lăm
Vừa lú nhú li ti lông xoăn
Trả cash
Túm lấy tóc
Tao cấm mày nhìn ngang nhìn dọc
Xích cổ về
Mày mà liếc trai thì tao đập

Nghe đâu ở bên Tàu
Người ta mua vợ nhập cảng từ Việt Nam
Cao Bắc Lạng
Rất hời giá chỉ có vài ba trăm
(Vài ba trăm rẻ quá
Mang về...
... Đã...)

Nhật Bản thì (mắc, nhưng) nó cởi giày giùm
Ngoài đường thấy không đã gặp nửa người chào kìa
Đừng nói chi là ở nhà vợ mình
Trói quặt hai chân ngược lại treo lên xà
Cầm roi (da) quất vào giữa đít
Nghe nàng thút thít
Quỳ mọp xuống lí nhí như là Đại Hàn
Đôi mắt buồn dịu dàng
Hả miệng ra
Hiền và ngoan
(Ngoan nào... ngoan... nào...)
Ả Rập hết thích mang trả lại cũng được
Ba Tư chán có quyền đánh chết
Ấn Độ đem thiêu sống khỏi cần ly dị
Nhưng Phi Châu mới là bảo đảm nhất
Hai cái mép được khâu lại từ tấm bé
Mua rồi mang về phòng cắt chỉ
Phả phê xài khỏi sợ bịnh

Anh đây cầm kéo là người đầu tiên

Nhiều nơi nhân tiện
Âm hạch người ta xẻo luôn
Cho mày hết đường động cỡn
Con đĩ nằm yên
Nằm yên con đĩ
Anh xin em đừng ôm trai nhảy đầm
Anh xin em đừng chổng mông bờ biển nằm
Anh xin em đừng lưng tưng ngoài đường
Cấm
Mày lả lơi cười thì tao đấm gãy răng
Người đàn bà này là nô lệ của tôi
Có cách nào tôi hoàn toàn hài lòng
Còng vào ngay đầu giường
Không được ra khỏi buồng
Người đàn bà này là nô lệ của tôi

Không được ra khỏi bếp
Không được đi đâu hết
Nô lệ mà
Nhưng ngay cả Kiều kia (gọi là) bán mình chuộc cha
Mua phải nàng cũng lôi thôi bỏ mẹ
Bọn chúng nó bây giờ loạn quá
Sát sát
Tả
Đánh đấm đá
(... Đã... Đã...)
Tát xiếc
Mày mà lấy trai thì tao thọc tiết

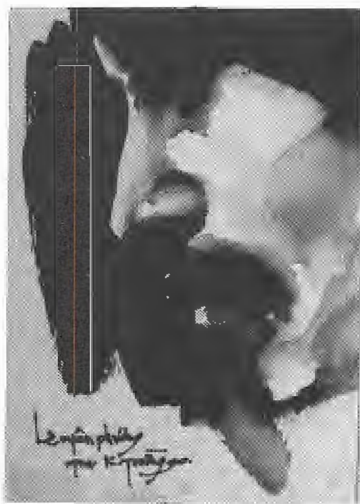
Người đàn bà này là nô lệ của tôi
Ngày đêm chẳng khi nào nàng phiền hà
Sẵn sàng rất là hiền lành mềm mềm
Mới tinh
O-Ri-Dinh
Con nai tơ nàng tiên
Người đàn bà này tôi khóa ở trong tủ
Người đàn bà này tôi mua hàm thụ
Made in Taiwan
Nết na
Công dung ngôn hạnh
(Taiwan là văn minh Khổng Mạnh)
Cao su latex một trăm phần trăm
Âm đạo rung rinh có động cơ điều khiển
Khi nào làm tình thì tối gắn pin
Khi nào không làm tình thì
Im
Người đàn bà này của tôi là đồ chơi
Con nô lệ quý của anh ơi

Mày mà liếc trai thì tao xì hơi.
ĐỖ KH.



KHÁNH TRƯỜNG

lê uyên phương, kẻ "thách đố thương đau" *



Lê Uyên Phương sinh tại Đà Lạt, Việt Nam. Viết nhạc từ năm 1960. Cùng trình diễn với Lê Uyên từ năm 1970. Vượt biển đầu năm 1979. Sinh sống tại California từ cuối năm 1979. Tác phẩm đã hoàn tất: *Yêu Nhau Khi Còn Thơ (60 - 67)* Đã in 1971 - *Khi Loài Thú Xa Nhau (67 - 69)* Đã in 1970, tái bản tại Hoa Kỳ 1991. - *Uyên Ương Trong Lồng (70 - 72) - Bầu Trời Vẫn Còn Xanh (72 - 73) - Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo*, tập một *(73 - 75) - Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo*, tập hai *(75 - 79) - Biển, Kẻ Phán Xét Cuối Cùng (1979)* Đã in 1980 - *Trại Tị Nạn Và Các Thành Phố Lớn (79 - 83) - Trái Tim Kẻ Lạ (87 - 88) - Lục Diệp Tố (77 - 90) - Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles*, tập truyện và tùy bút, Tân Thư xuất bản 1991.

*

Lê Uyên Phương, hiện tượng đặc biệt của âm nhạc Việt Nam trong thập niên 70. Khi nhắc đến tình ca, bên cạnh vài tên tuổi khác, người ta không thể không nói đến người nhạc sĩ này.

Nhiều năm trở lại đây, Lê Uyên Phương ít xuất hiện trước công chúng. Dù vậy, ông vẫn âm thầm làm việc, không những trong lãnh vực âm nhạc mà còn mở rộng qua lãnh vực văn chương. Năm vừa qua (1991) nhà xuất bản Tân Thư đã in tập truyện và tùy bút *Không Có Mây Trên Thành Phố Los Angeles* của ông. Theo Nguyễn Nam Anh (Thế Kỷ 21): tác phẩm "đã gây cho độc giả một ngạc nhiên thích thú".

*

Tháng chín, những cơn mưa bất ngờ thường đổ ập xuống thành phố. Những cơn mưa, như tính khí của một thiếu nữ dậy thì, phút trước, vừa rạng rỡ mặt hoa, phút sau, đã mày chau ủ dột. Phút trước, mặt đường chói chang nhức mắt, phút sau, đã sầm sập triệu triệu sợi mưa từ không trung phóng xuống, bất kham.

Tháng chín, trở về từ mặt trận Hạ Lào. Ngồi thu mình trong lòng ghế, nhìn ra bên ngoài đất trời mù mịt trong mưa, nhìn dãy phố bắt đầu cửa đóng, quay qua người bạn đồng hành: "Này, làm gì cho hết đêm?" "Xuống xóm không?" "Đã, từ trưa. Mục ưu tiên một đâu đợi đến bây giờ. Tìm món khác coi". Chiếc xe chậm lại, vòng quanh bùng binh N.H. "Nghe nhạc không?" "Ừ nhỉ, tại sao không?" Chiếc xe tấp vào lề, dừng. Ngước nhìn lên, qua khung kính nhạt nhòa mưa xối, những ống néon uốn thành tên một phòng trà chạy ngang mặt tiền khu phố. Gã đồng hành lên tiếng: "Vào trước đi, ta có chút việc, ba mươi phút nữa trở lại". Gật. Mở cửa bước xuống, kéo vội chiếc áo "sô" trùm đầu, chạy vội vào hành lang, mua vội một tấm vé.

Và đẩy cửa bước vào bên trong.

Bên trong tối nhờ. Những dãy bàn kê sát đã đông kín. Mặt sàn nhảy loang loáng ánh đèn màu, vài cặp quấn vào nhau. Tiếng nhạc dìu dặt. Tìm một bàn trống, ngồi xuống. Gọi chai bia. Rút thuốc châm hút. "Anh cho em ngồi với được không?" Đứa con gái nhìn, chờ đợi. Đôi môi ướt son, mái tóc cắt cao ôm chiếc cổ tròn, chiếc "díp" ngắn, vòng ngực nở. Đẹp lẳng lơ, đẹp mời mọc, đẹp gọi kêu chiếu giường chăn gối. Mỉm cười gật đầu. Đứa con gái ngồi xuống, sát cạnh. Mùi nước hoa nồng trong không khí. "Gọi cái gì đi". Đứa con gái tiếp tục giữ nụ cười trên môi, đoan trang như học trò mười sáu: "Vâng ạ, cảm ơn anh".

Trên bục gỗ một cặp uyên ương xuất hiện. Người con gái có mái tóc dài, dáng cao, chiếc áo "ra-glan" với hai tà ngắn, chiếc quần ống rộng phủ kín hai bàn chân. Người con trai thấp hơn, khuôn mặt xương, cây đàn guitare với dây đeo quàng chéo một bên vai, thùng đàn nâng ngang ngực.

Căn phòng bỗng yên, và rồi tiếng hát cất lên. Chiếc cổ dài của người con gái vươn cao, chồm về phía trước. Người con trai nhắm mắt, mày nhíu lại, bàn tay trên phím đàn nhảy nhót. Giọng hát khàn đục cuốn xô. Giọng hát, như ma túy, làm tê liệt mọi sợi thần kinh. Giọng hát, như vị đắng cà phê, làm ngây ngật như say. Giọng hát ăm ắp đam mê.

Theo em xuống phố trưa nay... Đang còn ngất ngất cơn say... Theo em bước xuống cơn đau... Bên ngoài nắng đã lên mau...

Người con gái bước lùi một bước, cúi đầu, chiếc "micro" ôm trước bụng. Người con trai vẫn tiếp tục nhắm mắt, quai hàm bạnh ra, môi mím chặt, mười ngón tay lướt chạy miên man. Một vài tiếng vỗ tay lác đác, và rồi đồng loạt, vang dội. Người con trai như không nghe, không thấy, gã nhập vào tiếng đàn, gã chắp cánh, gã bỏ quên nhân gian. Gã đã là tiếng đàn. Là một. Sàn nhảy trống. Mọi người ngồi yên tại chỗ. Hình như tất cả đều ngầm hiểu, tiếng hát của cặp uyên ương không phải để nhảy, mà chỉ để nghe. Nghe bằng tai, đã đành, còn phải nghe bằng tim, bằng óc, bằng cả thân xác "ngất ngất cơn say..."

Điếu thuốc cháy bỏng giữa hai ngón tay. Dụi, đốt điếu khác... Ở một nơi cách chỗ ngồi này non nghìn cây số, hẳn có một mái tóc dài đang chảy xuống những trang vở, trong đêm im. Cô ấy liệu còn nhớ không, đã một thời "cho nhau hết những mê say"?

Trên bục gỗ, đôi uyên ương tiếp tục chìm trong "cơn say". Tiếng đàn, với người con trai, là một, đã đành. Nhưng chính gã, cái kẻ đang cúi xuống thùng đàn kia, với người con gái có đôi mắt tối thẳm âm u đó, hình như cũng chỉ là một. Họ tạo cho thính giả cảm tưởng: sự tồn tại của người này, là hiện diện của người kia. Và ngược lại. Đó là hai cá thể bất khả phân ly. Đó là một "nguyên khối" tròn đầy. Là biểu tượng tuyệt vời nhất của tình yêu: Tình yêu làm nên âm nhạc; Tình yêu chắp cánh cho âm nhạc; Tình yêu đẩy âm nhạc bay cao, bay xa.

Nhưng dẫu cao và xa đến bao nhiêu, tình yêu của đôi uyên ương này vẫn ngầm chứa một điều gì... Một điều gì?

Qua đi... Qua đi... dứt cơn mê... Tình buồn chồng chất lê thê...

Qua đi... Qau đi... dứt cơn say... Tình này tình rồi thay...

Phải chăng, tiếng hát, **đang là một tiên tri?**

*

Tháng chín, vẫn tháng chín, vẫn dưới ánh sáng hư ảo của một phòng trà, trên một phần đất cách xa quê hương nửa vòng trái đất. Vẫn người đàn ông đó, năm xưa, nhưng bên cạnh đã không còn mái tóc dài, ngấn cổ cao, đôi mắt to đen thăm thẳm... Uyên ương đã lẻ bạn! Người đàn ông ngồi trên chiếc ghế đẩu, thùng đàn trong lòng, những ngón tay bấu trên cần phím, đầu cúi thấp, mái tóc dài chải ngược ra sau, và vẫn vậy, vẫn đôi mắt nhắm, khuôn mặt ngất ngất đam mê... Chỉ khác chăng, trên vầng trán đã cày sâu thêm những luống thời gian chất chồng khổ lụy. Hai mươi năm đã trôi qua kể từ buổi tối nhìn thấy lần đầu tiên cặp uyên ương trên bục gỗ. Hai mươi năm, khoảng thời gian đủ dài để xóa quên tất cả...

Em ơi, quên đi, bao nhiêu xót xa... Những chiều thiết tha bên nhau...

Phải chăng, tiếng hát, **đã là một tiên tri?**

Phải chăng, hạnh phúc cũng chỉ phù du, thoáng chốc? Phải chăng định mệnh đã khốc liệt phủ trùm lên thân phận lưu vong tấm khăn đen u ám của chia lìa, đổ vỡ? Với người đàn ông, đó là một sự thật, một sự thật tàn nhẫn.

Bất hạnh thay, mà cũng may mắn thay (cho gã? Cho chúng ta?), chính từ sự thật đó, nhờ sự thật đó, tên "sứ giả tình yêu" của một thời đã tìm thấy cho mình một thế sống khác: dửng dưng với mọi điều, mọi sự, tách lìa ra ngoài mọi phồn tạp của cuộc đời đầy rẫy đa đoan. Trong cô đơn, trong nhẫn nhục, trong im câm ẩn dật, người đàn ông hình như đã tích lũy được cho riêng mình nhiều quặng mỏ. Từ đó, thay vì buông trôi để mặc định mệnh nhận chìm xuống đáy lãng quên, gã tiếp tục làm việc, tiếp tục đào xới nội tâm, tiếp tục tinh lọc để tôi luyện chất "quặng" kia thành quí kim dâng hiến cho đời. Có cần thiết không nếu chúng ta gởi đến gã, kẻ bất hạnh kia, một lời cảm ơn? Không. Gã đã tự chọn cho mình chiếc thập giá. Hãy để gã tiếp tục con đường đã chọn.

Người đàn ông đó, nhạc sĩ Lê Uyên Phương, kẻ từng đánh thức trong trái tim thằng lính năm xưa hình ảnh của một tình yêu tưởng đã lụn tàn, sau năm năm ăn nằm cùng máu và nước mắt. Người đàn ông đó, giờ đây, trong căn phòng bề bộn những nhạc cụ, ở một thành phố ngoại vi Los Angeles, mái tóc vẫn còn đen, đôi mắt vẫn còn sáng, giọng nói vẫn hiền hòa. Nhưng

phảng phất trên mái tóc, trong đôi mắt, trong giọng nói, vẫn lẩn khuất một điều gì... Một điều gì?...

Tốt nhất, hãy để chính gã tỏ bày cùng chúng ta...

*

KT: - *Anh Lê Uyên Phương, có bao giờ anh tự đặt ra cho mình những câu hỏi đại loại kiểu như: tại sao ta yêu người này, ghét kẻ nọ? Tại sao ta thích làm việc này, chối bỏ việc kia? Xin lỗi anh, câu hỏi có vẻ lẩn thẩn. Cái bắt đầu bao giờ cũng khó, tôi đang lúng túng...*

LUP: - Không lẩn thẩn đâu. Nhiều lúc tôi cũng tự đặt cho tôi những câu hỏi về điều này, điều nọ. Nhưng sự tự đặt câu hỏi bao giờ cũng đến sau khi điều này, điều nọ đã bắt đầu từ lâu rồi.

KT: - *Qua kinh nghiệm đó, anh rút ra được điều gì?*

LUP: - Hình như người ta không không đặt câu hỏi để tìm trong câu trả lời cái chìa khóa mở vào hành động, mà sự tự đặt câu hỏi thường nảy ra khi có một điều gì không ổn lẩn quẩn đâu đó trong cái chuỗi hành động có vẻ đang tiếp diễn bình thường. Tôi đã nhiều lần tự đặt cho tôi những câu hỏi đại loại như thế về những biến cố tương đối quan trọng trong đời sống tôi: tình yêu, công ăn việc làm, bè bạn, cái yêu, cái ghét...

KT: - *Nghĩa là đã có lúc anh từng tự hỏi: - Tại sao ta chọn âm nhạc như là cứu cánh của đời mình?*

LUP: - Điều này thì không. Chưa bao giờ tôi tự vấn: - Tại sao tôi viết những ca khúc và tại sao suốt cả một đời, tôi đã dính liền với âm nhạc? Thật vậy, tôi chưa bao giờ thắc mắc về điều đó, và nếu có một câu hỏi như thế được đặt ra, tôi cũng không biết phải trả lời thế nào. Tại sao nhỉ? - Biết bao nhiêu việc, biết bao nhiêu điều quan trọng, cần thiết mà con người có thể lựa chọn để đóng góp cho đời, và tôi, tôi đã lựa chọn một điều xem ra không mấy cần thiết cho những nhu cầu thực tế của đời sống, hơn thế, lại hết sức khó khăn. Đó là chưa kể đến cái giá quá đắt mà một người làm công việc sáng tạo phải trả cho tác phẩm của mình.

KT: - *Tôi vẫn nghĩ, phải có một nguyên nhân nào đó, hoặc gần hoặc xa, hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp tham dự vào việc chọn lựa cái "nghiệp dĩ" của mỗi chúng ta. Anh thử... truy tầm xem nguyên nhân nào đã biến anh thành một người viết ca khúc. Phải có cái "tại sao" chứ?*

LUP: - Tại sao nhỉ? - Để xem, tôi sẽ cố đi ngược về cái thời điểm mà ở đó sự làm quen của tôi với cái gọi là âm nhạc, một cách cụ thể, đã khởi

đầu. Có lẽ đó là lúc tôi đang mài đũng quần ở một trường tiểu học, không nhớ ai đã cho tôi, hay tôi đã lượm được đâu đó một cây kèn harmonica cũ. Với cây kèn cũ đó, tôi mò mẫm thổi những bài hát mà tôi biết lúc bấy giờ: *Vui ca lên nào anh em ơi* hay *Trông kìa con voi, nó đứng rung rinh...* Thật tuyệt vời, cây kèn bỗng trở thành một báu vật, một vật bất ly thân suốt nhiều năm dài sau đó, tôi đã tìm cách thổi mọi giai điệu mà tôi thích, không kể những lúc đu dây, bắn bi, chơi banh... với bạn bè. Những giây phút một mình với cây kèn cũ bao giờ cũng là những giây phút bình an và hạnh phúc nhất trong tuổi nhỏ của tôi. Lớn lên một chút, tôi bắt đầu làm quen với cây mandoline, rồi cây guitare, rồi cây violon, rồi nhiều nhạc cụ khác, cũng cùng một cung cách như với cây kèn cũ đầu tiên kia. Ngoài thời gian cắp sách đến trường, tôi dành hầu hết thời gian còn lại cho việc đánh đàn. Với cây đàn như với một người bạn chí thân, tôi có thể tâm sự, có thể nói năng bất cứ điều gì mình muốn nói, không sợ bị bắt bẻ, bị chê trách. Tôi luôn luôn có cảm giác hết sức bình an và được che chở khi ôm một cây đàn trong tay. Có thể đó chỉ là tưởng tượng, nhưng đó là cảm giác có thực trong tôi. Sự say mê những cây đàn kéo dài nhiều năm nữa, và từ việc chơi đàn qua việc viết những bài hát chỉ là một bước ngắn thôi.

KT: - *Từ một cây harmonica lượm được đâu đó đến một nhạc sĩ nổi tiếng, thật khó mà liên tưởng! Cái "bước ngắn" anh vừa nói đã được vượt qua năm anh bao nhiêu tuổi?*

LUP: - Tôi viết ca khúc đầu tay năm 19 tuổi.

KT: - *Tâm trạng anh thế nào với sáng tác "khởi hành" đó?*

LUP: - Hạnh phúc của tôi khi hoàn tất tác phẩm đầu tay quá lớn lao, đến nỗi khi vừa viết xong bài hát, tôi lại thèm khát ngay được bắt đầu để viết một bài hát khác. Ham muốn đánh đàn nhường chỗ cho sáng tác những ca khúc, rồi không biết tự lúc nào cuộc sống chung quanh đã trở thành chỉ là chất liệu cho những sáng tác của tôi. Tôi sống, tôi yêu đương, tôi nhìn ngắm cuộc đời chỉ cốt để tìm ở đó những đề tài cho những ca khúc. Không phải cuộc sống mà chính là những ca khúc mới là mục đích tối hậu của đời sống tôi. Sự bay bổng của trí tưởng tượng và những ảo giác được thêu dệt bởi trí năng đã phủ lên trên đời sống thường nhật một màu sắc lạ kỳ, đó là thời kỳ mà những tập nhạc "*Yêu Nhau Khi*

Còn Thơ", "*Khi Loài Thú Xa Nhau*", "*Uyên Ương Trong Lồng*" được khai sinh.

KT: - *Nếu tôi nhớ không lầm, đó cũng là thời kỳ anh và chị Lê Uyên vẫn được ví như một cặp uyên ương. Thời kỳ của yêu thương và hạnh phúc. Thế nhưng tại sao trong những ca khúc của giai đoạn này lại thấp thoáng bóng dáng của chia lìa, của đổ vỡ?*

LUP: - Từ đâu đã có sự đau đớn cùng cực trong những ca khúc của một người viết nhạc có đời sống hết sức hạnh phúc trong tình yêu và hôn nhân lúc đó? Từ đâu đã có chia lìa, phân ly trong ca khúc của một người viết nhạc mà cuộc tình của anh ta đang là một gắn bó tận cùng? Tôi không biết. Có thể đó là sự nhạy cảm thái quá ở một nghệ sĩ đối với tình yêu. Không phải tình yêu của riêng hắn, mà tình yêu của cuộc đời thường, chung quanh, tình yêu của chúng ta, của con người. Phải, tôi đã dùng cuộc đời như chất liệu để biến hóa thành tác phẩm. Tôi không sống cuộc đời của tôi, tôi chỉ dùng cuộc đời của tôi cho những bài hát, tôi quên chính tôi và những gì thực sự là tôi... Ví von mà chơi, cũng có thể đó là... điềm báo (*cười*).

KT: - *Qua những nhạc sĩ mà tôi có may mắn được quen biết, một điểm đặc biệt tôi nhận thấy rất rõ ở anh: luôn luôn phủ nhận mình, luôn luôn phóng về phía trước, luôn luôn du mình vào những vùng đất chưa người khai phá. Từ "Yêu Nhau Khi Còn Thơ", "Uyên Ương Trong Lồng", "Khi Loài Thú Xa Nhau"* đang được công chúng đón nhận nồng nhiệt, anh bỗng ném bỏ tất cả để nhảy vào một thế giới khác. Cái gì đã xảy ra trong nội tâm khiến anh đủ can đảm từ chối không viết nữa những tình ca, để bước qua lãnh vực siêu hình trong sáng tác?

LUP: - Không có điều gì là tuyệt đối, cũng không có giá trị nào tồn tại vĩnh viễn. Có những cái ta tưởng là bất diệt, như tình yêu, như danh vọng... rốt cuộc, còn hay mất, có hay không chỉ như hai mặt sấp ngửa của một đồng tiền! Khi bỗng nhiên nhận thức được điều này, tôi ngừng ngay sáng tác những tình ca và bắt đầu soi mói bản thể mình. Tôi tìm đọc mọi sách triết học và tôn giáo mà tôi có thể có được, tôi tự khép mình trong những kỷ luật riêng, và rình mò mọi tư tưởng, mọi tình cảm, mọi cảm xúc chằng chịt qua bản thể tôi. Và khi nhận thức được ở chính bản thân mình sự chật hẹp của tâm thức, sự ràng buộc, sự giới hạn, sự gây hại, sự tác động, sự ngăn trở của tâm thức đó trước đời sống, tôi đã tự nhiên hoàn

toàn tê liệt hẳn mọi phê phán, xét nét về cuộc sống con người. Người ta không thể có tự do trong nhà tù, cũng vậy, người ta không thể có sự thật khi cái cơ phận để nhận thức sự thật đã bị hư hỏng và sự hư hỏng lại là điều tất yếu trong đời sống nhân loại.

Tôi tự ngăn cách tôi với cuộc đời bằng bức tường dày cứng ngắc, bức tường được xây bằng một quá trình tâm lý nhất định, bằng sự giới hạn của thể chất riêng biệt, bằng những đặc tính tiên khởi của chủng tộc, màu da... và cuộc đời không bao giờ đến được với một cá nhân hay một cá nhân không thể nào đến được với cuộc đời qua cái vách ngăn khủng khiếp đó. Khi nhận thức được điều này, tôi bỗng thấy cái vách ngăn đó trong tôi càng lúc càng tan rã dần và một giây nào đó vách ngăn đã giống như một mặt nước hồ trong vắt, mặt nước nhận mọi sự vật đến từ cuộc đời, không làm cho vật đó dội ngược như trước đây mà tiếp nhận nó để rồi để lại những vòng tròn chấn động trong giây lát trên mặt hồ. Sự tiếp nhận *mọi* sự vật đến từ cuộc đời đã đánh động trong tôi một điều gì khác lạ và tôi bắt đầu viết thêm những ca khúc.

KT: - *Tác phẩm nào đánh dấu tiến trình đổi thay của nội tâm anh?*

LUP: - Đó là tập "*Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?*" Để có một ý niệm rõ ràng về những gì tôi vừa trình bày, tôi xin hát một trong hơn bốn mươi ca khúc của tập nhạc này, bài hát có tên: *Nơi Nào Có Mặt Trời.*

(*Lê Uyên Phương đứng dậy, bước đến chỗ để nhạc cụ, cầm cây guitare rồi trở lại vị trí của mình. Anh ngồi xuống, những âm thanh bật ra, nhảy nhót. Đôi chân mày nhíu lại, đôi mắt nhắm...*)

Nơi nào có mặt trời, có bóng tối và những vì sao
Nơi đó là quê nhà tôi.
Nơi nào có con người, có tiếng khóc và những cười vui
Nơi đó có người thân tôi
Nơi nào có chiến tranh, có thù hận và chết chóc
Nơi đó là địa ngục tôi
Nơi nào có nước trong, có chim trời và cây lá
Nơi đó là thiên đường tôi
Nơi nào có sợ hãi, có bạo hành, có tham muốn
Nơi đó có tư tưởng tôi
Nơi nào có khoái lạc, có thất vọng và khổ đau
Nơi đó có trái tim tôi
Nơi nào có ảo tưởng, có tương lai và ý chí

Nơi đó có quá khứ tôi
Nơi nào có sự lặng yên, có thương yêu và sự trong suốt
Nơi đó có hạnh phúc tôi
Hạnh phúc tôi
Đó là nơi mà trí óc con người
Không bao giờ, không bao giờ biết đến
Hạnh phúc tôi
Đó là nơi mà trí óc con người
Không bao giờ, không bao giờ biết đến

KT: - *Loại nhạc này người ta không thể chỉ nghe bằng tai, mà còn phải nghe bằng cái đầu... Tôi e rằng... Xin lỗi anh, khó phổ cập tới quần chúng.*

LUP: - Ca khúc cũng như mọi sự vật khác mà con người đã làm ra, nó hiện hữu cho sự đáp ứng những nhu cầu của giác quan và nếu được sự chấp thuận của lý trí và cảm xúc của một con người, nó sẽ có đời sống riêng trong con người đó. Những bài hát trong tập "*Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?*" có thể sẽ không đáp ứng một nhu cầu nào đó của giác quan, nhưng nhất định chúng phải được chấp nhận bởi trí năng con người, và tôi tin sự tác động của cảm năng và trí năng (xúc cảm phát sinh từ sự nhận thức sự vật) và sự khao khát giải quyết những vấn đề của con người bao giờ cũng là một nhu cầu. Tập nhạc này đã được hình thành trong sự cảm hứng tràn đầy và tôi không một lúc nào chồn chân để hoàn tất nó. Tập "*Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?*" theo tôi là một tập ca khúc, không phải ca khúc theo ý nghĩa thông thường, nhưng sẽ không có một tên gọi nào khác để định danh cho chúng. Tôi tin, rồi người ta sẽ đến với nó.

KT: *Sau "Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?", là "Biển, Kẻ Phán Xét Cuối Cùng"? Hình như tập này anh sáng tác ở hải ngoại, và bắt nguồn từ chuyến vượt biển cùng với gia đình?*

LUP: - Vâng, chuyến vượt biển vào cuối năm 1979 đã đẩy những ca khúc của tôi vào một nơi rất riêng biệt. Tập nhạc anh vừa nói và tiếp theo là các tập "*Trại Tị nạn*" và "*Các Thành Phố Lớn*" là những phát giác về mối tương quan giữa con người với con người trong những tình cảnh ngặt nghèo của đời sống. Trong các tập nhật ký, thơ và ca khúc đó chỉ để bày tỏ điều này:

(*Lê Uyên Phương lại xốc cây đàn lên, và hát*)

Chúng ta không cô đơn trong sự chết

Chúng ta không cô đơn trong sự sống
Chúng ta không cô đơn trong khổ đau
Chúng ta không cô đơn trong hạnh phúc
Nhưng chúng ta cô đơn trong ý nghĩ
Trong những ý nghĩ độc hại của chúng ta
Vì thế mà chúng ta hạnh phúc trong nỗi bất hạnh của người khác
Vì thế mà chúng ta sống trong sự chết của người khác
Bởi ta chỉ thấy ý nghĩ của một người
Ta không thấy được sự đau khổ ở con người đó...

(Biển Tặng trong B,KPXCC)

KT: - *Bài hát làm tôi nhớ một câu thơ của Mai Thảo, câu thơ lấy ý từ câu nói nổi tiếng của J.P. Sartre:* "Địa ngục ta là kẻ khác ơi." *Khó thật, có lẽ một hôm nào xin anh cho nghe lại toàn bộ những ca khúc trong tập này... Còn nhớ cách đây bốn năm năm, thuở mới đặt chân đến đất Mỹ, tôi được tin anh vừa cho xuất bản một tập nhạc có tên "Trái Tim Kẻ Lạ", và chung quanh tập nhạc này, có nhiều "vấn đề" của cá nhân anh được nhiều người nói đến. Nếu có thể, anh cho độc giả Hợp Lưu biết thêm về nột dung của tác phẩm đó.*

LUP: - *Có được cuộc đời*
Như tôi thay đổi
Có được cuộc đời
Thay đổi như tôi...

Cả tập "*Trái Tim Kẻ Lạ*" là để trình bày một điều vô cùng giản dị: Sự thay đổi là bản chất của cuộc đời. Không có gì là thường hằng trong đời sống này cả. Lý trí của ta hiểu rất rõ điều đó, nhưng bản năng sinh tồn của con người luôn chống lại điều đó. Sự mâu thuẫn giữa cái-là và cái-phải-là là thảm kịch của chúng ta. Tập nhạc chỉ như một tiếng thở dài cho cái điều tất yếu đã, đang và sẽ xảy ra cho mỗi một con người và vạn vật trong trời đất.

KT: - *Thật ra chân lý này chẳng phải mới lạ. Có điều... động cơ nào khiến anh phổ nó thành những ca khúc?*

LUP: - Hình như tôi có trả lời câu này rồi: tất cả mọi sự việc xảy ra trong cuộc đời, ngoài tôi, trong tôi, của tôi hay của con người, đều là chất liệu làm nên tác phẩm. Nghệ sĩ há không phải là những kẻ tự rút ruột mình ra để dâng hiến cho đời đó sao? Thảm kịch của cá nhân hắn không nghĩa lý gì hết, hắn tồn tại hay bị triệt tiêu, hắn khổ đau hay sung sướng,

hắn thành công hay thất bại... Tất cả chỉ là những dấu mốc rất nhỏ nhoi trong dòng sinh hóa. Điều quan trọng là từ cái thảm kịch nhỏ nhoi rất cá nhân đó, hắn đã đóng góp được cái gì cho nhân loại?

KT: - *Trong những buổi trò chuyện với anh, tôi có được nghe anh nhắc nhiều lần đến một tác phẩm mà hình như anh để tâm nhiều nhất. Đó là tập "Lục Diệp Tố". Anh có thể cho độc giả biết rõ thêm về tác phẩm này?*

LUP: - Đây là tập nhạc mà tôi đã mất hơn mười ba năm trời để hoàn tất nó. Lúc đó, tôi đang viết tập "*Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?*", sự vận dụng quá nhiều trí năng để viết tập nhạc này khiến tôi bỗng thấy có một điều gì không ổn. Tôi tự hỏi: cái không cùng của cuộc sống có thể nào được hiểu bởi lý trí với những giới hạn tất nhiên của nó? Sự suy ngẫm lâu dài về điều này đưa tôi đến nhận thức sau đây: Chất xanh của thực vật (lục diệp tố) là nguyên nhân và kết quả của đời sống thực vật. Người ta biết những nguyên tố để tạo nên chất xanh, nhưng khả năng tổng hợp các nguyên tố đó của con người không thể tạo nên được chất xanh. Cũng y như vậy, lý trí của con người có thể phân tích được những nguyên tố tạo nên đời sống; nhưng lý trí không thể tổng hợp những nguyên tố đó và đời sống không thể hiểu được bằng tiến trình luận lý của con người. Từ ý nghĩ đó, tôi đã viết tập "*Lục Diệp Tố*", trong đó sự biện chứng bị bẻ gãy, và điều được trình bày chỉ là những sự kiện có thể được giải thích bằng mọi cách hay không cần sự giải thích nào cả. Để cho rõ ràng hơn một chút, tôi xin hát một bài hát ngắn trong tập này, bài "*Con Mắt*":

Đã nhiều năm qua
Một người mù ngồi bên góc chợ
Ngả mũ van xin những người qua đường
Cho anh ta
Một con mắt
Một con mắt để thấy rõ cuộc đời
Vì mọi người đều có dư
Một con mắt
Nên ai ai cũng sẵn sàng
Cho anh ta
Một con mắt
Một con mắt
Một con mắt

Nhưng, người mù
Đã không dùng những con mắt đó
Để nhìn
Anh ta đã ăn chúng
Thay cho những bữa cơm gần đây
Khi mọi người biết được
Anh mù đã ăn
Những con mắt
Người ta không cho anh mù
Những con mắt nữa
Hôm qua
Người mù đã chết
Người mù ngồi bên góc chợ
Đã chết
Vì đói.

KT: - *Giai điệu của bài hát lạ quá...*

LUP: - Trình bày một đề tài như thế, dĩ nhiên như anh thấy, ca khúc đòi hỏi phải có một giai điệu thích hợp. Tôi đã dùng một âm giai mới để viết những bài hát này, âm giai nhất cung hay âm giai lục cung, không có một bán cung nào được dùng trong âm giai và vì thế không có chủ âm. Đây là loại âm nhạc vòng tròn, tôi gọi thế, nó có thể bắt đầu ở bất cứ đâu và kết thúc ở bất cứ đâu. Rất tiếc, trong phạm vi một bài phỏng vấn, tôi không thể đi sâu vào lãnh vực có tính cách chuyên môn này. Hy vọng sẽ có dịp trở lại đề tài này một cách đầy đủ hơn, trong một cuốn sách mà tôi đã viết nhưng chưa có ý định xuất bản.

KT: *Sau "Lục Diệp Tố", anh còn sáng tác nào mới nữa không?*

LUP: - Khi tập "*Lục Diệp Tố*" hoàn tất vào cuối năm 1990, đầu óc tôi bỗng... sạch trơn, tôi hoàn toàn không còn một chút khao khát nào để viết thêm những ca khúc, thậm chí đến cây đàn tôi cũng không màng sờ đến nữa. Đời sống có lúc như hòa nhập trong tôi, có lúc tôi như đứng hẳn ra ngoài cuộc sống.

Rồi gần đây, như anh biết, để tự đẩy mình vào dòng sinh động của cuộc sống, tôi đã miệt mài tìm đọc trên mấy mươi tập thơ của những thi sĩ tôi quen biết và chưa được quen biết, và đã mạn phép phổ hơn hai mươi bài thơ của họ. Không biết rồi tôi có tiếp tục viết những ca khúc hay không. Có thể một điều gì đó sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới và

lúc đó tôi sẽ viết một cái gì, cũng có thể một điều gì đó sẽ xảy ra cho tôi trong những ngày sắp tới và lúc đó tôi sẽ thấy chẳng cần phải viết thêm một ca khúc nào nữa.

KT.: - *Xin anh một câu hỏi cuối: Quan niệm sáng tác của anh như thế nào?*

LUP.: - Những bài hát của tôi không được sáng tác theo một quan niệm nào cả. Tôi không có một quan niệm sáng tác gì hết. Những bài hát của tôi là những đứa con đã chào đời như là kết quả tất nhiên của những cuộc giao hợp giữa *tôi* và *đời sống của tôi*. Có lúc tôi chủ động, có lúc tôi thụ động, có lúc tôi rụt rè, có lúc tôi dứt khoát. Có lúc tôi là sự mơ mộng của tôi, có lúc tôi là rung cảm của trái tim tôi, có lúc tôi là xúc cảm của thể xác tôi, có lúc tôi là sự lạnh lùng của tâm thức tôi, có lúc tôi là sự trực thức của tế bào tôi. Và, cuộc đời có những bất ngờ không nằm trong sự lựa chọn của tôi, có lúc nó đến trong sự ước mong, có lúc nó đến ngoài sự ước mong. Khi cuộc đời là tuổi trẻ, tôi gọi đứa con của tôi là "*Yêu Nhau Khi Còn Thơ*", khi cuộc đời là tình nhân tôi, tôi gọi nó là "*Khi Loài Thú Xa Nhau*", khi cuộc đời là người phối ngẫu, đứa con của tôi là "*Uyên Ương Trong Lồng*", khi cuộc đời là sự đổi thay tất yếu, đứa con của tôi là "*Trái Tim Kẻ Lạ*", khi cuộc đời với những tình huống khác thường, tôi gọi đứa con của tôi là "*Biển, Kẻ Phán Xét Cuối Cùng*", khi cuộc đời là thế giới của tâm thức, đứa con của tôi được gọi là "*Con Người, Một Sinh Vật Nhân Tạo?*", khi cuộc đời ở ngoài thế giới của tâm thức, đứa con của tôi là "*Lục Diệp Tố*", và khi những âm thanh tôi phối ngẫu với cuộc đời người khác, trong một khoảnh khắc nào đó của dòng đời, đứa con của tôi là "*Những Bài Thơ Phổ Nhạc*"...

KT: *Thay mặt độc giả Hợp Lưu, xin cảm ơn anh.*

*

Được biết, nhạc sĩ Lê Uyên Phương vừa hoàn tất tập "Những Bài Thơ Phổ Nhạc" gồm khoảng bốn mươi bài, của trên 30 người làm thơ trước và sau bảy lăm, có người đã qua đời, có người hiện đang sống trong nước và hải ngoại, như: Mai Thảo, Trần Sa, Phạm Việt Cường, Huy Tưởng, Lê Văn Ngăn, Phạm Công Thiện, Hoàng Ngọc Ẩn, Trịnh Cung, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Tất Nhiên, Cao Đông Khánh, Lê Thị Huệ, Nguyễn Xuân Thiệp, Thái Tú Hạp, Kim Tuấn, Phong Vũ, Ngô Xuân Hậu, Trầm Vương, Dã Dương, Hoàng Hạc Lâu, Anh Thái Phượng, Ái Hoa nữ sĩ

Công Tôn Nữ Thương Như, Nguyễn Hoàng Đoan, Phan Đan... (Trong số này một nửa là những bài đã phổ rải rác trong khoảng 20 năm qua, một nửa mới phổ trong thời gian vài tháng cuối năm 1991). Đây là một công trình rất đa dạng và phong phú. Tổ hợp xuất bản Tân Thư - Thời Văn sắp ấn hành nay mai. Nhạc sĩ Lê Uyên Phương cũng cho biết, ông đang liên lạc với một vài trung tâm thâu băng, cũng như tìm ca sĩ thích hợp để phổ biến rộng rãi những nhạc phẩm này đến với thính giả.

KHÁNH TRƯỜNG *thực hiện*

Tháng 2/1992.

---

* *Trích trong "Hãy Ngồi Xuống Đây" (Khi Loài Thú Xa Nhau, tác giả tái bản, 1991, California. Hoa Kỳ.)*



HOÀNG CẦM

chuyện trăm năm

Chép gởi tặng Trịnh Công Sơn nhớ ngày gặp lại

Anh đứng đây là đâu
Em cười như lá mỏng
Khép cửa vào chiêm bao

Anh đứng đây là đâu
Em nói như gió nghẹn
Chiều nghiêng mây Thị Mầu

Anh đứng đây là đâu
Em nhìn như mưa trắng
Năm năm bay ngang đầu

Anh đứng đây là Em

HOÀNG CẦM

29.11.1988.



LÊ GIANG TRẦN

e.t. go home

Như cây gậy ăn mày đói khổ
gã chọc vào đời sống thặng dư
những thèm khát bươi ra
con mèo ranh đã tha qua hàng xóm

Như định mệnh đè lên số phận
gã du hành hạnh trú tàng kinh
khi rượu đổ tóe trời
khi thơ ngâm ngất nguyệt
khi độc hành dạo biển đêm trăng
gã chơi một cuộc đầu tư bí mật
đỉnh vu sơn gà tử mị quần sương
đáy hố thẳm rắn cuộn mình chuyển kiếp
trứng nở rồng bên vú thái bình dương

Như E.T. phải thuyền lâm nạn
sống sót thấy mình rơi lạc hành tinh
động vật ở đây nhiều hung tính
đời sống thần kinh đến mức vô phương
gã chọn thực phẩm là những viên thuốc ngủ
chốn lạc loài chẳng có gì vui
gã ngủ giấc trôi đi cùng tháng chạp

Như phù phép ngày hồng hoang
gã làm trời ngồi vẽ trần gian
trời đất đôi khi tưởng tượng xoàng
quên vẽ tờ hiện kim hộ mạng

Như con phố không tìm ra giọt lệ
gã đàn ca làm ướt mắt giai nhân
anh hùng đã già nua hơn lịch sử
tuổi trẻ lạ lùng như điếu cần sa

Như tù nhân đọc kinh bức tử
gã cúi xuống dòng dĩ vãng gọi tương lai
thấy cây cỏ một đời không sợ hãi
thấy Sàigòn lũ lượt thú về hang
LÊ GIANG TRẦN



NGUYỄN HOÀNG NAM

ngực trái

Lưỡi anh lết những vòng đồng tâm
Hmm...! Cả thời lang bạt
Anh về nhà trên núm vú em
NGUYỄN HOÀNG NAM



ĐẶNG TIẾN

Tưởng niệm Lưu Trọng Lư 1912-1991

đóa mộng đầu

Tặng bác Hà Xuân Tế, người đã đưa tuổi thơ của tôi,
lần đầu bước vào thế giới mộng ảo
của Lưu Trọng Lư.

Đợi đến luân hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.
Chờ anh dưới gốc sim già nhé
Em hái đưa anh đóa mộng đầu
(LTL.)

Văn chương, nghệ thuật, tác phẩm nhân tạo, sao lại có cái bất ngờ của hoa trái, với những mùa nở rộ và những tàn phai? Những hứa hẹn, những lỡ làng. Với hoa trái, ta giải thích bằng thời tiết; với văn nghệ, những lý do khúc chiết nhất cũng khập khễnh: dường như chưa ai giải thích được thỏa đáng niềm hân hoan của văn chương Việt Nam trong phong trào Thơ Mới, đằm thắm và rực rỡ vào những năm 1935-1940.

Thời điểm đó là một hợp lưu. Giữa mới và cũ. Đông và Tây. Dân tộc và thế giới. Ca dao và Baudelaire. Một cuộc tình duyên ngang trái nhen lên những ngọn lửa bỏng rát. *Những ngọn lửa đã cháy tàn năm tháng - mà không để lại tro.* Huy Cận nói vậy năm mươi năm sau. Và năm mươi năm sau, Lưu Trọng Lư, giọng ngờ vực hơn, hỏi tình yêu:

Chút lửa hồng, em hỡi
Ngày ấy, còn đỏ trên tay?

Lưu Trọng Lư. Tôi muốn viết một bài, tôi muốn viết nhiều bài về ông; để bổ sung cho những bài viết về ông đã thiếu lại thừa. Lưu Trọng

Lư, và trong một chừng mực nào đó. Thế Lữ, Hồ Dzếnh, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử... tiêu biểu cho một phong cách sáng tác thời đó: những bài thơ - những câu thơ - hồn nhiên thiên thành, như những *đóa mộng đầu* nở tình cờ trong gió chướng. Họ có những câu thơ, những bài thơ thật dở bên cạnh những vần điệu tuyệt vời; dĩ nhiên là họ có kỹ thuật và nghệ thuật, nhưng kỹ nghệ đó bung nở ra từ tiềm năng, chưa bị ức thúc trong những đo đạc chi ly, trái với một Xuân Diệu hay Huy Cận - bài *Tràng Giang* Huy Cận làm đi làm lại mười bảy lần.

Xuôi dòng cảm xúc, Lưu Trọng Lư ít khi thành công trong những bài thơ dài - bài *Một Mùa Đông* thật sự là ba hay bốn bài thơ nhập lại, nhà thơ Hoàng Trung Thông chỉ thích phần giữa (trong lời bạt của tuyển tập Lưu Trọng Lư); những bài ngắn và toàn bích không nhiều lắm. *Nắng Mới* là một tiêu biểu.

NẮNG MỚI

Tặng hương hồn Thầy Me

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác gà trưa gáy não nùng;
Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ Me tôi, thuở thiếu thời,
Lúc người còn sống, tôi lên mười;
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng Me tôi chửa xóa mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa.

Bài thơ cấu trúc trên một kỷ niệm có thật, đã khắc sâu vào tâm khảm Lưu Trọng Lư; ông đã nhiều lần kể lại một cách cảm động, trong hồi ký *Chiếc Cáng Xanh* (1941) và gần đây hơn, trong *Mùa Thu Lớn* (1978). Thơ hay, trước hết là do tấm tình chân thành, trong sáng, vọng lại chân

tình trong mỗi chúng ta đối với người mẹ; và còn hay nhờ nghệ thuật kết hợp nhuần nhuyễn được tinh túy của dân tộc và tân kỳ của Thơ Mới - mà Lưu Trọng Lư là một trong những người khởi xướng từ năm 1932. Câu đầu đã thần tình:

Mỗi lần nắng mới hắt bên song

Ánh sáng bảng lảng trong một không gian biên giới và môi giới, trong khí hậu giao mùa. *Nắng mới* là giao thoa giữa ấm và lạnh, nắng và mưa, sáng và tối, khô và ấm, cũ và mới, dĩ vãng và hiện tại. Không gian chuyển màu sang thời gian, rồi ngược thời gian lóng lánh; *hắt bên song*, biên giới giữa trong nhà và ngoài sân, giữa riêng tư và vũ trụ. Mở và khép. Giữa ngoài và trong là *hắt*, là xâm phạm, xúc phạm, vi phạm. Một niềm đau đau đáu. Dường như đã cũ. Bất chợt, nhức nhối; nhưng dịu nhẹ, thoáng qua. Mưa *hắt*, nắng *hắt*, vụt qua thật nhanh. Khác với mưa *tạt*, dầm dề, ê dề. Chữ *hắt* ngân xa, *xao xác, não nùng, chập chờn,* gợi cho ta hơi buồn *rười rượi: trải vách quế gió vàng hiu hắt... Vi lô hiu hắt như màu khơi trêu...* những âm hao xưa cũ cùng với nắng mới hắt vào ký ức. Soi chiếu. Long lanh. Cũng trên quê hương Quảng Bình, Phạm Duy, bạn Lưu Trọng Lư, người phổ nhạc thơ Lư nhiều nhất và hay nhất, có lần hát: *chiều rơi... thoi thóp trên vài luống khoai... hiu hắt tiếng bà mẹ cười* (1948) có chút gì giao hưởng giữa những *nét cười đen nhánh* khi ánh sáng chuyển động vào những âm vực sâu thẳm:

Xao xác gà trưa gáy não nùng

Chúng ta lưu ý ngay đến những phụ âm (consonne) luyến láy x x g tr g n n. Sự cân đối hình học giữa những điệp âm đặt từ *trưa* vào một trục đối xứng ở vị trí chính ngọ giữa câu thơ, một thứ *mini le juste*, thái dương công chính của Valéry (1) hay *l'équilibre du jour*, thăng bằng của mặt nhật trong Camus, do đó, chữ *trưa* ở đây là một thể từ (ban trưa) thì đúng hơn là một tính từ (muộn màng) như chúng ta có thể hiểu qua câu thơ xưa *non Nam một đỉnh hạc về trưa*. Về nguyên âm (voyelle), trên bảy chữ thì sáu từ mang âm *a* trong những tương đồng song đôi *ao* và *ga: xao xác / não nùng* và *gà / gáy*; còn lại, đơn lẻ, là âm *ưa* giữa câu, trong đỉnh *trưa* đứng bóng. Ta sẽ còn nghe lại tiếng gà trưa vọng từ bài *Núi Xa* nổi tiếng:

Núi xa, nhà vắng, mưa mau
Mênh mông cồn cát, trắng phau ngô dừa
Trong thôn văng vẳng gà trưa
Lắng nghe đúng ngọ chuông chùa... nện không

Bốn câu này cũng mang nhiều âm luyến láy, vốn tạo giai điệu đặc biệt cho thơ Lưu Trọng Lư, người đã đặc biệt lưu tâm đến "cái âm luật huyền bí, cái cách tiết tấu tự nhiên của tiếng ta" (Tiểu Thuyết Thứ Bảy, 19-1-1935).

Xao xác là một từ chính xác chỉ tiếng gà gáy, chim kêu, chim vỗ cánh, khác với *xào xạc* trong *rừng thu, lá thu kêu xào xạc*. Chữ *xao xác* gợi lên một không gian bao la, vừa tả cảnh, vừa gợi tình, tạo lên cảm giác đìu hiu, quạnh vắng, lo sợ, ngại ngùng như khi Thúy Kiều đi trốn khỏi nhà Tú Bà:

Lối mòn cỏ nhạt màu sương
Lòng quê đi một bước đường một đau
Tiếng gà xao xác gáy mau...

Tiếng gà đau đáu, vì riêng với Lưu Trọng Lư, nó gợi lên một kỷ niệm ảm đạm: "*về mẹ tôi, tôi đã từng viết:*

Gà gáy chân giường nước mắt tuôn

Từ lên năm, lên bảy, khi gà gáy, tỉnh dậy, sờ không thấy mẹ nhưng đã nghe tiếng mẹ ngồi khóc dưới chân giường"(2).

Tiếng gà trưa buồn, muộn màng, trống trải, tiếng gọi tình không lời đáp ứng, nó quấy động không gian im ắng một cách vô vọng, *não nùng*, như câu hò gọi bạn trên sông nước Quảng Bình:

Thuyền ai trôi trước
Cho tôi lướt tới cùng
Chiều đã về trời đất mông lung
Phải duyên nhau thì xích lại cho đỡ não nùng tiếng sương

Tia nắng mới, tiếng gà trưa, có tác dụng hồi quang khiến *lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng. Rượi buồn*, xa vắng, man mác, êm ái "chuỗi theo dòng cảm xúc" như lời Xuân Diệu.

Chập chờn sống lại những ngày không

Sống lại đi với *mỗi lần nắng mới* luyến láy nói lên vòng tuần hoàn trong vũ trụ và kỷ niệm, theo lối dùng chữ "revivre" của người Pháp. Người Việt ngày xưa nói "sống lại" theo cái nghĩa chết đi sống lại, hồi sinh, như ta sẽ thường gặp trong thơ Lưu Trọng Lư về sau, chứ không nói "sống lại" một kỷ niệm. Ngược với "*ngày không*" lại là một từ ngữ dân gian: *ba đồng một mớ trầu cay, sao anh không hỏi những ngày còn không. Ngày không* có nghĩa là trống vắng, hoang dại và nhắc lại cả *thuở thiếu*

thời đoạn tiếp theo. Chữ *không* mông lung, trống trải như không gian chập chờn chung quanh.

Đoạn giữa, Lưu Trọng Lư mới trực tiếp đi vào một kỷ niệm chính xác:

Tôi nhớ Me tôi thuở thiếu thời

Những phụ âm răng (dentales) liên tiếp, âm *t*, mỗi lúc nhẹ đi như một tiếng thầm thì, mở ra với nguyên ân *ơ* chậm rãi, đều đặn, thều thào: *lúc Người còn sống, tôi lên mười*. Lời tâm sự trang trọng và trân trọng, u hoài, xa vắng. Chữ *sống* lặp lại, *còn sống*, tạo một âm độ khác cho chữ *sống lại* câu trên: không những tôi sống lại kỷ niệm, mà mẹ tôi *còn sống* vì *sống lại* trong tôi. Mẹ tôi chưa bao giờ chết. *Mỗi lần nắng mới* lặp lại là hồi quang báo hiệu người thân trở về, đã về. Nắng bỗng reo vui, không gian mở rộng, chào đón, thân ái, *nắng mới reo ngoài nội*. Chữ *nội* thần tình, nó đồng nghĩa với đồng quê: hoa đồng cỏ nội, nội cỏ dầu dầu. Nó lại đồng âm với từ *nội* nghĩa là bên trong: nội tâm, nội giới. *Ngoài nội*: ngoài và trong, trong và ngoài, hiện tại và quá khứ, mộng và thực: biên giới bỗng nhòe đi, nhòa đi, lung linh giai điệu, long lanh màu sắc, vui tươi, ấm áp.

Áo đỏ người đưa trước dậu phơi

Trước hết, màu đỏ trên hàng dậu là những "*màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*" như một câu thơ Hoàng Cầm; hay trong Lưu Trọng Lư:

Mây trắng bay đầy trước ngõ tre,
Buồn xưa theo với gió thu về.
Vài chàng trai trẻ sầu biêng biếc,
Mộng nở trong lòng sắc đỏ hoe.

Những màu sắc thơ ngây, nguyên thủy đã theo với ca dao - và nghệ thuật dân gian - xâm nhập vào Lưu Trọng Lư, như ông đã kể lại trong *Chiếc Cáng Xanh: "Chính mẹ tôi cũng là người truyền lại cho tôi những phong vị dạt dào của ca dao... Tôi tưởng như trước mắt có màu nắng mới tuôn trên sân đá, trên những hàng giậu ngoài xa, phấp phới những màu đỏ choét hay xanh lè, màu của những tâm hồn chất phác. Những màu xanh đỏ sống mãi ở trong tâm hồn tôi, phấp phới, bên những tiếng hát ru mà trong ấy đang run rẩy cả một thời" (3).*

Thứ đến, *áo đỏ* gợi một kỷ niệm, tấm áo cưới của người mẹ; thật sự là "*màu cổ y tím sẫm, cái màu sắc đằm thắm, đen sẫm của cả một người đàn bà không kiêu hãnh. Cái áo cổ y ấy, có lẽ mẹ tôi chỉ mặc một bận khi về nhà chồng, và than ôi! một bận nữa là khi về cõi đất... Tôi tưởng như còn*

diễn lại trước mắt tôi một cảnh tượng hằng ngày: giữa những hôm mưa lạnh, ẩm ướt, bỗng rơi vào một ngày nắng ráo, mẹ tôi thường mở rương ra lấy cái bộ áo - vâng - chính cái bộ áo cổ y ấy để phơi trên một hàng giậu" (4). Về câu thơ này, có thể nói là súc tích và gợi cảm nhất của Lưu Trọng Lư, vừa đẹp vừa hay, vừa sắc vừa sâu, ông có lần thổ lộ: "*câu thơ cô đúc quá không thể nói hết một đời người*" (5).

Hình dáng Me tôi chửa xóa mờ
Hãy còn mường tượng lúc vào ra

Những luyến láy dịu dàng: *Tôi nhớ Me tôi... hình dáng Me tôi*, bồng bềnh trên những âm hao dìu dặt, rộng mở những âm *ư, ơ, ươ, ưa* đưa ta vào cõi mộng du, đằm thắm, mơ hồ rồi lại rõ nét trở lại:

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Thần tình. Chỉ một nét, sắc và nhẹ, mà phác thảo được cả hình dáng lẫn cốt cách của người phụ nữ Việt Nam muôn đời "*cái lớp người đàn bà cũ kỹ ấy - những người đàn bà thùy mị với những bộ răng đen nhánh*"(6), trong một ánh sáng trở lại vùng biên giới:

Trong ánh trưa hè, trước giậu thưa

Buổi trưa: thời gian ngưng đọng chất quê hương, như trong thơ Huy Cận:

Một buổi trưa không biết ở thời nào
Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao
Có cu gáy và bướm vàng nữa chứ...

Ánh sáng bỗng chói chang, rực rỡ, bài thơ chuyển màu và chuyển mùa, từ xuân sang hạ: nội tâm vốn không có thời gian. Nhưng từ ngữ vẫn lặp lại cấu trúc toàn bài thơ lửng lơ trên những nguyên âm đơn và đôi: ư, ơ, ươ, ưa. *Trong* đối với *ngoài*, *trước* đối với *sau*, *ánh trưa hè* đối với *nắng mới*, và phản chiếu lại ánh sáng từ *nét cười đen nhánh.*

Bài thơ hay, từ tình cảm chân thật, cô đúc đến lời thơ hồn nhiên, thiên thành mà uyên áo, súc tích, và âm điệu tinh tế, hàm súc. Hơn nữa, thơ về tình mẹ, thời đó, không nhiều lắm đâu. Một vài bài thật thà của Tế Hanh hay Nguyễn Bính. Huy Cận, 1940, có bài thơ năm chữ về mẹ, nhưng không hay nên không phổ biến. Xuân Diệu mãi đến năm 1960 mới có bài *Cha Đàng Ngoài Mẹ Ở Đàng Trong*" và 1963, bài *Thơ Tặng Má*. Do đó, bài *Nắng Mới* của Lưu Trọng Lư thêm phần trong sáng và ấp áp.

Và nó đang hắt một thoáng dịu dàng vào tâm giới chúng ta.

"*Vằng vặc muôn thu nét tuyệt vời*" là thế giới, là tâm giới, là thi giới Lưu Trọng Lư. Nguồn ánh sáng trong trẻo ấy đã đến với con nai vàng ngơ ngác từ một buổi bình minh sơ khai của Thơ Mới, là tia nắng hạnh phúc, đồng thời cũng là giới hạn trong nghệ thuật và sự nghiệp Lưu Trọng Lư.

Là hạnh phúc, những bài thơ hay của ông, khi mới xuất hiện trên văn đàn, đã gặp ngay tri kỷ. Các nhà phê bình, và sau họ là những nhà giáo, nhà soạn nhạc đã chọn và giới thiệu đúng những bài thơ hay, bình dị và trong sáng nhất, dễ thuộc nhất. Từ 1942, Vũ Ngọc Phan đã viết "*có thể tóm tắt tất cả những ý trong thơ của Lưu Trọng Lư vào hai chữ tình và mộng*" (7). Tưởng chúng ta khó thêm thắt điều gì; và từ ấy đến nay vẫn chưa thấy ai thêm được điều gì. Hoài Thanh, bạn thân và sành thơ Lưu Trọng Lư, trong dăm trang đặc sắc cũng loanh quanh với ngần ấy ý (8). Giới hạn là ở chỗ đó.

Việc còn lại, để tưởng niệm Lưu Trọng Lư, là thử phân tích hương tình và phấn mộng bàng bạc trong thơ ông và quy định biên giới của cõi tình và cõi mộng ấy.

NGƯỜI EM SẦU MỘNG

Thơ Lưu Trọng Lư là niềm hoài vọng mang mang hướng về dĩ vãng, về một nền văn hóa dân tộc và Đông phương đang phôi pha trước làn sóng phương Tây và hiện đại. Một tàn phai không cưỡng lại được, không hò hẹn hồi sinh.

Niềm tiếc nuối khôn nguôi, khu biệt thơ văn Lưu Trọng Lư và đánh dấu một thời đại, từ *mấy chùm trước dậu, hoa năm ngoái* trong Nguyễn Khuyến, đến *Sông kia rày đã nên đồng* ở Trần Tế Xương, và gần hơn nữa, ở một Thế Lữ gởi lòng *theo nước tràng giang ấy, sớm tối theo chàng đến Phúc Châu*, một Xuân Diệu *trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi* đến Vũ Hoàng Chương *nghe hồn ly phụ khóc trên tơ* hay Huy Cận, nhất là Huy cận *phất phơ buồn tự thời xưa thổi về*. Ấy là những người tân học đã cổ vũ cho thơ mới mạnh mẽ nhất.

Văn xuôi cũng vậy, trước *Đoạn Tuyệt* kêu gào cải cách, Nhất Linh đã lưu luyến với *Nho Phong, Người Quay Tơ*. Khái Hưng trước *Nửa Chừng*

Xuân còn tần ngần với *Hồn Bướm Mơ Tiên*. Một thế hệ u hoài về *một thời vang bóng*.

Lưu Trọng Lư khác với các nhà thơ đồng lứa ở chỗ không mơ mộng được cái gì khác ngoài dĩ vãng của dân tộc, trong khi Xuân Diệu còn có lúc "*Giục Giã*", Huy Cận còn lo lắng cho "*Mai Sau*", họ còn sống trong hiện tại, sống cho tương lai. Con người thời đó, ý thức khá rõ những thay đổi chung quanh, như Hoài Thanh đã ghi từ 1944, *một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông (...). Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước...* Hoài Thanh dựa vào lời Lưu Trọng Lư, trong một buổi diễn thuyết tại Qui Nhơn, 1934: *Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt. Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya; ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ...* (9). Nhưng màu xanh nhạt, tiếng gà trưa rồi cũng tàn phai theo một nền văn minh đang *lỡ bước sang ngang*. Lưu Trọng Lư chấp nhận khó khăn những đổi thay của cuộc sống: *Tôi vừa đau đớn vừa căm giận khi nghĩ đến cái lớp đàn bà lòe loẹt kia đã dám kiêu hãnh thay thế cái lớp đàn bà cũ kỹ ấy - những người đàn bà thùy mị với những bộ răng đen nhánh. Những người đàn bà ngày nay đã để răng trắng. (...) Nhưng tôi biết nói thế nào khi người ta gọi đó là sự tiến bộ*. Ông nuối tiếc *những đồng tiền kêu lẻng kẻng một cách vui vẻ biết bao! Chúng ta ngày nay ở vào một cái thời mà đồng bạc chỉ bằng giấy (...)*, và tiếng lục lạc của tuổi thơ, *nhưng trời ơi, làm sao tôi quên được những tràng lục lạc ấy... Không phải tiếng lục lạc cột ở chân một đứa bé, mà là tiếng rung của một thời, của một thế giới đã sập đổ, đã đổi rồi* (10). Hàm răng trắng, đồng bạc giấy là những thay đổi tối thiểu mà một người hoàn toàn tân học như Lưu Trọng Lư năm 1941 còn không chấp nhận, nói chi đến những biến đổi thâm trầm hơn, trong phong tục, trong tư tưởng hay tình cảm?

Lưu Trọng Lư mơ mộng nhưng không hão huyền. Mới đây, ông có tâm sự: *Trong đời, có một câu thơ nào, hình như đều do cuộc đời gợi ý cho. Tuy vậy cũng có những bài thơ đôi khi một mình ngâm lại cũng không biết từ đâu tới* (11). Hoài Thanh nhầm và ví dụ không đúng về ông: *thường ta chỉ thấy những cảnh rất mơ hồ, không có ở thời nay, mà cũng không có ở thời nào. Hãy đọc bài Thơ Sầu Rụng* (12).

Vầng trăng từ độ lên ngôi
Năm năm bến cũ, em ngồi quay tơ
Để tóc vướng vần thơ sầu rụng
Mái tóc buồn, thơ cũng buồn theo
Năm năm tiếng lụa xe đều
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây

Hình ảnh dù được thi vị hóa, cũng đã có thực trong tuổi thơ của tác giả. *Đến nay mẹ tôi đã chết, mà cái nghề tằm tang cũng đã chết ở trong làng tôi rồi. (...) Tôi quên làm sao được những mảnh trăng rơi đầy trên những ruộng dâu. Tôi quên sao được tiếng đều đều của guồng xa.*

Những cảnh đầy thơ, đầy êm ái, đầy tôn nghiêm của nghề tằm tang (13) đã gợi lên giấc mộng tình:

Chàng cùng tôi
Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ
Chàng ngâm thơ
Vườn sau oanh giục giã

Gần đây, ông có nhắc lại câu thơ Baudelaire đã từng ám ảnh tuổi thơ:

Tant l'écheveau du temps lentement se dévide
(Guồng tơ dần thu ngắn sợi thời gian).

Làm sao mà chuyển dịch cho được cái nhịp điệu, dư ba âm hưởng ấy (14). Ta thấy Lưu Trọng Lư đặc biệt lưu tâm đến nhạc điệu trong câu thơ Pháp; về hình ảnh, Baudelaire đã mượn ở nghề canh cửi (écheveau là cuộn chỉ, cuộn tơ, dévider là tháo chỉ tháo tơ từ cuộn để dệt). Nghề tằm tang ở nông thôn ta, có phần vất vả nhất định, *làm ruộng ăn nằm, chăn tằm ăn đứng*, nhưng là một sinh hoạt của phụ nữ, nhiều thi vị, từ cái buổi một cô gái hái dâu trở thành Ỷ Lan phu nhân, hay xa hơn nữa, một người đẹp rũ lụa trên bến Trữ La, nghề tằm tang đã lưu lại trong văn thơ nhiều tác phẩm hay - từ Lý Thương Ẩn đến Nguyễn Bính.

Bài **Một Mùa Đông** nổi tiếng, là điển hình cho tầm nhìn hồi cố của Lưu Trọng Lư. Bài thơ bắt nguồn từ một liên quan có thật giữa nhà thơ và một thiếu nữ tên Cúc - chị Điềm Phùng Thị, nhà điêu khắc hiện nay, chuyện nhiều người biết, nhưng không ai dám nhắc vì ngại chạm đến đời tư; nay chính Lưu Trọng Lư đã kể lại vanh vách suốt năm trang trong hồi ký **Nửa Đêm Sực Tỉnh** (15) thì chúng ta ghi lại như một tư liệu văn học:

Đôi mắt em lặng buồn
Nhìn thôi mà chẳng nói
Tình đôi ta vời vợi
Có nói cũng không cùng,
(...)
Em chỉ là gái trong song cửa
Anh là mây bốn phương trời
Anh theo cánh gió chơi vơi
Em vẫn nằm trong nhung lụa

(...)
Ngày hôm tiễn biệt buồn say đắm
Em vẫn đùa nô uống rượu say.
Em có biết đâu đời vắng lạnh
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.

Môi em đượm sắc mùi nho tươi
Đôi má em hồng chúm nụ cười
Đôi mắt em say màu sán lạn,
Trán em để lỏng làn tóc rơi.

Giai nhân ở đây là một cô gái tân thời, thuộc loại "răng trắng" đã từng làm cho nhà thơ "*vừa đau đớn vừa căm giận*", nhưng bây giờ thì *lệ tràn đêm xuân, tình tràn trước ngõ, mộng tràn gối chăn*. Chuyện "tình sử" diễn ra tại sân chùa Thầy, hôm ấy có cả nhà thơ Thân Thị Ngọc Quế và chồng là họa sĩ Dương Cẩm Chương, hiện cùng ở Paris. *Chúng tôi trải giấy nhật trình, bày bữa ăn trưa. Có ít gà quay và chai rượu vang Pháp. Thấy tôi uống, Cúc cũng bắt chước đưa cốc rượu chạm vào môi. Người em gái tuyệt vời khi trên môi nhuốm màu nho tươi và hồng đôi má, rồi để rơi trên trán vài sợi tóc cô đơn vô tình tạo thành hình tượng nghệ thuật khó phai. Cúc nhìn tôi với nước mắt khẽ rơi* (16).

Từ cảnh thật người thật, nhà thơ đã dệt thành một giấc mơ, trong đó, cô gái mới, *đượm sặc mùi nho tươi*, đã trở về ngôi *người em sầu mộng của muôn đời.*

Tình em như tuyết giăng đầu núi
Vằng vặc muộn thu nét tuyệt vời

Nhất định Lưu Trọng Lư phải thuộc câu thơ Đỗ Phủ:

Song hàm Tây lĩnh thiên thu tuyết
(Song ngậm nghìn thu ngời tuyết núi)

Tản Đà đã dịch: *nghìn năm tuyết núi song in sắc*. Đoạn cuối **Một Mùa Đông:**

Thuyền yêu không ghé bến sầu
Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng

gợi ta nhớ nhiều bài thơ Đường, đặc biệt bài **Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ** (Sông Xuân Đêm Trăng Hoa) của Trương Nhược Hư:

Diễm diễm tùy ba thiên vạn lý
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh
(...) Thùy gia kim dạ biên chu tử
Hà xứ tương tư minh nguyệt lâu (17)

Long lanh muôn dặm sóng xao
Sông xuân một giải cõi nào không trăng
(...) Thuyền ai thấp thoáng canh thâu
Dưới trăng ai nhớ, trên lầu nhớ ai

(Không nhớ người dịch)

Dĩ vãng trong thơ Lưu Trọng Lư là cả một nền văn hóa đang phôi pha, nhưng còn để lại những màu sắc những âm thanh, những "Chiếc Cáng Xanh" những "Chiếc Cáng Điều" đến những câu ca dao, mà ông rất sành, và thơ Đường, thơ Tống. Bài **Tiếng Thu**, như nhiều người nhận xét, chịu ảnh hưởng thơ Pháp, như Baudelaire hay Verlaine, từ ý thơ đến nhạc điệu; nhưng không khí vẫn Đông phương, với những chinh phu cô phụ, ánh trăng mờ, con nai vàng ngơ ngác. Vũ Ngọc Phan thông thái khi nhận ra âm hưởng cái tên bài *Thu Thanh Phú* của Âu Dương Tu, và sau này Lưu Trọng Lư xác nhận đã nghe phụ thân ngâm. *Có khi ngâm cả bài Thu Thanh của Âu Dương Tu cho tôi nghe (...) Dầu sao bài thơ (?) ấy cũng gợi cho tôi một thứ nhịp điệu mơ hồ nào đó và cho tôi một cái tên để đặt cho bài thơ Tiếng Thu của tôi sau này* (18). Nhưng ảnh hưởng chỉ dừng lại ở cái tên *Thu Thanh; Tiếng Thu,* nội dung bài phú và bài thơ không tương quan. Về "con nai vàng ngơ ngác", Lưu Trọng Lư kể lại, *trên vách, cạnh chỗ tôi hàng ngày ngồi học, có ghi bằng chữ Hán to, bài ký của thầy tôi, và dưới bài ký là hình một con nai có hoa. Tuổi nhỏ tôi sống bên con nai đó* (19). Dĩ nhiên nai không phải là một hình ảnh đặc trưng cho cái gì, trong thơ Pháp, thơ Nhật, thơ Tàu, đều có. Nhưng con nai vàng Lưu Trọng Lư,

cũng như con nai cao của Huy Cận, chia sẻ nỗi sầu mông lung, với *con nai bị chiều đánh lưới* của Xuân Diệu: *Mắt ngơ ngác, và thân hình ảo mộng.*

NGỰA SAY

Cái mơ, gặp cái say, bỗng chếnh choáng hương tình:

Vầng trăng lên mái tóc mây,
Một hồn thu tạnh, mơ say hương nồng.
Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lặng trong dòng mắt em

Hình ảnh vừa cổ điển vừa tân kỳ. Vũ Ngọc Phan phê là *tuyệt bút*, vì đã bắt gặp *cái phút ái ân của đôi trai gái trong lúc giáo đầu, thật là đầy tình, đầy mộng* (20). Lối giải thích máy móc quá, thành dung tục; có thể vì vậy mà bài thơ thật hay này đã bị loại ra khỏi **Tuyển Tập Lưu Trọng Lư**. Với tôi, bài thơ chỉ là một liên tưởng tạo hình. Người xưa lấy thiên nhiên làm tiêu chuẩn cho thẩm mỹ, thường so sánh tóc với mây: *mây thua nước tóc; tóc mây một món dao vàng*. Lưu Trọng Lư lật ngược tương quan - Baudelaire vẫn thường hành văn như vậy - so sánh mây với mái tóc, một lối nhân cách hóa, tỏa rộng thành bầu trời, *một hồn thu tạnh*(21), chữ *tạnh* có nghĩa là dứt cơn mưa, *tạnh* là một bầu trời quang đãng dịu mát và tươi thắm như vừa mới gội rửa hết bụi trần. Tản Đà đã dùng chữ *sông tạnh* để dịch rất sát chữ Hán *tình xuyên* trong bài Hoàng Hạc Lâu: *Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thu, Hán Dương sông tạnh cây bày*. Tạnh còn có nghĩa im vắng: *dặm khuya ngắt tạnh mù khơi* (Kiều). Xuân Diệu có lần dùng chữ *tạnh* trong bài **Thu** rất hay:

Gió thầm, mây lặng, dáng thu xa
Mới tạnh mưa trưa chiều đã tà
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Chữ *tạnh* gạn lọc nguồn sáng mát trong và vô tội cho cơn *mơ say hương nồng*. Hương thơm và hơi ấm len vào không gian trong vắt, vừa thực vừa mộng: *mắt em là một dòng sông*, trong suốt đến độ mọi sự vật đều phản chiếu vào đáy ướt, đáy mắt, *mắt em* đầu câu lặp lại ở cuối câu, là một phản ánh. Dòng sông trong đôi mắt gọi về hình ảnh con thuyền, thuyền của *hồn ta*, ngược với lối "ẩn dụ" *một hồn thu tạnh*, hồn của bầu

trời. Ta nhớ lại một câu khác cùng trong bài **Thu** của Xuân Diệu *Hây hây thục nữ mắt như thuyền*, hay Đinh Hùng:

Em tự nghìn xưa chuyển bước về
Thuyền chao sóng mắt dẫn trăng đi.

Khi so sánh: mắt với sông, hay ngược lại, sông với mắt, ta phải đứng xa, khoảng cách đẩy lùi chân trời, làm không gian rộng lên cao mênh mông, trong niềm yên tĩnh vô biên, *thuyền ta bơi lặng* (14). Những câu thơ hay và đầy chất Lưu Trọng Lư thường vẫn vời vợi. Ngược lại:

Giật mình ta thấy bồ hôi lạnh
Mộng đẹp bên chăn đã biến rồi

là một câu hay, nhưng không lộng tình và ngát mộng Lưu Trọng Lư.

Trăng Lên là một bài thơ tuyệt vời vì những giao ảnh giao hưởng tế nhị, tiếp nối hài hòa tạo cảm giác rạo rực nồng nàn ngây ngất, nhưng vẫn thanh tân và đằm thắm. Như một đêm thu nào tĩnh và sáng mãi trong lòng ta.

Mơ và Say một lần nữa lại làm ta ngất ngưởng với bài *Say* mà Lưu Trọng Lư có lần bảo là mình thích nhất:

Ước gì ta có ngựa say,
Con sông bên ấy bên này của ta.
Trời cao, bến lặng, bờ xa...
Lao đao gió sậy, la đà dặm trăng...
Một mai bên quán lại ngừng
Quẩy theo với rượu, một vừng giai nhân.
Ta say, ngựa cũng tần ngần,
Trời cao xuống thấp, núi gần lên xa.

Bài này đăng trên Hà Nội Tân Văn, ngày 9-4-1940 được Vũ Ngọc Phan trích lại (22) và bản trích được xem như là bản chính, vì so với **Tuyển Tập Lưu Trọng Lư** thì đầy đủ và hợp lý hơn. Trong cơn ngây ngất, người say muốn ngựa cũng say; ngựa không chỉ là phương tiện vận chuyển, hoặc là bạn đường, mà hóa thân làm tri kỷ và đồng lõa, cũng làm nghiêng ngả càn khôn. Nhịp thơ linh động, so với nhịp đều đều của lục bát: *bên ấy... bên này... bến lặng... bờ xa* như giọng lẩm nhẩm của người say, không còn phân biệt phương hướng, tả hữu, trước, sau; đất liền và sông nước đều như nhau, đều *của ta*, say là chiếm hữu, là trấn ngự trần gian. Bận làm chủ trần gian nên quên cả mình, quên cả tự chủ. Và mơ hồ

chữ nghĩa: *gió sậy* không *lao đao* mà chỉ lao xao, con người mới *lao đao*; *dặm trăng* chỉ lờ mờ, nếu cần thì la cà chứ không la đà, cành trúc mới la đà: âm thanh và hình khối nhòe nét. Nhưng *lao đao* và *la đà* vẫn có nét chung là mất thăng bằng qua âm l/đ luyến láy, như trong: lảo đảo, lênh đênh, long đong, lừ đừ, lờ đờ, lật đật, lận đận... Bước chân chập choạng, nên mới *ước gì có ngựa.* Mà ngựa phải say, niềm vui mới hài hòa, trọn vẹn, mới cùng tương đắc và tâm đắc *bên quán lại ngừng*. Có quán rồi mà muốn chắc bụng, phải *quẩy theo với ngựa*, và quên bẵng là mình... đi ngựa: Trên ngựa thì làm sao mà gánh quẩy? *Một vừng giai nhân* ở đây nên hiểu là vầng trăng hơn là người đàn bà, như Vũ Ngọc Phan đã giải thích. Vui như thế, ngây ngất như kia, ai gánh đàn bà theo làm gì? *Vừng giai nhân* là một hình ảnh tài hoa và hàm súc thu gọn phong cách *nghìn năm thi sĩ tửu đồ* như lời Tản Đà hay qua câu thơ Hồ Xuân Hương:

Bầu dốc giang sơn say chấp rượu
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ

Ánh trăng sóng sánh trong gánh nước là một hình ảnh quen thuộc trong thơ Nôm Nguyễn Trãi:

Khách đến chim rừng hoa xẩy rụng
Chè tiên nước ghín nguyệt đeo về.

(Tiên nghĩa là nấu; ghín là gánh)

Chè tiên nước ghín bầu in nguyệt
Mai rụng hoa đeo bóng cách song

Uống chè, uống rượu trong cảnh ấy là uống cả ánh trăng, là đón cả vũ trụ trong sáng vào lòng:

Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén

(Nguyễn Trãi)

và chúng ta lại nhớ Xuân Diệu: *trăng võng rượu khiến đêm mờ chếnh choáng* (23).

(Về ánh trăng trong nồi nước chè mộc mạc, Quang Dũng có đoạn văn hay: *chốc chốc họ lại vục cái bát vào nồi chè tươi ông cụ đã để sẵn ngoài hiên, làm tan mảnh trăng vằng vặc ở trên lớp bã chè ở đáy nồi* (24).

Một vừng giai nhân tạo nên một vòng hào quang phong nhã hào hoa, tình tứ mà trân trọng. Kiểu cách một tí, lả lơi một tí; liều lĩnh mà dè dặt; chừng mực nhờ cổ kính. Nhà thơ chợt biết mình say: *ta say, ngựa cũng tần*

ngần, nghĩa là ngựa còn có phần tỉnh táo - nhà thơ mong thế, trong niềm e ngại không gian đang bớt chiều cao và thêm chiều rộng:

Trời cao xuống thấp, núi gần lên xa

Cao thấp, gần, xa, những khoảng cách, xa ngái, gập ghềnh, *tần ngần* là phải. Phần e đường sá, phần thương dãi dầu. Uống rượu, ngại nhất là đường về.

Về nhà, hay về thực tại, đều ngại. Về là ngại.

*

Một tâm hồn mơ mộng, đôn hậu và trong sáng như Lưu Trọng Lư, một trái tim thi sĩ như thế nhất định phải gặp nhiều khó khăn khi va chạm vào những góc cạnh cuộc sống. Cuộc sống bình thường thôi, nói chi đến lịch sử khốc liệt của chúng ta. Sống bình thường thôi, tồn tại thôi, là đã gian nan, nói chi đến việc đưa cuộc sống vào nghệ thuật - theo những quy luật thường tình thôi - nói chi đến quan điểm hẹp hòi của chủ nghĩa hiện thực xã hội, trong một giai đoạn nghiệt ngã của đất nước.

Nhiều người có thành kiến với Lưu Trọng Lư, vì những tập thơ về sau của ông, và cũng vì thái độ cứng nhắc của ông thời chống Pháp ở khu IV hay qua những buổi nói chuyện về thơ sau 1975 in lại trong **Mùa Thu Lớn**. Con người mơ mộng, khi lạc bước vào những hành lang thực tế, có khi vụng về và thô bạo. Tuy gần gũi, ông không học được cái khôn của Hoài Thanh, cái khéo của Nguyễn Tuân, ông tai tiếng dù danh lợi không là bao.

Lưu Trọng Lư là một trong những nhà thơ gian khổ nhất trong hai cuộc kháng chiến. Từ 1946 ông tham dự chiến khu Hòa Mỹ tại Thừa Thiên là chiến trường ác liệt vào hạng nhất trên toàn quốc; đến tháng 5-1975, khi các nhà văn nhà thơ khác vào Nam để sum họp, đoàn tụ, thì Lưu Trọng Lư đi tìm xác đứa con trai, hy sinh tại Vàm Cỏ Tây, mấy hôm trước ngày 30 tháng 4, trên đường tiến quân về Sàigòn. Giữa hai cái mốc đánh dấu bằng lửa và máu đó, Lưu Trọng Lư không sáng tác được gì đặc sắc; chức nọ chức kia nếu có cũng chỉ là phù danh.

Thơ ông sau này không hay, vì không hợp với tầm viết của ông, vì đường lối bức bách đã đành, nhưng còn vì một chọn lựa, theo nhu cầu thời đại và đòi hỏi của lương tâm. Vì thật ra, không ai bắt ai phải làm thơ; bao nhiêu người không làm thơ. Suốt thời kỳ chống Pháp Huy Cận không làm thơ bao nhiêu.

Vì rằng, trong một xã hội, một giai đoạn nào đó, người ta có thể viết: *Em ngồi trong song cửa, Anh đứng dựa tường hoa*, nhưng vào một thời điểm khác, sau khi đã sống, đã nhận thấy những hoàn cảnh khác, người ta không còn viết được như vậy nữa. Ở Pháp cũng vậy thôi: Những Aragon, Eluard từ trường phái Siêu thực bước vào kháng chiến chống Đức, cũng thay đổi đề tài. Năm 1940 Camus trong L'Etranger *(Kẻ Lạ)*, tạo nên nhân vật Meursault hoàn toàn dửng dưng với xã hội; sau những năm kháng chiến ông viết La Peste *(Dịch Hạch)* nói lên tình tương thân tương trợ giữa con người. Nào có đường lối nào thúc ép ai đâu. Nhưng với những đề tài mới, dấn thân hơn, họ vẫn thành công vì nghệ thuật của họ đa dạng hơn. Còn Lưu Trọng Lư, dù hẹn đến luân hồi, cũng chỉ dâng được cho đời *Đóa Mộng Đầu* của kiếp trước, vẫn dưới một gốc sim già, một buổi bình minh của Thời Mới. Thơ Lưu Trọng Lư chỉ trinh tiết một lần.

Lý thuyết văn nghệ rườm rà, phức tạp trong khi sáng tạo và thưởng ngoạn tuân theo một vài quy luật đơn giản. Một nền văn nghệ phong phú, khi sáng tác đưa đến lý thuyết; nền văn nghệ ấy sẽ cằn cỗi khi ngược lại, lý thuyết đúc khuôn cho tác phẩm. Trường hợp Lưu Trọng Lư cũng vậy thôi. Khi thơ ông là *một chút hồn mộng vất chỗ này một chút, chỗ kia một chút, nó thành hình gì thì nó là cái ấy* (25) thì là những đóa hoa tráng lệ, mãi mãi lưu hương gửi sắc lại cho đời. Khi nó thu mình vào những khuôn mẫu, do lịch sử hay lý trí chỉ định thì nó trở thành những vật dụng thường và xoàng, dù có ích hay không có ích.

Thập niên cuối cùng trong đời, từ khoảng 1980 trở đi, dường như tâm hồn Lưu Trọng Lư thanh thản hơn, như thoát ly ra khỏi trần lụy và thế tình. Thơ ông thanh thoát, trong trẻo hơn ba mươi năm về trước, giàu cảm xúc và nghệ thuật hơn. Tập hồi ký mới đây (1989) **Nửa Đêm Sực Tỉnh** là một lưu bút chân thành, cảm động, xứng đáng với thế giới mà Lưu Trọng Lư, với tập **Tiếng Thu** đã sáng tạo nửa thế kỷ trước. Một thế giới *Vằng vặc muôn thu nét tuyệt vời.*

ĐẶNG TIẾN

Orleans 18.12.1991 Ngày giỗ Xuân Diệu

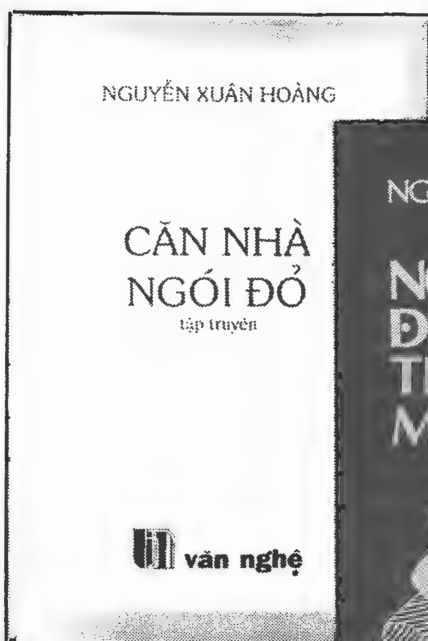
(*) Lưu Trọng Lư sinh ngày 19-6-1912 tại Quảng Bình, mất ngày 10-8-1991 tại Hà Nội.

(1) Valéry: Le cimetière marin, Lưu Trọng Lư có trích trong bài Gió: Le vent se lève, Il faut tenter de vivre.
(2) Mùa Thu Lớn, nxb Tác Phẩm Mới, 1978, Hà Nội tr. 82.
(3) Mùa Thu Lớn, sđd. tr. 14.
(4) Chiếc Cáng Xanh, 1941, nxb Tân Dân, Hà Nội, trích lại trong Tuyển Tập Lưu Trọng Lư, nxb Văn Học 1987, Hà Nội, tr. 206. Vì không biết nguyên do của *tấm áo đỏ* nên Georges Boudarel, trong bản dịch ra Pháp văn hiểu nhầm ra áo của người con (Anthologie de la Poésle Vietnamienne, Les Editeurs Français réunis, 1969, Paris, tr. 75), còn hơn bản dịch của nxb Ngoại Văn, Hà Nội, đem *thuở thiếu thời* của người con gán cho người mẹ (Anthologie de la Littérature Vietnamienne, Editions en Langues Etragères, 1975, Hà Nội, cuốn III, tr. 419). Về *áo đỏ*, Lưu Trọng Lư còn kể lại trong Mùa Thu Lớn, tr. 132.
(5) Mùa Thu Lớn, sđd, tr. 13. Về *một đời người*, thân phụ Lưu Trọng Lư đỗ cử nhân, làm tri huyện rồi từ nhiệm sớm, có bài văn tế vợ với hai câu cảm động:
Liu hiu gió thổi sầu lên, trời bạc có hay nông nổi thế
Lác đác mưa sa thấm xuống, suối vàng ngỏ thấu ít nhiều chi
(Mùa Thu Lớn, sđd tr. 28)
(6) Chiếc Cáng Xanh, trích lại trong Tuyển Tập, tr. 210.
(7) Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại III*, nxb Vĩnh Thịnh tái bản, Hà Nội, 1951 tr. 289.
(8) Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, Thiều Quang tái bản, Sàigòn 1967, tr. 298. Trích lại trong Tuyển Tập Hoài Thanh I, nxb Văn Học, Hà Nội 1982, tr. 46.
(9) Hoài Thanh, Thi Nhân Việt Nam, sđd, tr. 10, 11, 12.
(10) *Chiếc Cáng Xanh*, nxb Tân Dân Hà Nội 1941, trích lại trong *Tuyển Tập Lưu Trọng Lư* nxb Văn Học, Hà Nội 1987, tr. 210, 211, 220.
(11) *Nửa Đêm Sực Tỉnh*, nxb Thuận Hóa (? Huế?) 1989 tr. 23.
(12) *Thi Nhân Việt Nam*, sđd, tr 298.
(13) *Tuyển Tập Lưu Trọng Lư* sđd, tr. 216, *Mùa Thu Lớn*, nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1978 tr. 14.
(14) *Nửa Đêm Sực Tỉnh*, sđd, tr. 147.
(15) *Nửa Đêm Sực Tỉnh,* sđd, tr. 18-23.
(16) Trương Nhược Hư, Xuân Giang Hoa Nguyệt Dạ, Ngô Tất Tố dịch hay. Cheng Chi Hsien (François Cheng) có trình luận án về bài thơ này, phân tích hay. Analyse Formelle de l'Oeuvre poétique d'un auteur des Tang, Zhang Ruo Xu, Mouton, Paris, La Haye 1970.
(17) *Mùa Thu Lớn*, sđd, tr. 27 và tr. 8.
(18) Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 294.
(19) Có nơi ghi *một hồn thu lạnh*, chúng tôi theo bản Vũ Ngọc Phan.
(20) Có nơi ghi là *bơi lội, bơi lặn.*
(21) *Nửa Đêm Sực Tỉnh,* sđd tr. 130.

(22) Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 296.
(23) Trên ý này, nhà thơ Vũ Hân mới mất có bài **Mại Nguyệt Hành** hay:

Đêm qua chú lại tự thiên thai
Quảy một bồ trăng chiếu dặm dài
Trăng Tống, trăng Đường, trăng Chiến Quốc
Trăng Chu, Trăng Hán, trăng Liêu Trai
(...) Tiếc thay chú lái vì non vốn
Không tậu Hằng Nga ở nguyệt đài...
(...) Nặng quảy về đâu? Đường cát bụi
Mua trăng mấy kẻ dạ gương soi?
Bán quách cho ta cho nhẹ gánh
Để ta hòa rượu được dăm chai.
Rồi ta mở tiệc mời người đến,
Chén chú chén anh khướt nhịp hài (...)

(Diễm Trang, Huế, 1956)
(24) Quang Dũng, *Nhà Đồi,* nxb Văn Học, Hà Nội, 1983, tr. 116.
(25) *Nửa Đêm Sực Tỉnh*, sđd, tr. 23.







PHẠM THỊ QUÝ

ảo thuật

Trên sân khấu thênh thang
Trước sự chăm chú của hàng nghìn cặp mắt
Với cái giá phủ màu đen
Anh hóa có thành không
Không thành có
Một cách dễ dàng
Một bông hoa hóa thành hai
Hai thành ba, bốn thành năm
Rồi bỗng nhiên biến mất
Những tấm bài nhân đôi, nhân ba rồi trở nên bé tí
Sau cái vẫy tay nhẹ nhàng
Những con chim câu xuất hiện
Sợi dây hóa thành bông hoa
Bông hoa hóa thành con rắn
Chân thành giả, giả thành chân
Biến hóa tài tình
Trước những tràng pháo tay hoan hô
Anh ngẩng cao đầu
Và nở nụ cười tươi trước ánh mắt nhìn ngưỡng mộ
Cuối cùng tấm màn nhung khép lại
Chỉ còn anh với sự cô độc lạnh lùng
Những sợi dây, nút bấm vô tình
Và gương mặt anh hóa thành trơ tráo
Trước tấm gương soi những nếp nhăn hiện ra rất rõ
Anh vẫn chính là anh - một kẻ diễn trò
Chỉ còn nỗi cô đơn và cái đói dày vò
Anh lẳng lặng trở về với cuộc đời mình trong căn nhà bé nhỏ
Bằng những bước chân chậm chạp...

PHẠM THỊ QUÝ



Tranh Nguyễn Trọng Khôi



CHÂN PHƯƠNG

thường quán, con mắt của trái tim

Công việc của mắt đã làm xong
Bây giờ đến lượt trái tim
Rilke.*1914*



Nếu là người chỉ đọc một tập thơ trong năm vừa rồi hoặc chỉ đọc độ năm sáu quyển thơ kể từ 1975 đến giờ, bạn phải tìm cho được *Ngoài Giấc Ngủ**. Quay lưng với làng sách báo hải ngoại ồn ào các tạp âm tán dương và bốc phét thiếu văn hóa, một nhà thơ đã âm thầm làm việc và đã tạo nên phép lạ. Tôi xin đặt bút lên mặt giấy tinh khôi của tư tưởng và sáng tạo trang trọng viết tên THƯỜNG QUÁN, nhà thơ đang vinh thăng thơ Việt và tiếng Việt Nam.

Thật ra, mọi quảng cáo giới thiệu, dù bốc đồng văn nghệ, đối với Thường Quán đều thừa. Hơn ai hết, anh hiểu công việc mình kiên trì theo đuổi; và tôi nghĩ, anh đã liễu ngộ bí quyết của thơ như trong lời tâm sự sau:

Mười mấy năm sống với thi ca: được vinh hạnh chọn lựa Thơ để đi vào vùng trời cảm xúc và tư duy - không còn của riêng mình, nhiều cất bước

quay về với bỏ dở, thất bại. Duy chỉ một thành công: sự trì hoãn buổi chào đời của tập thơ đầu tay.

(Lời dẫn nhập Ngoài Giấc Ngủ)

Mười mấy năm sống với thi ca để có được tập thơ đầu - như độc giả, như khách thưởng ngoạn, chúng ta là gì để xứng đáng với một tặng phẩm như thế? Cầm tập thơ trên tay, tôi nhớ đến Rilke, người từng nói rằng *nhẫn nại là đức tính cao nhất của nhà thơ.* Trước một ý thức sáng tạo khiêm tốn ít lời như thế, mọi phẩm bình đều thừa. Khi nhà thơ đã hiến dâng hồn xác cho đời-sống-thơ, người đọc cũng phải mở toang tim óc của mình để đón nhận nhà thơ. Muốn lĩnh hội một tác phẩm nghệ thuật khó tính - có thể khẳng định *Ngoài Giấc Ngủ* là thi phẩm khó tính nhất trong dòng thơ hải ngoại từ trước đến giờ, khó tính với cái nghĩa không chìu đón thị hiếu tầm thường khuôn sáo của đám đông, không nháy mắt hoặc đi cửa sau với các xu hướng, phe nhóm văn nghệ thời thượng,... - người đọc phải hóa thân làm bạn đồng hành sinh tử của nhà thơ. Thay vì hấp tấp nóng vội hoặc cẩu thả vô tình, người đọc phải vừa tận tụy kiên nhẫn vừa ung dung tỉnh táo. Bên cạnh mối cảm thông thành khẩn, đọc còn là một hành động cao cấp của ý thức, vừa phân tích vừa tổng hợp, cân nhắc từng chữ, từng hình, đối chiếu và liên kết giọng điệu, ý tứ, hình tượng để tái tạo lại diện mục của tác phẩm. Giữa tâm thức nén đặc tư duy và cảm xúc của nhà thơ, người đọc như một nhà trinh thám thông minh cẩn trọng truy tìm từng dấu vết, tự định hướng cho mình noi theo các cụm từ và hình tượng chìa khóa, cuối cùng thiết lập bản đồ ý nghĩa khả dĩ soi chiếu được nội dung mật tàng của các bài thơ. Nghệ thuật lớn bao giờ cũng đòi hỏi khắt khe. Như kẻ trèo núi cao, lặn biển sâu, thám hiểm rừng thiêng, đến lúc nào đó, người đọc chân thành sẽ tìm ra châu báu. Khi ấy, tác phẩm nghệ thuật sẽ hé mở đôi môi của tinh thần.

Không kể những lần đọc thơ anh trên các tạp chí văn nghệ, tôi đã sống với tập thơ Thường Quán một cách thân thiết như tôi vẫn sống lâu nay với một số nhà thơ tâm đắc khác. Hầu như tuần nào tôi cũng đọc lại một vài bài ưa thích, và số lượng những bài thơ tôi đặc biệt chú ý đã chiếm hơn hai phần ba tập. Có nghĩa là tôi đã đọc trọn tập thơ rất nhiều lần, càng đọc càng khám phá thêm những điều mới lạ. Kinh nghiệm "ăn nằm" ấy giúp tôi nhận ra thi phẩm "Ngoài Giấc Ngủ" tự thân là một bài thơ lớn tỏa sáng soi chiếu từng chữ, từng ý, từng hình cho 67 bài thơ trong thi tập. Để trình bày sự liên hệ mật thiết và sinh động của mỗi bài

thơ với cả kiến trúc của tập thơ phải viết hẳn một bài phê bình quy mô vượt xa kích thước của vài trang nhận định. Nhưng rõ ràng thế giới thơ Thường Quán là một kinh nghiệm tựu thành và sáng tạo hoàn chỉnh. Qua lăng kính riêng của nhà thơ, chất liệu về quê hương và dân tộc trải qua cuộc tang thương được tinh lọc và cất giữ, rồi tái tạo thành một tác phẩm nghệ thuật toàn bích.

Nhiều bài thơ thoạt nhìn có vẻ cầu kỳ chứa đầy hình tượng khó hiểu, nhiều câu thơ đọc lên rối rắm gần như lập dị, dần dà đã chinh phục tôi vì sự thật tâm linh và mỹ học mà chúng ta đã chuyên chở với mức độ hàm súc cao. Nếu viết là một nghệ thuật khó thì đọc cũng là một nghệ thuật khắt khe không kém. Giờ đây viết những dòng chữ này với tập *Ngoài Giấc Ngủ* mở ra trước mặt chứa đầy những câu thơ thân quen đến mức trở thành bình dị, tôi chợt nhớ giai thoại về nhà thơ Eliot liễu ngộ trước *Anabase* của Saint-John Perse, sau một đêm không ngủ đọc đi đọc lại thi phẩm ấy nhiều lần.

Tại sao đặt tên tập thơ là *Ngoài Giấc Ngủ*? Nhà thơ có dụng ý gì? Xin mời các bạn đọc với tôi bài thơ cũng mang tên *Ngoài Giấc Ngủ* nằm vào phần cuối quyển thơ:

Những người khuất mặt
Đến lặng lẽ chào tôi trong đêm
...
Đôi bờ quán lữ
Mưa giăng
Tay tìm nhau
...
Giọt mưa không giọt mưa không
Rơi **ngoài giấc ngủ** *(Tôi nhấn mạnh, CP)*
...
Lạc mất câu chào
Trời mây thiên cổ
Chẳng tìm nhau
Chẳng tìm nhau...
(Ngoài Giấc Ngủ, tr. 111)

Một ám ảnh của nhà thơ, vừa xa vắng Đường thi vừa ngậm ngùi thế sự. Và tiếng mưa, từng giọt trống không rơi ngoài giấc ngủ, chưa có gì rõ rệt, ngoài một cảm giác hiu hắt lạc loài.

Tôi đi tìm cánh cửa khác. Ngay bài đầu tập thơ, *Lời Mở* (tr.11), tôi phát hiện:

Những gì tôi giữ được
Vào những giờ cô đơn;
...
Những đợi chờ không rõ nghĩa khuya hôm
Những nhớ thương vướng vất nắng đầu ngày **ngoài giấc ngủ** *(tôi nhấn mạnh, CP.)*

Ý nghĩa đang hiện dần như ánh tinh sương. Có phải *giấc ngủ* là hình tượng của sự vô nghĩa tối ám mà nhà thơ đang cố vùng dậy để trồi thoát ra ngoài và ngoi lên với nắng mai?

Với chút lóe sáng này, tôi tiếp tục tìm kiếm. Rồi trong bài thơ *Giã Từ Lô* (Tr. 19-21), mấy câu sau cùng hiện ra như lời chú giải:

... chỉ một người ra đi
Thì mới thực khủng khiếp.

Sự sụp đổ mà tôi đang cảm được
Ở cát vùi lấp
Ở mạch nước rỉ...

Tất cả, tất cả
Đang biến mất...

Chỉ còn cát - những bãi cát dài

Tôi không tin chúng ta chỉ trở về với cát
Như tôi không tin cuối cùng
Chỉ là một giấc ngủ dài. *(tôi nhấn mạnh, CP.)*

Một bên là *giấc ngủ dài*; một bên là *ngoài giấc ngủ*. Một bên là cái chết, cõi lãng quên vô nghĩa tối đen; một bên là ý thức, là sự sống đời đời của sáng tạo. Bài *Giã Từ Lô* còn vén mở một hình tượng cốt lõi khác, hình tượng nhà thơ chứng nhân, con mắt mở lớn giữa vô thường và hằng cửu.

Mây trắng Sơn Chà những sớm hoa cau
Vạt tóc rối sáng nào Lô thức dậy
Giữa sách vở, vạt nắng mới trên tường

Và những bông **bất tử** *tím khô*
Tôi đã nhìn... **tôi đang nhìn**
Không nhắm mắt *(Tôi nhấn mạnh, CP)*

Cái nhìn *không nhắm mắt* đặt cạnh những bông *Bất tử* (hai chữ này được chính nhà thơ nhấn mạnh) nói lên khát vọng bất diệt của con người. Cái nhìn ấy chính là hướng sao đêm và tia nắng lóe giữa tóc tang và mất mát. Con mắt đó là biểu tượng của sự sống vô cùng quý vì con người chỉ sống một lần:

Buổi sáng chao trời hôm nay xanh
Làm sao giấc ngủ? Làm sao nhắm mắt?
(Giã Từ Lô, tr. 19)

Nếu đất nước no ấm thanh bình, nếu không có cuộc chiến bạo tàn và các giáo điều máu me, Thường Quán đã là một nhà thơ lãng mạn ngợi ca tuổi trẻ, tình yêu và hạnh phúc, hoặc ca tụng cái đẹp quê hương và cái đẹp thiên nhiên. Anh sẽ viết bài thơ:

... Bình dị nắng trời cổ lục
Màu gió xanh câu hát níu câu hò
Chảy mãi suối nguồn núi sông uốn khúc
Nước đưa người qua bến nắng thơm tho
...
Nở những mắt sớm mai bầu trời tự tại
Núi thương đồi hát mãi điệu mùa xuân
Cánh cò lả trên rừng xanh trái
Nghiêng vai em ngàn ruộng biếc reo ngần.
(Xưa Thơ, tr. 124)

Thế mà *con mắt* đầy tràn *bầu trời xanh, những đồng cỏ vàng, khóe cười lung linh, tiếng nói chuông reo nắng sớm hiên rừng...* bỗng chợt bị bất hạnh bủa vây. *Đôi mắt trẻ thơ* ngày nào còn nhìn ngắm *mùa xuân những nụ hoa đào* giữa *quê hương một màu xanh lam bất hoại* lúc nào không hay đã rơi vào mộng dữ.

Cái nhìn không nhắm mắt bây giờ chỉ còn thấy những *mắt mở trừng đỏ au* (tr. 63), *mắt trợn tròng rách bật* (tr. 59), *mắt mù đi giữa đau câm nắng* (tr. 55), *trong lòng cát biển khơi đôi mắt trắng / chưa vuốt yên cho khép lại thanh xuân* (tr. 52), *chìm đôi mắt / ngấn cơ hàn trầm thủy - úng hư* (tr.77), *những đôi mắt nhìn hoài không nói / rồi bỏ đi lẳng lặng giữ làm sao?* (tr. 56). Cuối cùng còn một người *đứng ngó xa dần trời và đất* (tr. 69),

mắt ngó theo tới hết đằng sau hao hút (tr.90), một con người *mở cửa đứng nhìn trần* (tr. 49).

Không còn gì cả ngoài tan hoang và hủy diệt. Tuổi trẻ bị *chém ngang lưng* (tr. 23), tình yêu là *người thiếu nữ chết ngoài khơi tóc xõa* (tr. 45). Chẳng còn gì ngoài những bước đi của năm tháng vô tâm,

Trái đất này quay nhưng mùa xuân không bao giờ trở lại
(Thơ Gởi Tr., tr. 22)

Và niềm đau chết lặng của giống loài đã mất quê hương,

Còn tiếng sáo qua đầu tre đứt ngọn
Còn lũy hào, chủ nghĩa, những dáo gươm
Những chiếc áo cành sen, thơ, cổ sử
Đã chìm rồi suối biển ao mương.

Có viết nữa chắc là đau sông núi
Ba tầng mây lổ đổ cũng đôi khi
Câu hò đáp nhưng rừng vàng nín bặt
Núi đổ... và sông đã cuốn người đi.
(Viết Lại, tr. 44)

Con người lúc sinh ra không chọn được thời đại cho mình nhưng con người có thể chọn thái độ đối với thời đại và đời sống. Tôi quí Thường Quán vì thái độ trực diện của anh với những điều tàn khốc nhất. Anh không né tránh bất hạnh và chết chóc, trái lại anh sống trọn sự hủy diệt cuồng bạo đã xảy đến cho dân tộc trong tâm thức của mình. Như mảnh đất quê hương bao dung thầm lặng, nhà thơ đón hứng thảm kịch lịch sử và các thương tích khốc liệt nhất đã xảy đến cho sinh mệnh dân tộc. Từ sự cảm nhận chí thành ấy các bài thơ cô đọng khác thường đã nảy sinh.

Mời các bạn đọc cùng tôi bài *Ghi Nhận Trong Sương Mù* có giá trị như một *thi tượng* (metaphor) tiêu biểu cho nhận thức và tâm linh của nhà thơ. Bài thơ mở đầu bằng một ấn tượng về thời gian - lịch sử, có lẽ trước và sau biến cố tháng tư (chú ý sự đối lập nắng / sương mù, ráo lệ / phủ mù).

Tôi ngồi trong nắng rồi sương mù
Chung quanh cuồn nổi sắc phù du
Xóm nắng phút giây vừa ráo lệ
Bây giờ sương trắng đã phủ mù

Sương mù trắng, hình tượng của giáo điều tối ám hàm hồ, bao che những điều bạo ngược, tàn phá quê hương và những con người?

Trắng ăn vào sương tủy những rừng cây...
rách rưới, guộc gầy, đen đủi
Trắng nuốt những tiếng chim mất chủng
Vừa vào sâu / hun hút
lại quang quác trồi ra trườn lên
bầy xám lạnh / đủ mọi / hình thù
Tất cả đều mọc cánh và móng vuốt sắc bấu vào nghẹt thở

Trắng ăn vào sương tủy, Trắng nuốt mất chủng; chúng ta đang đi vào mộng dữ với nhà thơ để chứng kiến đất nước và hàng triệu sinh linh (*những rừng cây rách rưới, guộc gầy...*) bị hy sinh và chà đạp, để kinh hoàng trước mưu đồ tà ngụy của chủ nghĩa, muốn tha hóa tính người (bầy chim *bị nuốt chủng* lại *quang quác trồi ra* đủ mọi hình thù với *móng vuốt sắc bấu vào nghẹt thở...)*

Giữa đám sương đặc vô minh, hiện thực mất hết ý nghĩa; thời gian tan loãng,

Hôm nay Hôm qua
Không Không
Không phải Không phải
Hôm qua Hôm nay
Lẫn lộn
Màu xám nhờ nhờ Của Đôi Mắt
Trắng

Nếu Orwell còn sống, ông sẽ thú vị khi thấy lại hình tượng này. *Đôi Mắt Trắng* xám nhờ nhờ của *Big Brother*, quyền lực tối cao của cái chết đang ngự trị giữa các chế độ ngục tù hay là hoang tưởng không cùng của tham vọng bạo chúa? *Đôi Mắt Trắng* ấy hoàn toàn mất nhân tính, mù lòa trước nỗi bi thương cùng cực của đồng bào đồng chủng -

Treo trên cành nhọn hầm chông tay chân
Núi sông những con người
bé nhỏ lẩn khuất...
Những xác tươi rói bạn hữu của những cánh đồng
thì đỏ rực
mỗi sáng sương mù lên
ăn

Đoạn này rõ nghĩa một cách siêu thực. Bức tranh này hình như chưa thấy trong hội họa Việt Nam. Tấu khúc này cũng chưa nghe trong nhạc Việt. Ngồi giữa phạm trường không có giới tuyến của Tội Ác, đơn độc chỉ có Nhà Thơ

Tôi ngồi
chỉ còn
đôi con mắt *(tôi nhấn mạnh, CP.)*

Đây là biểu tượng, là thi tượng, không phải chỉ chiếu sáng cho thơ Thường Quán mà còn chiếu sáng các tác phẩm văn nghệ nhân chứng cho thời đại chúng ta đang sống, *thời đại của lũ giết người*. Và đây, chúng đang *kéo tới từng bầy* -

Bầy quạ từ Núi Xám và Cánh Đồng Ma
Kéo tới / từng bầy
Móng mỏ đưa hết ra đằng trước
Tất cả đều sẵn sàng
cho chuyện / xé nát và mang đi
...
Tiếng Quạ Ác vang vang Đen ngòm rờn rợn Đỏ
át một tiếng kêu
rất nhỏ
của một con người *(tôi nhấn mạnh, CP)*

Những chữ *Núi Xám, Cánh Đồng Ma, Quạ Ác, Đỏ, Đen* mở rộng nội dung bài thơ, bằng hình tượng. Thường Quán đã vượt không gian và thời gian. Nếu chiêm nghiệm đoạn này, chúng ta sẽ hiểu là nhà thơ đang nói về bản chất Cái Ác, không hẳn là tội ác của một chủ nghĩa, giáo điều, hoặc quyền lực nào cụ thể. Tôi muốn dừng lại một chút trước hai từ Đỏ / Đen. Theo thiển ý, nhà thơ muốn tượng hình ở đây một canh bạc, quanh đó các thế lực tội ác đang sát phạt nhau, quanh đó các âm mưu bá quyền thống trị rình rập từng nước đi của nhau, chờ dịp thuận tiện để tiêu diệt đối thủ... Canh bạc đỏ đen ấy là lịch sử, ác mộng có thực mà loài người đang sống, ác mộng đã và đang tiếp tục hủy diệt nhân phẩm và nhân tính khắp nơi trên quả đất. Thường Quán không phải là nhà cầm bút duy nhất đã kêu la trước Cái Ác, anh chỉ là một nhà thơ đóng góp thêm một tiếng nói chân thực từ nỗi đau của riêng mình - *tiếng kêu rất nhỏ của một con người*

Mặt

đã bị cắn nát bầm
còn kêu lên từng
tiếng
rõ ràng trong
nắng mới
vừa trồi thoát
ra khỏi cánh sương mù

Đúng vậy, tiếng kêu của con người với hơi ấm nóng từ tấm lòng sẽ xua tan sương mù và hòa nhập cùng nắng mới. Tôi tin rằng, trong tình huống đất nước hiện nay, đoạn thơ này mang ý nghĩa tiên tri.

Bài *Ghi Nhận Trong Sương Mù* có thể kết thúc với đoạn trên mà không ảnh hưởng nhiều đến sự nhất quán và tính hoàn chỉnh nghệ thuật của bài thơ. Nhưng hơi thơ trong bài này sau khi bị nén đặc vào từ trường mãnh liệt của các xúc cảm hình tượng đã trình bày như trên chỉ có thể thoát ra và bùng nổ như một tiếng thét bức tử, như một lời thách thức bi tráng của nhà thơ trong giây phút Chịu Nạn:

Hãy cào cấu mang đi tất cả những gì bọn mi
có thể đụng tới
Hãy cắn xé mang đi những gì ta có thể
cho
trừ
Đôi Mắt
và
Trái Tim
Những gì ta đã hứa để dành cho Mẹ

Đây không chỉ là lời tuyên ngôn khẳng khái của Nhân Tính trước Cái Ác, đây còn là lời thề thủy chung của nhà thơ, sống thác một lòng với đất nước và từng con người của dân tộc bắt đầu là Mẹ hiền - Sự thật bình thường như ánh nắng với khí trời, người đã ban cho ta không chỉ đời sống hình hài mà còn tặng cho ta *Đôi Mắt* với *Trái Tim*, đồng nghĩa với lương tri và lương tâm. Mặc dù chưa hẳn có giá trị nghệ thuật cao nhất, bài thơ trên đây chứa đựng một nội dung nhân văn bức thiết với giá trị cao cả của một thông điệp đạo lý.

Còn rất nhiều điều phải viết về thơ Thường Quán, đặc biệt về thế giới hình tượng, về nhạc tính trong giọng thơ, về tính nhất khí của hơi thơ trong những bài thành công nhất. Theo thứ tự tập thơ đó là các bài *Lời*

Mở, Thơ Gởi Tr., Thược Dược, Trưa, Viết Lại, Làm Ruộng, Mây Nam Ổ, Manh Áo Cũ, Ghi Nhận Trong Sương Mù, Trưa Tháng Năm, Tàn Mùa, Hỏi Trái, Chiều, Ga Cuối Năm, Khối Vắng, Rạng Ngày Xuân, Trái Cuối, Mẹ Đêm, và *Ở Trang Cuối.* Nhưng tôi tạm dừng ở đây, nhường độc giả *Ngoài Giấc Ngủ* cái quyền thưởng ngoạn và thẩm định, cũng như cái thú ngoại hạng của nghệ thuật đọc thơ. Nếu tôi đã chia sẻ được phần nào cảm nghĩ của mình về nội dung nhân văn và giá trị đạo lý đáng quý của tập thơ thì coi như bài nhận định dông dài này đã không làm phí phạm thời giờ quý báu của độc giả một cách vô ích.

Trước đây giới cầm bút hải ngoại trong lúc thư nhàn đã bàn cãi huyên náo về văn nghệ chính thống với không chính thống. Sau đó nổ thêm cuộc tranh luận hăng hái về văn chương phản kháng giả hay phản kháng thật. Gần đây lại có sự ưu tư khá sôi nổi về bế tắc sáng tạo của ngòi bút lưu vong và văn hóa ghetto. Thú thật tôi không thuộc hạng người ham thích môn luận lý suông chịu khó bỏ thời giờ định chế các phân chia hình thức. Thời buổi này những ai có học thức bình thường đều biết là *không có* biên giới, lãnh địa, rừng cấm, hoặc độc quyền trong thế giới sáng tạo. Khu biệt màu da, ngôn ngữ, lai lịch kinh tế, chính trị, xã hội là công việc biện biệt của lý trí chưa đụng được cốt tủy của văn học. Thật ra, từ bao đời nay trên trái đất này, chỉ có một thứ văn học chân chính mà thôi xét về hai mặt triết học và thẩm mỹ. Đó là dòng văn học của lương tâm và lòng nhân ái. Dòng văn học nghệ thuật ấy cũng là *dòng văn nghệ chính thống duy nhất*. Và do xuất phát từ lương tâm và lòng nhân ái, *văn nghệ chính thống đời nào cũng là văn nghệ phản kháng*. Chúng ta không có gì phải lo lắng cho dòng văn nghệ ấy vì một lý do giản dị là *chưa hề xảy ra bao giờ* trong đời sống nhân văn của nhân loại hay của dân tộc *sự bế tắc của lương tâm với lòng nhân ái.* Riêng với văn nghệ Việt Nam, không phân biệt trong nước hay ngoài nước - như một bằng chứng sinh động cho những điều tôi vừa viết trên đây - xin mời các bạn đọc kỹ tập thơ Thường Quán.

CHÂN PHƯƠNG

(Cambridge, cuối năm 1991)

---

* Ngoài Giấc Ngủ, *thơ Thường Quán. Văn Nghệ xuất bản, California, USA, 1990. Bìa Lê Thành Nhơn, Phụ bản tác giả, giá 11 Mỹ kim.*



GIÁNG VÂN

viết cho nỗi khổ của tôi

Bằng đôi chân bé nhỏ của mình em chạy trên thế gian
tìm niềm vui mang về cho anh
Nhưng mãi mãi mắt anh nhìn xa vắng
Mọi con đường chìm dưới bước chân
Anh đi cô độc âm thầm

Hãy dừng người ơi
Yên tĩnh bên em
Nếu anh không cần những niềm vui em đã cố công mang về
Em sẽ ru anh bằng bao nhiêu buồn khổ
Em sẽ lặn lội về tuổi thơ của mình
Hái cho anh những chùm me đất tím
Tìm cho anh một sợi rơm vàng
Buộc được những giấc mơ cổ tích

Hãy dừng người ơi
Để cặp mắt anh dừng trên mặt em
Anh sẽ thấy nỗi sầu của anh trong mắt em phản chiếu
Tình em nặng biết bao nhiêu
Em sẽ chết mất nếu không người san sẻ

Hãy dừng người ơi
Bởi trên thế gian này
Không ai cần anh như em
Và cũng chẳng ai yêu anh hơn thế.

GIÁNG VÂN



giới thiệu sách mới

Hai tháng đầu của năm 1992, nhịp độ xuất bản bỗng dừng lại, số lượng tác phẩm do văn hữu và tác giả gởi về rất ít. Tuy nhiên, đáp ứng yêu cầu của nhiều độc giả, chúng tôi đã cố gắng tìm kiếm những tác phẩm vừa ra đời trong chu kỳ phát hành của Hợp Lưu, để giới thiệu đến bạn đọc.

HOA XUYÊN TUYẾT, hồi ký của Bùi Tín, Nhân Quyền xuất bản, 388 trang, giá 16 Mỹ Kim.

Đại tá Bùi Tín, nguyên phó biên tập nhật báo Nhân Dân, trách nhiệm biên tập tờ Nhân Dân Chủ Nhật, từng tham dự Ủy Ban Quân Sự Bốn Bên thời kỳ thi hành Hiệp Định Paris, cũng là người vừa bị khai trừ khỏi Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 3 năm 1991 sau tròn 45 năm đảng vì đã kêu gọi cải cách dân chủ cho Việt Nam. Ông là tác giả bản "Kiến Nghị Của Một Công Dân" phổ biến tháng 11/1990 tại Paris, và được đài phát thanh BBC phỏng vấn trong 12 tuần lễ liên tiếp. Bùi Tín là nhân vật cao cấp nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chính thức chủ trương dân chủ đa nguyên cho Việt Nam, đã góp mặt trong vận động của Nhóm Thông Luận ở Paris nhằm lấy năm 1992 làm năm cả nước xuống đường đòi hỏi đa nguyên.

HOA XUYÊN TUYẾT là tác phẩm thứ chín của ông. Bằng một giọng văn điềm tĩnh, trách nhiệm, cân nhắc, đầy cảm xúc và rất ít đề cập đến đời tư, Bùi Tín đã ghi lại cuộc đời ông, những nhận xét của ông về chế độ, đồng thời đánh giá các nhân vật lãnh đạo chính yếu như các ông Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Trần Xuân Bách, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Hồng Hà. Cách nhìn của ông cởi mở, khách quan, ngay cả khi nói đến hai mối tình thời thanh niên của Hồ Chí Minh, đã đề nghị nên xem đó là hai kỷ niệm thơ mộng, và đã phê phán hành động

cách chức Tổng Biên Tập báo Tuổi Trẻ vì đã phổ biến một lá thư tình của ông Hồ. Trong phần này, người đọc biết được nhiều sự thật chưa được tiết lộ về nội bộ cấp lãnh đạo chế độ.

Bùi Tín ghi lại những nét chủ yếu qua nửa thế kỷ sóng gió của dân tộc và tìm thấy ba bài học lớn. Thứ nhất: dân tộc Việt Nam phải tự giải quyết vận mệnh đất nước mình (trang 71). Thứ hai: trong cuộc sống cộng đồng dân tộc cũng như giữa mọi người dân, phải tôn trọng lẽ công bằng, sự chân thật. Bất công và lừa dối là hai tai ương khủng khiếp (Trang 72-75), *Điềm tĩnh nhìn lại những ngày tháng và những cơ quan tôi đã sống và trải qua, tôi bỗng thấy rợn cả người. Biết bao giá trị chân chính, lương thiện của con người bị nhiễu loạn.* Bài học thứ ba là: *Một chế độ coi thường chất xám, coi thường trí tuệ và những kinh nghiệm quý của thế giới, tự cho là hiểu hết, biết hết rồi, lại không có tình nghĩa, không có lòng yêu thương, thì chế độ ấy sẽ khô cứng dần, gây nên vô vàn bất công và đau khổ cho con người.* (Trang 75).

Cuối cùng, Bùi Tín đề nghị những giải pháp có thể đưa Việt Nam vượt qua khủng hoảng để cùng tiến với các nước khác như: Công nhận quyền sở hữu ruộng đất và tư liệu sản xuất; Đổi mới kinh tế phải đi cùng với đổi mới chính trị (trang 300); Phê phán chính sách cải tạo áp dụng ở Miền Nam sau 1975; Tấn công lập luận của Đại Hội 7 "phải ổn định bằng mọi giá" là chậm tiến về chính trị, cản trở đổi mới kinh tế, ngược lại khát vọng của nhân dân (trang 301); Phê phán chuyên chính vô sản và đề cao chủ trương dân chủ đa nguyên đa đảng (trang 305-319); Và phải có tự do bầu cử để nhân dân quyết định vận mệnh của dân tộc. (trang 323).

Đánh giá chung, đây là một cuốn hồi ký cảm động, điềm tĩnh, phê phán có trách nhiệm của một người có cơ hội trải qua và tham dự vào những biến cố lớn của dân tộc.

Có vài sơ sót cần ghi nhận:

- Theo bản tin Chữ Bá Anh: vài hình chụp kèm chú thích không do tác giả chọn lựa mà do chính nhóm xuất bản đưa vào. Việc làm thiếu cẩn trọng này rất không nên, nhất là đối với một cuốn hồi ký.

- Lỗi chính tả quá nhiều. Ngay trang bìa sau, chỉ trên hai mươi dòng, đã có hàng... vài chục lỗi! Nếu cuốn sách được tái bản, đề nghị cần coi sóc lại phần kỹ thuật.

Được biết các bản dịch tiếng Anh và Pháp sẽ phát hành nay mai.

TÌNH CA QUÊ HƯƠNG, thơ Huỳnh Mạnh Tiên, Bìa, minh họa: Ca Lê Thắng, nhà xuất bản Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tác giả hiện sống tại Pháp. Tập thơ (có lẽ) được phát hành rộng rãi ở Việt Nam. Trong lời tựa, Chim Trắng viết:

Hơn ba mươi bài thơ, phần lớn thể loại "tức cảnh sinh tình", chất liệu từ cuộc đời, từ thiên nhiên - bài được - có, bài - còn một số điều phải nói với nhau, nhưng trên cốt lõi tôi hết sức trân trọng, đó là tấm lòng của tác giả, tấm lòng của đứa con xa quê hương luôn hướng về Tổ quốc - Tấm lòng ấy, tự rung lên bằng một giọng điệu trữ tình, man mác những kỷ niệm, những hình ảnh tưởng như rất nhỏ nhoi nhưng chân thành biết bao.

Độc giả muốn có thi phẩm này, xin liên lạc: Docteur Nguyen Hoang Sang, 224, av. du Maine Paris 14e.

NGUYỄN VĂN TRUNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÔNG GIÁO BẠN TÔI, hồi ký của Thế Uyên, tạp chí Tin Nhà, Paris xuất bản như phụ bản của Tin Nhà số 4, hè 1991. 20 trang khổ lớn, không đề giá bán. Được biết hồi ký trên đã gặp khó khăn trong việc đăng tải ở Hoa Kỳ trước đây, và sẽ được in trong "Nghĩ Trong Mùa Xuân" do Xuân Thu xuất bản đầu năm 1992.

MẢNH ĐẤT LẮM NGƯỜI NHIỀU MA, truyện dài Nguyễn Khắc Trường, bìa Khánh Trường, Hồng Lĩnh tái bản lần thứ nhất tại California, Hoa Kỳ. 460 trang, đề giá 14 Mỹ Kim.

Là một tác phẩm viết về nông thôn miền Bắc Việt Nam, *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* đã cho thấy thêm nhiều hiện tượng đổi thay ngấm ngầm đang nảy sinh và tồn tại giữa những người nông dân và nếp sống của họ. Vấn đề ruộng đất mà từ bấy lâu vẫn thường được xem như một vấn đề chủ yếu ở nông thôn thì nay đã không còn giữ vị trí hàng đầu nữa, một khi sự thay đổi đã xảy đến cả trên bình diện ý thức và sinh hoạt xã hội. Tác giả đã nhìn thấy những nguyên nhân sâu xa và là nền tảng phát sinh mọi tệ nạn ở nông thôn hiện thời: đó là vấn đề dòng họ và phe phái. Chính những nguyên nhân này đã tạo ra biết bao tệ nạn khác như tham ô, cửa quyền, hống hách, đạo đức suy đồi.

Với những tình tiết được sử dụng chặt chẽ, với những cái chết khác thường xem kẽ một vài mối tình say đắm, ngang trái, trọn cuốn tiểu thuyết xoay quanh cuộc tranh chấp tàn bạo giữa hai dòng họ lâu đời và có quyền lực nhất trong một làng quê. Chính những dòng họ này, ngày

nay, qua đám con cháu đã trở thành những đảng viên, cán bộ, vẫn tiếp tục va chạm nhau trong những mâu thuẫn sinh tử, đã dùng mọi thủ đoạn, mưu mô để đạt những vị trí quyền lực như các chức vụ bí thư, chủ tịch...

Qua *Mảnh Đất Lắm người Nhiều Ma*, Nguyễn Khắc Trường muốn dựng lại cái bầu khí ảm đạm đặc biệt của đời sống nông thôn miền Bắc, nơi người lương thiện nhân hậu và bọn lưu manh độc ác chen vai thích cánh sống lẫn lộn bên nhau. Lòng mê tín cũng được sử dụng như một phương tiện để đạt mục đích xấu xa. Chính trong đấu trường man rợ này, người hiền lành vô tội thì vong mạng, kẻ trung thực tỉnh táo thì bị cô lập lẻ loi. Những biến cố lớn trong truyện có thể làm người đọc thảng thốt vì tính chất man dã, sơ khai lồng trong những mưu toan thủ đoạn nhẫn tâm và hiện đại.

Đây là một trong ba cuốn tiểu thuyết được giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam năm 1991. Hai cuốn kia là: Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh và Bến Không Chồng của Dương Hướng.

NỖI BUỒN CHIẾN TRANH, truyện dài Bảo Ninh, Bìa Đinh Cường, Hồng Lĩnh tái bản lần thứ nhất tại California, Hoa Kỳ.

"*Nỗi Buồn Chiến Tranh*" phản ảnh trung thực tâm trạng của một người đã đi qua chiến tranh, vào cái thời điểm cực kỳ sôi bỏng của cuộc chiến ba mươi năm. Anh ta đã sống, đã bao phen cận kề nỗi chết, đã nhiều lúc rơi xuống đáy cùng của tuyệt vọng, khổ đau, để rồi ngày nay băn khoăn đặt lại vấn đề: "Phải chăng sự hy sinh của những thanh niên Việt Nam trong cuộc chiến ba mươi năm do Cộng sản Hà Nội chủ xướng là những sự hy sinh phi lý?" (David Ignatius, Washington Post ngày 12.11.1991).

Tác giả nói: *Tôi viết cuốn sách này vì hầu hết các sách khác viết về cuộc chiến không đầy đủ. Tôi bực mình vì các sách đó chỉ quảng cáo về cuộc chiến, chỉ chú trọng về sự can đảm và tình đồng chí giữa các chiến sĩ. Hầu hết các binh sĩ nghĩ rằng họ chiến đấu để có công bằng xã hội, có dân chủ tự do và tái thiết quốc gia. Nhưng sau mười sáu năm những bức tranh đẹp này ít có gì hiện thực. Hầu hết các chiến sĩ đều chán nản và bất mãn...*"

Bằng một bút pháp nóng bỏng, một văn phong dữ dội, một bố cục tân kỳ, và với những tình tiết trái ngang, những sự kiện cực cùng tàn bạo... tác giả đã dẫn chúng ta qua hơn ba trăm trang sách, theo chân một người lính Bắc Việt ra đi đánh Mỹ vào đầu thập niên 70, trải qua hàng

trăm cảnh tượng ngập ngụa máu tanh, cùng bao nhiêu chia lìa, đổ vỡ... để rồi rốt cuộc trở về như một người mất tất cả: tình yêu, những người thân, tuổi trẻ, kể cả lý tưởng "giải phóng miền Nam"!

"*Nỗi Buồn Chiến Tranh*" có lẽ là một trong những cuốn sách đáng chú ý nhất của văn chương Việt Nam đương đại. Nó giống như một cơn ác mộng: Bỏ sách xuống, người đọc vẫn còn bàng hoàng, thảng thốt. Vẫn hiển hiện trong đầu hình ảnh những thây người nát bấy máu me, những chuỗi âm thanh gầm rú của bom đạn, và những tiếng gào kêu hấp hối của hàng vạn sinh linh. Cuốn sách là bản cáo trạng hùng hồn lên án nặng nề sự tàn bạo, phi nhân và phi lý cùng cực của chiến tranh.

VĂN LANG SỐ 2, tháng 12, 1991, tập san nghiên cứu Việt học, chủ trương: nhà xuất bản Văn Nghệ và An Tiêm, chủ biên: Nguyễn Mộng Giác, ấn hành mỗi năm hai lần, 244 trang, đề giá 10 Mỹ kim. Gồm các bài viết của Như Hạnh (Trần Thái Tông và Khóa Hư Lục) Nguyễn Thế Anh (Cải cách thể lệ điền thổ năn 1875), Tạ Chí Đại Trường (Về dấu vết thủy lợi sử dụng chất liệu đá xếp ở vùng Gio Linh, Quảng Trị) Trần Văn Tích (Bệnh tật trong văn thơ), Thế Uyên (Truyện ngắn quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam: "Thầy Lazaro Phiền"), Trần Hồng Kiên (Bộ vì trong kiến trúc cổ Việt Nam), Nguyễn Thuyết Phong (Lễ nhạc Phật Giáo qua lăng kính âm nhạc dân tộc), Đoàn Nhật Tấn (Vần trong tiếng Việt), Nguyễn Xuân Nghĩa (Từ kinh tế Cộng sản sang kinh tế tự do, nhu cầu của chủ nghĩa quốc gia mới trong thế giới liên lập), Xuân Phúc (Điểm sách: "Kinh Dịch, đạo của người quân tử"), Nguyễn Khắc Kham (Tài liệu: nhân đọc loạt bài "Nguồn gốc Hoa Tiên Ký")...

Văn Lang có lẽ là tập san duy nhất chuyên về biên khảo và nghiên cứu tại hải ngoại. Trong tình trạng sách báo đình trệ như hiện nay, đa số những tờ báo đứng đắn, không chạy theo thị hiếu dung tục của quần chúng, đều sống bằng "tài trợ" của những người chủ trương. Cho nên việc làm của hai nhà xuất bản An Tiêm và Văn Nghệ là một hy sinh rất đáng được ca ngợi. Bởi lẽ, với bài vở nặng tính chất "bác học" như Văn Lang, chúng ta có thể dễ dàng "thấy" được số lượng độc giả hạn chế của nó, để từ đó "thấy" thêm: muốn tờ báo tiếp tục tồn tại, những người chủ trương ắt phải "tiếp huyết" dài dài.

MỘT TRANG ĐỜI, tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến, bìa Đinh Cường, An Tiêm xuất bản, 246 trang, giá 11 Mỹ kim.

Là tác phẩm thứ hai sau *Mùa Hè, Một Nơi Khác* (tập truyện, Văn Nghệ, 1987), gồm mười truyện ngắn: *Ngày Xưa - Một Trang Đời - Nắng Mưa Là Bệnh Của Trời - Trèo Lên Trái Núi - Đêm Kể Chuyện - Chuyện Tử Sinh - Lấy Nhau Chẳng Đặng - Thứ Bảy, Xóm Tàu, Xóm Việt - Giương Cung Bắn Nhạn - Người Lặng Im* và *Và Tôi Nói Bâng Quơ.*

"Trong truyện ngắn *Trèo Lên Trái Núi*, Phan Thị Trọng Tuyến nhận xét: *Chuyện gì cũng vậy, đủ thời gian và khoảng cách để ngó lại, đều có vẻ khôi hài, phù du*. Có lẽ đó là nét chung của tất cả truyện ngắn trong tập truyện *Một Trang Đời.*

Sống ở ngoài quê hương, hằng ngày nhận được những tin không vui từ bà con bằng hữu, đáng lẽ Phan Thị Trọng Tuyến phải ôm ấp nâng niu những kỷ niệm như món quà quí giá cho đời mình, thơ mộng hóa thời thơ ấu, trân trọng lật giở từng trang lưu bút. tác giả không theo lối mòn nhiều người cầm bút hiện nay đã đi. Bằng cái nhìn thân ái, bằng óc châm biếm thông minh, tác giả viết về quê hương, bằng hữu với cái giọng khôi hài đôn hậu, say mê tận cùng mà cũng tỉnh táo sáng suốt tận cùng.

Nhờ say mê mà từng nhân vật, từng khung cảnh, từng câu chuyện đều hiển hiện sống động, đẹp đẽ, đa dạng, mỗi trang đời có một đặc sắc riêng.

Nhờ tỉnh táo, Phan Thị Trọng Tuyến truyền được vào từng *trang đời riêng* cái *chung* của cuộc nhân sinh: cái phù du đòi đoạn, cái bất trắc xót xa." (Nhà xuất bản).

Vào những ngày cuối cùng của một năm cũ sắp qua, sau 365 ngày vật lộn với áo cơm, trực diện với bao nhiêu "tang hải" ngoài xã hội, và có thể, trong mỗi chúng ta, độc giả rất nên đọc "Một Trang Đời", để tìm lại cho mình những kỷ niệm êm đềm, những buồn vui sâu lắng thấp thoáng đâu đó trong mỗi tâm hồn người Việt xa xứ, qua hình ảnh của quê hương, của bằng hữu, của tình yêu; để thấy, dẫu thế nào, cuộc đời vẫn rất đáng yêu, và mỗi "trang đời" vẫn ăm ắp chất thơ.

"*Một Trang Đời*" là món quà thứ nhì Phan Thị Trọng Tuyến ưu ái gởi tới chúng ta, thay lời chúc đầu xuân. ●



với văn hữu và bạn đọc

Lưu ý các văn hữu: Để tránh tình trạng một sáng tác cùng xuất hiện trên nhiều báo, bài gởi cho HL. xin đừng gởi cho báo khác.

Bà Trần Nguyệt Hạnh (CA): Bà có thể đặt mua dài hạn hoặc tìm mua từng số ở các nhà sách gần khu vực cư ngụ. Hợp Lưu phát hành khắp thế giới. Rất tiếc số trang dành cho cho mục này có hạn, không thể trả lời hết ý câu hỏi của bà. Chỉ xin vắn tắt: Những ai còn cầm bút, còn thiết tha quan tâm đến văn chương nghệ thuật nước nhà, đều buộc phải chọn cho mình một thái độ. Thái độ đó đôi khi mang đến ngộ nhận. Cách này hay cách khác, cũng là một hình thức hy sinh. Nhà văn Nhật Tiến trong mấy năm vừa qua là ví dụ. Bà yên tâm, Hợp Lưu xem những phản ứng kia như lớp mụn trứng cá trên khuôn mặt một thanh niên dậy thì. Nó chứng tỏ cái sinh lực ngồn ngộn của tuổi trẻ, và chứng tỏ chỉ trong xã hội tự do, người cầm bút mới có thể công khai bày tỏ quan điểm, suy nghĩ của mình. Còn chuyện đúng sai, phải trái độc giả thừa khả năng để thẩm định. Dùng hỏa mù, bóp méo sự thật, sách động hô hào nhăng nhít... theo chúng tôi nghĩ, là một hình thức xem thường người đọc. Qua hai số báo, hẳn bà đã nhìn thấy thiện chí của chúng tôi. Kính.

Anh Huỳnh Hữu Ủy (TX): Chẳng riêng gì anh mới có nhận xét về tình hình báo chí hải ngoại như thế đâu. Gần đây, giám đốc một nhà sách và xuất bản lớn nhất miền Nam Việt Nam trước bảy lăm vừa đến Mỹ (sau phá sản, tù tội và trăm cay nghìn đắng khác), cũng lắc đầu ngao ngán.

Xét cho cùng, không trách được, có người một sớm một chiều mất hết tất cả; có người vợ con cha mẹ rơi vào tay hải tặc hay chìm sâu dưới đáy đại dương; có người sau mười sáu năm vẫn còn lang thang vất vưởng quê người... Những dấu ấn đau thương đó in hằn trong tâm não, chẳng dễ gì xóa quên. Rất ít ai đủ bình tâm và sáng suốt để vượt qua thảm kịch cá nhân hầu có được một cái nhìn khách quan, trung thực. Anh sống thêm một thời gian nữa, tại đây, sẽ hiểu rõ vấn đề hơn. TYT đã đóng gói và gởi những số VH anh cần từ lâu. Thân mến.

Anh Đinh Cường (VA): Anh tha thứ cho cái lỗi quá nặng ở ngay nhan bài thơ, cùng hàng... trăm lỗi nữa rải rác khắp 224 trang báo! Vừa từ bên kia về đã bị chìm ngập dưới một núi việc. Việc riêng để kiếm cơm (vẽ bìa sách, vẽ tranh, trình bày băng nhạc...) cộng với việc chung của anh em bên Văn Học, và Hợp Lưu (Đọc, chọn, đánh máy, viết, lay-out, mang đến nhà in, chở về, vô bao bì, dán tem, khuân ra bưu điện, trả lời thư riêng... Một mình một ngựa!). Anh nghĩ xem, một ngày có 24 giờ, trừ ăn ngủ và... nhậu, e rằng phải mọc thêm hai ba cánh tay nữa mới mong chu toàn nổi! Anh ĐT. "treo giải": nếu bài viết của anh ấy chỉ sai dưới 5 lỗi, ảnh sẽ mất một chai Cognac, nghe ham mà vẫn chẳng cách nào giật được giải! Nói vậy cốt gỡ bớt tội! Thật ra, sự cẩu thả thì khó lòng tha thứ, nhất là cẩu thả với chữ nghĩa. Chỉ còn biết hứa với anh và độc giả sẽ cố gắng hơn nữa. Sẽ sử dụng dần những cái "thử cọ" anh cho. Mẫu bìa "Thơ Quỳnh" của HXS đẹp lắm, đang xúc tiến in. Thân mến.

Anh Triều Hoa Đại (FLA.): Đã nhận thư, bài và chi phiếu. Tiếp tay thiết thực nhất của bạn đọc và văn hữu là giới thiệu rộng rãi Hợp Lưu đến bạn bè quen biết. Vậy thôi. Cả hai ông gốc miền Trung kia tôi đều đã có hân hạnh được diện kiến. Một vị ngày tôi về binh chủng ND thì ông ta chuẩn bị ra bộ binh vì tội... "quậy". Một vị, sau 75 gặp tại nhà Vĩnh Tân (Sâm Thương). Thuở nhỏ tôi khoái "chất lửa" trong văn của ông trước, và mê thơ của ông sau lắm lắm. "*Chúng ta sống bằng máu người đã chết / Người nối người dĩ vãng nối tương lai...*" Mấy mươi năm mà hai câu thơ vẫn đọng mãi trong lòng. Mong có dịp gặp để hàn huyên chuyện "nẫu", chuyện "văn nghệ". Tập thơ bao giờ ra lò? Cần gì thêm cho hình thức, cứ viết vài dòng, sẽ "tuân lệnh" ngay. Thân mến.

Anh Nguyễn Công Kha (Houston, TX): Cũng như ngoài thực tế, hầu hết những tờ báo "hung hăng con bọ xít" nhất đều là của những vị hoặc

"hoãn dịch vì lý do sức khỏe, gia cảnh", hoặc nếu có cầm súng cũng chỉ cầm qua quít ở quân trường, hoặc có đi học tập thì cũng đôi ba ngày tượng trưng, và nhất là đa số đều nhanh chân "dzọt" lẹ trước tháng tư 75. Ngược lại, cái bọn... ôn hòa và đánh đấm thiếu sân si nhất, lạ thay, lại chưa bao giờ trốn lính, đào ngũ hay ngồi chơi xơi nước ở văn phòng, và nhất là đều từng đi cải tạo mút chỉ! Chuyện ngược đời này phải giải thích làm sao? Sự hung hăng của các vị đó là một cách để vuốt ve mặc cảm? Hay "thùng rỗng kêu to"? Hay "quậy" cho "có vấn đề" để gây chú ý của dư luận hầu có thêm quảng cáo và bán được nhiều báo? Không biết! Cảm ơn cái chi phiếu mua báo dài hạn "giá gấp hai rưỡi". Trên thị trường chữ nghĩa hiện nay, "thơ" gần như không bán được. Thích, in chơi để tặng bạn bè, chứ "lấy lại vốn" thì... tết Công-gô! Đó là sự thật. Sẽ có thư riêng về việc ấy. Kính.

Ông Lê Hữu Quang Minh (Đức): Chúng tôi cố tình như thế. Đến một lúc nào đó, lằn ranh "trong" và "ngoài" - giữa những người làm văn học nghệ thuật thực sự - phải được xóa bỏ. Hiện nay, chúng tôi cũng đã lai rai nhận được nhiều bài viết gởi trực tiếp từ trong nước ra, tuy nhiên, vì lý do an ninh của những vị đó, chúng tôi chưa tiện công bố hoặc phải đổi bút hiệu. Ông đừng lo: Không phải chúng tôi "nhịn", mà là không đáng để quan tâm. Ý kiến của ông rất hay, chúng tôi sẽ bàn thảo kỹ và sẽ thực hiện. Thân kính.

Cháu Tôn Nữ Diệu Thanh (CA): Cảm ơn cách giải quyết về đoạn kết của cái truyện ngắn đó. Nhưng mà... cuộc đời thì quanh co lắm, và nhất là lòng người - nói chung - cũng không giản dị như hai phép tính cộng trừ. Cho nên, để xem. Nhiều độc giả cũng thích mục "Giới Thiệu Sánh Mới" như cháu. HL chỉ làm công việc giới thiệu, hầu giúp những độc giả ở xa, hoặc không có thì giờ lui tới thường xuyên các nhà sách, nắm được khái quát tình hình xuất bản trong chu kỳ hai tháng của tập san. Tòa soạn đứng ở vị trí khách quan, việc đánh giá tác phẩm, nêu được cái hay, tìm ra cái dở là của những nhà phê bình và của người thưởng ngoạn. Đừng lầm "giới thiệu" với điểm, đọc, phê bình sách. Chúc cháu vui. Thân mến.

Anh Thường Quán (Úc): Cái việc kia, trên nguyên tắc coi như xong. Anh xúc tiến gop góp ở bển hộ, bên này, PVC, CP sẽ lo. Bao giờ cảm thấy OK thì gởi sang, cũng nhớ xin một hai phụ bản của các họa sĩ hiện đang

sinh sống tại Úc châu cho thêm phần "gồ ghề". Anh em rất lấy làm "phấn khởi", dù rằng món hàng chúng ta sắp bày bán vốn đã đang và sẽ... ế nhệ, nhưng "ta không vào địa ngục thì còn ai?" Thôi thì... cắn răng vậy, cũng mong sau mười sáu năm lưu lạc, "cái đó" sẽ được xem như một dấu mốc. Thân mến.

Ông Huỳnh Mạnh Tiên (Paris): Cảm ơn tập thơ ông gởi tặng, đã giới thiệu trong mục "GTSM" số này, đồng thời đã chuyển bản kèm theo đến nhà thơ NY. Vâng, chuyến sau, sang đó sẽ xin gặp. Mong sẽ có thêm nhiều độc giả nữa qua sự cổ đông của ông. Kính.

Chị Phạm Thị Ngọc (Houston,TX): Cảm ơn "tấm lòng" của chị, nếu ai cũng hào phóng như chị thì HL nhất định sống hùng sống mạnh. Có được cái gì mới, nhớ đừng quên HL. Chừng nào qua CaLi, xin gọi một tiếng. Mong gặp. Thân mến.

Anh Phạm Quang Thùy (Pháp): Hợp Lưu sẽ duy trì mục "Phỏng Vấn" thường xuyên. Dĩ nhiên, như anh thấy, chúng tôi không chỉ phỏng vấn những vị viết văn làm thơ, mà có ý mở rộng đến mọi ngành nghệ thuật khác như hội họa, âm nhạc, điêu khắc, điện ảnh, và nghệ sĩ trình diễn... Việc làm này khá khó nhọc, bởi nếu muốn cho bài phỏng vấn sinh động thì phải tiếp xúc trực tiếp, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, kẻ ngụ trời Âu, người cư xứ Tuyết..., Hợp Lưu lại chẳng giàu có gì để có thể nói chuyện qua đường dây viễn liên vài ba tiếng đồng hồ. Vì vậy đối với những vị ở xa, chúng tôi phải nhờ người tại địa phương đó tiếp tay. Hy vọng qua hai số báo, anh đã thấy được cố gắng của chúng tôi. Thân mến.

Anh Lê Quang Trung (Canada): Có chứ, mỗi kỳ, bằng nhiều cách, đã "xâm nhập" nội địa vào khoảng một đến hai trăm số. Và theo tin tức nhận được: nhờ đài RFI (Radio France International) đã truyền thanh về VN bài phỏng vấn người chủ biên HL, nên hầu hết anh em - cũ cũng như mới - đã biết đến sự hiện diện của tờ báo, rồi truy tìm, chuyền tay nhau đọc. Tựu chung đều rất thích. Bên nhà, khát vọng Hợp Lưu "cháy bỏng" hơn chúng ta nhiều, ngặt một nỗi, quả tạ bạo lực lúc nào cũng treo lơ lửng trên đầu, nên họ đành ẩn nhẫn. Chúng tôi hy vọng ở một tương lai không xa, HL sẽ là diễn đàn chung để mọi người tự do thi thố tài năng. Thân mến.

HỢP LƯU

mục lục

PHÂN ƯU



Chúng tôi nhận được tin
nhà thơ:

LƯU TRỌNG LƯ

đã qua đời ngày 10 tháng 8 năm 1991,
lúc 20 giờ 45 tại Hà Nội, Việt Nam
Xin thành thật chia buồn cùng
anh LƯU TRỌNG VĂN
và gia quyến.
Cầu chúc hương hồn
nhà thơ LƯU TRỌNG LƯ
sớm về cõi Phật



Luật Sư NGUYỄN HỮU LIÊM,
California, Hoa Kỳ

Đã có bán khắp các hiệu sách trên toàn thế giới:

TRẦN DŨ, QUẢNG ĐỜI ĐI QUA

GƯƠNG MỘT NGƯỜI TỊ NẠN VỚI HAI BÀN TAY TRẮNG, TRẢI QUA NHỮNG BIẾN ĐỔI THĂNG TRẦM CỦA CUỘC SỐNG, TRỞ THÀNH MỘT DOANH GIA THÀNH CÔNG TIÊU BIỂU ĐƯỢC NHIỀU CHÍNH KHÁCH TÊN TUỔI HOA KỲ CA NGỢI. CUỐN SÁCH LÀ MỘT TẬP HỢP NHỮNG KINH NGHIỆM TÍCH LŨY TRONG MỘT ĐỜI NGƯỜI. ĐỌC, ĐỂ HIỂU NGUYÊN DO NÀO ĐƯA ÔNG ĐẾN THÀNH CÔNG?



"Quảng đời đi qua"
của Trần Dũ đã chất chứa đầy những thăng trầm kỳ lạ. Mỗi dấu vết để lại từ cuộc chiến sinh tồn ấy đều lấp lánh những chịu đựng, kiên trì, tín nghĩa, thông minh và nhân hậu. Biết sử dụng các vốn đau thương để xây dựng sự nghiệp. Đó là một thứ bí kíp làm người vô cùng quý giá. Đây là một đóng góp tốt cho cuộc đời không phải như một tiểu thuyết mà là một tấm gương sáng chói có thật.

LÂM TƯỜNG DŨ

Đọc sách này, **Trần Dũ** là nhân vật điển hình tiêu biểu cho người tỵ nạn thành công trên đất Mỹ.

NGUYỄN TẤN ĐỜI

Mỗi đời người là một dòng sông, và dòng sông của doanh gia **Trần Dũ** quả có thật nhiều điểm thật đặc biệt để người thế gian chiêm ngưỡng và noi theo.

NGỌC HOÀI PHƯƠNG

Tôi hy vọng hồi ký **Trần Dũ** là một đóng góp tốt vào dòng lớn những kinh nghiệm được đổi trao, những tình yêu được dâng hiến, dòng lớn những hồi ký của đời sống chúng ta hôm nay.

NGUYÊN SA

Bệnh nghèo đôi khi có đem lại sự tủi nhục, nhưng chính sự thiếu thốn là trường đời hay nhất để rèn nghị lực. Nghị lực sẽ biến tủi nhục thành hành động để tiến lên. Cuộc đời của ông **Trần Dũ** là một chứng nghiệm về sức mạnh của nghị lực. Vì chính ông đã nhiều lần chịu đắng cay trong sụp đổ, biết mỉm cười trước nghịch cảnh để tái tạo vươn lên.

LÊ TẤN TRẠNG

Câu chuyện về thương gia **Trần Dũ**, một người tỵ nạn tới nước Mỹ với hai bàn tay trắng nhưng với chí phấn đấu cương quyết, sự làm việc cần mẫn và sức chịu đựng phi thường, đã xây dựng lại được sự nghiệp để trở thành triệu phú, chính là một trong những câu chuyện hào hùng và hấp dẫn nhất được kể lại trong mục "Sinh Hoạt Của Người Tỵ Nạn" trên đài tiếng nói Hoa Kỳ

LÊ VĂN,

CHỦ BIÊN CHƯƠNG TRÌNH VIỆT NGỮ, VOA.

SÁCH TRÌNH BÀY TRANG NHÃ, BÌA MẠ VÀNG. GIÁ BÁN $20 BAO LUÔN CƯỚC PHÍ.

MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN LẠC
LITTLE SAIGON
9822 BOLSA AVE. WESTMINSTER, CA. 92683
TEL: (714) 531-7272



MƯA HỒNG
MUSIC PRODUCTIONS

Toll Free: (800) 927-8143
Tel: (714) 531-7692
Fax: (714) 531-1107

California, ngày 25 tháng 11 năm 1991
Thưa Ông/Bà,

Trung Tâm Sản Xuất & Phát Hành Nhạc MƯA HỒNG xin trân trọng mời Ông/Bà mua các Băng Cassette và CD mới phát hành:

1. MƯA HỒNG 9: Tiếng Hát THÁI CHÂU - "NGƯỜI YÊU DẤU".
2. MƯA HỒNG 10: Tiếng Hát NHÃ PHƯƠNG - "BAO NĂM TA CHỜ EM".
3. MƯA HỒNG CD-3: Tiếng Hát THÁI CHÂU - "NGƯỜI YÊU CÔ ĐƠN".
4. MƯA HỒNG CD-4: THÁI CHÂU HẢI NGOẠI -"TÌNH KHÚC VŨ THÀNH AN".
5. MƯA HỒNG CD-5: Tiếng Hát THÁI CHÂU - "NGƯỜI YÊU DẤU".
6. MƯA HỒNG CD-6: Tiếng Hát THÁI CHÂU - "THUỞ ẤY CÓ EM".
7. MƯA HỒNG CD-7: Tiếng Hát THÁI CHÂU - "LẶNG LẼ NƠI NÀY".
8. MƯA HỒNG CD-8: Tình Ca QUỐC DŨNG: "LỐI THU XƯA".
9. MƯA HỒNG CD-9: Tiếng Hát THÁI CHÂU: "TÌNH HỜ".

Ngoài ra, xin Ông/Bà đặt mua các Băng Cassette và CD vừa phát hành vào đầu tháng 10/1991:

1. MƯA HỒNG 11: Tiếng Hát THÁI CHÂU & CẨM VÂN. Chủ Đề "LẶNG LẼ NƠI NÀY".
2. MƯA HỒNG 12: Tiếng Hát THÁI CHÂU, THANH PHƯƠNG & KIM NGỌC - Chủ Đề "THUỞ ẤY CÓ EM".
3. MỦA HỒNG 13: Tình Ca QUỐC DŨNG - Chủ Đề "LỐI THU XƯA", với tiếng hát BẢO YẾN, NHÃ PHƯƠNG, THANH LAN, LÊ TUẤN & THANH LONG.
4. MƯA HỒNG 14: Tiếng Hát THÁI CHÂU - Chủ Đề "TÌNH HỜ".
5. MƯA HỒNG 15: THÁI CHÂU & BẢO YẾN - "DẠ KHÚC CUỐI"

Xin nhắc lại Trung Tâm MƯA HỒNG đã sản xuất và phát hành đều đặn các cuốn băng nhạc chọn lọc đặc biệt, được thính giả nồng nhiệt khen tặng và hài lòng cả về phẩm chất, kỹ thuật lẫn bài bản. Tất cả các băng này đều đã tái bản lần thứ 2:

1. MƯA HỒNG 1: Tiếng hát THÁI CHÂU "MƯỜI NĂM YÊU EM".
2. MƯA HỒNG 2: Tiếng hát THANH LAN "BUỒN ƠI XIN CHÀO MI".
3. MƯA HỒNG 3: Tiếng hát THÁI CHÂU "ĐOẠN TÁI BÚT".
4. MƯA HỒNG 4: THÁI CHÂU & THANH LAN "NẮNG ĐẸP TÌNH XUÂN".
5. MƯA HỒNG 5: Tiếng hát THANH LAN "TÌNH CA ORPHEÉ".
6. MƯA HỒNG 6: Tiếng hát THÁI CHÂU "NGƯỜI YÊU CÔ ĐƠN".
7. MƯA HỒNG 7: Tiếng hát NHẬT TRƯỜNG "NGƯỜI XA NGƯỜI".
8. MƯA HỒNG 8: Tiếng hát THÁI CHÂU "TÌNH KHÚC VŨ THÀNH AN".
9. MƯA HỒNG CD-1: "MƯỜI NĂM YÊU EM".
10. MƯA HỒNG CD-2: "ĐOẠN TÁI BÚT".

Xin Ông/Bà chỉ nên mua thẳng các băng Cassette và CD MƯA HỒNG trực tiếp với Trung Tâm MƯA HỒNG để tránh các sản phẩm giả mạo hoặc phiền toái về sau. Tất cả các sản phẩm của MƯA HỒNG đều có đăng ký tác quyền.



Nhà Xuất Bản **HỒNG LĨNH**

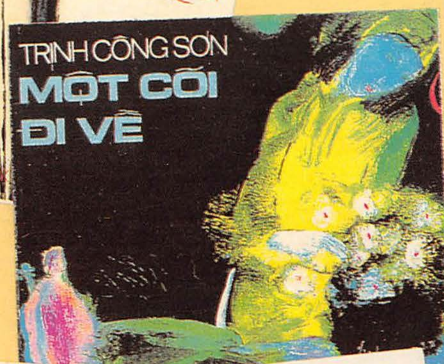
9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA

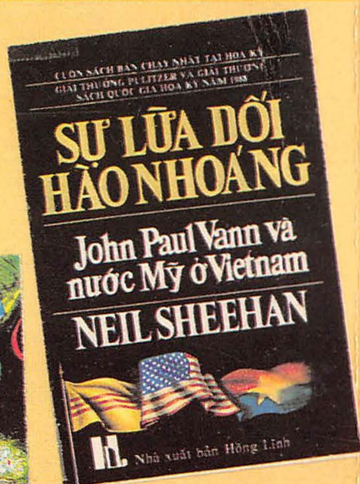
Tel: (714) 531-7223

Fax: (714) 531-1107

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

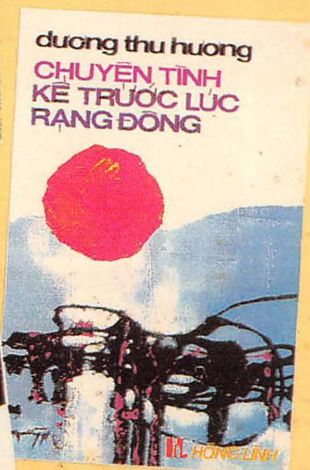












Và các tác phẩm mới phát hành:

- NỖI BUỒN CHIẾN TRANH, truyện dài Bảo Ninh
- BẾN KHÔNG CHỒNG, truyện dài Dương Hướng
- MÊ LỘ, truyện Phạm Thị Hoài

3

Giá $6.00